BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

LỊCH SỬ 11

NÂNG CAO

LỊCH SỬ NÂNG CAO 11

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

timdapan.com

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

PHAN NGỌC LIÊN (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên)
NGUYỄN NGỌC CƠ (đồng Chủ biên)
NGUYỄN HỮU CHÍ - LÊ VINH QUỐC - TRỊNH ĐÌNH TÙNG
NGUYỄN TRỌNG VĂN - TRẦN THỊ VINH

LỊCH SỬ 11

NÂNG CAO

(Tái bản lần thứ hai)

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

timdapan.com

Chịu trách nhiệm xuất bản : Chủ tịch Hội đồng Thành viên kiêm Tổng Giám đốc **NGƯT NGÔ TRẦN ÁI**
Phó Tổng Giám đốc kiêm Tổng biên tập **GS.TS VŨ VĂN HÙNG**

Biên tập lần đầu : **LÊ HỒNG SƠN – LƯU HOA SƠN**
Biên tập tái bản : **NÔNG THỊ HUỆ**
Biên tập kĩ thuật : **HOÀNG MẠNH DỨA**
Trình bày bìa : **LƯU CHÍ ĐỒNG**
Biên vẽ lược đồ : **CÙ ĐỨC NGHĨA**
Sửa bản in : **NGUYỄN VĂN NGUYÊN**
Chế bản : **CÔNG TY CỔ PHẦN MĨ THUẬT VÀ TRUYỀN THÔNG**

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam - Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Sách có sử dụng một số ảnh tư liệu từ : *Lịch sử Cách mạng XHCN tháng Mười Nga vĩ đại ; History of the world in XX century, Volume I (1900 - 1945) ; An introductory History ; Lịch sử thế giới 1917 - 1925 của Xin-ga-po ; Việt Nam - Cuộc chiến 1858 - 1975 ; Đại cương Lịch sử Việt Nam, Tập II... và một số trang web nước ngoài.*

LỊCH SỬ 11 - NÂNG CAO
Mã số : NH115T4

In ..... cuốn, khổ 17 x 24 cm.
In tại Công ti cổ phần in .....
Số đăng kí KHXB : 01 –2014/CXB/590 – 1062/GD.
In xong và nộp lưu chiểu tháng ... năm 2014.

timdapan.com

Phần một

LỊCH SỬ THẾ GIỚI
CẬN ĐẠI

timdapan.com

Chương I

CÁC CUỘC CÁCH MẠNG TƯ SẢN
(Từ giữa thế kỉ XVI đến cuối thế kỉ XVIII)

Bài 1 CÁCH MẠNG HÀ LAN GIỮA THẾ KỈ XVI

Vào giữa thế kỉ XVI, cuộc đấu tranh của nhân dân Nê-đéc-lan[1] chống lại ách thống trị của Vương quốc Tây Ban Nha đã trở thành cuộc cách mạng tư sản đầu tiên, mở đầu một thời đại mới trong lịch sử loài người – thời cận đại.

I – TÌNH HÌNH NÊ-ĐÉC-LAN GIỮA THẾ KỈ XVI

1. Sự phát triển kinh tế của Nê-đéc-lan

Vào cuối thế kỉ XV – đầu thế kỉ XVI, nền sản xuất tư bản chủ nghĩa ra đời ở châu Âu. Vùng đất Nê-đéc-lan lúc bấy giờ có nền kinh tế công thương nghiệp mạnh nhất châu Âu. Sản xuất trong các công trường thủ công phát triển, tiêu biểu là các xưởng nấu đường, làm xà phòng ở An-véc-pen ; dệt vải, luyện kim ở Lu-dơ. Nhiều thành thị trở thành trung tâm sản xuất, thương mại lớn như : Lay-đen, U-trếch, Am-xtéc-đam, An-véc-pen. Nhiều ngân hàng được thành lập và đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế đất nước.

Giai cấp tư sản sớm ra đời, có thế lực về kinh tế như ở Am-xtéc-đam và An-véc-pen. Đồng thời, thợ thủ công và nông dân bị phá sản trở thành công nhân làm thuê trong các công trường thủ công. Tầng lớp thị dân nghèo đông đảo hơn. Xã hội tư bản ở Nê-đéc-lan lúc bấy giờ đã bước đầu hình thành.

? *Những sự kiện nào chứng tỏ kinh tế của Nê-đéc-lan phát triển ?*

(1) Nê-đéc-lan (nghĩa là "vùng đất thấp") : tên gọi vùng đất bao gồm lãnh thổ hai nước Hà Lan và Bỉ ngày nay.

timdapan.com

2. Cuộc đấu tranh của nhân dân Nê-đéc-lan chống ách thống trị Tây Ban Nha

Cuối thế kỉ XV, Nê-đéc-lan còn lệ thuộc Áo, đến thế kỉ XVI lại chịu sự thống trị của Vương triều Tây Ban Nha. Hằng năm, nhân dân Nê-đéc-lan phải nộp thuế bằng 2/5 ngân sách chung (mà diện tích của vùng đất này chỉ bằng 6% tổng số diện tích cả Vương quốc). Vua Tây Ban Nha đàn áp những người chống lại đạo Thiên Chúa (xử chém đàn ông, chôn sống hoặc thiêu chết đàn bà, tịch thu tài sản của những người theo "dị giáo"...). Hàng hoá nhập vào Nê-đéc-lan phải chịu thuế rất cao, thương nhân Nê-đéc-lan bị hạn chế buôn bán với các thuộc địa của Tây Ban Nha.

Các tầng lớp nhân dân Nê-đéc-lan nhiều lần nổi dậy chống ách thống trị của Tây Ban Nha. Họ dùng nhiều hình thức đấu tranh như : sử dụng thơ ca để chế giễu, đả kích nhà thờ Thiên Chúa, đập phá tượng Thánh, vũ trang chống chính quyền phong kiến... Tầng lớp quý tộc lập *Thoả ước quý tộc*, đòi giảm số lượng giám mục, triệu tập hội nghị các đẳng cấp. Giai cấp tư sản cũng lập *Thoả ước thương nhân*, đòi tự do kinh doanh.

Những nguyên nhân nào dẫn tới cuộc đấu tranh của nhân dân Nê-đéc-lan chống chính quyền Tây Ban Nha ?

II – DIỄN BIẾN CỦA CÁCH MẠNG

Cách mạng Hà Lan trải qua 2 giai đoạn :

1. Giai đoạn 1566 - 1572

Tháng 8 – 1566, cuộc đấu tranh của nhân dân Nê-đéc-lan chống Tây Ban Nha trở thành một làn sóng mạnh mẽ. Họ phá nhà thờ Thiên Chúa, lùng bắt các giám mục (gọi là "Phong trào phá tượng Thánh"). Tháng 10 – 1566, phong trào lan rộng ra 12 tỉnh (trong số 27 tỉnh) của Nê-đéc-lan. Chính quyền Tây Ban Nha phải nhượng bộ (các toà án tôn giáo tạm ngừng hoạt động, cho phép đạo Canvanh hành lễ), nhưng vẫn tìm cách đàn áp phong trào đấu tranh của nhân dân Nê-đéc-lan.

Tháng 8 – 1567, 18 000 quân Tây Ban Nha được phái sang chiếm đóng toàn bộ lãnh thổ Nê-đéc-lan. Chúng giết hại nhiều người, cướp bóc, đốt phá khắp nơi.

timdapan.com

Hình 1. *V. Ô-ran-giơ (1533 _ 1584)*

Quý tộc lớp trên của Nê-đéc-lan, được sự giúp đỡ của nước ngoài, lập một đội quân đánh thuê đưa về nước để lật đổ ách thống trị Tây Ban Nha, song bị đánh tan vào năm 1568.

Tuy vậy, cuộc chiến đấu của nhân dân Nê-đéc-lan vẫn tiếp diễn và thu được nhiều thắng lợi. Tháng 4 – 1572, quân khởi nghĩa giải phóng nhiều vùng rộng lớn ở miền Bắc. Một số quý tộc tư sản hoá ở Nê-đéc-lan, đứng đầu là Vin-hem Ô-ran-giơ, tham gia quân khởi nghĩa chống Tây Ban Nha và tìm cách giành quyền lãnh đạo phong trào đấu tranh.

? *Những sự kiện nào thể hiện thái độ của nhân dân lao động, quý tộc, tư sản Nê-đéc-lan trong cuộc đấu tranh chống chính quyền Tây Ban Nha để giải phóng đất nước ?*

2. Giai đoạn 1572 - 1648

Vương triều Tây Ban Nha tiếp tục điều quân sang Nê-đéc-lan để cướp phá, giết hại nhân dân. Tiêu biểu là vụ đốt cháy thành An-véc-pen ngày 4 – 11 – 1576, làm nhiều người chết, một trung tâm thương mại bị phá huỷ.

Nhân dân Nê-đéc-lan thành lập Uỷ ban Quản lí xã hội, gồm đa số đại biểu là tư sản và bình dân, để thống nhất các lực lượng kháng chiến và quy định chế độ thuế. Họ đấu tranh chống khuynh hướng thoả hiệp, đầu hàng của quý tộc và tư sản lớp trên – những người chủ trương tin phục vua Tây Ban Nha.

Ngày 23 – 1 – 1579, đại biểu các tỉnh miền Bắc Nê-đéc-lan họp ở U-trếch, tuyên bố thống nhất hệ thống tiền tệ, đo lường, tổ chức quân sự, xác định chính sách đối ngoại. Đạo Canvanh được công nhận là quốc giáo, quyền tự do tín ngưỡng được tôn trọng. Tháng 7 – 1581, vua Tây Ban Nha Phi-líp II với tư cách đồng thời là vua Nê-đéc-lan bị phế truất. Hội nghị Các đẳng cấp của những tỉnh miền Bắc trở thành cơ quan quyền lực tối cao. Trên thực tế, các tỉnh này trở thành một nước cộng hoà với tên gọi chính thức là *Các tỉnh Liên hiệp* hay *Hà Lan* (tên một tỉnh có vai trò quan trọng nhất trong Các tỉnh Liên hiệp) và Thủ đô là Am-xtéc-đam.

timdapan.com

Việc thành lập Các tỉnh Liên hiệp đánh dấu bước thắng lợi của cuộc đấu tranh lâu dài chống sự thống trị của chính quyền phong kiến Tây Ban Nha. Nhưng chính quyền Tây Ban Nha chưa chịu công nhận Hà Lan và cuộc chiến tranh lại tiếp diễn. Năm 1609, Hiệp định đình chiến được kí kết, nhưng mãi đến năm 1648, Tây Ban Nha mới chính thức công nhận nền độc lập của Các tỉnh Liên hiệp.

? *Trình bày những nét chính về diễn biến của Cách mạng Hà Lan qua các giai đoạn.*

III – KẾT QUẢ VÀ Ý NGHĨA LỊCH SỬ

1. Kết quả

Cách mạng Hà Lan thắng lợi, chế độ thống trị của phong kiến Tây Ban Nha ở Nê-đéc-lan bị lật đổ, mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển. Việc sản xuất trong các ngành nghề dệt len, dệt vải, nhuộm, in, thuỷ tinh và chế tạo kính quang học... được đẩy mạnh. Thương nghiệp phát triển, nhiều tàu thuyền của Các tỉnh Liên hiệp hoạt động nhộn nhịp trong và ngoài nước. Vào đầu thế kỉ XVII, Am-xtéc-đam có đến 10 vạn dân, tiếp nhận hàng nghìn tàu thuyền thường xuyên ra vào cảng, buôn bán với các nước Anh, Pháp, Nga, Ấn Độ... Các công ti thương mại của Hà Lan như : "Công ti Phương Đông", "Công ti Đông Ấn"... không chỉ mở rộng việc buôn bán với nhiều nước trên thế giới mà còn tiến hành việc xâm chiếm thuộc địa. In-đô-nê-xi-a trở thành thuộc địa lớn nhất của Hà Lan.

Hình 2. *Một góc hải cảng Am-xtéc-đam thế kỉ XVII*

2. Ý nghĩa

Cuộc đấu tranh của nhân dân Nê-đéc-lan chống ách thống trị củaVương triều Tây Ban Nha là một cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc, đồng thời cũng là cuộc cách mạng tư sản đầu tiên trên thế giới, mở đầu thời đại mới – thời cận đại – với sự thắng lợi của chủ nghĩa tư bản đối với chế độ phong kiến.

timdapan.com

Động lực chủ yếu của cách mạng là quần chúng nhân dân (nông dân, thợ thủ công, thị dân nghèo) ; giai cấp tư sản là lực lượng lãnh đạo, chính quyền thuộc về tay giai cấp tư sản liên kết với quý tộc. Tuy mới chỉ giải phóng được các tỉnh miền Bắc, còn duy trì nhiều tàn tích phong kiến, nhưng một quốc gia độc lập đã ra đời và phát triển theo con đường tư bản chủ nghĩa.

? *Nêu kết quả và hạn chế của Cách mạng Hà Lan.*

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. Quan sát hình 2 và nêu những biểu hiện chứng tỏ sự phát triển kinh tế của hải cảng Am-xtéc-đam vào thế kỉ XVII.
2. Vì sao cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân Nê-đéc-lan được xem là cuộc cách mạng tư sản ?

PHẦN ĐỌC THÊM

Chính quyền Tây Ban Nha đàn áp những người yêu nước Nê-đéc-lan

Bất cứ ai, dù là tư sản, quý tộc hay bình dân ở Nê-đéc-lan, nếu chống lại Cựu giáo là bị tử hình. Đàn ông thì bị chặt đầu hay treo cổ, đàn bà thì bị chôn sống mà không cần xét xử, điều tra ; toàn bộ tài sản bị tịch thu... Tội ác của bọn xâm lược ngày càng chồng chất : "Hội đồng máu" của viên tướng An-va đã xét xử 15 000 người, kết tội 10 000 người, xử chém hơn 1 000 người.

(Theo : Phan Ngọc Liên (Chủ biên), *Hà Lan. Đất nước _ Con người _ Lịch sử*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, H., 1999, tr. 98)

Tuyên bố của Đồng minh U-trếch (1579)

...

– Cơ quan quyền lực cao nhất của Đồng minh là Hội nghị Ba cấp gồm đại biểu các tỉnh, có quyền quyết định những công việc quan trọng như tuyên chiến, đình chiến, kí hoà ước, ban hành pháp luật và chế độ thuế khoá.

– Thống nhất hệ thống tiền tệ, đo lường, tổ chức quân sự và chính sách đối ngoại.

– Theo đạo Canvanh, nhưng vẫn đảm bảo cho người dân được tự do tín ngưỡng.

(Theo : Vũ Dương Ninh (Chủ biên), *Lịch sử văn minh nhân loại*, NXB Giáo dục, H., 1997, tr. 160 – 161)

timdapan.com

Bài 2 CUỘC CÁCH MẠNG TƯ SẢN ANH GIỮA THẾ KỈ XVII

Sau cách mạng Hà Lan gần một thế kỉ, một cuộc cách mạng khác đã nổ ra ở Anh. Đây là cuộc cách mạng tư sản có ảnh hưởng rộng lớn và có ý nghĩa sâu sắc đối với sự phát triển của chủ nghĩa tư bản.

I – NHỮNG TIỀN ĐỀ CỦA CÁCH MẠNG

1. Sự phát triển kinh tế

Dưới thời vua Sác-lơ I, thuộc Vương triều Xtiu-ớt, Anh là một nước quân chủ chuyên chế. Ruộng đất thuộc quyền sở hữu của quý tộc địa chủ. Tuy vậy, từ giữa thế kỉ XVI, quan hệ kinh tế tiền tệ đã thâm nhập vào nông thôn Anh, làm thay đổi cơ cấu kinh tế và phương thức kinh doanh : lãnh chúa phong kiến và một bộ phận nông dân chuyển sang nuôi cừu, lấy lông để bán ; nhiều công trường thủ công chuyên sản xuất len dạ xuất hiện và phát triển.

Một số địa chủ đuổi tá điền, biến ruộng đất thành một vùng rộng lớn rồi áp dụng phương thức canh tác mới, hoặc trồng cỏ nuôi cừu. Nông dân bị đuổi khỏi đồng ruộng, một bộ phận đi làm thuê cho địa chủ, quý tộc, được trả tiền công. Họ sản xuất nguyên liệu và thực phẩm để cung cấp cho thị trường ngày càng mở rộng.

Ngoài ngành sản xuất len dạ nổi tiếng, nhiều ngành công nghiệp khác của Anh cũng lớn mạnh. Những năm trước 1640, sản lượng than khai thác ở Anh chiếm 4/5 tổng sản lượng than của châu Âu. Các ngành luyện sắt, thiếc, chế thuỷ tinh, làm xà phòng, đóng tàu cũng phát triển nhanh. Nhiều ngân hàng ra đời. Việc buôn bán phát đạt, nhưng phần lớn do thương nhân Anh chi phối.

Thương nhân Anh nắm giữ việc xuất khẩu len, vải và việc nhập khẩu các loại sợi (bông của Ấn Độ và Bắc Mĩ ; tơ của Trung Quốc, I-ta-li-a và Tây Ban Nha ; lanh của Ai-len và Bắc Mĩ).

Đầu thế kỉ XVII, Anh là nước có nền kinh tế phát triển nhất châu Âu.

? *Quan hệ kinh tế tư bản chủ nghĩa thâm nhập vào nông thôn Anh như thế nào và kết quả ra sao ?*

timdapan.com

2. Những biến đổi về xã hội

Đông đảo nông dân bị đuổi khỏi ruộng đất phải ra thành thị, làm thuê trong các công xưởng hay di cư sang Tây bán cầu. Một số địa chủ, quý tộc chuyển sang kinh doanh theo lối tư bản chủ nghĩa, trở thành những *quý tộc mới*.

Tầng lớp quý tộc mới ở Anh bao gồm một số quý tộc cũ, vẫn duy trì những đặc quyền phong kiến nhưng đã chuyển hướng kinh doanh theo lối tư bản chủ nghĩa. Trong số quý tộc mới này còn có thương nhân, người cho vay lãi, họ đã sở hữu ruộng đất và có tước vị quý tộc do nhà vua ban cho. Quý tộc mới là tầng lớp quý tộc đã tư sản hoá, giữ vai trò lớn trong quá trình cách mạng.

Cùng với sự phát triển của nền kinh tế, nhiều thành phố lớn mọc lên. Thủ đô Luân Đôn trở thành một trung tâm tài chính, công nghiệp và thương mại bậc nhất châu Âu, với số dân tương đối đông vào thời đó (64 vạn người).

Hình 3. *Quang cảnh Luân Đôn thế kỉ XVII*

Những biến đổi về kinh tế, xã hội làm cho mâu thuẫn trong nước thêm gay gắt.

Nhà nước phong kiến dựa vào quý tộc và Giáo hội Anh đã cản trở việc kinh doanh của tư sản và quý tộc mới (nhiều thuế mới được đặt ra, Nhà nước nắm độc quyền thương mại...). Vì vậy, bên cạnh mâu thuẫn vốn có giữa nông dân và quý tộc địa chủ, đã nảy sinh mâu thuẫn giữa tư sản và quý tộc mới với chế độ quân chủ.

Những mâu thuẫn này dẫn tới cuộc đấu tranh chống chế độ phong kiến chuyên chế, tạo điều kiện cho kinh tế tư bản chủ nghĩa phát triển, thể hiện qua những cuộc xung đột giữa Quốc hội và nhà vua.

? *Tình hình xã hội nước Anh trước cách mạng có những nét nổi bật nào ?*

timdapan.com

II – DIỄN BIẾN CỦA CÁCH MẠNG

Cuộc cách mạng Anh diễn ra qua 2 giai đoạn chính :

1. Giai đoạn 1642 – 1648

Ở Anh, Quốc hội được thành lập vào thế kỉ XIII, nhưng từ đầu thế kỉ XVII không còn hoạt động vì sự chuyên chế của nhà vua. Tháng 4 – 1640, do cần tiền để đàn áp cuộc khởi nghĩa của người Xcốt-len chống lại việc họ bị cưỡng bức theo Anh giáo[1], vua Sác-lơ I buộc phải triệu tập Quốc hội.

> Quốc hội, gồm đa số là đại biểu quý tộc mới và tư sản, kịch liệt công kích những chính sách bạo ngược của nhà vua, không phê duyệt các khoản thuế mới và nêu ra một số yêu sách được nhân dân ủng hộ. Quốc hội cũng đòi kiểm soát quân đội, tài chính và Giáo hội.

Tuy nhà vua phải nhượng bộ một số yêu sách của Quốc hội, nhưng vẫn chuẩn bị lực lượng chống lại. Nhân dân ủng hộ Quốc hội, phản đối nhà vua.

Tháng 1 – 1642, Sác-lơ I chạy lên miền Bắc, dựa vào quý tộc phong kiến ở đây để chống lại Quốc hội. Ngày 22 – 8 – 1642, nhà vua tuyên chiến với Quốc hội. Cuộc nội chiến bắt đầu.

> Ban đầu, quân đội Quốc hội bị đánh bại vì lực lượng của nhà vua được trang bị tốt và thiện chiến. Những người chỉ huy quân đội Quốc hội lại chia rẽ, một số người muốn thoả hiệp với phe Bảo hoàng, họ thiếu một đường lối chiến lược và quyết tâm chiến đấu.

Được sự ủng hộ của quần chúng nhân dân, Ô-li-vơ Crôm-oen đã tiến hành cải cách quân đội. Ông tổ chức một đội quân, gồm chủ yếu là nông dân, có kỉ luật, có tính chiến đấu cao, được gọi là "Đội quân sườn sắt".

Ngày 14 – 6 – 1645, quân đội của Sác-lơ I thua trận và sau đó nhà vua bị bắt. Sau khi trốn thoát, đến mùa xuân 1648 nhà vua lại tiếp tục tiến hành cuộc chiến tranh chống Quốc hội, nhưng thất bại và bị kết án tử hình. Cuộc nội chiến kết thúc.

? *Cuộc Cách mạng tư sản Anh diễn ra như thế nào trong những năm 1642 – 1648 ?*

---

(1) *Anh giáo* : Giáo hội ra đời vào thế kỉ XVI. Anh giáo dựa trên cơ sở giáo lí của đạo Kitô, nhưng về tổ chức thì tách khỏi Giáo hội Rô-ma. Người đứng đầu Anh giáo là vua Anh. Vì vậy, đã nảy sinh mâu thuẫn giữa Anh giáo (của thế lực phong kiến) với Thanh giáo (của tư sản, quý tộc mới).

timdapan.com

2. Giai đoạn 1649 - 1688

Ngày 30 – 1 – 1649, theo nguyện vọng của nhân dân, vua Sác-lơ I bị xử tử. Quốc hội tuyên bố nền quân chủ là "không cần thiết" và nguy hiểm đối với tự do, an ninh và quyền lợi của nhân dân.

Hình 4. *Sác-lơ I (1600 _1649) bị xử tử*

Anh trở thành *nước cộng hoà*. Cách mạng đạt tới đỉnh cao, quyền hành trong nước thuộc về quý tộc mới và tư sản. Nông dân và binh lính không được hưởng quyền lợi gì nên tiếp tục đấu tranh đòi tự do và ruộng đất.

Nhân dân đấu tranh đòi mọi nam công dân đều được quyền bỏ phiếu bầu Quốc hội, được tự do tín ngưỡng và có ruộng đất. Quý tộc mới và tư sản không những không đáp ứng các yêu cầu trên mà còn tiếp tục bao chiếm đất đai, đàn áp các cuộc đấu tranh.

Để bảo vệ quyền lợi của mình, quý tộc mới và tư sản Anh đưa Crôm-oen lên làm Bảo hộ công vào năm 1653. Chế độ độc tài quân sự được thiết lập.

Hình 5. *Ô. Crôm-oen (1599 _ 1658)*

Ngày 3 – 9 – 1658, Crôm-oen qua đời, nước Anh rơi vào tình trạng không ổn định về chính trị. Quý tộc mới và tư sản lo sợ nhân dân nổi dậy đấu tranh, nên chủ trương thoả hiệp với lực lượng phong kiến cũ, lập lại chế độ quân chủ.

Năm 1660, con Sác-lơ I được đưa lên ngôi vua, tức Sác-lơ II. Triều đại Xtiu-ớt được phục hồi, chấp nhận điều kiện phải tôn trọng những thành quả cách mạng đã đạt được.

Nhưng Sác-lơ II, sau đó là Giêm II (lên ngôi năm 1685) rắp tâm khôi phục chế độ quân chủ chuyên chế, giành lại những quyền lợi đã mất, trả thù những người cách mạng. Tháng 12 – 1688, Quốc hội dùng áp lực truất ngôi Giêm II. Sự kiện này thực chất là một cuộc đảo chính, được gọi là "cuộc cách mạng quang vinh".

timdapan.com

Đầu năm 1689, tư sản và quý tộc mới đưa Vin-hem Ô-ran-giơ III (1650 – 1702)[1], lên ngôi vua. Từ sau cuộc đảo chính 1688, *chế độ quân chủ lập hiến* được thiết lập ở Anh.

Trình bày diễn biến chính và kết quả của cuộc Cách mạng tư sản Anh từ năm 1649 đến những năm 1688 – 1689.

III – TÍNH CHẤT VÀ Ý NGHĨA LỊCH SỬ CỦA CÁCH MẠNG

Cuộc cách mạng Anh do tầng lớp quý tộc mới và tư sản lãnh đạo, đã lật đổ chế độ phong kiến, mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển mạnh mẽ ở Anh. Quần chúng nhân dân – thợ thủ công, tư sản nhỏ, nhất là nông dân – giữ vai trò quyết định sự thắng lợi của cách mạng. Nhưng quý tộc mới và tư sản nắm chính quyền không đáp ứng những quyền lợi chính đáng của nhân dân mà còn đàn áp họ. Cách mạng kết thúc bằng sự nhượng bộ của quý tộc mới và tư sản cầm quyền đối với thế lực phong kiến cũ và thiết lập chế độ quân chủ lập hiến.

Đó là cuộc cách mạng tư sản không triệt để.

Tuy nhiên, cuộc cách mạng này không những đã xoá bỏ chế độ quân chủ chuyên chế ở nước Anh, xác lập chủ nghĩa tư bản mà còn có ý nghĩa lớn đối với sự phát triển của xã hội loài người trong buổi đầu chuyển từ chế độ phong kiến sang chế độ tư bản.

Về thắng lợi của cách mạng Anh thế kỉ XVII, cũng như các cuộc cách mạng tư sản tiếp sau, C. Mác chỉ rõ : "Thắng lợi của giai cấp tư sản có nghĩa là *thắng lợi của chế độ xã hội mới*, thắng lợi của chế độ sở hữu tư bản chủ nghĩa đối với chế độ sở hữu phong kiến".

Vì sao nói : Cách mạng tư sản Anh thế kỉ XVII là cuộc cách mạng tư sản không triệt để ?

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. Nêu những tiền đề của Cách mạng tư sản Anh thế kỉ XVII.
2. Lập niên biểu các sự kiện chính của cuộc Cách mạng tư sản Anh.
3. Tìm hiểu đôi nét về Ô-li-vơ Crôm-oen.

(1) Vin-hem Ô-ran-giơ III là con rể Giêm II, trước khi lên ngôi vua Anh là Quốc trưởng Hà Lan.

timdapan.com

PHẦN ĐỌC THÊM

Xã hội Anh trước cách mạng

Thời kì đó, nước Anh còn là một nước có số dân ít hơn nước Pháp (khoảng trên 5 triệu người), nhưng ngành chăn nuôi, công nghiệp và thương mại phát triển hơn nước Pháp nhiều.

... Nếu một phía là sự tồn tại của giai cấp đại địa chủ, đa số là những sủng thần được giàu có do ân huệ của triều đình, thì phía khác là một giai cấp đông đảo những người nghèo. Theo *Luật đối với người nghèo* thì họ phải có nghĩa vụ phục dịch. Giữa hai giai cấp cực đoan đó, còn có thêm những giai cấp trung gian, hoạt động ở nông thôn. Họ là những thành viên của quý tộc nhỏ, sống trong những trang trại của mình, những địa chủ nhỏ tự do và những nông dân tự canh (Yeomen). Ở các thành phố, đặc biệt ở Luân Đôn, có một tầng lớp tư sản là những nhà buôn, nhà sản xuất vật dụng, những người làm áo giáp, dệt dạ, sản xuất bia. Nhờ họ mà một số đông thợ thuyền, người làm công, trẻ em trông coi cửa hiệu bám vào để sống. Những tầng lớp trung gian này quan tâm đặc biệt tới những việc công cộng. Họ có xu hướng độc lập và lo lắng đến việc bảo vệ quyền lợi của mình chống lại sự chuyên chế của vương triều.

(Theo : A. Ma-lê và J. I-sa-ac, *Thế kỉ XVII và XVIII*, Pa-ri, 1938, tr. 128 – 129, tiếng Pháp)

Xử tử vua Sác-lơ I

Ở giữa quảng trường đặt một bục gỗ cao, xung quanh có binh lính. Việc thi hành án tử hình bắt đầu. Nhà vua run sợ bước lên bục xử án ; vệ binh, đao phủ, linh mục theo sau. Một uỷ viên đọc bản cáo trạng, kết tội nhà vua phản bội đất nước. Sác-lơ bị bắt cúi xuống bục. Một nhát rìu giáng xuống cổ, chặt đứt đầu vua, người đao phủ giơ cao chiếc đầu tên vua chuyên chế.

(Theo : *Bách khoa toàn thư Xô viết*, tập 7, tr. 292, tiếng Nga)

timdapan.com

Bài 3 CHIẾN TRANH GIÀNH ĐỘC LẬP CỦA CÁC THUỘC ĐỊA ANH Ở BẮC MĨ NỬA SAU THẾ KỈ XVIII

Vào nửa sau thế kỉ XVIII, một biến động xã hội – chính trị đã diễn ra tại các thuộc địa của Anh ở Bắc Mĩ. Đó là cuộc chiến tranh giành độc lập, nhưng về bản chất là một cuộc cách mạng tư sản.

I – VIỆC DI DÂN ĐẾN BẮC MĨ VÀ CHẾ ĐỘ THUỘC ĐỊA ANH

1. Việc xâm chiếm thuộc địa của Anh ở Bắc Mĩ

Từ năm 1603 đến năm 1732, thực dân Anh lần lượt xâm chiếm và lập 13 thuộc địa ở Bắc Mĩ với số dân khoảng 1,3 triệu người.

Vùng Bắc Mĩ vốn là đất của thổ dân In-đi-an. Tổ tiên của họ từ châu Á di cư đến châu Mĩ từ khoảng 35 000 năm đến 12 000 năm trước. Khi người châu Âu đến Bắc Mĩ, người In-đi-an còn đang ở trong chế độ thị tộc.

Hình 6. Lược đồ 13 thuộc địa của Anh ở Bắc Mĩ

timdapan.com

Trong hai thế kỉ XVII – XVIII, thực dân Anh đã tiêu diệt hoặc dồn đuổi người In-đi-an vào rừng sâu phía tây để chiếm các vùng đất đai phì nhiêu. Họ còn đưa người da đen từ châu Phi sang để khai khẩn đồn điền.

Dựa theo lược đồ trên, xác định vị trí địa lí 13 thuộc địa của Anh ở Bắc Mĩ và trình bày đôi nét về vùng đất này.

2. Chế độ thực dân Anh ở Bắc Mĩ

Các thuộc địa Anh ở Bắc Mĩ đều đặt dưới quyền của vua Anh, song mỗi thuộc địa lại có chế độ cai trị riêng. Các thuộc địa này là nguồn cung cấp nguyên liệu (bông, mía, thuốc lá...) và là thị trường tiêu thụ hàng hoá của chính quốc. Người dân Bắc Mĩ phải tuân theo các đạo luật khắt khe do Chính phủ Anh đề ra.

_ Luật hàng hải năm 1651 quy định hàng của thuộc địa đưa về chính quốc hay ngược lại phải được chở bằng tàu Anh.

– Luật về ruộng đất năm 1763 ngăn cấm dân di thực đi về phía tây, đến vùng châu thổ sông Mít-xi-xi-pi.

_ Luật đường năm 1764 cấm các thuộc địa Anh ở Bắc Mĩ buôn bán đường và rượu với quần đảo Ăng-ti, không phải là thuộc địa của Anh.

_ Luật tem năm 1765 buộc phải dán tem đối với các giấy tờ, tài liệu giao dịch thương mại.

_ Luật chè năm 1770 quy định đánh thuế vào chè, đồ uống truyền thống của dân Anh khi đưa đến các cảng thuộc địa của Anh ở Bắc Mĩ.

Kinh tế ở hai miền tuy phát triển theo con đường tư bản chủ nghĩa, nhưng có điểm khác nhau. Ở miền Bắc, tư sản lập các công trường thủ công. Ở miền Nam, chủ nô lập đồn điền và sử dụng sức lao động nô lệ. Các công trường thủ công sản xuất nhiều mặt hàng, đáp ứng yêu cầu của nhân dân các thuộc địa, cạnh tranh với hàng hoá nhập từ châu Âu, chủ yếu là hàng của Anh (sắt, thép, dệt, đóng tàu...). Nông sản ở các đồn điền của chủ nô và trang trại của nông dân Mĩ có thừa để xuất khẩu. Nhiều trung tâm kinh tế hình thành như Bô-xtơn ở miền Bắc và cơ sở công nghiệp luyện kim ở miền Trung.

Chính sách khai thác thuộc địa của thực dân Anh đã cản trở sự phát triển của xã hội Bắc Mĩ, gây nên mâu thuẫn ngày càng sâu sắc giữa nhân dân thuộc địa với chế độ thực dân. Mặc dù phần lớn dân số các thuộc địa Anh ở Bắc Mĩ là con cháu người Anh di cư sang, nhưng sau nhiều thế hệ đã dần dần hình thành một dân tộc riêng. Họ đấu tranh để thoát khỏi ách áp bức thuộc địa đang ngăn cản sự phát triển của vùng đất giàu có này.

Hãy nêu chính sách của Anh đối với các thuộc địa ở Bắc Mĩ và kết quả của nó.

timdapan.com

II – CUỘC CHIẾN TRANH GIÀNH ĐỘC LẬP Ở BẮC MĨ

1. Nguyên cớ và khởi đầu chiến tranh

Sự kiện "chè Bô-xtơn" làm bùng nổ cuộc chiến tranh ở Bắc Mĩ.

Cuối năm 1773, nhân dân cảng Bô-xtơn tấn công 3 tàu chở chè của Anh cập bến và ném các thùng chè xuống biển để phản đối chế độ thuế của thực dân Anh đối với các thuộc địa Bắc Mĩ. Chính phủ Anh ra lệnh phong toả cảng Bô-xtơn, đưa quân chiếm đóng vùng này, làm cho việc buôn bán ngưng trệ, nhà máy phải đóng cửa, công nhân thất nghiệp.

Hình 7. *G. Oa-sinh-tơn (1732 _1799)*

Từ ngày 5 – 9 đến ngày 26 – 10 – 1774, Đại hội lục địa lần thứ nhất, gồm đại biểu nhân dân các thuộc địa Anh ở Bắc Mĩ, khai mạc tại Phi-la-đen-phi-a. Họ yêu cầu vua Anh bãi bỏ chính sách hạn chế công thương nghiệp ở Bắc Mĩ. Chính quyền Anh không chấp nhận các yêu cầu này mà còn tuyên bố sẽ ra lệnh trừng phạt, nếu nhân dân thuộc địa Bắc Mĩ nổi dậy chống lại nhà vua.

Chính phủ Anh chuẩn bị lực lượng để đàn áp cuộc đấu tranh của nhân dân Bắc Mĩ.

Ngày 19 – 4 – 1775, trên đường hành quân, một đội quân Anh lọt vào ổ phục kích của nghĩa quân, 200 binh lính Anh thiệt mạng. Đó là trận Le-xinh-tơn, mở đầu cuộc chiến tranh giữa các thuộc địa Bắc Mĩ và chính quốc. Quân khởi nghĩa chiến đấu rất dũng cảm, song trong giai đoạn đầu chịu nhiều thất bại vì lực lượng còn yếu, tổ chức không chặt chẽ, trong khi quân của Chính phủ Anh đông, được trang bị, huấn luyện đầy đủ và thiện chiến.

Ngày 10 – 5 – 1775, Đại hội lục địa lần thứ hai họp, tuyên bố cắt đứt quan hệ với Anh, quyết định củng cố lực lượng vũ trang, thành lập "Quân đội thuộc địa", đặt dưới sự chỉ huy của Gioóc-giơ Oa-sinh-tơn.

Đến đầu năm 1776, nghĩa quân mới chiếm được Bô-xtơn.

? *Từ sau sự kiện "chè Bô-xtơn" đến đầu năm 1776, cuộc Chiến tranh giành độc lập diễn ra như thế nào ?*

timdapan.com

2. *Tuyên ngôn Độc lập* và việc thành lập Hợp chúng quốc Mĩ

Ngày 4 – 7 – 1776, Đại hội đại biểu của 13 bang đã thông qua bản *Tuyên ngôn Độc lập*[1]. Tuyên ngôn khẳng định : Mọi người sinh ra đều bình đẳng, tạo hoá ban cho họ những quyền tất yếu và bất khả xâm phạm, không thể tước bỏ. Trong số những quyền ấy có quyền được sống, quyền được tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc.

Tuyên ngôn nêu tư tưởng về chủ quyền của nhân dân : Nhân dân có quyền thiết lập bộ máy nhà nước, có thể bãi miễn chính phủ khi không làm tròn nhiệm vụ và lập nên một chính phủ mới sao cho có hiệu quả tốt nhất đối với hạnh phúc của mình. Tuyên ngôn khẳng định các quốc gia liên minh có thể trở thành quốc gia *tự do và độc lập* và nguyện cùng hiến dâng tính mạng, tài sản và danh dự thiêng liêng để bảo đảm cho bản Tuyên ngôn này.

Hình 8. *Đại hội 13 thuộc địa Anh thông qua bản Tuyên ngôn Độc lập (4 _ 7 _ 1776)*

Mặc dù còn những hạn chế, nhưng Tuyên ngôn Độc lập là một văn kiện có ý nghĩa lịch sử tiến bộ. Lần đầu tiên, các quyền con người và quyền công dân được thừa nhận.

Sau các chiến thắng lớn của quân khởi nghĩa ở Xa-ra-tô-ga (17 – 10 – 1777) và I-oóc-tao (1781), quân Anh suy yếu dần, cuộc chiến tranh chấm dứt. Tháng 9 – 1783,

(1) Về sau, ngày 4 – 7 trở thành ngày Quốc khánh của nước Mĩ.

timdapan.com

Anh kí Hiệp ước Vécxai, công nhận nền độc lập của 13 thuộc địa ở Bắc Mĩ. Cuộc chiến tranh giành độc lập của nhân dân các thuộc địa Anh ở Bắc Mĩ kết thúc thắng lợi với sự ra đời của một quốc gia mới : *Hợp chúng quốc Mĩ* (thường gọi là nước Mĩ hay Hoa Kì).

Hiến pháp 1787 được thông qua (về cơ bản còn có hiệu lực đến nay), xác lập thể chế cộng hoà của nước Mĩ.

> Theo Hiến pháp, Mĩ là nước Cộng hoà liên bang. Quyền lực của chính quyền trung ương được tăng cường, nhưng các bang vẫn có quyền tự trị rộng rãi. Hiến pháp quy định nguyên tắc phân quyền. Tổng thống nắm quyền hành pháp, là Tổng Tư lệnh quân đội, được bổ nhiệm quan chức... Quyền lập pháp thuộc Quốc hội, gồm Thượng viện (mỗi bang hai đại biểu) và Hạ viện (đại biểu được bầu theo tỉ lệ số dân mỗi bang). Quyền tư pháp thuộc về Toà án tối cao. Hiến pháp 1787 nêu rõ : chỉ những người có tài sản, có học vấn theo quy định mới có quyền bầu cử. Phụ nữ không được bầu cử. Nô lệ và người In-đi-an không có quyền công dân. Sau này, những điều bổ sung Hiến pháp đã dần dần xoá bỏ những hạn chế về giới tính, màu da ; mọi công dân được quyền bầu cử.

Năm 1789, G. Oa-sinh-tơn được bầu làm Tổng thống đầu tiên của nước Mĩ.

– Trình bày ý nghĩa lịch sử bản Tuyên ngôn Độc lập năm 1776 của Mĩ.
– Nêu những nội dung cơ bản của Hiến pháp 1787.

III – TÍNH CHẤT VÀ Ý NGHĨA LỊCH SỬ

Cuộc đấu tranh của nhân dân các thuộc địa Anh ở Bắc Mĩ tuy diễn ra dưới hình thức một cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc, song thực chất là cuộc cách mạng tư sản, nổ ra ở ngoài châu Âu vào buổi đầu thời cận đại. Đây là "cuộc chiến tranh giải phóng thực sự, cách mạng thực sự" (V. I. Lê-nin).

Cuộc cách mạng này đã giải phóng nhân dân các thuộc địa Anh ở Bắc Mĩ khỏi ách thực dân, lập nên một quốc gia mới, mở đường cho kinh tế tư bản chủ nghĩa phát triển. Nó ảnh hưởng đến phong trào đấu tranh vì độc lập ở nhiều nước khác nổ ra vào cuối thế kỉ XVIII – đầu thế kỉ XIX.

Hãy nêu kết quả và ý nghĩa cuộc Chiến tranh giành độc lập của các thuộc địa Anh ở Bắc Mĩ.

timdapan.com

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. Những nguyên nhân nào dẫn đến cuộc Chiến tranh giành độc lập của các thuộc địa Anh ở Bắc Mĩ ?
2. Lập niên biểu về diễn biến cuộc Chiến tranh giành độc lập của các thuộc địa Anh ở Bắc Mĩ.
3. Vì sao nói : Chiến tranh giành độc lập của các thuộc địa Anh ở Bắc Mĩ thực chất là một cuộc cách mạng tư sản ?

PHẦN ĐỌC THÊM

Tuyên ngôn Độc lập ngày 4 _ 7 _ 1776

"… Chúng tôi khẳng định một chân lí hiển nhiên rằng mọi người sinh ra đều bình đẳng, rằng tạo hoá đã ban cho họ những quyền tất yếu và bất khả xâm phạm, trong đó có quyền sống, quyền được tự do và mưu cầu hạnh phúc.

Rằng để đảm bảo cho những quyền lợi này, các chính phủ được lập ra trong nhân dân và có được những quyền lực chính đáng trên cơ sở sự nhất trí của nhân dân, rằng bất cứ khi nào một thể chế chính quyền nào đó phá vỡ những mục tiêu này, thì nhân dân có quyền thay đổi hoặc loại bỏ chính quyền đó và lập nên một chính quyền mới, đặt trên nền tảng những nguyên tắc cũng như tổ chức thực thi quyền hành theo một thể chế sao cho có hiệu quả tốt nhất đối với an ninh và hạnh phúc của họ…"

(Theo : *The Declaration of Independence & The Constitution of the United States of America (Tuyên ngôn Độc lập & Hiến pháp Hoa Kì), Embassy of the United States of America, tr.2)*

Về cách mệnh Mĩ

"... Mĩ tuy rằng cách mệnh thành công đã hơn 150 năm nay (tính đến năm 1924 – người trích chú thích), nhưng công nông vẫn cứ cực khổ...

Ấy là vì cách mệnh Mĩ là cách mệnh tư bản, mà cách mệnh tư bản chưa phải cách mệnh đến nơi".

(Theo : Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Tập 2, NXB Chính trị Quốc gia, H., 2000, tr. 270)

timdapan.com

Bài 4 CÁCH MẠNG TƯ SẢN PHÁP CUỐI THẾ KỈ XVIII

Cách mạng tư sản Pháp nổ ra vào cuối thế kỉ XVIII là cuộc cách mạng xã hội sâu rộng, đã xoá bỏ chế độ phong kiến, mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển ở Pháp và có ảnh hưởng lớn đến cuộc đấu tranh dân tộc, dân chủ ở châu Âu.

I – NHỮNG TIỀN ĐỀ CỦA CÁCH MẠNG

1. Tình hình kinh tế nước Pháp trước năm 1789

Trước cách mạng, *nông nghiệp* Pháp kém phát triển : công cụ, kĩ thuật canh tác còn thô sơ, một phần ba diện tích đất đai bị bỏ hoang, năng suất cây trồng thấp...

Trong nhiều vùng, đặc biệt ở các tỉnh Đông Bắc, một số địa chủ lớn chuyển sang phương thức kinh doanh tư bản chủ nghĩa (mở trang trại, thuê nhân công) nhưng không thành công. Nhìn chung, trong nông nghiệp Pháp, quan hệ phong kiến vẫn được duy trì cùng với phương thức bóc lột cũ.

Vào cuối thế kỉ XVIII, *công nghiệp* Pháp đang trên đà phát triển. Nhiều thành thị như Boóc-đô, Năng-tơ, Ha-vrơ... lớn mạnh nhanh chóng do sản xuất và xuất khẩu tơ lụa, vải, hàng thêu, len, thảm, đồ sứ, nữ trang. Hàng mĩ phẩm của Pháp nổi tiếng trên thị trường châu Âu. Nét nổi bật là công trường thủ công ở Pháp khá lớn, mỗi công trường thu hút từ 40 đến 200 công nhân làm thuê. Một vài công trường dệt thảm thu hút đến 1 600 lao động. Phát triển nhất là các nghề dệt vải, tơ lụa, luyện kim, khai mỏ, chế tạo vũ khí.

Thương nghiệp trong và ngoài nước phát đạt, các công ti thương mại Pháp mở rộng buôn bán với nhiều nước ở châu Âu và phương Đông. Song, sự giao lưu hàng hoá trong nước cũng như việc buôn bán với nước ngoài còn gặp nhiều cản trở : mỗi địa phương có chế độ thuế quan riêng, hệ thống đo lường không thống nhất... Những điều này đã ngăn cản việc hình thành thị trường dân tộc. Độc quyền của nhà nước về lúa mì, muối và một số hàng hoá khác cũng hạn chế việc buôn bán với nhiều nước châu Âu.

? *Nền kinh tế nước Pháp trước cách mạng có những nét gì nổi bật ?*

timdapan.com

2. Tình hình chính trị – xã hội

Trước cách mạng, Pháp là một nước quân chủ chuyên chế, với chế độ đẳng cấp rất khắt khe. Xã hội chia thành ba đẳng cấp : *Tăng lữ, Quý tộc* và *Đẳng cấp thứ ba*.

Hai đẳng cấp trên, gồm *tăng lữ cấp cao* và *quý tộc phong kiến*, là những đẳng cấp hưởng nhiều đặc quyền. Họ không phải đóng thuế, nắm giữ các chức vụ quan trọng trong Giáo hội, bộ máy chính quyền và quân đội.

Hình 9. *Tình cảnh nông dân Pháp trước cách mạng (tranh biếm hoạ)*

Đẳng cấp thứ ba gồm nhiều giai cấp, tầng lớp xã hội có những quyền lợi và nguyện vọng không giống nhau :

Tư sản có thế lực kinh tế mạnh nhưng không có quyền lực chính trị, bị nhà vua và các lãnh chúa địa phương ngăn cản hoạt động kinh doanh.

Giai cấp tư sản cũng chia ra nhiều tầng lớp : đại tư sản (chủ ngân hàng, chủ các hãng buôn lớn), tư sản loại vừa (tư sản công thương) và tư sản nhỏ. Tuỳ theo địa vị và quyền lợi, mỗi tầng lớp trong giai cấp tư sản có thái độ chính trị và tinh thần đấu tranh chống phong kiến khác nhau.

Nông dân chiếm hơn 90% dân số, phần lớn là những tá điền. Ngoài việc nộp tô, họ phải nộp nhiều loại thuế, chịu nhiều nghĩa vụ phong kiến.

Nông dân phải nộp tô cho quý tộc phong kiến (bằng 50% số hoa lợi thu hoạch), nộp thuế thập phân (bằng 10% số hoa lợi thu hoạch) cho nhà thờ, nộp thuế đinh, thuế ruộng, thuế muối cho nhà nước. Họ còn phải chịu nhiều thứ lao dịch cho lãnh chúa và nhà nước : đắp đường, xây cầu, vận tải, cung cấp lương thực cho binh lính... Trên thực tế, phần hoa lợi còn lại cho nông dân chẳng được là bao.

Công nhân tập trung ở các thành thị lớn (riêng Pa-ri có 30 vạn công nhân). Điều kiện lao động và đời sống của họ rất khó khăn (ngày làm việc kéo dài, lương thấp...). Những người *bình dân thành thị* khác như thợ thủ công, người buôn bán nhỏ, dân nghèo... sống tạm bợ, chen chúc trong những vùng ngoại ô.

Mâu thuẫn giữa quý tộc phong kiến, nhà thờ với các tầng lớp nhân dân trong Đẳng cấp thứ ba ngày một gay gắt. Nhiều cuộc đấu tranh chống chế độ phong kiến

timdapan.com

nổ ra, đặc biệt là các cuộc khởi nghĩa của nông dân và của công nhân ở Li-ông, Pa-ri vào những năm 80 của thế kỉ XVIII.

? – *Lập sơ đồ và trình bày về chế độ ba đẳng cấp trong xã hội phong kiến Pháp.*
– *Quan sát hình 9 và trình bày nội dung lịch sử được phản ánh.*

3. Cuộc đấu tranh trên lĩnh vực tư tưởng

Thế kỉ XVIII ở châu Âu được gọi là *Thế kỉ Ánh sáng*. Nhiều nhà văn, nhà tư tưởng tiến bộ đã lên án mạnh mẽ sự áp bức, bóc lột của chế độ quân chủ chuyên chế, đả kích Giáo hội Kitô, muốn dùng "ánh sáng" quét sạch bóng tối phong kiến và "khai sáng" cho nhân dân.

Ở Pháp, vào thế kỉ này xuất hiện ba nhà tư tưởng tiêu biểu là : Mông-te-xki-ơ, Vôn-te[1] và Rút-xô.

Hình 10. *S. Mông-te-xki-ơ (1689 – 1755)*

Hình 11. *Vôn-te (1694 – 1778)*

Hình 12. *G. G. Rút-xô (1712 – 1778)*

Sác-lơ Lu-i Mông-te-xki-ơ chủ trương hạn chế quyền của vua, bảo đảm quyền tự do của công dân. Trong quyển *Tinh thần luật pháp*, ông đề ra nguyên tắc về phân chia rõ rệt ba quyền : lập pháp, hành pháp và tư pháp.

Vôn-te chủ trương xây dựng chính quyền quân chủ, do một nhà vua sáng suốt đứng đầu. Ông bảo vệ quyền tự do tín ngưỡng, song lại lên án nhà thờ Kitô là trở ngại của tiến bộ. Ông cũng khẳng định quyền tư hữu là điều kiện cần thiết cho một xã hội có trật tự.

Giăng Giắc Rút-xô chủ trương xoá bỏ triệt để nền quân chủ, phản đối chế độ tư hữu lớn. Trong quyển *Khế ước xã hội*, ông cho rằng trật tự xã hội đòi hỏi phải duy trì chế độ sở hữu nhỏ, chủ trương thành lập chế độ cộng hoà.

(1) Tên thật là Phrăng-xoa Ma-ri A-ru-ê.

timdapan.com

Ngoài các nhà tư tưởng tiêu biểu kể trên, còn có nhà tư tưởng cấp tiến Mê-li-ê và nhóm *Bách khoa toàn thổ*.

Giăng Mê-li-ê (1664 – 1729) là một cha đạo làng quê, xuất thân nông dân, lên án nghiêm khắc sự bất công của chế độ phong kiến, sự giả dối của Giáo hội. Ông kiên quyết đấu tranh xoá bỏ sự áp bức bóc lột, thủ tiêu chế độ tư hữu và coi ruộng đất phải là tài sản chung của nông dân.

Nhóm *Bách khoa toàn thổ*, do Đơ-ni Đi-đrô (1713 – 1784) lãnh đạo, chủ trương biên soạn và phổ biến rộng rãi kiến thức của các ngành khoa học theo quan điểm duy vật cho đông đảo quần chúng để họ giác ngộ, đấu tranh chống chế độ phong kiến và tôn giáo.

Tư tưởng và quan điểm của những nhà Khai sáng có ý nghĩa tiến bộ, được quần chúng tin theo, tích cực chuẩn bị cho một cuộc cách mạng xã hội sắp tới.

? – *Trình bày những quan điểm cơ bản của các nhà tư tưởng tiến bộ Pháp thế kỉ XVIII.*

– *Vì sao những quan điểm này có ý nghĩa chuẩn bị cho cuộc cách mạng sắp tới ?*

4. Cách mạng bùng nổ

Đầu năm 1789, những điều kiện cho cuộc cách mạng nổ ra đã chín muồi.

Ngày 5 – 5 – 1789, Hội nghị ba đẳng cấp được triệu tập (từ năm 1614, Hội nghị này không được tổ chức), vì vua Lu-i XVI cần các đại biểu thoả thuận cho vay tiền và đánh thêm thuế mới để giải quyết tình hình khủng hoảng tài chính. Lúc này, số nợ của nhà vua lên tới 5 tỉ livrơ, mà số thu ngân sách lại giảm.

Để phản đối ý đồ tăng thuế của nhà vua, ngày 17 – 6 – 1789, đại biểu Đẳng cấp thứ ba cùng một số quý tộc, tăng lữ họp và tự tuyên bố là *Quốc hội lập hiến*, cơ quan duy nhất có quyền thông qua các đạo luật tài chính.

Nhà vua tập trung quân đội để chống lại Quốc hội, gây nên một làn sóng công phẫn trong quần chúng lao động.

Ngày 14 – 7 – 1789[1], đông đảo quần chúng nhân dân Pa-ri, chủ yếu là công nhân, thợ thủ công, dân nghèo thành thị tự vũ trang, tấn công các trụ sở, cơ quan quan trọng của thành phố và chiếm nhà tù Ba-xti – biểu tượng của chế độ phong kiến chuyên chế.

Cách mạng bùng nổ và giành thắng lợi ở Pa-ri rồi lan nhanh ra các thành phố và các vùng nông thôn trong nước Pháp.

(1) Về sau, ngày 14 – 7 được lấy làm "Ngày Dân tộc", rồi trở thành ngày Quốc khánh của nước Pháp.

timdapan.com

Hình 13. *Tấn công pháo đài _ nhà tù Ba-xti*

Hãy quan sát hình 13 và trình bày sự kiện được diễn tả.

II – CHẾ ĐỘ QUÂN CHỦ LẬP HIẾN – NỀN CỘNG HOÀ THỨ NHẤT (1792)

1. Chế độ quân chủ lập hiến (từ 14 – 7 – 1789 đến 10 – 8 – 1792)

Sau thắng lợi ngày 14 – 7, phái *Lập hiến* thuộc tầng lớp đại tư sản lên nắm quyền.

Ngày 4 – 8 – 1789, Quốc hội Lập hiến tuyên bố xoá bỏ một số nghĩa vụ phong kiến của nông dân, song các đặc quyền cơ bản của quý tộc vẫn được duy trì. Quốc hội cũng quyết định tịch thu ruộng đất của Giáo hội, đem bán với giá cao.

Ngày 26 – 8 – 1789, Quốc hội Lập hiến thông qua *Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền* với khẩu hiệu nổi tiếng : "Tự do – Bình đẳng – Bác ái". Tuyên ngôn xác định quyền bình đẳng giữa các công dân, thừa nhận quyền tự do dân chủ, nhấn mạnh quyền sở hữu tài sản là quyền bất khả xâm phạm và thiêng liêng.

Bản *Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền* gồm Phần mở đầu và 17 điều.

Điều 1. Mọi người sinh ra đều có quyền sống tự do và bình đẳng ; mọi sự phân biệt xã hội chỉ có thể đặt trên cơ sở lợi ích chung.

timdapan.com

Điều 2. Mục đích của các tổ chức chính trị là gìn giữ các quyền tự nhiên và không thể tước bỏ của con người ; đó là quyền tự do, quyền sở hữu, quyền được an toàn và quyền chống áp bức.

Điều 3. Nguyên tắc của mọi chủ quyền chủ yếu đặt trên cơ sở của dân tộc, không một tổ chức, không một cá nhân nào có thể sử dụng quyền hành mà không xuất phát từ nguyên tắc này.

...

Điều 17. Quyền sở hữu là quyền bất khả xâm phạm và thiêng liêng, không ai có thể tước bỏ...

Chế độ quân chủ chuyên chế bị lật đổ, song ngôi vua vẫn được duy trì, nhà vua vẫn tìm mọi cách chống lại cách mạng : không phê chuẩn *Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền,* bác bỏ các sắc lệnh ảnh hưởng đến quyền lợi của quý tộc và tăng lữ... Tầng lớp đại tư sản đang cầm quyền muốn thoả hiệp với nhà vua để ngăn cản quần chúng tiếp tục đưa cách mạng phát triển.

Tháng 9 – 1791, Quốc hội Lập hiến thông qua Hiến pháp, xác định thể chế *quân chủ lập hiến* cho nước Pháp. Hiến pháp 1791 đã từ bỏ một số nguyên tắc tiến bộ của *Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền* 1789.

Hiến pháp chia công dân thành hai loại : "công dân tích cực" (những người có tài sản, đóng thuế cao) có quyền bầu cử, ứng cử, làm việc trong bộ máy chính quyền và "công dân tiêu cực" (gồm đa số những người lao động nghèo) không có quyền chính trị. Phụ nữ đóng góp nhiều cho cách mạng, nhưng vẫn không có quyền công dân.

Quốc hội còn ban hành nhiều đạo luật như : đạo luật cấm bãi công (Đạo luật Lơ Sapơliê), đạo luật duy trì chế độ nô lệ ở thuộc địa.

Một số nhiệm vụ cơ bản của cách mạng không được giải quyết, trước hết là vấn đề ruộng đất cho nông dân, quyền tự do dân chủ cho nhân dân lao động. Các thế lực phản động trong nước tìm mọi cách phá hoại : quý tộc, tăng lữ di cư, cầu viện nước ngoài chống cách mạng hoặc xúi giục nhân dân (chủ yếu là nông dân mộ đạo) nổi dậy chống chính quyền. Giữa năm 1791, vua cùng hoàng hậu trốn ra nước ngoài, song đã bị bắt ở gần biên giới.

Trong tình hình rối ren ấy, liên quân hai nước phong kiến Áo – Phổ chuẩn bị đem quân đàn áp phong trào cách mạng ở Pháp.

? – *Qua một số điều khoản nêu trên của* Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền, *em có nhận xét gì ?*

– *Những sự kiện nào chứng tỏ tầng lớp đại tư sản cầm quyền ở Pháp đã làm ngừng trệ sự phát triển của cách mạng ?*

timdapan.com

2. Chế độ cộng hoà (từ 21 - 9 - 1792 đến 2 - 6 - 1793)

Ngày 20 – 4 – 1792, nước Pháp cách mạng tuyên chiến với Áo. Đứng về phía Áo là liên minh phong kiến châu Âu. Do tinh thần chiến đấu yếu kém của sĩ quan (phần lớn xuất thân quý tộc) và nội phản (hoàng hậu Pháp Ma-ri Ăng-toa-nét chuyển kế hoạch tác chiến cho quân địch), quân Pháp liên tiếp thua trận ; vùng Bắc và Tây Pháp bị xâm chiếm.

Trước tình hình đó, ngày 11 – 7 – 1792, Quốc hội tuyên bố "Tổ quốc lâm nguy", và đề ra nhiều biện pháp cấp bách, trong đó có việc tuyển thêm 20 000 quân tình nguyện. Nhà vua bác bỏ các chủ trương này. Phẫn nộ, quân tình nguyện từ các tỉnh hát vang bài ca *Mácxâye*(1), tiến về Pa-ri, cùng nhân dân và "Đội quân quần dài"(2) ở Thủ đô khởi nghĩa ngày 10 – 8 – 1792. Họ tấn công Cung điện Tuy-lơ-ri, nơi ở của vua Lu-i XVI, bắt nhà vua và hoàng hậu. Chính quyền chuyển sang tay tư sản công, thương nghiệp, thuộc phái Girôngđanh(3).

Một Quốc hội mới được bầu ra theo chế độ phổ thông đầu phiếu cho tất cả các công dân nam từ 21 tuổi trở lên. Quốc hội họp ngày 20 – 9 – 1792. Cùng ngày ấy, quân Pháp đánh thắng quân xâm lược ở Van-mi.

Van-mi là một làng thuộc tỉnh Sam-pa-nhơ (ở Đông Bắc Pháp), gần biên giới Bỉ. Nơi đây diễn ra một trận ác chiến giữa quân Pháp và quân Phổ. Với tinh thần dũng cảm, quân Pháp lần đầu tiên đánh đuổi quân xâm lược Phổ khỏi đất nước.

Ngay hôm sau (21 – 9), Quốc hội quyết định thủ tiêu chế độ quân chủ, phế truất nhà vua và tuyên bố thành lập nền cộng hoà đầu tiên của nước Pháp – *nền Cộng hoà thứ nhất*. Dưới áp lực của quần chúng, ngày 21 – 1 – 1793 Lu-i XVI bị xử tử vì tội phản quốc.

Lúc bấy giờ, tình hình nước Pháp lại căng thẳng. Nước Anh tư sản tham gia liên minh của các nước phong kiến châu Âu đánh chiếm nhiều vùng nước Pháp. Nông dân ở Văng-đê và cả miền Tây Bắc bị bọn phản động xúi giục, nổi loạn chống chính quyền cách mạng. Giá cả tăng cao. Nhân dân đói khổ, nhưng vẫn hăng hái chống ngoại xâm.

Sau chiến thắng Van-mi, quân Pháp chuyển sang phản công, đuổi quân xâm lược ra khỏi biên giới ; trên đường truy kích địch, họ chiếm luôn Bỉ và vùng tả ngạn sông Ranh. Song, do những khó khăn về kinh tế, xã hội, chính trị trong nước, quân Pháp lại thua trận một lần nữa, phải rút khỏi Bỉ, về nước.

(1) Sau này, bài ca *Mácxâye* trở thành Quốc ca của nước Pháp.

(2) Đội quân của nhân dân, mặc quần dài, khác với quân đội của triều đình mặc quần chẽn.

(3) Phái này đại diện cho phần lớn tư sản công thương ở quận Gi-rông-đơ, vùng Tây Nam nước Pháp.

timdapan.com

Chính quyền của phái Girôngđanh không kiên quyết kháng chiến, vì sợ quần chúng tiếp tục đưa cách mạng đi xa, làm thiệt hại đến quyền lợi của giai cấp tư sản.

– Thái độ của nhân dân Pháp trước tình hình "Tổ quốc lâm nguy" như thế nào ?
– Việc xử tử vua Lu-i XVI có ý nghĩa gì ?

III – NỀN CHUYÊN CHÍNH DÂN CHỦ CÁCH MẠNG GIACÔBANH (1793 – 1794)

Trước cuộc tiến công của quân xâm lược, ngày 31 – 5 – 1793, quần chúng cách mạng Pa-ri xuống đường đòi bắt và xét xử những người cầm quyền Girôngđanh về tội phản bội Tổ quốc, ngăn cản sự phát triển của cách mạng. Ngày 2 – 6 – 1793, Quốc dân quân cùng hàng vạn thợ thủ công, công nhân bao vây trụ sở Quốc hội, bắt giam những người cầm quyền Girôngđanh.

Chính quyền chuyển sang tay *những ngờời Giacôbanh*[1], đứng đầu là Rô-be-spie. Cách mạng Pháp chuyển sang giai đoạn cao nhất – *giai đoạn chuyên chính dân chủ cách mạng.*

Chính phủ Giacôbanh thực hiện nhiều biện pháp kiên quyết để chống thù trong giặc ngoài, ổn định đời sống nhân dân.

Đạo luật tháng 6 – 1793 trả lại cho nông dân ruộng đất công đã bị phong kiến quý tộc chiếm đoạt. Chính phủ còn tịch thu ruộng đất của quý tộc, chia thành từng mảnh nhỏ bán cho nông dân nghèo, được trả dần trong thời hạn 10 năm. Các đặc quyền và phụ thu của phong kiến bị xoá bỏ hoàn toàn và vĩnh viễn. Chính phủ đưa các đội vũ trang về các tỉnh để trưng thu lúa mì của quý tộc địa chủ và phú nông, nhằm cung cấp bánh mì cho nhân dân các thành thị, đặc biệt là Pa-ri, đang thiếu lương thực.

Tháng 6 – 1793, Hiến pháp mới được thông qua, quy định : thiết lập chế độ cộng hoà, xoá bỏ hoàn toàn sự bất bình đẳng về đẳng cấp, mọi công dân từ 21 tuổi trở lên được bầu cử. Trên thực tế, Hiến pháp 1793 chưa được thi hành, song là văn kiện pháp lí tiến bộ hơn so với Hiến pháp 1791.

Để bảo vệ cách mạng, chống thù trong giặc ngoài, Uỷ ban Cứu nước do Rô-be-spie đứng đầu, đề nghị Quốc hội thông qua và thi hành nhiều biện pháp kiên quyết. Ngày 23 – 8 – 1793, *Sắc lệnh tổng động viên* toàn quốc được ban hành, huy động nhân dân tham gia quân đội cách mạng. Hưởng ứng lệnh tổng động viên, 42 vạn người đã tình nguyện tham gia quân đội cách mạng.

(1) Lấy theo tên tu viện Thánh Gia-cốp, là nơi đặt trụ sở của câu lạc bộ Giacôbanh.

timdapan.com

Hình 14. *Lược đồ lực lượng phản cách mạng tấn công nước Pháp năm 1793*

Đầu năm 1794, nước Pháp cách mạng có 14 đạo quân, được trang bị đầy đủ, do những viên tướng trẻ, trung thành với cách mạng chỉ huy. Quốc hội còn ban hành đạo luật *Xét xử những người tình nghi*, *Luật giá tối đa* đối với lương thực và thực phẩm để chống nạn đầu cơ, tích trữ, quy định *mức tiền lương tối đa* cho công nhân.

Chỉ trong thời gian ngắn, các cuộc bạo loạn dần dần bị dập tắt, chính quyền cách mạng được thiết lập và bắt đầu được củng cố. Tình hình chiến sự cũng chuyển biến có lợi cho nước Pháp cách mạng : Cuối năm 1793 – đầu năm 1794, quân Pháp giành được thế chủ động trên chiến trường ; mùa thu năm 1794, các đội quân xâm lược lần lượt bị đuổi ra khỏi biên giới, hoạt động quân sự lại diễn ra trên lãnh thổ các nước thù địch. Cách mạng Pháp đạt tới đỉnh cao.

? – *Phân tích ý nghĩa các biện pháp của Chính phủ cách mạng do phái Giacôbanh nắm quyền.*

– *Lập bảng so sánh nội dung các hiến pháp năm 1791 và 1793.*

timdapan.com

IV – THỜI KÌ THOÁI TRÀO

Mâu thuẫn giữa chính quyền cách mạng và các phái đối lập ngày càng gay gắt. Ngày 13 – 7 – 1793, một thành viên của phái Giacôbanh bị giết, tiếp đó nhiều nhà cách mạng bị sát hại. Vì vậy, việc trấn áp được tăng cường, nhiều người chống đối bị xử tử... Đồng thời, trong nội bộ phái Giacôbanh cũng nảy sinh mâu thuẫn giữa "phái hữu", "phái tả" với chính quyền do Rô-be-spie đứng đầu. Điều quan trọng là quần chúng dần dần mất lòng tin và không còn ủng hộ chính quyền Giacôbanh nữa, vì nhiều biện pháp của Chính phủ không thực hiện triệt để (chỉ tịch thu ruộng đất của quý tộc lưu vong, quy định "mức tiền lương tối đa"...).

Ngày 9 tháng Técmiđo (27 – 7 – 1794 dương lịch)[1], các lực lượng đối lập đã bao vây Quốc hội, bắt Rô-be-spie cùng các bạn chiến đấu của ông. Ngày hôm sau, Rô-be-spie và nhiều nhà cách mạng Giacôbanh bị xử tử.

Sau khi phái Giacôbanh bị lật đổ, giai đoạn phát triển cao của cách mạng đã chấm dứt. Uỷ ban Đốc chính được thành lập, tập trung quyền lực vào 5 uỷ viên. Dưới chế độ Đốc chính (1794 – 1799), nhiều thành quả cách mạng, đặc biệt là của giai đoạn chuyên chính Giacôbanh, bị thủ tiêu, như : xoá bỏ quy định về giá tối đa, lập lại chế độ tự do buôn bán lúa mì... Đời sống nhân dân ngày càng khốn khổ hơn và nhiều cuộc đấu tranh lại nổ ra ở Pa-ri đòi "bánh mì và Hiến pháp 1793".

Đồng thời, phái Bảo hoàng cũng nổi dậy nhằm khôi phục chế độ quân chủ. Một liên minh mới của các nước quân chủ châu Âu chống Pháp được thành lập. Tháng 11–1799, Na-pô-lê-ông Bô-na-pác, một viên tướng có tài, được giai cấp tư sản ủng hộ, tiến hành cuộc đảo chính, xoá bỏ chế độ Đốc chính. Cách mạng tư sản Pháp chấm dứt.

? Những nguyên nhân nào dẫn tới sự sụp đổ của nền chuyên chính dân chủ cách mạng Giacôbanh ?

V – TÍNH CHẤT VÀ Ý NGHĨA CỦA CÁCH MẠNG TƯ SẢN PHÁP

Do sức mạnh đấu tranh của quần chúng nhân dân, Cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỉ XVIII thành công và "phát triển theo đường đi lên". Đây là cuộc cách mạng tư sản triệt để nhất, đã lật đổ nền quân chủ chuyên chế, tuyên bố xác lập chế độ tư bản cùng các quyền tự do dân chủ, xoá bỏ chế độ đẳng cấp và quan hệ ruộng đất phong kiến, mở đường cho kinh tế tư bản chủ nghĩa phát triển...

(1) Tháng Técmiđo (tháng Nóng), tên gọi tháng 7 theo lịch cách mạng – các tháng được đặt tên theo thời tiết hay mùa vụ trong năm.

timdapan.com

Cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỉ XVIII không chỉ có ý nghĩa đối với nước Pháp mà còn có ảnh hưởng to lớn đến nhiều nước khác : tư tưởng dân tộc, dân chủ được truyền bá rộng rãi ở châu Âu, chế độ quân chủ phong kiến nhiều nước bị lung lay, để lại nhiều bài học kinh nghiệm cho phong trào cách mạng ở các nước.

Tuy nhiên, Cách mạng tư sản Pháp cũng như các cuộc cách mạng tư sản khác có nhiều hạn chế : tiếp tục duy trì chế độ tư hữu, không giải phóng người lao động khỏi ách áp bức...

? *Hãy nêu ý nghĩa lịch sử của Cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỉ XVIII.*

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. Vẽ sơ đồ minh hoạ diễn biến Cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỉ XVIII.
2. Vai trò của quần chúng nhân dân thể hiện như thế nào trong Cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỉ XVIII ?

PHẦN ĐỌC THÊM

Về ý nghĩa của Cách mạng Pháp

"Cách mạng Pháp xứng đáng là một cuộc đại cách mạng. Nó đã làm biết bao nhiêu việc cho giai cấp nó, tức là giai cấp tư sản, đến nỗi trọn thế kỉ XIX là thế kỉ đem lại văn minh và văn hoá cho toàn thể nhân loại được diễn ra dưới dấu hiệu của Cách mạng Pháp".

(V. I. Lê-nin, *Toàn tập*, Tập 29, NXB Tiến bộ, M., 1972, tr. 342, bản tiếng Nga)

Về bài học của Cách mạng Pháp

... "Cách mệnh Pháp làm gương cho chúng ta về những việc gì ?

1. Dân chúng công nông là gốc cách mệnh...
2. Cách mệnh thì phải có tổ chức rất vững bền mới thành công.
3. Đàn bà, trẻ con cũng giúp làm việc cách mệnh được nhiều.
4. Dân khí mạnh thì quân lính nào, súng ống nào cũng không chống lại".

(Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Tập 2, Sđd, tr. 274)

timdapan.com

Chương II

CÁC NƯỚC ÂU – MĨ
(Đầu thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX)

Bài 5 CHÂU ÂU TỪ CHIẾN TRANH NA-PÔ-LÊ-ÔNG ĐẾN HỘI NGHỊ VIÊN

Cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỉ XVIII ảnh hưởng rất lớn đến tình hình châu Âu, nhất là cuộc đấu tranh chống chế độ phong kiến thống trị và sự phát triển của chủ nghĩa tư bản.

1. Chiến tranh Na-pô-lê-ông

Trong thời kì chiến tranh cách mạng bảo vệ nước cộng hoà, chống liên minh phong kiến, quân đội Pháp chiếm một số lãnh thổ ở Tây Âu và tác động đến tinh thần đấu tranh giải phóng nông dân khỏi ách phong kiến địa phương. Điều này có ý nghĩa tiến bộ, nhưng khi Na-pô-lê-ông Bô-na-pác tiến hành chiến tranh ở châu Âu thì cuộc chiến tranh mang tính chất xâm lược.

Na-pô-lê-ông Bô-na-pác sinh năm 1769 ở đảo Coóc. Đảo này vốn thuộc I-ta-li-a, nhưng 3 tháng trước khi Na-pô-lê-ông ra đời thuộc về Pháp.
Cha Na-pô-lê-ông là luật sư, vốn là một quý tộc bị phá sản. Năm 15 tuổi, Na-pô-lê-ông vào học Trường quân sự Pa-ri và tốt nghiệp loại ưu.

Na-pô-lê-ông trở thành quân nhân chuyên nghiệp. Năm 1793, ông dùng lực lượng pháo binh đánh tan quân Anh chiếm đóng Tu-lông, giải phóng thành phố. Vì chiến công này, Quốc hội đã phong tướng cho viên sĩ quan tài năng 24 tuổi.

Năm 1795, Na-pô-lê-ông lại dùng trọng pháo dẹp tan bọn bảo hoàng nổi loạn ở Pa-ri. Sau đó, ông được cử chỉ huy đoàn quân Pháp tiến vào Bắc I-ta-li-a, đánh quân Áo. Na-pô-lê-ông xây dựng kế hoạch chiếm toàn bộ châu Âu và phương Đông. Ông chọn I-ta-li-a làm điểm khởi đầu của kế hoạch này.

Sau khi chiếm được I-ta-li-a, Na-pô-lê-ông tiến sát đến biên giới Áo, đánh tan quân đội Áo và kí với nước này Hoà ước 1797. Theo đó, Áo công nhận vùng tả ngạn sông Ranh thuộc về Pháp. Thuỵ Sĩ, Hà Lan cũng sáp nhập vào Pháp.

timdapan.com

Nước Anh không chịu nhượng bộ. Na-pô-lê-ông chuyển sang đánh nhau với Anh. Ông quyết định hành quân sang Ấn Độ để cướp thuộc địa giàu có này của Anh. Bước đầu, ông tiến quân đánh chiếm Ai Cập và Xi-ri, song không thành công. Tháng 10 – 1799, Na-pô-lê-ông trở về Pa-ri.

Hình 15. *Na-pô-lê-ông trên ngai vàng*

Sau cuộc đảo chính tháng Sương mù (11 – 1799), Na-pô-lê-ông nắm chính quyền ở Pháp, đến năm 1804 lên ngôi Hoàng đế, thiết lập nền *Đế chế thứ nhất* (1804 – 1815).

Lên cầm quyền, Na-pô-lê-ông tìm cách tập trung quyền lực vào chính quyền trung ương, cải tổ nền hành chính và tư pháp, mở mang trường học, khuyến khích phát triển công nghệ, thống nhất đơn vị đo lường và chế độ thuế... Chính quyền Na-pô-lê-ông củng cố các thành quả cơ bản của Cách mạng tư sản Pháp, tạo điều kiện cho sự phát triển kinh tế tư bản chủ nghĩa.

Sau khi trở thành Hoàng đế, Na-pô-lê-ông ra sức thực hiện tham vọng bá chủ của mình, đẩy mạnh cuộc chiến tranh xâm lược mới ở châu Âu mà đối thủ chính trước mắt là Anh, Áo, Nga.

Mùa thu năm 1805, Na-pô-lê-ông tập trung 2 300 tàu chiến để tiến hành cuộc đổ bộ lên nước Anh, nhưng bị hải quân Anh, do Đô đốc Nen-xơn chỉ huy, đánh bại trong cuộc thuỷ chiến lớn ở mũi Tơ-ra-phan-ga (gần Tây Ban Nha).
Năm 1806, Na-pô-lê-ông đánh bại quân Áo, rồi quân Phổ và tiến vào Béc-lin.
Năm 1807, sau một vài trận chiến đẫm máu với quân Nga, Na-pô-lê-ông kí Hiệp ước Tin-dít với Nga và Phổ.

Tháng 6 – 1812, không tuyên chiến, Na-pô-lê-ông đích thân chỉ huy 64 vạn quân, gồm binh lính nhiều dân tộc ở châu Âu, tiến đánh nước Nga.

Trái với dự tính của Na-pô-lê-ông, quân Nga do Cu-tu-dốp chỉ huy, không nghênh chiến, sử dụng chiến thuật dụ địch vào sâu lãnh thổ Nga. Ngày 7 – 9 – 1812, trận Bô-rô-đi-nô[1] diễn ra rất ác liệt giữa khoảng 13 vạn quân Nga với 13,5 vạn quân Na-pô-lê-ông : hơn 4 vạn quân Nga hi sinh, gần 6 vạn quân Pháp tử trận.

(1) Tên một làng, cách Mát-xcơ-va khoảng 120 km.

timdapan.com

Để bảo toàn lực lượng chiến đấu lâu dài, Cu-tu-dốp quyết định rút khỏi Mát-xcơ-va. Quân Pháp vào chiếm đóng thành phố đang cháy lớn, không có người ở, không có lương thực. Na-pô-lê-ông dự định đánh chiếm vùng giàu có phía nam, nhưng đến đâu cũng gặp quân Nga và sức kháng cự mãnh liệt của nhân dân Nga.

Cuối cùng, không thể tiếp tục chiếm đóng nước Nga, quân Na-pô-lê-ông phải rút về nước. Sau 12 ngày đêm vất vả, Na-pô-lê-ông mới về đến Pa-ri.

Thất bại của Na-pô-lê-ông ở Nga có ảnh hưởng quyết định đến số phận của Đế chế Pháp và Na-pô-lê-ông. Quân đội Na-pô-lê-ông lần lượt bị thất bại trên các chiến trường ở châu Âu. Ngày 18 – 6 – 1815, trong trận đánh lớn cuối cùng ở Oa-téc-lô, gần Brúc-xen (Bỉ), quân đội Na-pô-lê-ông bị tiêu diệt. Na-pô-lê-ông bị bắt làm tù binh và bị đày ra đảo Xanh Ê-len, rồi chết ở đây (năm 1821).

Nguyên nhân thất bại của quân đội Na-pô-lê-ông là gì ?

2. Hội nghị Viên và tình hình châu Âu

Sau khi đánh bại nước Pháp và bắt Na-pô-lê-ông đi đày, các nguyên thủ quốc gia và bộ trưởng nhiều nước châu Âu họp ở Viên (1814 – 1815), thảo luận những điều kiện kí Hiệp ước hoà bình và vẽ lại bản đồ châu Âu theo hướng có lợi cho họ. Mọi việc tại Hội nghị Viên đều do "Uỷ ban 4 nước", gồm đại biểu các nước thắng trận : Anh, Nga, Áo, Phổ quyết định.

Theo quyết định của Hội nghị Viên, nước Pháp trở về biên giới cũ trước chiến tranh cách mạng. Pháp phải trả 700 triệu phrăng tiền bồi thường chiến phí và giao cho quân Đồng minh toàn bộ hạm đội của mình. Lu-i XVIII được công nhận là vua nước Pháp. Các nước thắng trận chia nhau đất đai chiếm được.

Sau Hội nghị Viên, triều đại Buốc-bông, từng bị lật đổ trong Cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỉ XVIII, được phục hồi.

Nhằm chống lại các lực lượng cách mạng, năm 1815, theo đề nghị của Nga hoàng A-lếch-xan-đrơ I, vua các nước châu Âu thành lập *Liên minh Thần thánh*.

Trên danh nghĩa tôn giáo, Liên minh Thần thánh quy định các vua phải giúp đỡ nhau và dùng "lực lượng chung" để đàn áp cách mạng nếu nổ ra ở bất cứ nơi nào. Lúc đầu mới có ba nước Nga, Áo, Phổ kí vào văn kiện. Lần lượt, hầu hết các nước châu Âu xin gia nhập Liên minh. Anh không phải là thành viên của Liên minh, song tích cực ủng hộ việc đàn áp cách mạng.

Về thực chất, Liên minh Thần thánh là liên minh phản động của các vua chúa phong kiến châu Âu chống lại xu hướng cách mạng tư sản.

timdapan.com

Hình 16. *Bộ trưởng Ngoại giao Áo Mét-téc-nich (đứng giữa, cầm cân) trong Hội nghị Viên 1815 (tranh châm biếm đương thời)*

Dù bị Liên minh Thần thánh tìm cách đàn áp, phong trào cách mạng vẫn diễn ra ở nhiều nước châu Âu, mạnh nhất là ở Tây Ban Nha.

Năm 1820, một số trung đoàn Tây Ban Nha, bị điều sang đàn áp cuộc khởi nghĩa của các thuộc địa ở Nam Mĩ, đã nổi dậy đấu tranh. Những người khởi nghĩa đòi bỏ những luật lệ hà khắc, đánh thuế vào quý tộc và tăng lữ, đóng cửa tu viện, tịch thu ruộng đất của quý tộc và khôi phục Hiến pháp 1812.

Cuộc khởi nghĩa lan nhanh ra nhiều địa phương trong nước, kể cả Thủ đô Ma-đrít. Vua Tây Ban Nha phải nhượng bộ : triệu tập Nghị viện, phục hồi Hiến pháp, giảm nhẹ hình phạt, tiến hành các cuộc cải cách tư sản. Năm 1823, Liên minh Thần thánh gửi 10 vạn quân Pháp, kết hợp với đội quân phản cách mạng của Giáo hội, đàn áp dã man cuộc khởi nghĩa và khôi phục quyền chuyên chế của nhà vua.

Cách mạng ở Tây Ban Nha thất bại, không chỉ vì sự can thiệp vũ trang của Liên minh Thần thánh mà còn vì những người cách mạng không dựa vào nhân dân, chỉ lo đấu tranh quân sự.

Vào những năm 20 của thế kỉ XIX, phong trào cách mạng tư sản còn nổ ra ở nhiều nơi khác, trong đó có I-ta-li-a, nhưng đều thất bại.

? *Quan sát hình 16 và nêu ý đồ của Liên minh Thần thánh.*

timdapan.com

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. Tình hình châu Âu từ sau Hội nghị Viên có những diễn biến quan trọng nào ?
2. Tại sao các nước châu Âu liên minh chống lại Na-pô-lê-ông ?

PHẦN ĐỌC THÊM

Mét-téc-ních Uyn-nơ-bua (1773 – 1859), nhà hoạt động chính trị và ngoại giao Áo. Bảo vệ chế độ quân chủ, chống Cách mạng tư sản Pháp 1789 và Đế chế Na-pô-lê-ông I. Năm 1806, làm Đại sứ Áo ở Pa-ri (Pháp) ; năm 1809, Bộ trưởng Ngoại giao[1]. Thành lập Liên minh các nước châu Âu chống Na-pô-lê-ông, nhằm phục hồi triều đại Buốc-bông ở Pháp. Đóng vai trò quan trọng trong Hội nghị Viên (1815), đề ra chủ trương "cân bằng châu Âu" để hạn chế thế lực các nước lớn, thành lập Đồng minh Thần thánh (Liên minh Thần thánh) dưới ảnh hưởng của Áo. Cuộc Cách mạng 1848 ở Viên đã kết thúc vai trò chính trị của Mét-téc-ních Uyn-nơ-bua. Nguyên tắc ngoại giao của Mét-téc-ních Uyn-nơ-bua : 1) Không được làm cuộc thương lượng tan vỡ, nhất là trong trường hợp để cứu vãn hay lập lại hoà bình. 2) Phải chuẩn bị kĩ lưỡng tới mức tối đa mọi văn kiện ngoại giao, mọi cuộc họp bộ trưởng, lãnh đạo nhà nước, mọi việc thảo hiệp ước. 3) Không cam kết khi chưa chín muồi, giành lấy cho mình sự tự do hành động càng lâu càng hay. 4) Về mặt chính trị, không có việc gì nhỏ, mọi việc đều nằm trong hệ thống ; một cường quốc phải có mặt ở khắp nơi. 5) Cần nắm đến chi tiết nhỏ hoạt động của đồng minh và kẻ thù, nguyên nhân che đậy hoạt động đó. Những nguyên tắc này đã được Kít-xin-giơ (H. A. Kissinger) vận dụng một cách nghiêm ngặt trong các cuộc hội nghị và thương lượng quốc tế, trong đó có cuộc Hội nghị Pa-ri về Việt Nam. Mét-téc-ních Uyn-nơ-bua đã giành được nhiều nhượng bộ của những người đối thoại, đem lại nhiều thành quả cho các thế lực thống trị của Áo và châu Âu trong gần 40 năm kể từ Hội nghị Viên (1815).

(Theo : *Từ điển Bách khoa Việt Nam*, Tập 2,
NXB Từ điển bách khoa, H., 2002, tr. 903)

(1) Năm 1821, kiêm Thủ tướng Áo.

timdapan.com

Bài 6 CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP (Nửa sau thế kỉ XVIII _ giữa thế kỉ XIX)

Từ những năm 60 của thế kỉ XVIII, ở Anh diễn ra cuộc cách mạng công nghiệp, sau đó đã lan sang các nước Pháp, Đức... Quá trình này đã tạo ra những chuyển biến kinh tế, xã hội hết sức to lớn và sâu sắc.

I – CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP Ở ANH

1. Những tiền đề của cách mạng công nghiệp

Sau thắng lợi của cách mạng tư sản, kinh tế tư bản chủ nghĩa ở Anh phát triển ngày càng mạnh mẽ. Nước Anh tăng cường xâm chiếm thuộc địa (Ấn Độ, Bắc Mĩ, Ô-xtrây-li-a...). Bằng hoạt động kinh doanh trong nước, buôn bán nô lệ, khai thác thuộc địa..., giai cấp tư sản Anh đã tích luỹ được lượng *tỏ bản* khổng lồ để đầu tư phát triển công nghiệp.

Cùng với sự phát triển kinh tế, việc tước đoạt ruộng đất của nông dân cũng được đẩy mạnh. Nông dân mất ruộng, thợ thủ công bị phá sản buộc phải bán sức lao động của mình. Vì vậy, ở Anh luôn sẵn *nhân công* hơn các nước khác.

Mặt khác, những tiến bộ về *kĩ thuật* và tổ chức sản xuất trong công trường thủ công Anh, như phân công lao động ở trình độ cao, đã tạo điều kiện để phát minh ra máy móc. Ngoài ra, công trường thủ công còn sản sinh ra những công nhân lành nghề, có thể phát minh và sử dụng máy móc.

Theo ghi chép của A-đam Xmít, nhà kinh tế chính trị học Anh (1723 – 1790), để làm một kim băng phải trải qua 18 công đoạn, công cụ lao động được chuyên môn hoá (riêng ở Bớc-minh-ham đã sản xuất khoảng 500 loại búa khác nhau, mỗi loại thích hợp cho một công việc đặc thù)...

Như vậy, nước Anh sau cách mạng tư sản có đủ những tiền đề để tiến hành cách mạng công nghiệp : tư bản, nhân công và sự phát triển kĩ thuật. Anh vượt hẳn các nước Âu – Mĩ về những điều kiện trên, nên cách mạng công nghiệp khởi đầu sớm nhất.

? *Những tiền đề làm cho cách mạng công nghiệp khởi đầu ở Anh sớm hơn các nước khác là gì ?*

timdapan.com

2. Sự phát minh và sử dụng máy móc

Việc đẩy mạnh sản xuất hàng hoá, phát triển buôn bán nhằm thu lợi nhuận cao đòi hỏi phải chuyển nền sản xuất thủ công sang sản xuất cơ khí. Vì vậy, việc phát minh và sử dụng máy móc trở thành một nhu cầu cấp thiết. Đó là nội dung quan trọng của cách mạng công nghiệp.

Cách mạng công nghiệp ở Anh, cũng như ở một số nước tư bản khác sau này, được bắt đầu từ công nghiệp nhẹ, bởi vì đầu tư không nhiều, thu hồi vốn nhanh và kiếm được nhiều lãi.

Từ những năm 60 của thế kỉ XVIII, máy móc được phát minh và sử dụng đầu tiên ở Anh, trước hết trong ngành dệt.

Lúc bấy giờ, hàng dệt vải bông của Anh bán chạy làm cho nghề dệt rất phát đạt, mặc dù đang có sự mất cân đối giữa khâu kéo sợi và dệt vải (cứ 10 người kéo sợi mới đủ sợi cho một thợ dệt). Năm 1764, người thợ dệt Giêm Ha-gri-vơ phát minh ra máy kéo sợi Gien-ni (lấy tên con gái mình đặt cho máy). Lúc đầu, máy kéo được 8 cọc sợi bông (chiếc xa cổ truyền chỉ kéo được 1 cọc sợi), sau cải tiến dần lên đến 16 – 18 cọc sợi, năng suất tăng gấp nhiều lần.

Tiếp đó năm 1769, Ác-crai-tơ chế ra máy kéo sợi chạy bằng sức nước.

Nhờ những phát minh trên, sợi được sản xuất ra nhiều, khung cửi thủ công dệt không kịp, làm nảy sinh nhu cầu phải cơ khí hoá ngành dệt. Năm 1785, kĩ sư Ét-mơn Các-rai phát minh ra máy dệt chạy bằng sức nước, đưa năng suất tăng 40 lần so với dệt thủ công. Do máy móc chạy bằng sức nước nên có sự bất lợi, các nhà máy phải xây dựng gần những khúc sông chảy xiết, xa trung tâm dân cư và nơi giao thông tiện lợi ; vào mùa đông, khi nước đóng băng, nhà máy phải ngừng hoạt động.

Hình 17. *Máy hơi nước của Giêm Oát*

Chính trong khoảng thời gian đó, năm 1784, Giêm Oát (1736 – 1819), thực nghiệm viên một trường đại học ở Luân Đôn, đã hoàn thiện máy hơi nước để có thể ứng dụng rộng rãi trong các lĩnh vực sản xuất, lúc đầu trong ngành dệt, luyện kim, khai mỏ, sau lan nhanh sang các ngành khác.

timdapan.com

Năm 1800, toàn nước Anh có 321 máy hơi nước (với tổng công suất 5 210 mã lực), năm 1825, tăng lên 15 000 máy hơi nước (với tổng công suất là 375 000 mã lực). Để tưởng nhớ công lao của Giêm Oát, người ta đã dựng tượng kỉ niệm tại Oét-xmin-tơ khi ông qua đời năm 1819, với dòng chữ : "Người đã nhân lên gấp bội sức mạnh của Con người".

Phương tiện vận chuyển trước đây chủ yếu dựa vào sức kéo của động vật (xe ngựa, xe bò) hoặc nhờ sức gió, sức nước (thuyền buồm). Để đáp ứng nhu cầu vận chuyển nguyên vật liệu đến nhà máy sản xuất và đưa hàng hoá đi các nơi, máy móc được sử dụng trong giao thông vận tải.

Từ đầu thế kỉ XIX, tàu thuỷ và xe lửa xuất hiện với đầu máy hơi nước. Hệ thống đường sắt phát triển, mở rộng khả năng vận tải, nối liền các trung tâm công thương nghiệp.

Năm 1814, Xti-phen-xơn chế tạo thành công đầu máy xe lửa đầu tiên. Năm 1825, nước Anh khánh thành đoạn đường sắt đầu tiên nối liền Man-chét-xtơ với Li-vơ-pun. Năm 1830, cả nước Anh chỉ có 108 km đường sắt, đến năm 1850 đã tăng lên 10 000 km.

Hình 18. *Đầu máy xe lửa Xti-phen-xơn*

Máy móc và đường sắt phát triển đòi hỏi phải đẩy mạnh sản xuất ở các ngành công nghiệp nặng : khai mỏ, luyện kim, chế tạo máy... Năm 1850, Anh sản xuất được một nửa số gang, thép và than đá của thế giới.

Như vậy, từ giữa thế kỉ XVIII đến giữa thế kỉ XIX, ở Anh đã diễn ra quá trình chuyển từ sản xuất nhỏ thủ công sang sản xuất lớn bằng máy móc, tạo ra những biến đổi to lớn về kinh tế và xã hội. Đây là cuộc cách mạng công nghiệp, diễn ra đầu tiên ở Anh, sớm hơn các nước khác từ 50 đến 100 năm, biến nước Anh từ một nước nông nghiệp thành nước công nghiệp phát triển nhất thế giới lúc bấy giờ. Nước Anh được mệnh danh là "công xưởng của thế giới".

timdapan.com

? – *Trình bày những thành tựu nổi bật của cách mạng công nghiệp Anh.*

– *Các phát minh kĩ thuật đã đáp ứng yêu cầu sản xuất, lưu thông hàng hoá như thế nào ?*

II – CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP Ở PHÁP VÀ ĐỨC

Ở Pháp, cách mạng công nghiệp bắt đầu từ năm 1830, trước tiên trong công nghiệp nhẹ, rồi phát triển mạnh mẽ vào những năm 1850 – 1870. Chỉ trong 20 năm (1830 – 1850), các mặt sản xuất của Pháp tăng lên nhiều.

Sản lượng gang, sắt tăng 3 lần, độ dài đường sắt tăng 100 lần (từ 30 km tăng lên 3 000 km, đến năm 1870 tăng lên 16 500 km). Giữa thế kỉ XIX, Pháp có trên 5 000 máy hơi nước, đến năm 1870 có trên 27 000 chiếc.

Nhờ cách mạng công nghiệp, kinh tế Pháp phát triển, đứng thứ hai trên thế giới (sau Anh), hơn hẳn các nước khác trên lục địa châu Âu.

Ở Đức, tuy đất nước chưa thống nhất, giai cấp tư sản chưa đóng vai trò chủ đạo nhưng cách mạng công nghiệp vẫn diễn ra từ những năm 40 của thế kỉ XIX. Trong những năm 1850 – 1860, kinh tế Đức phát triển với tốc độ rất cao.

Hình 19. *Cơ khí hoá nông nghiệp ở Đức thế kỉ XIX*

Sản lượng than, sắt, thép và độ dài đường sắt tăng từ 2 đến 3 lần, số máy hơi nước tăng 6 lần. Nhờ tiếp thu những thành tựu khoa học – kĩ thuật mới,

timdapan.com

các ngành công nghiệp khai mỏ, hoá chất, luyện kim tăng nhanh và có vai trò chủ đạo trong nền kinh tế Đức.

Từ năm 1860 đến năm 1870, sản lượng than đá của Đức tăng từ 12 triệu tấn lên 26 triệu tấn.

Máy móc cũng được sử dụng trong nông nghiệp. Trên đồng ruộng đã xuất hiện máy cày, máy bừa, máy gặt đập. Đồng thời, phân bón hoá học được sử dụng rộng rãi, góp phần làm tăng năng suất cây trồng.

? *Cách mạng công nghiệp ở Pháp và Đức diễn ra như thế nào ?*

III – HỆ QUẢ CỦA CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP

Cách mạng công nghiệp làm thay đổi bộ mặt các nước tư bản : nhiều trung tâm công nghiệp mới với thành thị đông dân xuất hiện ; máy móc đã làm thay đổi căn bản quá trình sản xuất, nâng cao năng suất lao động, tạo nguồn của cải xã hội dồi dào. Cách mạng công nghiệp đã thúc đẩy nhiều ngành kinh tế phát triển, đặc biệt là giao thông vận tải và nông nghiệp. Nhu cầu công nghiệp hoá khiến nông nghiệp chuyển sang phương thức chuyên canh hoặc thâm canh ; đồng thời quá trình cơ giới hoá nông nghiệp cũng góp phần giải phóng sức lao động của nông dân, bổ sung lực lượng lao động cho công nghiệp và dịch vụ.

Về mặt xã hội, hệ quả quan trọng nhất của cách mạng công nghiệp là hình thành hai giai cấp cơ bản của xã hội tư bản : giai cấp tư sản và giai cấp vô sản. Qua cách mạng công nghiệp, giai cấp tư sản càng giàu lên nhanh chóng, trở thành giai cấp thống trị xã hội. Cách mạng công nghiệp đã làm cho đội ngũ vô sản ngày càng trở nên đông đảo. Với thân phận là người lao động làm thuê, chịu áp bức bóc lột, giai cấp vô sản mâu thuẫn quyền lợi với giai cấp tư sản, đứng lên đấu tranh chống áp bức bóc lột.

? *Cách mạng công nghiệp đã dẫn tới những hệ quả gì ?*

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. Tại sao cách mạng công nghiệp diễn ra đầu tiên ở Anh ?
2. Lập bảng thống kê về mốc thời gian và thành tựu chủ yếu của cách mạng công nghiệp ở Anh, Pháp và Đức.

timdapan.com

PHẦN ĐỌC THÊM

Bước khởi đầu của cách mạng công nghiệp

Việc hoàn thiện và sử dụng máy hơi nước của Giêm Oát được coi là sự mở đầu của quá trình cơ giới hoá, mang ý nghĩa một cuộc cách mạng công nghiệp.

Điều quan trọng nhất là máy hơi nước đã tạo ra nguồn động lực mới làm giảm nhẹ sức lao động cơ bắp của con người. Nó tạo điều kiện cho sự chuyển cách thức lao động bằng tay được thực hiện từ khi loài người xuất hiện sang sử dụng máy móc. Đó là yếu tố cơ bản của công nghiệp hoá, đánh dấu bước nhảy vọt cách mạng trong lịch sử sản xuất của nhân loại, bước chuyển cơ bản từ nền văn minh nông nghiệp sang văn minh công nghiệp. Trong quá trình tiến hành cách mạng công nghiệp, cơ cấu sản xuất công nghiệp dần dần được hoàn chỉnh. Để giải quyết nguồn nhiên liệu và nguyên liệu, ngành khai mỏ phát triển nhanh chóng. Nhờ vậy, người ta có thể khai thác than và các khoáng sản kim loại. Phát minh về phương pháp luyện than cốc năm 1735 là một đóng góp quan trọng cho việc luyện gang thép. Lò luyện gang đầu tiên được xây dựng năm 1784, làm tăng lên gấp nhiều lần khả năng sản xuất đồ kim loại, khiến cho các cầu ở nước Anh dần dần được thay bằng cầu sắt, các nhà máy dần dần được trang bị các loại máy công cụ và máy công tác cụ thể. Nhờ vậy hình thành cơ cấu công nghiệp nặng sản xuất máy cái và công nghiệp nhẹ cung cấp các loại hàng tiêu dùng.

(Theo : Vũ Dương Ninh (Chủ biên), *Lịch sử văn minh thế giới*,
NXB Giáo dục, H., 2000, tr. 312)

timdapan.com

Bài 7 HOÀN THÀNH CÁCH MẠNG TƯ SẢN Ở CHÂU ÂU VÀ MĨ (giữa thế kỉ XIX)

Trong các thập niên 50, 60 của thế kỉ XIX, nhiều cuộc cách mạng tư sản diễn ra dưới những hình thức khác nhau ở châu Âu và Bắc Mĩ, đem lại sự toàn thắng của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, tạo điều kiện cho chủ nghĩa tư bản phát triển mạnh mẽ.

I – CUỘC ĐẤU TRANH THỐNG NHẤT Ở ĐỨC VÀ I-TA-LI-A

1. Cuộc đấu tranh thống nhất nước Đức

Các phong trào cách mạng những năm giữa thế kỉ XIX ở Đức thất bại, tuy không giải quyết được nhiệm vụ thống nhất đất nước (đang bị chia thành 38 vương quốc lớn nhỏ) nhưng cũng tạo điều kiện cho nền đại công nghiệp phát triển, nhất là ở Vương quốc Phổ (vương quốc lớn mạnh nhất ở Đức lúc bấy giờ). Từ một nước nông nghiệp, Đức dần trở thành một nước công nghiệp. Riêng ở Béc-lin, số lượng công nhân tăng từ 5 vạn lên 18 vạn trong vòng 10 năm (1849 – 1859). Sự phát triển của kinh tế tư bản chủ nghĩa đặt ra một cách cấp thiết nhiệm vụ thống nhất đất nước. Tuy có những bước phát triển đáng kể về mặt tổ chức, giai cấp vô sản Đức chưa thể lãnh đạo quần chúng đấu tranh thống nhất đất nước "từ dưới lên" bằng con đường cách mạng. Mặt khác, từ sau Cách mạng 1848 – 1849, giai cấp tư sản ủng hộ giai cấp địa chủ quân phiệt Phổ, dùng vũ lực để thống nhất đất nước "từ trên xuống". Năm 1862, Bi-xmác lên làm Thủ tướng Phổ, đảm nhận nhiệm vụ lãnh đạo công cuộc thống nhất đất nước.

Ôt-tô Phôn Bi-xmác là một địa chủ quý tộc Phổ, một nhà hoạt động chính trị, ngoại giao nổi tiếng. Năm 1862, tại Quốc hội Phổ, Bi-xmác đã tuyên bố : "Những vấn đề lớn của thời đại sẽ được giải quyết không phải bằng diễn văn hoặc bằng số phiếu bầu của đa số, mà bằng sắt và máu"

Quá trình thống nhất Đức được thực hiện thông qua các cuộc chiến tranh.

Năm 1864, Phổ gây chiến với Đan Mạch.

timdapan.com

Năm 1866, Phổ gây chiến với Áo và giành được thắng lợi. Sau đó, Phổ hoà hoãn với Áo để chuẩn bị chiến tranh chống Pháp. Năm 1867, Liên bang Bắc Đức được thành lập do Phổ đứng đầu.

Hình 20. Ô. P. Bi-xmác (1815 _ 1898)

Liên bang gồm 18 bang ở Bắc Đức và ba thành phố tự do. Quốc hội gồm ba viện, với quyền hành hạn chế. Chủ tịch Liên bang (vua Phổ) có quyền rất lớn. Bi-xmác vừa là Thủ tướng Phổ, vừa là Thủ tướng Liên bang, chỉ chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Liên bang.

Liên bang Bắc Đức chỉ là kết quả bước đầu trên con đường thống nhất Đức của Bi-xmác. Song, khi tiến hành sáp nhập với các quốc gia miền Nam, Phổ bị Pháp ngăn cản vì Pháp không muốn có một quốc gia thống nhất, hùng mạnh bên cạnh. Pháp đã lôi kéo các nước Nam Đức chống lại Phổ. Bằng thắng lợi trong cuộc chiến tranh Pháp – Phổ (1870 – 1871), Bi-xmác đã hoàn thành việc thống nhất đất nước.

Hình 21. Lược đồ quá trình thống nhất Đức

timdapan.com

Cuộc đấu tranh thống nhất Đức được thực hiện "từ trên xuống". Nó mang tính chất một cuộc cách mạng tư sản, mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển mạnh mẽ hơn. Nước Đức thống nhất dần dần bị quân phiệt hoá theo kiểu Phổ và trở thành một trung tâm gây chiến ở châu Âu, lò lửa của hai cuộc chiến tranh thế giới sau này.

Hình 22. *Lễ đăng quang Hoàng đế nõớc Đức thống nhất tại Phòng Gõơng _ Cung điện Véc-xai (Pháp) ngày 18 _ 1_ 1871*

2. Cuộc đấu tranh thống nhất I-ta-li-a

Sau năm 1815, I-ta-li-a bị chia xẻ thành 7 nước lớn, nhỏ theo chế độ quân chủ chuyên chế và phần lớn phụ thuộc đế quốc Áo. Nhân dân I-ta-li-a nhiều lần đấu tranh chống ách thống trị phong kiến và sự đô hộ của Áo để thống nhất đất nước. Năm 1848, một cuộc cách mạng tư sản đã nổ ra trên bán đảo I-ta-li-a. Công nhân và dân nghèo thành thị, dưới sự lãnh đạo của phái tư sản cách mạng, đã nổi dậy đấu tranh. Nhưng cách mạng đã thất bại vì so sánh lực lượng giữa phản cách mạng và cách mạng quá chênh lệch, vì thiếu một trung tâm chỉ đạo phong trào.

Khoảng 10 năm sau Cách mạng 1848, chủ nghĩa tư bản bắt đầu phát triển mạnh ở các xứ miền Bắc I-ta-li-a, đặc biệt ở Vương quốc Pi-ê-môn-tê. Vấn đề thống nhất đất nước lại được đặt ra. Giai cấp tư sản I-ta-li-a hướng về Pi-ê-môn-tê, nơi có chế độ chính trị và kinh tế tiến bộ hơn cả.

Bá tước Ca-vua, Thủ tướng Pi-ê-môn-tê, từ khi lên cầm quyền chủ trương mở mang kinh tế và xây dựng quân đội. Đại diện cho quý tộc tư sản hoá và tầng lớp đại tư sản, Ca-vua cũng có tham vọng thống nhất I-ta-li-a "từ trên xuống", lập ra một nhà nước quân chủ lập hiến dưới quyền vua Pi-ê-môn-tê.

timdapan.com

Hình 23. *G. Ga-ri-ban-đi (1807 _ 1882)*

Từ tháng 4 – 1859, Ca-vua liên minh với Pháp để tiến hành chiến tranh với Áo, giành lại chủ quyền, thống nhất một số vùng miền Bắc và miền Trung I-ta-li-a. Tháng 4 – 1860, cuộc khởi nghĩa của nhân dân đảo Xi-xi-li-a (Nam I-ta-li-a) bùng nổ nhằm lật đổ ách thống trị của Áo và thống nhất đất nước. Theo thoả thuận với Ca-vua, Ga-ri-ban-đi đem quân xuống giúp nhân dân Nam I-ta-li-a. "Đội quân áo đỏ" hơn 1 000 người do Ga-ri-ban-đi chỉ huy, đã vượt biển, đổ bộ lên đảo Xi-xi-li-a.

Giu-xép-pe Ga-ri-ban-đi xuất thân trong một gia đình thuỷ thủ. Năm 1833, ông gia nhập tổ chức "Nước I-ta-li-a trẻ", tham gia khởi nghĩa chống Áo, rồi sang Nam Mĩ, trở thành chiến sĩ quốc tế đấu tranh vì quyền dân chủ. Năm 1848, Ga-ri-ban-đi về nước, tổ chức "Đội quân áo đỏ" tập hợp hàng nghìn người, tiến hành đấu tranh chống chế độ thống trị của Áo và ách phong kiến nhằm thống nhất đất nước.

Nhân dân miền Nam I-ta-li-a đón chào Ga-ri-ban-đi. Chỉ trong 2 ngày, 4 000 người đã tình nguyện xin gia nhập "Đội quân áo đỏ". Cuối tháng 5 – 1860, đạo quân Ga-ri-ban-đi giải phóng đảo Xi-xi-li-a. Tháng 8, quân cách mạng lại vượt biển tiến vào Na-pô-li (thủ phủ của Vương quốc Nam I-ta-li-a), giải phóng Nam I-ta-li-a.

Chính quyền mới được thành lập do Ga-ri-ban-đi làm Chấp chính, ban hành những chính sách dân chủ : chia ruộng đất cho nông dân, bãi bỏ đặc quyền phong kiến.

Nhưng quần chúng không được hưởng thành quả đấu tranh của mình. Trước sức ép của Ca-vua, tháng 10 – 1860 Ga-ri-ban-đi thoả thuận cho sáp nhập Nam I-ta-li-a vào Pi-ê-môn-tê. Phong trào nông dân khởi nghĩa bị dập tắt.

Tiếp đó, Pi-ê-môn-tê tuyên bố thành lập Vương quốc I-ta-li-a, nhưng nước I-ta-li-a chưa được thống nhất hoàn toàn. Vê-nê-xi-a (thuộc Áo) và Rô-ma (đất của Giáo hoàng, dưới sự bảo hộ của Pháp) chưa được giải phóng. Năm 1866, liên minh với Phổ chống Áo, I-ta-li-a giải phóng được Vê-nê-xi-a ; thu hồi Rô-ma

timdapan.com

sau cuộc chiến tranh Pháp – Phổ (1870 – 1871). Từ đó, Rô-ma trở thành Thủ đô của nước I-ta-li-a thống nhất.

Hình 24. *Lược đồ tiến trình thống nhất I-ta-li-a*

Việc thống nhất I-ta-li-a đã tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển chủ nghĩa tư bản. Nhân dân đóng vai trò quyết định trong sự nghiệp thống nhất đất nước nhưng chính quyền lại rơi vào tay tư sản và quý tộc tư sản hoá.

? *– Tại sao những cuộc đấu tranh thống nhất ở Đức và ở I-ta-li-a có ý nghĩa như những cuộc cách mạng tư sản ?*

– Hãy so sánh con đường thống nhất Đức và thống nhất I-ta-li-a.

timdapan.com

II – NỘI CHIẾN Ở MĨ (1861 – 1865) VÀ CẢI CÁCH NÔNG NÔ Ở NGA (1861)

1. Nội chiến ở Mĩ

Năm 1783, cuộc Chiến tranh giành độc lập của các thuộc địa Anh ở Bắc Mĩ kết thúc thắng lợi, nước Mĩ ra đời gồm 13 bang. Song, nhiều nhiệm vụ của một cuộc cách mạng chưa hoàn thành. Cuộc đấu tranh nhằm giải quyết những vấn đề tồn tại của nước Mĩ tiếp tục phát triển là một yêu cầu của xã hội Mĩ bấy giờ.

Hình 25. Nõớc Mĩ giữa thế kỉ XIX

Sau chiến tranh giành độc lập, nước Mĩ đã mở rộng về phía tây, đến giữa thế kỉ XIX có 30 bang. Kinh tế phát triển nhanh chóng, dần dần nước Mĩ chia làm ba miền đất với cơ cấu kinh tế – xã hội khác nhau :

– Miền Bắc là vùng công nghiệp phát triển, hai giai cấp chính trong xã hội là tư sản và công nhân.

– Miền Nam là nơi kinh tế đồn điền chiếm ưu thế, chủ nô sử dụng nhân công nô lệ da đen ngày càng nhiều.

– Miền Tây là vùng nông nghiệp của chủ trại.

Với nhiều điều kiện thuận lợi, miền Bắc nước Mĩ tiến hành cách mạng công nghiệp, đưa nước Mĩ vươn lên đứng hàng thứ tư trong số các nước công nghiệp trên thế giới.

timdapan.com

Hình 26. *A. Lin-côn (1809 _ 1865)*

Ở miền Nam, kinh tế đồn điền phát triển với các nghề trồng bông, thuốc lá, mía... dựa trên sự bóc lột lao động nô lệ da đen. Giới chủ nô đã làm giàu nhanh chóng, thế lực ngày càng mạnh. Tính đến năm 1860, chủ nô đã đưa 11 người của mình lên làm Tổng thống (trong số 16 Tổng thống Mĩ).

Sự duy trì chế độ nô lệ đồn điền ở miền Nam đã cản trở sự phát triển kinh tế tư bản chủ nghĩa ở Mĩ. Do vậy, mâu thuẫn giữa tư sản miền Bắc và chủ nô miền Nam ngày càng trở nên gay gắt. Phong trào đấu tranh đòi thủ tiêu chế độ nô lệ đã thu hút đông đảo tư sản, công nhân, chủ trại, nô lệ da đen tham gia.

Nguyên nhân trực tiếp dẫn đến nội chiến là cuộc bầu cử Tổng thống năm 1860. Lin-côn, người thuộc Đảng Cộng hoà (đảng của khối tư sản công nghiệp và chủ trại), đã trúng cử Tổng thống.

A-bra-ham Lin-côn sinh ra trong một gia đình chủ trại nghèo ở Ken-tắc-ki. Hồi trẻ, ông làm nhiều nghề để sinh sống, tranh thủ thời gian học luật và trở thành luật sư. Năm 1848, Lin-côn được bầu làm đại biểu Quốc hội. Ông chủ trương xoá bỏ chế độ nô lệ ở miền Nam, lập trang trại ở các vùng đất mới khai khẩn tại miền Tây.

Thất bại trong cuộc tuyển cử, mất ưu thế trong chính quyền, giới chủ nô kịch liệt chống đối ; 11 bang miền Nam tuyên bố tách khỏi Liên bang, thành lập Hiệp bang riêng[1].

Ngày 12 – 4 – 1861, giới chủ nô gây ra cuộc nội chiến, hòng duy trì chế độ nô lệ đang có nguy cơ bị sụp đổ. Giữa năm 1862, Tổng thống Lin-côn kí sắc lệnh cấp đất ở miền Tây cho dân di cư để phát triển trang trại. Ngày 1 – 1 – 1863, Tổng thống ban hành sắc lệnh bãi bỏ chế độ nô lệ. Hàng vạn nô lệ được giải phóng, gia nhập quân đội Chính phủ Liên bang. Chiến tranh kéo dài 4 năm, từ tháng 4 – 1861 đến tháng 4 – 1865. Ngày 9 – 4 – 1865, trước nguy cơ thảm bại, tướng Tổng chỉ huy quân đội miền Nam phải đầu hàng, nội chiến kết thúc.

(1) Vì vậy, cuộc Nội chiến ở Mĩ được gọi là *Chiến tranh li khai*.

timdapan.com

Nội chiến ở Mĩ là cuộc chiến tranh giữa các lực lượng tiến bộ, do giai cấp tư sản miền Bắc lãnh đạo, chống lại giới chủ nô muốn duy trì chế độ nô lệ ở miền Nam. Quần chúng nhân dân bao gồm chủ trại, người da đen và các tầng lớp lao động khác đã tham gia tích cực, quyết định cho sự thắng lợi. Cuộc nội chiến có ý nghĩa như một cuộc cách mạng tư sản lần thứ hai, sau Chiến tranh giành độc lập. Song, trong cuộc nội chiến, Chính phủ Liên bang tuyên bố xoá bỏ chế độ nô lệ nhưng không giải phóng hoàn toàn cho người lao động da đen. Không có ruộng đất, họ lại phải đi làm thuê, hoặc đi ở. Chế độ phân biệt chủng tộc luôn luôn đe doạ cuộc sống của họ.

? *Nguyên nhân và kết quả của cuộc Nội chiến ở Mĩ.*

2. Cải cách nông nô ở Nga

Nửa đầu thế kỉ XIX, Nga là nước phong kiến lạc hậu so với các nước tư bản phương Tây, cũng là nước duy nhất ở lục địa châu Âu không bị ảnh hưởng của Cách mạng 1848.

Đến giữa thế kỉ XIX, Nga vẫn là một nước nông nghiệp, quan hệ phong kiến – nông nô chiếm địa vị thống trị. Hầu hết ruộng đất trong tay quý tộc địa chủ và nhà nước chuyên chế. Nông dân, phần lớn là nông nô, phải lao động cưỡng bức với năng suất rất thấp. Công nghiệp không thể phát triển vì thiếu nhân công tự do và thị trường trong nước bị bó hẹp.

Trong khi đó, từ cuối thế kỉ XVIII, công trường thủ công đã phát triển. Đến giữa thế kỉ XIX, ở Nga có gần 2 800 công trường thủ công, với khoảng 86 vạn công nhân.

Công nghiệp cơ khí cũng bắt đầu phát triển nhưng bị chế độ nông nô kìm hãm. Nga còn lạc hậu hơn trong việc chế tạo máy móc, sản xuất nhiên liệu và giao thông vận tải (năm 1861, nước Nga rộng lớn chỉ có 1 500 km đường sắt).

Về chính trị, Nga hoàng tăng cường quyền thống trị chuyên chế ở Nga.

Trong khi mâu thuẫn giai cấp hết sức gay gắt, nước Nga lại lao vào cuộc chiến tranh ở vùng Crưm (với Anh, Pháp và Thổ Nhĩ Kì từ năm 1853 đến năm 1856), càng làm bộc lộ tình trạng lạc hậu về mọi mặt của nước Nga và làm cho quần chúng thêm căm thù chế độ phong kiến – nông nô. Từ năm 1858 đến năm 1860, ở Nga đã bùng nổ hơn 300 cuộc đấu tranh của nông nô chống địa chủ.

Trước sức ép của phong trào nông nô, yêu cầu cải cách chế độ được đặt ra một cách bức thiết nhằm phát triển kinh tế và xã hội.

timdapan.com

Sau một thời gian do dự, Nga hoàng A-lếch-xan-đrơ II quyết định tiến hành cải cách. Ngày 19 – 2 – 1861, Nga hoàng kí sắc luật giải phóng những nông dân lệ thuộc địa chủ và ra bản Tuyên ngôn về việc xoá bỏ chế độ nông nô.

Nông nô được thừa nhận quyền tự do thân thể, sau khi nộp tiền chuộc, có quyền tư hữu, được tham gia các hoạt động công thương, được kí kết giao kèo với người khác.

Việc giải phóng nông nô làm tăng nguồn cung cấp nhân công, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển sức sản xuất. Nhưng trong thực tế, những quyền lợi của nông nô bị hạn chế khá nhiều vì họ không thể có đủ tiền ngay để trả tiền chuộc cho địa chủ. Tuy vậy, đây là một bước ngoặt quan trọng trong lịch sử nước Nga.

Sau khi chế độ nông nô bị thủ tiêu, chủ nghĩa tư bản ở Nga phát triển khá nhanh, trước tiên là trong công nghiệp, do dựa vào đầu tư của nước ngoài và nguồn nhân công rẻ mạt.

? *Cuộc Cải cách nông nô ở Nga diễn ra như thế nào ?*

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. Vì sao có thể xem cuộc Nội chiến ở Mĩ (1861 – 1865) là cuộc cách mạng tư sản lần thứ hai ?
2. Tại sao nói : Cải cách nông nô ở Nga mang ý nghĩa một cuộc cách mạng tư sản ?
3. Vì sao phong trào cách mạng tư sản ở Đức, I-ta-li-a, Nga, Mĩ diễn ra dưới những hình thức khác nhau ?

PHẦN ĐỌC THÊM

Cuộc đấu tranh của người da đen ở Mĩ

Trong cuộc đấu tranh tự giải phóng có tới 18 vạn người da đen đứng về phía Liên bang chống lại quân đội Hiệp bang miền Nam. Trong thời gian chiến tranh, đã có tới 5 vạn nô lệ da đen bỏ trốn để thoát khỏi chế độ nô lệ, hoặc tham gia chiến đấu tích cực chống lại chủ nô. Những binh sĩ da đen hi sinh trong cuộc đấu tranh giải phóng lên tới 37 vạn người. Công cuộc giải phóng nô lệ đã động viên cao độ lòng dũng cảm hi sinh và năng lực của người da đen. Có nhiều người trong số họ đã trở thành sĩ quan chỉ huy.

(Theo : Vũ Dương Ninh – Nguyễn Văn Hồng, *Lịch sử thế giới cận đại*, NXB Giáo dục, H., 2001, tr. 194)

timdapan.com

Bài 8 CÁC NƯỚC TƯ BẢN CHUYỂN SANG GIAI ĐOẠN ĐẾ QUỐC CHỦ NGHĨA

Cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX, các nước tư bản Âu – Mĩ phát triển sang giai đoạn mới với đặc trưng nổi bật nhất là sự xuất hiện các tổ chức độc quyền và việc tăng cường chính sách xâm lược thuộc địa.

1. Sự tiến bộ về khoa học – kĩ thuật và sự phát triển của sức sản xuất

Khoảng 30 năm cuối thế kỉ XIX là thời kì chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh chuyển sang chủ nghĩa tư bản độc quyền.

Trong thời kì này, nền kinh tế ở các nước tư bản chủ nghĩa phát triển cực kì nhanh chóng, một phần là do chú trọng phát minh khoa học và áp dụng những tiến bộ về khoa học – kĩ thuật vào sản xuất.

Các phát minh về điện của G. X. Ôm (1789 – 1854) người Đức, M. Pha-ra-đây (1791 – 1867) và G. P. Giun (1818 – 1889) người Anh, E. Kh. Len-xơ (1804 – 1865) người Nga, thuyết electron của Tôm-xơn (Anh), phát hiện về năng lượng hạt nhân của Pi-e Quy-ri và Ma-ri Quy-ri (Pháp), phát minh về tia X của V. Rơn-ghen (1845 – 1923) người Đức, phát hiện định luật tuần hoàn của Men-đê-lê-ép (Nga), thuyết tiến hoá của Đác-uyn (Anh), công trình về sinh lí học của Páp-lốp (Nga)... là những thành tựu to lớn, tạo điều kiện cho việc ứng dụng và đẩy mạnh sản xuất.

Động cơ đốt trong đã được phát minh từ trước, nhưng mãi đến thập niên 90 của thế kỉ XIX, sau khi kĩ sư R. Đi-ê-den người Đức cải tiến, mới được ứng dụng rộng rãi. Động cơ đốt trong sử dụng nhiên liệu lỏng, không cần nồi hơi, so với máy hơi nước tiện lợi hơn nhiều.

Việc sử dụng động cơ đốt trong tạo ra khả năng phát triển cho ngành ô tô và máy bay, đồng thời thúc đẩy ngành khai thác dầu mỏ. Năm 1870, lượng dầu mỏ được khai thác trên toàn thế giới là 80 vạn tấn, đến năm 1900 đã tăng lên 200 triệu tấn. Từ đó, cuộc tranh giành về dầu mỏ giữa các nhà tư bản ngày càng gay gắt.

Những phát minh về điện trước tiên được sử dụng trong ngành điện thoại và điện báo. Năm 1879, Ê-đi-xơn thí nghiệm thành công việc thắp sáng, bóng đèn điện ra đời. Việc chế tạo các loại máy phát điện (đinamô, tuốcbin) và giải quyết khả năng chuyển tải điện đi xa đã tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển sản xuất. Những ngành mới xuất hiện : thông tin vô tuyến điện (rađiô), điện ảnh...

timdapan.com

Việc sử dụng lò cao Bétxme đã làm tăng sản lượng thép, tạo nên bước chuyển biến quan trọng trong ngành luyện kim, chế tạo máy... Công nghiệp hoá học (ngành công nghiệp mới) đạt nhiều thành tựu trong lĩnh vực sản xuất hoá chất, dược phẩm, thuốc nhuộm. Năm 1867, A. Nô-ben phát minh ra thuốc nổ. Đến thập niên 80 của thế kỉ XIX, ông cải tiến và chế tạo thành công loại thuốc nổ không khói. Điều đó đã thúc đẩy công nghiệp quân sự phát triển. Các loại vật liệu mới như : nhựa, chất cách điện, sợi nhân tạo... cũng bắt đầu được đưa vào sử dụng trong các ngành sản xuất.

Giao thông vận tải chuyển biến mạnh mẽ. Tàu hoả được cải tiến, mạng lưới đường sắt mở rộng khắp châu Âu.

Chiều dài đường sắt ở châu Âu năm 1850 là 15 000 km, năm 1875 : 143 000 km, năm 1900 : 283 000 km ; riêng ở Đức và Pháp : 100 000 km. Năm 1890, nước Nga khởi công xây dựng đường sắt xuyên Xi-bia, nhờ đó, hành khách có thể đáp tàu từ Pa-ri đến Vla-đi-vô-xtốc (dài 8 500 km) trong 2 tuần lễ.

Xuất hiện lần đầu vào năm 1886, ô tô nhanh chóng trở thành phương tiện giao thông quan trọng. Máy bay được thử nghiệm thành công năm 1903. Tàu biển được trang bị mới, trọng tải 30 000 – 40 000 tấn. Công trình kênh đào Xuy-ê và kênh đào Pa-na-ma đã rút ngắn đường vận chuyển trên biển.

Hình 27. *Chiếc ô tô đầu tiên (1886)*

timdapan.com

Hình 28. *Chiếc máy bay đầu tiên (1903)*

Kênh Xuy-ê dài 130 km, chảy qua Ai Cập, nối liền Địa Trung Hải với Hồng Hải, hoàn thành năm 1869. Kênh Pa-na-ma dài 79,6 km, cắt ngang Trung Mĩ, nối liền Đại Tây Dương với Thái Bình Dương, hoàn thành năm 1914.

Hình 29. *Đoàn tàu đầu tiên đi qua kênh đào Xuy-ê năm 1869*

Việc ứng dụng các tiến bộ kĩ thuật cho phép mở rộng sản xuất trên quy mô lớn, sản phẩm được sản xuất hàng loạt, được tiêu chuẩn hoá về kích thước, mẫu mã và chất lượng.

Sản lượng nông nghiệp tăng nhanh nhờ việc dùng phân bón hoá học, sử dụng các loại máy kéo, máy cày, máy gặt đập và tổ chức trạm máy bơm trong hệ thống thuỷ nông.

timdapan.com

? – *Sử dụng các kiến thức đã học về Vật lí, Hoá học..., trình bày một số thành tựu về khoa học – kĩ thuật.*

– *Vì sao đến khoảng năm 1900, mới diễn ra sự cạnh tranh gay gắt về dầu mỏ giữa các nhà tư bản ?*

– *Trình bày những hiểu biết của em về A. Nô-ben và giải Nôben.*

2. Sự xuất hiện chủ nghĩa tư bản độc quyền

Trong 30 năm cuối thế kỉ XIX, việc sử dụng những nguồn năng lượng mới cùng những tiến bộ kĩ thuật tạo ra khả năng xây dựng các ngành công nghiệp trên quy mô lớn. Đồng thời, sự cạnh tranh đã làm phá sản nhiều cơ sở kinh doanh nhỏ, tài sản tập trung dần vào tay các nhà tư bản lớn. Xu hướng tập trung sản xuất, tập trung tư bản đã dẫn đến sự xuất hiện các tổ chức độc quyền như *cácten, xanhđica* ở Đức và Pháp, *tơrớt* ở Mĩ.

Ở Pháp và Đức, những nhà công nghiệp cùng sản xuất một mặt hàng thoả thuận hợp thành cácten, xanhđica. Họ thống nhất về giá bán, khối lượng sản phẩm, thị trường tiêu thụ, điều kiện thuê nhân công, trao đổi bằng sáng chế để giảm bớt cạnh tranh : cácten thiếc, cácten hoá chất, xanhđica than...

Tơrớt ở Mĩ là hình thức tổ chức độc quyền cao, hợp nhất nhiều ngành công nghiệp giống nhau hoặc những ngành khác nhau nhưng cùng thuộc hệ thống sản xuất. Chẳng hạn, tơrớt dầu lửa của Rốc-phe-lơ (Standard Oil Company) bao gồm các cơ sở khai thác dầu, mạng lưới ống dẫn dầu, các nhà máy lọc dầu và hoá dầu, hàng trăm tàu biển, bến cảng ; khống chế thị trường dầu lửa trong nước và thế giới, sau mở rộng sang ngành công nghiệp khí đốt và điện.

Làn sóng công nghiệp hoá tác động mạnh mẽ vào nông nghiệp. Phân bón hoá học, máy cày, máy kéo, máy gặt đập được sử dụng rộng rãi. Sự chuyên môn hoá sản xuất tạo nên những nguồn hàng hoá nông nghiệp đặc biệt của từng vùng, đẩy mạnh việc buôn bán nông sản, cung cấp cho thị trường trong nước và nước ngoài.

Sự tập trung sản xuất, tập trung tư bản làm tăng vai trò của ngân hàng. Lúc đầu, ngân hàng là nơi cho vay, sau trực tiếp đầu tư, tham gia chỉ đạo sản xuất, kinh doanh. Các ngân hàng ở Pa-ri, Luân Đôn, Phran-phuốc, Viên... đầu tư vào đường sắt, khai mỏ, nhà máy, hải cảng. Bên cạnh ngân hàng nhà nước còn có nhiều ngân hàng tư nhân.

timdapan.com

Dần dần, trong ngành ngân hàng cũng có sự tập trung, hình thành những ngân hàng lớn. Một vài ngân hàng lớn khống chế mọi hoạt động kinh doanh trong cả nước. Nhiều chủ ngân hàng với số vốn khổng lồ đã nắm luôn cả các cơ sở sản xuất, trực tiếp kinh doanh công nghiệp. Sự dung hợp giữa tư bản ngân hàng với tư bản công nghiệp đã tạo nên tầng lớp *tỏ bản tài chính,* trong đó có quyền lực nhất là tầng lớp đầu sỏ tài chính. Họ lập nên các "vương triều" tư bản như "vua dầu lửa" Rốc-phe-lơ, "vua thép" Moóc-gan, "vua ô tô" Pho...

Cùng với việc xuất khẩu hàng hoá, tầng lớp tư bản tài chính đẩy mạnh xuất khẩu tư bản. Họ chuyển vốn đầu tư vào sản xuất, kinh doanh ở các nước thuộc địa, phụ thuộc hoặc cho vay lãi để thu lợi nhuận cao.

Do nguồn lợi thu được quá lớn từ xuất khẩu tư bản (thị trường tiêu thụ mở rộng, nhiều nguồn nguyên liệu và nhân công rẻ mạt...), các nước đế quốc tăng cường xâm lược thuộc địa, khiến cho sự tranh chấp giữa các nước tư bản ngày càng căng thẳng.

Như vậy, đến cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX, sự xuất hiện các tổ chức độc quyền, sự ra đời của tư bản tài chính, sự tăng cường xuất khẩu tư bản và kéo theo sự tranh giành thuộc địa ngày càng căng thẳng... là những dấu hiệu cơ bản đánh dấu bước chuyển từ chủ nghĩa tư bản tự do sang chủ nghĩa tư bản độc quyền hay chủ nghĩa đế quốc.

Trong giai đoạn đế quốc chủ nghĩa, các mâu thuẫn giữa người lao động với chủ tư bản, giữa nhân dân các nước thuộc địa với chủ nghĩa đế quốc, giữa đế quốc với đế quốc... càng trở nên sâu sắc, không thể điều hoà. Điều ấy đã dẫn đến chiến tranh thế giới và hàng loạt cuộc cách mạng trong 2 thập niên đầu của thế kỉ XX.

? *Quá trình xuất hiện chủ nghĩa tư bản độc quyền diễn ra như thế nào ?*

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. Trình bày những tiến bộ kĩ thuật nổi bật và tác động của chúng đối với sản xuất và đời sống.
2. Cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX, các nước tư bản Âu – Mĩ có những chuyển biến quan trọng gì ? Trong đó, chuyển biến nào đáng chú ý nhất ?

timdapan.com

PHẦN ĐỌC THÊM

Sự tiến bộ về kĩ thuật thế kỉ XIX

Về mặt kĩ thuật, nét nổi bật là những phát minh về điện. Phát minh của Moóc-xơ (Morse – Mĩ) về điện báo, của Ê-đi-xơn (Thomas Edison – Mĩ) về bóng đèn điện và xây dựng nhà máy điện ; tiếp theo là những phát minh về điện thoại, điện ảnh, vô tuyến điện truyền thanh (radio) và tia X đã đưa nguồn năng lượng mới vào các lĩnh vực của cuộc sống.

Việc sử dụng lò Bétxme và lò Máctanh đánh dấu một bước cách mạng trong ngành luyện kim.

Trong những năm 80 của thế kỉ XIX, những sáng chế ra máy tuốcbin phát điện chạy bằng sức nước và tuốcbin phát điện cùng việc chuyển tải điện đi xa đã tạo những điều kiện rất quan trọng để nâng cao năng suất lao động vượt bậc và mở rộng hơn nữa quy mô sản xuất.

Những phát hiện về dầu mỏ ở Mĩ và ở Nga đem lại cho loài người một nguồn nhiên liệu mới ngoài than, sau này được sử dụng rộng rãi trong các ngành công nghiệp.

Do những tiến bộ kĩ thuật trên, sản lượng các ngành công nghiệp tăng lên nhanh chóng. So sánh trong khoảng thời gian 1870 – 1900, có thể thấy mức sản xuất thép từ 25 vạn tấn lên 28,6 triệu tấn, dầu mỏ khai thác từ 0,8 triệu tấn lên 20 triệu tấn, chiều dài đường sắt tăng gấp 4 lần.

Cũng nhờ có điện, xăng dầu và động cơ tuốcbin, nhiều phương tiện giao thông mới xuất hiện như ô tô, máy bay, tàu biển, tàu ngầm.

(Theo : Vũ Dương Ninh (Chủ biên),
Lịch sử văn minh thế giới, Sđd, tr. 326)

timdapan.com

Bài 9 CÁC NƯỚC TƯ BẢN CHUYỂN SANG GIAI ĐOẠN ĐẾ QUỐC CHỦ NGHĨA (Tiếp theo)

Trong quá trình chuyển từ chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh sang chủ nghĩa tư bản độc quyền, Anh, Pháp, Đức, Mĩ là những nước phát triển mạnh nhất và thể hiện rõ nhất những đặc trưng của chủ nghĩa đế quốc.

1. Nước Anh

a) Tình hình kinh tế

Trước năm 1870, nước Anh đứng đầu thế giới về công nghiệp. Khi đó Anh được gọi là "công xưởng của thế giới" vì sản phẩm công nghiệp Anh luôn chiếm ưu thế về số lượng, chất lượng, không nước nào theo kịp.

Sau năm 1870, tốc độ phát triển về công nghiệp của nước Anh chậm lại. Vào những thập niên cuối của thế kỉ XIX, nước Anh mất dần địa vị độc quyền công nghiệp, bị Mĩ rồi Đức vượt qua.

Nguyên nhân chính của tình trạng trên là do công nghiệp Anh phát triển sớm, hàng loạt máy móc, trang thiết bị, công nghệ dần trở nên lạc hậu, hiệu suất thấp, đòi hỏi đầu tư để đổi mới rất tốn kém. Trong khi đó, giai cấp tư sản Anh chỉ chú trọng xuất khẩu tư bản sang các nước thuộc địa, Hoa Kì và các nước Mĩ Latinh hơn là đổi mới và phát triển công nghiệp vì bóc lột thuộc địa thu lợi lớn hơn và nhanh hơn nhiều.

Tuy mất địa vị bá chủ thế giới về công nghiệp, Anh vẫn đứng đầu về tài chính, xuất khẩu tư bản, thương mại, hải quân và thuộc địa.

Vào cuối thế kỉ XIX, quá trình tập trung tư bản ở Anh cũng được đẩy mạnh. Nhiều tổ chức độc quyền được thành lập và kiểm soát các ngành kinh tế, chủ yếu là công nghiệp luyện kim, đóng tàu, khai thác mỏ. Việc tập trung tư bản trong các ngân hàng cũng đạt đến mức cao. Trước Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 – 1918), các công ti độc quyền công nghiệp lớn liên kết mật thiết với 5 ngân hàng lớn nhất khu Xi-ti (Luân Đôn), chi phối toàn bộ đời sống kinh tế của nước Anh.

Nông nghiệp không chiếm vị trí quan trọng trong nền kinh tế của Anh. Phần lớn lương thực và nguyên liệu nông nghiệp phải nhập của nước ngoài, chủ yếu là các nước thuộc địa. Trong những năm 60 của thế kỉ XIX, Anh tự túc được 3/4 số lúa mì

timdapan.com

hằng năm ; từ thập niên 70 trở đi, chỉ tự cung cấp được 1/3 số lúa mì cho nhu cầu trong nước.

b) Tình hình chính trị

Về danh nghĩa, Anh là một nước quân chủ lập hiến, song thực chất là một quốc gia theo chế độ đại nghị, gồm Thượng viện và Hạ viện. Đảng Tự do và Đảng Bảo thủ thay nhau cầm quyền tuỳ theo kết quả bầu cử Nghị viện, đảng nào chiếm đa số ghế thì được cử người giữ chức Thủ tướng. Hai đảng tuy cạnh tranh chính trị với nhau, khác nhau về những chính sách và biện pháp cụ thể, song đều thống nhất trong việc bảo vệ lợi ích của giai cấp tư sản, đàn áp phong trào quần chúng và đẩy mạnh xâm lược thuộc địa.

Nước Anh có hệ thống thuộc địa rộng lớn, được gọi là "đế quốc mà mặt trời không bao giờ lặn", trải dài từ Niu Di-lân, Ô-xtrây-li-a, Ấn Độ, Ai Cập, Xu-đăng, Nam Phi, Ca-na-đa, cùng nhiều vùng đất khác ở châu Á, châu Phi và các đảo trên các đại dương. Lê-nin gọi chủ nghĩa đế quốc Anh là *chủ nghĩa đế quốc thực dân.*

Năm 1914, thuộc địa Anh rộng tới 33 triệu km^2 với 400 triệu người, chiếm 1/4 diện tích và 1/4 dân số thế giới, gấp 12 lần thuộc địa của Đức và 3 lần thuộc địa của Pháp.

? *Vì sao từ năm 1870 trở đi, tốc độ phát triển công nghiệp của Anh chậm lại ?*

2. Nước Pháp

a) Tình hình kinh tế

Trước năm 1870, Pháp là một nước công nghiệp tiên tiến đứng thứ hai thế giới, sau Anh. Từ sau năm 1871, kinh tế Pháp phát triển trong điều kiện khó khăn. Sản lượng công nghiệp tuy có tăng nhưng tốc độ phát triển công nghiệp chậm so với Mĩ, Đức, Anh, trang bị kĩ thuật của Pháp lạc hậu rõ rệt so với nền công nghiệp của các nước tư bản trẻ.

Nguyên nhân của tình trạng đó là do hậu quả của Hiệp ước Vécxai (Pháp phải bồi thường cho Đức 5 tỉ phrăng, cắt cho Đức hai tỉnh giàu nguyên liệu là An-dát và Lo-ren), quần chúng đói nghèo nên sức mua kém, thiếu nguyên liệu, đội tàu buôn nhỏ bé không cạnh tranh được trên thị trường thế giới.

Tuy vậy, vào cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX, công nghiệp Pháp cũng có nhiều tiến bộ đáng kể. Hệ thống đường sắt lan rộng cả nước đã đẩy nhanh sự phát triển

timdapan.com

của các ngành khai mỏ, luyện kim, thương mại... Một số ngành công nghiệp mới ra đời đạt được nhiều thành tựu như : điện khí, hoá chất, chế tạo ô tô, điện ảnh… Từ năm 1852 đến năm 1900, số xí nghiệp sử dụng máy móc tăng 9 lần, số động cơ chạy bằng hơi nước tăng 12 lần. Năm 1893, số công nhân tăng lên 3 triệu người... Nông nghiệp ở trong tình trạng phân tán với 40% cư dân sống bằng nghề nông nên gặp khó khăn trong việc sử dụng kĩ thuật mới. Nông dân bị phụ thuộc vào các hãng buôn nông sản và chủ nợ.

Trong thời kì này, một số công ti độc quyền đã ra đời và dần dần chi phối nền kinh tế đất nước.

> Công ti Snây-đơ Crơ-dô độc quyền về công nghiệp quân sự, đóng tàu. Tổng công ti đường sắt và điện khí cùng 6 công ti khác quản lí toàn bộ mạng lưới đường sắt trong nước. Công ti Xanh Gô-ben và Cu-man kiểm soát toàn bộ công nghiệp hoá chất. Nhiều công ti khai thác thuộc địa : Công ti kinh doanh đồn điền trồng nho ở An-giê-ri, Công ti đồn điền cao su ở Đông Dương...

Đặc điểm của tổ chức độc quyền Pháp là việc tập trung ngân hàng đạt mức cao (ngân hàng lớn ở Pa-ri nắm 70% tư bản của các ngân hàng trong cả nước). Pháp là nước đứng thứ hai (sau Anh) về xuất khẩu tư bản, nhưng khác Anh ở chỗ tư bản được đem cho các nước chậm tiến (chủ yếu là Nga, Thổ Nhĩ Kì, các nước Mĩ Latinh) vay lấy lãi nặng. Vì vậy, chủ nghĩa đế quốc Pháp được gọi là *chủ nghĩa đế quốc cho vay lãi*.

b) Tình hình chính trị

Sau khi Đế chế thứ hai sụp đổ (4 – 9 – 1870), chính thể cộng hoà (nền Cộng hoà thứ ba)[1] được thiết lập. Tuy vậy, tình hình chính trị Pháp rất phức tạp, thể hiện rõ ở việc đàn áp các cuộc đấu tranh của nhân dân lao động và các vụ tham ô và bê bối chính trị. Trong vòng 40 năm (1875 – 1914), đã có tới 50 lần thay đổi chính phủ ở Pháp.

Về đối ngoại, sau chiến tranh Pháp – Phổ (1870 – 1871), quan hệ giữa hai nước tiếp tục căng thẳng. Từ năm 1870 đến năm 1893, Pháp ở vào tình thế bị cô lập. Song Pháp vẫn tăng cường xâm lược thuộc địa ở châu Á và châu Phi : hoàn thành xâm lược Việt Nam (1884), chiếm Lào (1893), thôn tính Ma-đa-ga-xca, Ma-rốc...

(1) Nền Cộng hoà thứ nhất ra đời năm 1792, trong thời kì Cách mạng tư sản Pháp ; nền Cộng hoà thứ hai ra đời trong Cách mạng 1848 – 1849 ở Pháp ; nền Cộng hoà thứ ba tồn tại đến năm 1940, khi phát xít Đức xâm chiếm Pháp.

timdapan.com

Đến năm 1914, hệ thống thuộc địa của Pháp rộng gần 11 triệu km^2, với 55,5 triệu dân, đứng thứ hai trên thế giới.

Tình hình kinh tế, chính trị của Pháp vào những năm cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX như thế nào ?

3. Nước Đức

a) Tình hình kinh tế

Vào giữa thế kỉ XIX, Đức vẫn là một nước nông nghiệp, đa số dân cư tập trung ở nông thôn và các thành thị nhỏ. Tuy vậy, công nghiệp đã khá phát triển, nhất là ở vùng Tây Nam. Sau khi nước Đức thống nhất (18 – 1 – 1871), chủ nghĩa tư bản ở đây phát triển rất nhanh.

Công cuộc thống nhất đất nước đã tạo nên một thị trường dân tộc với chế độ hành chính, hệ thống quan thuế, đo lường và tiền tệ thống nhất. Theo Hiệp ước Vécxai, Đức chiếm được của Pháp 5 tỉ phrăng, hai tỉnh giàu nguyên liệu là An-dát và Lo-ren, nên có một nguồn vốn quan trọng để xây dựng và mở rộng kinh doanh. Trên lãnh thổ Đức cũng có nhiều nguyên liệu, nhất là ở miền Tây Nam như vùng Rua có nhiều mỏ than và kim loại. Nước Đức cũng đã từng có một cơ sở kinh tế công thương nghiệp nhất định từ giữa thế kỉ XIX. Do phát triển sau, nước Đức tiếp nhận những thành tựu kĩ thuật mới, xây dựng công nghiệp theo quy trình mới làm tăng nhanh sản lượng. Cư dân thành thị tăng nhanh là nguồn nhân lực quan trọng cho công nghiệp.

Đến cuối thế kỉ XIX, nhiều khu công nghiệp đồ sộ xuất hiện. Chỉ trong một thời gian ngắn, Đức vượt Pháp và Anh, đứng đầu châu Âu và thứ hai thế giới, sau Mĩ. Đến năm 1913, sản lượng gang thép của Đức đã gấp đôi Anh.

Do việc cạnh tranh trong sản xuất công nghiệp, nhất là trong công nghiệp nặng, quá trình tập trung sản xuất và tư bản ở Đức diễn ra mạnh mẽ. Nhiều doanh nghiệp lớn phát triển nhanh chóng, làm phá sản hoặc thu hút dần những xí nghiệp nhỏ. Sự tập trung sản xuất và tư bản dẫn đến sự ra đời những công ti độc quyền lớn trong các ngành công nghiệp then chốt. Các tổ chức độc quyền ở Đức xuất hiện dưới hình thức phổ biến là cácten và xanhđica.

Xanhđica than đá Rai-nơ – Vét-xpha-len thành lập năm 1893, đánh dấu bước chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa của Đức. Năm 1913, với sản lượng 10 triệu tấn than, xanhđica này kiểm soát 95% tổng sản lượng than ở vùng Rua (vùng công nghiệp lớn nhất ở Đức) và hơn 55% tổng sản lượng than cả nước.

timdapan.com

Đến năm 1905, Đức đã có 385 tổ chức độc quyền, bao gồm 12 000 xí nghiệp lớn và nắm giữ các ngành sản xuất chủ yếu.

Do công nghiệp phát triển, quý tộc địa chủ Đức có điều kiện sử dụng máy móc và kĩ thuật mới trong nông nghiệp.

b) Tình hình chính trị

Đức là một liên bang gồm 22 bang và 3 thành phố tự do, theo chế độ quân chủ lập hiến ; trong đó, quý tộc địa chủ liên kết chặt chẽ với tư bản độc quyền thống trị nhân dân, chống phong trào công nhân, chạy đua vũ trang và xâm chiếm thuộc địa.

Hoàng đế đứng đầu Liên bang có quyền cao nhất (Tổng chỉ huy quân đội, bổ nhiệm và cách chức Thủ tướng, triệu tập và giải tán Quốc hội...). Quyền lập pháp thuộc hai viện – Hội đồng Liên bang (Thượng viện, gồm đại biểu các bang) và Quốc hội (Hạ viện, do bầu cử, nhiệm kì 3 năm).

Nước Đức bước vào con đường tư bản chủ nghĩa tương đối muộn, nên khi trở thành cường quốc công nghiệp thì phần lớn đất đai trên thế giới đã là thuộc địa hoặc nửa thuộc địa của Anh, Pháp... Ngay từ thập niên 90 của thế kỉ XIX, Đức đã công khai đòi dùng vũ lực chia lại thế giới. Vì thế, mâu thuẫn giữa Đức với Anh và Pháp – những nước có nhiều thuộc địa nhất – trở nên hết sức gay gắt, dẫn đến cuộc Chiến tranh thế giới thứ nhất. *Tính chất quân phiệt hiếu chiến là đặc điểm nổi bật của chủ nghĩa đế quốc Đức.*

? *Nêu một số sự kiện chứng tỏ kinh tế Đức phát triển mạnh. Nguyên nhân của sự phát triển đó.*

4. Nước Mĩ

a) Tình hình kinh tế

Sau cuộc nội chiến (1861 – 1865), chủ nghĩa tư bản ở Mĩ phát triển vượt bậc. Những nguyên nhân chủ yếu là : Việc giải phóng nô lệ tạo nên nguồn lao động phong phú và năng động, lại thêm nguồn nhập cư từ châu Âu và châu Á càng làm tăng thêm nhân công và trí tuệ cho các ngành sản xuất. Chế độ kinh tế đồn điền và trang trại cùng những cánh đồng mênh mông làm cho nước Mĩ trở thành vựa lúa, có nguồn nông phẩm rất phong phú và đa dạng. Trên lãnh thổ rộng lớn từ bờ Đại Tây Dương đến bờ Thái Bình Dương, nước Mĩ đã tìm thấy và khai thác các mỏ vàng, than, dầu lửa cùng nhiều khoáng sản khác. Do đặc điểm lịch sử, nước Mĩ

timdapan.com

không bị ràng buộc bởi tàn dư của chế độ phong kiến lạc hậu, không gặp trở ngại về quyền lực chính trị và kinh tế của giới quý tộc. Công nghiệp Mĩ xây dựng muộn, có thể áp dụng ngay kĩ thuật tiên tiến nên năng suất khá cao.

Với những thuận lợi ấy, chỉ từ năm 1865 đến năm 1894, Mĩ từ hàng thứ tư đã vươn lên hàng đầu thế giới về sản xuất công nghiệp. Đến giữa những năm 90 thế kỉ XIX, sản lượng công nghiệp Mĩ tăng 4 lần, bằng 1/2 tổng sản lượng của các nước Tây Âu gộp lại và gấp 2 lần nước Anh.

Sự cạnh tranh và những cuộc khủng hoảng kinh tế chu kì đã thúc đẩy mạnh mẽ sự tập trung sản xuất và tư bản ở Mĩ. Các ngành công nghiệp lần lượt rơi vào tay một số nhà tư bản kếch sù, liên minh với nhau thành những tơrớt – một hình thức độc quyền cao và phổ biến ở Mĩ. Tiêu biểu cho các tơrớt Mĩ là "vua dầu mỏ" Rốc-phe-lơ, "vua sắt thép" Moóc-gan... Những "vua kĩ nghệ" vừa lũng đoạn công nghiệp, vừa là chủ các ngân hàng lớn, vừa chi phối toàn bộ đời sống chính trị và xã hội nước Mĩ.

Hình 30. *Tranh đồng thời nói về quyền lực của các tổ chức độc quyền ở Mĩ*

Moóc-gan thành lập công ti thép Mĩ (1903) kiểm soát 60% ngành sản xuất thép. Công ti còn sở hữu 5 000 ha đất mỏ chứa than cốc, 1 600 km đường sắt, 100 tàu thuỷ.

Tơrớt dầu mỏ của Rốc-phe-lơ kiểm soát 90% ngành sản xuất dầu mỏ với 7 vạn km đường ống dẫn dầu, hàng trăm tàu biển và kho hàng ở trong và ngoài nước. Rốc-phe-lơ còn chinh phục các ngành hơi đốt, điện khí, các công ti kẽm, đồng, chì. Hai tập đoàn trên lũng đoạn ngành ngân hàng, nắm trong tay 1/3 toàn bộ số vốn ngân hàng nước Mĩ.

timdapan.com

b) Tình hình chính trị

Đứng đầu Chính phủ Mĩ là Tổng thống. Hai đảng tư sản – Cộng hoà và Dân chủ – cứ 4 năm một lần đưa người ra tranh cử chức Tổng thống và đại biểu Quốc hội, gồm hai viện – Hạ viện và Thượng viện.

So với các nước đế quốc khác, Mĩ chậm trễ trong việc xâm chiếm thuộc địa, vì mải lo chinh phục các vùng đất đai rộng lớn ở miền Trung và miền Tây đất nước. Từ những năm 80 của thế kỉ XIX trở đi, khi biên giới nước Mĩ đã chạm bờ Thái Bình Dương, Mĩ lập tức vươn ra ngoài lãnh thổ của mình. Năm 1898, Mĩ gây chiến với Tây Ban Nha để cướp Phi-líp-pin và Cu-ba. Bằng đôla và sức mạnh quân sự, Mĩ can thiệp vào nội bộ các nước Mĩ Latinh. Đối với Trung Quốc, Mĩ đề ra chính sách "mở cửa" để xâm nhập vào đất nước rộng lớn và giàu có này.

? *Trình bày những nét nổi bật trong nền kinh tế, chính trị Mĩ cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX.*

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. Vì sao sau năm 1870, Anh mất địa vị độc quyền công nghiệp, còn công nghiệp Pháp thì phát triển chậm ?
2. Tại sao nói chủ nghĩa đế quốc Anh là chủ nghĩa đế quốc thực dân, còn chủ nghĩa đế quốc Pháp là chủ nghĩa đế quốc cho vay lãi ?
3. Vì sao giới cầm quyền Đức ráo riết chuẩn bị chiến tranh thế giới ?
4. Những nguyên nhân nào khiến kinh tế Mĩ phát triển vượt bậc ?
5. Hoạt động bành trướng của Mĩ diễn ra như thế nào ?

PHẦN ĐỌC THÊM

Sự phát triển kinh tế Anh đầu thế kỉ XX và bước chuyển sang chủ nghĩa đế quốc

Đến đầu thế kỉ XX, nước Anh vẫn giữ địa vị hàng đầu trong nền kinh tế thương nghiệp và trong những hoạt động tín dụng thế giới. Luân Đôn đóng vai trò một trung tâm tài chính và đồng bảng Anh (livrơ xtecling) vẫn là đơn vị tiền tệ thông dụng trong mậu dịch quốc tế. So với hồi cuối thế kỉ XIX, tốc độ phát triển công nghiệp có nhanh hơn, đặc biệt là các ngành đóng tàu, hoá chất, điện khí. Nhưng trong cuộc cạnh tranh

timdapan.com

tư bản chủ nghĩa, độ tăng trưởng của Anh vẫn tiếp tục lạc hậu so với các nước khác, nhất là so với Mĩ và Đức. Tỉ lệ sản phẩm của công nghiệp Anh trong toàn bộ sản lượng thế giới từ năm 1900 đến năm 1913 giảm sút rõ rệt : than từ 29,7% xuống 21,8%, gang từ 22,1% xuống 13%, tiêu thụ bông từ 28,5% xuống 23,2%.

Nhiều công ti lũng đoạn xuất hiện trong hầu hết các ngành công nghiệp : khai thác than, dệt, thuốc lá, hoá chất, luyện kim, vận tải. Nhưng quá trình tập trung ở Anh diễn ra nhanh và mạnh mẽ, nhất là trong ngành ngân hàng.

Năm 1913, 27 nhà ngân hàng đã tập trung trong tay một số vốn bằng 85% tổng số vốn tư bản trong nước. Có thế lực nhất là 5 nhà ngân hàng ở Luân Đôn chiếm 40% số tư bản của nước Anh. Những nhà ngân hàng đều có chi nhánh ở thuộc địa.

Sự phát triển của ngân hàng thúc đẩy việc *xuất khẩu tỡ bản*. Nếu năm 1900, nước Anh đầu tư ra bên ngoài 2 tỉ livrơ xtécling thì đến năm 1913 lên gần 4 tỉ. Nếu năm 1899 tiền lãi của số vốn xuất khẩu là 90 triệu livrơ xtécling thì đến năm 1912 lên tới 176 triệu. Thị trường đầu tư chủ yếu của nước Anh là các thuộc địa và một số nơi như Trung Quốc, Nga, các nước Mĩ Latinh...

(Theo : Vũ Dương Ninh – Nguyễn Văn Hồng,
Lịch sử thế giới cận đại, Sđd, tr. 231)

timdapan.com

Chương III

PHONG TRÀO CÔNG NHÂN (Từ đầu thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX)

Bài 10 PHONG TRÀO ĐẤU TRANH CỦA CÔNG NHÂN NỬA ĐẦU THẾ KỈ XIX

Giai cấp công nhân ra đời và lớn mạnh cùng với sự hình thành và phát triển của chủ nghĩa tư bản. Do đối lập về quyền lợi, mâu thuẫn giữa tư sản với công nhân đã nảy sinh, dẫn đến cuộc đấu tranh giai cấp ngày càng gay gắt.

1. Sự ra đời và tình cảnh của giai cấp vô sản công nghiệp

Chủ nghĩa tư bản ra đời và phát triển thì sự phân chia xã hội thành hai giai cấp cơ bản đối lập nhau – giai cấp tư sản và giai cấp vô sản – ngày càng rõ rệt. Giai cấp tư sản bao gồm những chủ công xưởng, nhà máy, chủ đồn điền, quý tộc mới... Họ tích luỹ tài sản thông qua bóc lột những người lao động nghèo khổ và tiến hành buôn bán nô lệ. Những người vô sản xuất thân từ những nông dân bị phá sản, mất đất, phải rời bỏ quê hương ra thành thị tìm đường sinh sống, phải làm thuê trong các công xưởng, nhà máy. Bổ sung cho đội ngũ này có cả những thợ thủ công ở thành thị bị phá sản. Giai cấp vô sản hoàn toàn không có tư liệu sản xuất, chỉ dựa vào việc bán sức lao động của mình cho tư sản để sinh sống. Giai cấp vô sản công nghiệp ra đời từ nửa cuối thế kỉ XVIII, trước tiên là ở Anh, khi cuộc cách mạng công nghiệp bắt đầu. Về sau, khi cách mạng công nghiệp phát triển, lan nhanh ở nhiều nước thì giai cấp vô sản ở các nước này cũng xuất hiện và ngày càng lớn mạnh.

Do bị giai cấp tư sản áp bức bóc lột nặng nề nên đời sống của công nhân hết sức cơ cực.

Ở nước Anh, mỗi ngày công nhân trong các xưởng dệt (kể cả phụ nữ và trẻ em) phải lao động 14 – 15 giờ, thậm chí có nơi 16 – 18 giờ. Điều kiện làm việc rất tồi tệ, với môi trường luôn ẩm thấp, nóng nực, bụi bông phủ đầy những căn phòng chật hẹp. Tiền lương của công nhân rất thấp, lương của phụ nữ và trẻ em còn rẻ mạt hơn. Trong vòng 20 năm (1815 – 1835), tiền lương thực tế giảm 3 lần.

timdapan.com

Hình 31. *Lao động trẻ em trong hầm mỏ ở Anh*

Việc sử dụng máy móc ngày càng rộng rãi làm cho nhiều công nhân có nguy cơ mất việc làm. Trước tình hình ấy, công nhân đã đứng lên đấu tranh chống giai cấp tư sản.

Tình cảnh của công nhân ở các nước tư bản như thế nào ?

2. Phong trào đấu tranh của công nhân trong nửa đầu thế kỉ XIX

Lúc đầu, do nhận thức còn hạn chế, công nhân cho rằng máy móc là nguồn gốc gây nên sự đói nghèo, đau khổ và thất nghiệp. Phong trào đập phá máy móc, đốt công xưởng là hình thức đấu tranh tự phát đầu tiên của giai cấp vô sản. Phong trào này diễn ra trong thời gian cuối thế kỉ XVIII – đầu thế kỉ XIX, trước hết ở Anh rồi lan ra các nước khác. Song, việc đập phá máy móc không đem lại kết quả gì ngoài sự tăng cường đàn áp của giai cấp thống trị.

Qua thực tiễn, công nhân ngày càng nhận thấy rõ rằng chính giai cấp tư sản mới là kẻ bóc lột họ và mục tiêu đấu tranh nhằm vào giai cấp tư sản.

Ở Anh, trong những năm 20 – 30 của thế kỉ XIX, công nhân đấu tranh đòi quyền bầu cử. Năm 1832, Quốc hội Anh phải thông qua đạo luật cải cách tuyển cử ; theo đó, điều kiện tài sản của cử tri được hạ thấp, song vẫn không đem lại quyền bầu cử cho công nhân, tiểu tư sản và tư sản hạng trung. Trong những năm 1836 – 1848, một phong trào công nhân rộng lớn, có tổ chức đã diễn ra – phong trào Hiến chương.

Công nhân tổ chức mít tinh, lấy chữ kí, đưa kiến nghị đến Nghị viện, đòi quyền phổ thông đầu phiếu, tăng lương và giảm giờ làm cho người lao động. Mặc dù bị đàn áp và kiến nghị của công nhân không được chấp nhận, song đây là "phong trào cách mạng đầu tiên thực sự có tính quần chúng, có ý thức chính trị" (Lê-nin).

timdapan.com

Hình 32. *Phong trào Hiến chương ở Anh*

Ở Pháp, năm 1831, do bị bóc lột nặng nề và đời sống quá khó khăn, công nhân dệt thành phố Li-ông khởi nghĩa đòi tăng lương, giảm giờ làm. Những người khởi nghĩa đã làm chủ thành phố trong 10 ngày. Quyết tâm đấu tranh của họ thể hiện trong khẩu hiệu : "Sống trong lao động hoặc chết trong chiến đấu !". Năm 1834, công nhân các nhà máy tơ ở Li-ông lại khởi nghĩa, đòi thiết lập nền cộng hoà. Cuộc chiến đấu ác liệt đã diễn ra suốt 4 ngày, cuối cùng bị dập tắt.

Ở Đức, đời sống của công nhân và thợ thủ công rất cơ cực, do sự phát triển của nền đại công nghiệp và sự cạnh tranh của hàng hoá nhập khẩu từ Anh vào.

Công nhân Đức, ngoài việc bị nhà tư bản (chủ công trường thủ công) bóc lột tàn nhẫn, còn bị "chủ cũ" (địa chủ) áp bức nặng nề. Để được đi làm trong các nhà máy, công nhân phải đóng thuế đặc biệt cho địa chủ.

Năm 1844, công nhân dệt vùng Sơ-lê-din khởi nghĩa, phá huỷ nhà cửa của chủ tư bản. Cuộc khởi nghĩa mặc dù không duy trì được lâu nhưng mang tính quần chúng rõ rệt, có tác dụng mở đầu phong trào đấu tranh sôi nổi của công nhân Đức sau này.

Những cuộc đấu tranh trên của vô sản Anh, Pháp, Đức đều thất bại vì thiếu sự lãnh đạo đúng đắn và chưa có đường lối chính trị rõ ràng, song đã đánh dấu sự trưởng thành của phong trào công nhân quốc tế, tạo điều kiện quan trọng cho sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học.

? *Nêu những nét chủ yếu của phong trào công nhân vào nửa đầu thế kỉ XIX.*

timdapan.com

3. Chủ nghĩa xã hội không tưởng

Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ngày càng phơi bày những mặt tiêu cực của nó trong việc bóc lột tàn nhẫn người lao động và gây ra nhiều tệ nạn xã hội. Điều này tác động tới ý thức của một số nhà tư tưởng tiến bộ nhất lúc bấy giờ như : Xanh Xi-mông, S. Phu-ri-ê ở Pháp và R. Ô-oen ở Anh... Họ nêu tư tưởng về xây dựng một xã hội mới, không có chế độ tư hữu, không bóc lột, nhân dân làm chủ mọi phương tiện sản xuất.

Xanh Xi-mông _ nhà tư tưởng Pháp, cho rằng động lực phát triển của lịch sử là kiến thức khoa học, đạo đức và tôn giáo. Ông chủ trương xây dựng một xã hội đang tồn tại chế độ tư hữu, vô sản và tư sản chung sống hoà bình với nhau.

Sác-lơ Phu-ri-ê – nhà xã hội không tưởng Pháp, phê phán mạnh mẽ chế độ tư bản, vạch kế hoạch xây dựng một xã hội phát huy mọi khả năng của con người. Ông cho rằng trong xã hội tương lai, lao động là nghĩa vụ, là nguồn vui và nhu cầu của tất cả mọi người, không có ai ăn bám.

Rô-be Ô-oen – nhà xã hội không tưởng Anh, đề ra kế hoạch cải thiện đời sống của công nhân trong khuôn khổ chế độ tư bản. Ông chủ trương xoá bỏ tư hữu, giai cấp, sự bóc lột bằng con đường hợp tác và giúp đỡ nhau.

Hình 33. *Xanh Xi-mông (1760 _ 1825)*

Hình 34. *S. Phu-ri-ê (1772 _ 1837)*

Hình 35. *R. Ô-oen (1771 _ 1858)*

Tuy tố cáo mạnh mẽ chế độ tư bản chủ nghĩa, ước mơ một xã hội tốt đẹp, công bằng hơn, song các ông lại không vạch ra con đường đúng đắn để thủ tiêu bóc lột, xây dựng xã hội mới. Kế hoạch của họ không thể thực hiện được khi xã hội tư bản không bị xoá bỏ. Họ là *những người xã hội không tưởng*.

Sự phát triển của phong trào công nhân đòi hỏi sự ra đời một học thuyết thực sự khoa học, định hướng cho cuộc đấu tranh xoá bỏ chế độ tư bản chủ nghĩa, xây dựng xã hội mới tốt đẹp.

timdapan.com

? *Chủ nghĩa xã hội không tưởng ra đời trong điều kiện nào ?*

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. Hãy phân tích các mặt mạnh, yếu của phong trào công nhân nửa đầu thế kỉ XIX.
2. Tìm hiểu thêm nội dung tư tưởng của Xanh Xi-mông, Phu-ri-ê, Ô-oen. Vì sao gọi là "chủ nghĩa xã hội không tưởng" ?

PHẦN ĐỌC THÊM

Tình trạng lao động của trẻ em trong các nhà máy dệt ở Anh đầu thế kỉ XIX

Thường trẻ em phải đi làm từ 4 giờ sáng trong thời tiết khắc nghiệt, gió thổi mạnh, tuyết hoặc mưa rơi và chỉ được trở về lúc chiều tối cũng trong những điều kiện như vậy, sau khi bị giam giữ nhiều tiếng đồng hồ trong xưởng có nhiệt độ rất cao. Sự thay đổi nhiệt độ như thế đối với thân thể mềm yếu của trẻ em khiến cho chúng rất ốm yếu, mắc nhiều bệnh hiểm nghèo. Lúc này, phần lớn trẻ em là dưới 16 tuổi, quần áo mong manh... Không khí trong xưởng rất khó thở vì ở đó trong một thời gian lâu có nhiều người thở, dầu mỡ máy móc làm bẩn môi trường, hơi nhả ra lại thêm bụi bông rất độc.

(Theo : Lu-kin và Da-lin, *Tở liệu lịch sử cận đại thế giới*, Mát-xcơ-va, tr. 87, tiếng Nga)

Về chủ nghĩa xã hội không tởởng

Chủ nghĩa xã hội không tưởng phát sinh vào thời kì mà nền sản xuất tư bản chủ nghĩa, sự đối kháng giữa giai cấp tư sản và giai cấp vô sản chưa phát triển. Những lí luận chưa chín muồi của chủ nghĩa xã hội không tưởng phù hợp với nền sản xuất tư bản chủ nghĩa chưa chín muồi và với tình trạng quan hệ giai cấp chưa phát triển mấy.

Tầm quan trọng của những nhà xã hội chủ nghĩa không tưởng đối với phong trào công nhân là ở chỗ họ đã kịch liệt công kích chế độ tư bản chủ nghĩa bằng cách phơi trần những mâu thuẫn của chế độ đó.

(Theo : V. E-phi-mốp và M. Khơ-vô-xtốp, *Lịch sử cận đại*, NXB Sự thật, H., 1963, tr. 161)

timdapan.com

Bài 11 SỰ RA ĐỜI CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC _ QUỐC TẾ THỨ NHẤT

Chủ nghĩa xã hội không tưởng không đáp ứng được yêu cầu và mục tiêu đấu tranh của giai cấp công nhân. Phong trào công nhân phát triển, đòi hỏi một lí luận khoa học cách mạng mới. Trong điều kiện ấy, chủ nghĩa xã hội khoa học ra đời, do Các Mác và Phri-đrích Ăng-ghen sáng lập.

1. C. Mác và Ph. Ăng-ghen – những người sáng lập chủ nghĩa xã hội khoa học

Các Mác sinh ngày 5 – 5 – 1818 trong một gia đình trí thức tiến bộ, ở thành phố Tơ-ri-ơ (Đức). Năm 23 tuổi (1841), Mác đỗ Tiến sĩ với luận án xuất sắc về đề tài triết học cổ đại Hi Lạp.

Hình 36. *C. Mác (1818 _ 1883)*

Năm 1842, Mác làm cộng tác viên, rồi Tổng biên tập *Báo sông Ranh* – một tờ báo có xu hướng dân chủ tư sản tiến bộ. Dưới sự chỉ đạo của Mác, *Báo sông Ranh* đã đề cập những vấn đề bức thiết của nước Đức thời bấy giờ : cuộc sống khổ cực của người nông dân, vấn đề thống nhất nước Đức, cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa quân phiệt Phổ... Vì tính chất tiến bộ, chống chế độ phản động của Phổ nên *Báo sông Ranh* bị đóng cửa.

Năm 1843, Mác cùng vợ là Gien-ni phải rời Đức sang Pa-ri (Pháp), rồi đến Brúc-xen (Bỉ) và cuối cùng cư trú lâu dài ở Luân Đôn (Anh). Tại Pa-ri, Mác thường xuyên tiếp xúc với những nhà hoạt động cách mạng của phong trào công nhân, nghiên cứu lịch sử công nhân Pháp, các tác phẩm triết học duy vật... và tham gia xuất bản tạp chí *Biên niên Pháp _ Đức*. Trong những bài viết của mình, Mác đã khẳng định rằng : Giai cấp vô sản được vũ trang bằng lí luận cách mạng là giai cấp sẽ đảm đương sứ mệnh lịch sử giải phóng loài người khỏi mọi sự áp bức bóc lột.

Phri-đrích Ăng-ghen sinh ngày 28 – 11 – 1820, trong một gia đình chủ xưởng ở thành phố Bác-men (Đức). Ông căm ghét chế độ chuyên chế cùng những thủ đoạn làm giàu của giới kinh doanh và sớm tham gia phong trào cách mạng của công nhân.

timdapan.com

Trong cuốn *Tình cảnh giai cấp công nhân Anh*, Ăng-ghen miêu tả cụ thể, sinh động sự bóc lột tàn bạo của giai cấp tư sản đối với công nhân. Từ đó, ông rút ra kết luận : Giai cấp vô sản không chỉ là nạn nhân của chủ nghĩa tư bản, mà còn là lực lượng có thể đánh đổ sự thống trị của giai cấp tư sản và tự giải phóng khỏi mọi xiềng xích.

Hình 37. *Ph. Ăng-ghen (1820 _ 1895)*

Năm 1844, Ăng-ghen sang Pa-ri và gặp Mác. Cuộc gặp gỡ này đã mở đầu tình bạn cảm động và sự cộng tác chặt chẽ giữa hai nhà cách mạng vô sản vĩ đại, những người sáng lập chủ nghĩa xã hội khoa học.

Trong thực tiễn phong trào đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân, Mác và Ăng-ghen đã cùng nhau nghiên cứu lí luận và thành lập một tổ chức quốc tế của giai cấp vô sản.

Về lí luận, hai ông xây dựng học thuyết về chủ nghĩa xã hội khoa học, nêu rõ con đường phát triển hợp quy luật của xã hội loài người và sứ mệnh lịch sử của giai cấp vô sản.

? *Trình bày những nét chính về buổi đầu hoạt động cách mạng của C. Mác và Ph. Ăng-ghen.*

2. Đồng minh những người cộng sản và *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*

Trong những năm sống ở Anh, Mác và Ăng-ghen đã liên hệ với *Đồng minh những người chính nghĩa* – một tổ chức bí mật của công nhân Tây Âu, được thành lập ở Pa-ri năm 1836, và cải tổ cho phù hợp với mục tiêu đấu tranh của giai cấp công nhân. Tháng 6 – 1847, tại đại hội của Đồng minh những người chính nghĩa, một tổ chức mới – *Đồng minh những người cộng sản* – được thành lập. Đây là tổ chức đầu tiên của giai cấp vô sản quốc tế, nhằm : "đoàn kết vô sản tất cả các nước, để ... lật đổ giai cấp tư sản, xác lập sự thống trị của vô sản, thủ tiêu xã hội tư bản".

Đại hội lần thứ hai của Đồng minh những người cộng sản họp cuối tháng 11 – đầu tháng 12 – 1847 đã thông qua *Điều lệ* và giao cho Mác, Ăng-ghen soạn thảo *Cương lĩnh*, dưới hình thức một bản tuyên ngôn – *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*.

Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản là bản cương lĩnh trình bày cơ sở lí luận, xác định vai trò của giai cấp vô sản trong việc lãnh đạo cuộc đấu tranh, nhằm lật đổ sự thống trị của giai cấp tư sản và xây dựng chuyên chính vô sản.

timdapan.com

Nội dung cơ bản của *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* được trình bày trong 4 chương :

Chương I – *Tư sản và vô sản*, nêu lên một cách khái quát quy luật phát triển của xã hội tư bản, vạch rõ lợi ích đối lập giữa tư sản, vô sản và sứ mệnh lịch sử của giai cấp vô sản, đồng thời chỉ ra quy luật phát triển của lịch sử xã hội có giai cấp là lịch sử đấu tranh giai cấp đối kháng. (Về sau Ph. Ăng-ghen chú thích : lịch sử là lịch sử đấu tranh giai cấp trong xã hội có giai cấp).

Chương II – *Vô sản và cộng sản*, trình bày mối quan hệ giữa những người cộng sản và giai cấp vô sản, vạch rõ tính chất, nhiệm vụ trước mắt, mục đích cuối cùng của Đảng Cộng sản và những biện pháp cách mạng để thực hiện những nhiệm vụ và mục đích ấy.

Chương III - *Sách báo xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa*, phê phán sâu sắc trào lưu tư tưởng xã hội chủ nghĩa phi vô sản – tư sản và tiểu tư sản. Tuyên ngôn cũng nêu lên những mặt tích cực của chủ nghĩa xã hội không tưởng, đồng thời chỉ rõ những hạn chế của nó.

Chương IV – *Quan hệ của những người cộng sản đối với các đảng đối lập*, trình bày những nguyên tắc chiến lược và sách lược của Đảng Cộng sản.

Manifest
der
Kommunistischen Partei.

Veröffentlicht im Februar 1848.

Proletarier aller Länder vereinigt euch.

London.

Hình 38. *Bìa "Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản" lần xuất bản đầu tiên (1848)*

Tuyên ngôn kết thúc bằng lời kêu gọi : "Vô sản tất cả các nước đoàn kết lại !".

Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản là một văn kiện có ý nghĩa lịch sử to lớn, nêu những luận điểm cơ bản về chủ nghĩa xã hội khoa học, thể hiện sự kết hợp giữa chủ nghĩa xã hội khoa học với phong trào công nhân.

Tư tưởng cơ bản của *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* đã soi sáng con đường đấu tranh của giai cấp công nhân và các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới.

Như vậy, phong trào công nhân các nước tư bản đã chuyển dần từ tự phát sang tự giác, giai cấp công nhân đã nhận thức được sứ mệnh lịch sử của mình.

timdapan.com

? – *C. Mác và Ph. Ăng-ghen có vai trò như thế nào trong việc thành lập Đồng minh những người cộng sản ?*

_ *Nêu ý nghĩa lịch sử bản* Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản.

3. Quốc tế thứ nhất

Đến giữa thế kỉ XIX, chủ nghĩa tư bản đã được xác lập trên phạm vi thế giới. Mâu thuẫn giai cấp ngày càng gay gắt, dẫn đến các cuộc khởi nghĩa của công nhân và nhân dân lao động trong những năm 1848 – 1849 ở nhiều nước châu Âu, đặc biệt ở Pháp và Đức.

Cuộc khởi nghĩa tháng 6 – 1848 ở Pháp là "cuộc xung đột đầu tiên giữa hai giai cấp phân chia xã hội hiện nay... Nó nêu ra phương hướng đánh đổ giai cấp tư sản và thiết lập nền chuyên chính vô sản" (C. Mác). Cuộc đấu tranh của công nhân Pháp diễn ra rất quyết liệt (hàng trăm chiến sĩ hi sinh, khoảng 2 000 người bị bắt).

Trong những năm 1848 – 1849, phong trào cách mạng nổ ra ở nhiều bang thuộc Đức : khởi nghĩa tháng 3 – 1848 ở Béc-lin, các cuộc khởi nghĩa ở Xắc-xông, vùng sông Ranh đòi công bố hiến pháp, đấu tranh thống nhất nước Đức.

Các cuộc đấu tranh của công nhân và nhân dân lao động các nước lần lượt thất bại vì nhiều nguyên nhân như : thiếu đoàn kết, chưa có tổ chức thống nhất...

Trong bối cảnh ấy, ngày 28 – 9 – 1864, khoảng 2 000 đại biểu công nhân từ Anh, Pháp, I-ta-li-a, Ba Lan... tổ chức mít tinh lớn tại Luân Đôn, quyết định thành lập *Hội Liên hiệp lao động quốc tế* (Quốc tế thứ nhất). Mác được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương và được giao nhiệm vụ dự thảo *Tuyên ngôn* và *Điều lệ* của Quốc tế thứ nhất.

Hình 39. *Quang cảnh buổi lễ thành lập Quốc tế thứ nhất*

timdapan.com

Tuyên ngôn nêu nhiệm vụ của giai cấp công nhân là : giành chính quyền cách mạng, xoá bỏ chế độ sở hữu tư nhân đối với tư liệu sản xuất, đoàn kết quốc tế, giáo dục những nguyên lí của chủ nghĩa xã hội khoa học.

Điều lệ quy định kết nạp rộng rãi các tổ chức công nhân lẫn các cá nhân riêng lẻ.

Quốc tế thứ nhất đấu tranh chống các trào lưu tư tưởng xa lạ với lập trường của giai cấp công nhân, truyền bá rộng rãi chủ nghĩa Mác, chủ trương đòi ngày làm việc 8 giờ, giảm bớt thời gian lao động của phụ nữ và trẻ em... Nó đóng góp nhiều cho phong trào đấu tranh của công nhân (ủng hộ công nhân bãi công, phản đối các chính phủ khủng bố, tàn sát các cuộc đấu tranh của công nhân...).

Sau khi hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình – đoàn kết, thống nhất lực lượng công nhân quốc tế, truyền bá sâu rộng chủ nghĩa Mác, chuẩn bị thành lập các chính đảng công nhân ở châu Âu và Bắc Mĩ – Quốc tế thứ nhất chính thức tuyên bố giải tán ngày 15 – 7 – 1876.

? *Quốc tế thứ nhất được thành lập trong điều kiện lịch sử như thế nào ?*

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. Trình bày sơ lược tiểu sử của C. Mác và Ph. Ăng-ghen.
2. Nêu những nội dung cơ bản của *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản.*
3. Quốc tế thứ nhất đóng góp những gì cho phong trào công nhân những năm 60 – 70 của thế kỉ XIX ?

PHẦN ĐỌC THÊM

Giá trị của *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*

Cuốn sách mỏng đó đáng giá hàng tập sách. Tư tưởng của nó làm sống và làm hoạt động cho tới ngày nay toàn bộ giai cấp vô sản có tổ chức và chiến đấu của thế giới văn minh.

(Theo : V.I. Lê-nin, *Toàn tập*, Tập 10, tr. 10, tiếng Nga)

Quốc tế thứ nhất

Đệ nhất quốc tế tuy chỉ đứng được 10 năm, nhưng khẩu hiệu *Toàn thế giới vô sản giai cấp liên hợp lại* và tinh thần cách mạng vẫn truyền đến bây giờ. Tuy không làm được nhiều việc, nhưng cái công dạy cho thợ thuyền trong thế giới cách mạng thì rất to.

(Theo : Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Tập 2, Sđd, tr. 283)

timdapan.com

Bài 12 CÔNG XÃ PA-RI (1871)

Vào những năm 1850 – 1860, phong trào công nhân, dưới sự lãnh đạo của Quốc tế thứ nhất, phát triển đến đỉnh cao. Cuộc Cách mạng năm 1871 ở Pháp đã đưa tới sự thành lập nhà nước vô sản đầu tiên của giai cấp công nhân thế giới.

1. Cuộc Cách mạng 18 _ 3 – 1871

Cuộc Chiến tranh Pháp – Phổ nổ ra ngày 19 – 7 – 1870. Quân Pháp bị thất bại. Ngày 2 – 9, Na-pô-lê-ông III cùng toàn bộ quân chủ lực Pháp, gồm 10 vạn người, bị bắt tại thành Xơ-đăng (gần biên giới Pháp – Bỉ).

Ngày 4 – 9 – 1870, quần chúng công nhân và các tầng lớp dân nghèo Pa-ri đứng lên khởi nghĩa, đòi thiết lập chế độ cộng hoà và thành lập các đơn vị Quốc dân quân, chuẩn bị lực lượng chống quân Phổ xâm lược. Nhưng giai cấp tư sản Pháp đã thành lập chính phủ lâm thời với tên gọi "Chính phủ Vệ quốc". Thực ra, "Chính phủ Vệ quốc" không tổ chức chống trả khi quân Phổ ngày càng tiến sâu vào đất Pháp và bao vây Pa-ri, ngược lại đã xin đình chiến, tìm cách phá hoại cuộc kháng chiến của nhân dân, ra lệnh chấm dứt phòng thủ đất nước.

Trước thái độ đầu hàng của "Chính phủ Vệ quốc", quần chúng nhân dân đứng lên khởi nghĩa, "nhanh chóng cứu nguy cho Pa-ri !".

Ba giờ sáng 18 – 3 – 1871, "Chính phủ Vệ quốc" do Chi-e đứng đầu cho quân đánh chiếm đồi Mông-mác (ở phía bắc Pa-ri), nơi tập trung đại bác của Quốc dân quân. Nghe tiếng chuông nhà thờ báo động, quần chúng nhân dân đã kịp thời kéo đến hỗ trợ cho Quốc dân quân, bao vây quân của Chính phủ. Âm mưu chiếm đồi Mông-mác của Chính phủ bị thất bại.

Trưa 18 – 3, theo lệnh của Uỷ ban Trung ương Quốc dân quân, các tiểu đoàn tiến vào trung tâm thủ đô, chiếm các cơ quan Chính phủ, nhà ga, sở cảnh sát và toà Thị chính. Chiều 18 – 3, cờ đỏ phấp phới bay trên nóc toà Thị chính. Quân Chính phủ phải rút chạy về Véc-xai để củng cố lực lượng. Quân cách mạng làm chủ thành phố và ngày 26 – 3, đã tổ chức bầu cử Hội đồng Công xã. Ngày 28 – 3, Hội đồng Công xã làm lễ ra mắt, đánh dấu thắng lợi của cuộc cách mạng.

timdapan.com

Hình 40. *Quần chúng Pa-ri hân hoan đón chào Hội đồng Công xã*

? *– Trước tình thế "Tổ quốc lâm nguy", thái độ của quần chúng nhân dân Pa-ri và Chính phủ tư sản như thế nào ?*

– Nêu diễn biến cuộc Cách mạng 18 – 3 – 1871.

2. Công xã Pa-ri _ Nhà nước vô sản đầu tiên

Để thay thế cho chính quyền tư sản, một chính phủ cách mạng được bầu ra theo nguyên tắc phổ thông đầu phiếu. Cơ quan cao nhất của nhà nước mới là Hội đồng Công xã, tập trung trong tay quyền lập pháp và quyền hành pháp. Các uỷ ban được thành lập[1], đứng đầu mỗi uỷ ban là một Uỷ viên Công xã, chịu trách nhiệm trước nhân dân và có thể bị bãi miễn.

Quân đội và bộ máy cảnh sát của chính quyền cũ bị giải tán, thay vào đó là lực lượng vũ trang và lực lượng an ninh nhân dân. Công xã quyết định tách nhà thờ ra khỏi những hoạt động của trường học và nhà nước ; nhà trường không dạy Kinh Thánh.

Công xã còn thi hành nhiều chính sách xã hội tiến bộ khác như : thực hiện quyền làm chủ của công nhân đối với những xí nghiệp chủ bỏ trốn ; những xí nghiệp còn chủ ở lại thì Công xã kiểm soát chế độ tiền lương, bớt lao động ban đêm, cấm cúp phạt và đánh đập công nhân. Công xã giải quyết nạn thất nghiệp, ra lệnh hoãn trả tiền thuê nhà, hoãn trả nợ. Công xã đề ra chế độ giáo dục bắt buộc, không mất tiền cho toàn dân, lập vườn trẻ, cải thiện điều kiện làm việc cho nữ công nhân. Nhiều tổ chức quần chúng ra đời, các câu lạc bộ trở thành nơi liên hệ giữa uỷ viên Công xã với nhân dân v.v...

(1) Công xã bao gồm các uỷ ban : Quân sự, An ninh xã hội, Đối ngoại, Tư pháp, Tài chính, Lương thực, Thương nghiệp, Giáo dục, Công tác xã hội ; đến ngày 1– 5 – 1871, thành lập thêm Uỷ ban Cứu quốc.

timdapan.com

Cơ cấu tổ chức, các chính sách và hoạt động của Công xã Pa-ri chứng tỏ đây là một nhà nước khác hẳn các kiểu nhà nước của những giai cấp bóc lột trước kia, một nhà nước kiểu mới – nhà nước vô sản, của dân, do dân và vì dân.

Trình bày những chính sách của Công xã Pa-ri.

3. Cuộc chiến đấu bảo vệ Công xã Pa-ri

Chính phủ tư sản và các thế lực phản động Pháp tìm mọi cách tập hợp, củng cố lực lượng để bóp chết Công xã Pa-ri.

Từ tháng 4, quân Véc-xai bắt đầu tấn công Pa-ri. Ngày 21–5, quân Véc-xai tiến vào Pa-ri qua cửa Xanh Clu. Từ đó diễn ra các trận đánh ác liệt ở các đường phố, kéo dài trong một tuần (từ ngày 21 đến ngày 28 – 5 – 1871), được gọi là "Tuần lễ đẫm máu". Các chiến sĩ Công xã đã anh dũng chiến đấu bảo vệ từng khu phố, từng căn nhà, từng tấc đất. Đặc biệt, cuộc chiến đấu của gần 200 chiến sĩ Công xã cố thủ trong nghĩa địa Cha La-se-dơ tiêu biểu cho tinh thần anh dũng của giai cấp công nhân.

Bị bao vây từ 4 giờ sáng, các chiến sĩ Công xã dùng mọi thứ vũ khí chống trả quân thù, cho đến khi vài chục người cuối cùng bị bắt, bị dẫn tới sát bức tường nghĩa địa và bị bắn chết tại đây. Từ đó, bức tường nghĩa địa Cha La-se-dơ được gọi là "Bức tường chiến sĩ Công xã", nơi mà hằng năm vào ngày kỉ niệm Công xã (28 – 5), nhân dân lao động Pa-ri đến đặt hoa tưởng niệm.

Dựa vào bài học, viết bài tường thuật về cuộc chiến đấu của các chiến sĩ Công xã ở nghĩa địa Cha La-se-dơ.

4. Nguyên nhân thất bại và ý nghĩa lịch sử của Công xã Pa-ri

Công xã Pa-ri thất bại chủ yếu vì giai cấp công nhân Pháp chưa đủ lực lượng và kinh nghiệm để đánh bại hoàn toàn giai cấp tư sản. Họ chưa có một chính đảng để lãnh đạo cuộc đấu tranh đi tới thắng lợi. Giai cấp tư sản và các thế lực phản động lại câu kết với nhau để tiêu diệt cách mạng.

Công xã Pa-ri còn phạm một số sai lầm như : bỏ lỡ thời cơ, thiếu kiên quyết trấn áp kẻ thù và chưa thực hiện được liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân.

Ý nghĩa lịch sử của Công xã Pa-ri vô cùng to lớn. Đây là cuộc cách mạng vô sản đầu tiên nhằm xoá bỏ chế độ tư bản chủ nghĩa và thiết lập nền chuyên chính vô sản.

timdapan.com

Công xã Pa-ri cổ vũ tinh thần cách mạng cho giai cấp công nhân thực hiện sứ mệnh lịch sử của mình và để lại nhiều bài học quý giá. Đó là sự thử nghiệm đầu tiên về một nhà nước kiểu mới, một xã hội mới. Đó là những kinh nghiệm về việc cần thiết phải có sự lãnh đạo của Đảng vô sản, về liên minh công – nông, về việc đập tan bộ máy nhà nước cũ, thiết lập nhà nước mới của dân.

? *Phân tích nguyên nhân thất bại của Công xã Pa-ri.*

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. Vẽ sơ đồ bộ máy Hội đồng Công xã.
2. Vì sao Công xã Pa-ri được gọi là Nhà nước kiểu mới ?
3. Ý nghĩa và bài học lịch sử của Công xã Pa-ri.

PHẦN ĐỌC THÊM

Mục đích của Công xã ấy thế nào ?

Khi vừa lấy được Pa-ri rồi thì Công xã lập nên chính phủ của dân và tuyên bố rằng Công xã sẽ thực hiện những việc sau này :

1. Bao nhiêu cơ quan sinh sản(*) riêng đều đem làm của công.
2. Tất cả trẻ con trong nước, bất kì con trai, con gái, đều phải đi học. Học phí nhà nước phải cho.
3. Dân có quyền tự do tổ chức, làm báo, khai hội, xuất dương v.v...
4. Bất kì đàn ông, đàn bà ai cũng được quyền chính trị, tuyển cử và ứng cử.
5. Chính phủ tự dân cử lên và dân có quyền thay đổi chính phủ.

Bài học Công xã Pa-ri

a) Trong ba lần cách mệnh, 1789, 1848, 1870, đều vì dân can đảm nhiều, nhưng tri thức ít, cho nên để tư bản nó lợi dụng.

b) Pa-ri Công xã vì tổ chức không khéo và vì không liên lạc với dân cày, đến nỗi thất bại....

(Theo : Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Tập 2, Sđd, tr. 273 – 274)

(*) Tức là công xưởng, máy móc, nguyên vật liệu, sản phẩm... (tác giả SGK chú thích).

timdapan.com

Bài 13 PHONG TRÀO CÔNG NHÂN QUỐC TẾ (Cuối thế kỉ XIX _ đầu thế kỉ XX)

Sau khi Công xã Pa-ri thất bại (1871) và Quốc tế thứ nhất giải tán (1876), phong trào công nhân ở các nước tư bản bị khủng bố nặng nề, nhưng vẫn từng bước được phục hồi và phát triển. Trên cơ sở ấy, Quốc tế thứ hai được thành lập.

1. Phong trào công nhân quốc tế cuối thế kỉ XIX

Từ thập niên 70 của thế kỉ XIX, chủ nghĩa tư bản phát triển mạnh mẽ ở châu Âu và Bắc Mĩ. Đội ngũ giai cấp công nhân các nước tăng nhanh về số lượng và chất lượng. Sự bóc lột nặng nề của giai cấp tư sản và chính sách chạy đua vũ trang, chuẩn bị chiến tranh để phân chia lại thế giới của chính phủ các nước làm cho đời sống nhân dân lao động ở các nước tư bản càng thêm khó khăn.

Công nhân ở nhiều nước đã đấu tranh đòi tăng lương, cải thiện đời sống, ngày làm 8 giờ...

Ở Pháp, do hậu quả của khủng hoảng kinh tế (1882 – 1888), nhiều cuộc bãi công, biểu tình của công nhân liên tiếp diễn ra. Riêng năm 1886, tại các trung tâm công nghiệp, đặc biệt là vùng mỏ, công nhân đấu tranh đòi tăng lương và quyền dân chủ.

Ở Anh, những cuộc bãi công của công nhân đòi tăng lương, thực hiện ngày làm 8 giờ và cải thiện đời sống liên tục diễn ra, điển hình là cuộc bãi công của hàng vạn công nhân khuân vác ở bến tàu Luân Đôn vào cuối thập niên 80.

Ở Đức, phong trào đấu tranh đòi cải thiện đời sống cho người lao động phát triển mạnh mẽ, buộc giai cấp tư sản phải bãi bỏ "Đạo luật đặc biệt"[1] vào năm 1890. Công nhân đòi quyền tuyển cử, đòi cải thiện đời sống, ngày làm 8 giờ, đòi quyền bãi công v.v...

Nổi bật nhất là phong trào công nhân Mĩ vào cuối thế kỉ XIX, gắn liền với những cuộc đình công và bãi công sôi nổi khắp cả nước. Đỉnh cao của phong trào là cuộc Tổng bãi công của công nhân Si-ca-gô ngày 1 – 5 – 1886 đòi ngày làm 8 giờ đã buộc giới chủ phải nhượng bộ. Ngày này sau đó trở thành ngày Quốc tế lao động và chế độ làm việc 8 giờ mỗi ngày dần được thực hiện ở nhiều nước.

(1) Đạo luật này được ban hành vào tháng 10 – 1878. Theo đó, các tổ chức công nhân bị giải tán, các toà báo công nhân bị đóng cửa, hàng loạt đảng viên Đảng Công nhân xã hội dân chủ Đức bị bắt bớ và tra tấn.

timdapan.com

Hình 41. *Cuộc Tổng bãi công của công nhân Si-ca-gô ngày 1 _ 5 _ 1886*

Nhìn chung, phong trào công nhân quốc tế vào cuối thế kỉ XIX phát triển mạnh mẽ nhưng chưa có sự thống nhất trong lãnh đạo và phối hợp đấu tranh. Tuy nhiên, phong trào đấu tranh cũng tạo điều kiện thuận lợi cho việc truyền bá học thuyết Mác ở nhiều nước tư bản tiên tiến. Nhờ đó, các đảng công nhân, các đảng xã hội hay các nhóm có khuynh hướng cách mạng của giai cấp công nhân được thành lập : Đảng Công nhân xã hội dân chủ Đức (1875), Đảng Công nhân xã hội Mĩ (1876), Đảng Công nhân Pháp (1879), nhóm Giải phóng lao động Nga (1883), Liên minh xã hội dân chủ ở Anh (1884)...

Sự ra đời của các đảng và các tổ chức công nhân đánh dấu bước trưởng thành của phong trào, đòi hỏi phải thành lập một tổ chức quốc tế mới của giai cấp vô sản thế giới. Sau khi Mác qua đời (1883), Ăng-ghen đảm nhiệm vai trò lãnh đạo phong trào công nhân quốc tế.

Phong trào công nhân quốc tế vào cuối thế kỉ XIX có những nét nổi bật nào ?

2. Quốc tế thứ hai

Ngày 14 – 7 – 1889, Đại hội thành lập Quốc tế thứ hai được tổ chức ở Pa-ri.

Đại hội khai mạc đúng vào ngày kỉ niệm 100 năm cuộc Cách mạng tư sản Pháp 1789. Tham dự đại hội có hơn 300 đại biểu nổi tiếng của phong trào công nhân quốc tế. Chỉ đạo đại hội có Ăng-ghen và các nhà hoạt động ở Pháp, Đức, Anh, Nga... Mọi người đều nhất trí phải thành lập một tổ chức quốc tế mới, bởi vì nó sẽ là "một đảm bảo cho hoà bình" và hướng dẫn "cuộc đấu tranh không khoan nhượng của những người lao động".

Đại hội đã thông qua nhiều nghị quyết quan trọng : sự cần thiết phải thành lập chính đảng của giai cấp công nhân ở mỗi nước, đề cao vai trò đấu tranh chính trị,

timdapan.com

xem đấu tranh hợp pháp là điều kiện để thực hiện mục đích đấu tranh giai cấp, tăng cường phong trào quần chúng, đấu tranh giành chính quyền, đòi tăng lương, ngày làm 8 giờ và hằng năm lấy ngày 1 – 5 làm ngày Quốc tế lao động để đoàn kết và biểu dương lực lượng của giai cấp vô sản thế giới.

Cũng như Quốc tế thứ nhất, Quốc tế thứ hai tồn tại và hoạt động chủ yếu dưới hình thức đại hội. Nhờ hoạt động tích cực của Ăng-ghen, Quốc tế thứ hai đã có những đóng góp quan trọng trong việc phát triển phong trào công nhân thế giới cuối thế kỉ XIX : tiếp tục truyền bá học thuyết Mác, đoàn kết phong trào công nhân các nước, thúc đẩy việc thành lập các chính đảng vô sản ở nhiều nước...

Năm 1895, Ph. Ăng-ghen qua đời. Đây là một tổn thất lớn đối với phong trào công nhân. Lúc này xuất hiện một số người có xu hướng phủ nhận học thuyết cách mạng của Mác và Ăng-ghen, đó là trào lưu cơ hội chủ nghĩa.

Người đại diện cho trào lưu cơ hội chủ nghĩa cuối thế kỉ XIX là E. Béc-xtai-nơ (1850 – 1932) ở Đức. Dưới danh nghĩa "xét lại" học thuyết Mác, Béc-xtai-nơ muốn gạt bỏ những nguyên lí cơ bản của chủ nghĩa Mác về đấu tranh giai cấp. Những người theo chủ nghĩa xét lại chủ trương thoả hiệp với giai cấp tư sản, đề cao đấu tranh nghị trường, xem đó là hình thức chủ yếu để giành chính quyền về tay giai cấp công nhân.

Tiếp tục sự nghiệp của Ăng-ghen, một số lãnh tụ phái tả trong các đảng công nhân như Plê-kha-nốp (Nga), La-phác-giơ (Pháp), Bê-ben, Rô-da Lúc-xăm-bua (Đức)... đã lên tiếng phê phán chủ nghĩa xét lại Béc-xtai-nơ, song cuộc đấu tranh này không được tiến hành triệt để nên kết quả rất hạn chế.

Trong những năm đầu thế kỉ XX, cuộc đấu tranh tư tưởng qua các đại hội tiếp theo của Quốc tế thứ hai diễn ra gay gắt và phức tạp giữa khuynh hướng cách mạng và khuynh hướng cơ hội chủ nghĩa về những vấn đề cơ bản. Đó là : vấn đề giành chính quyền của giai cấp vô sản, thái độ đối với vấn đề thuộc địa và chiến tranh đế quốc... Khuynh hướng cách mạng, đại diện là V. I. Lê-nin, kiên quyết lên án ách thống trị của đế quốc đối với thuộc địa và tích cực đấu tranh cho quyền tự quyết của dân tộc.

Quốc tế thứ hai đi dần đến chỗ phân hoá và tan rã khi Chiến tranh thế giới thứ nhất bùng nổ. Đa số thủ lĩnh các đảng cơ hội trong Quốc tế thứ hai ủng hộ chính phủ tư sản nước mình, từ bỏ quyền lợi của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, đẩy quần chúng nhân dân và vô sản các nước vào cuộc chiến tranh vì lợi ích của chủ nghĩa đế quốc. Đến đây, Quốc tế thứ hai tan rã, nhưng phong trào cách mạng thế giới vẫn tiếp tục phát triển, chuyển sang một thời kì mới.

? *– Nêu những hoạt động và đóng góp quan trọng của Quốc tế thứ hai đối với sự phát triển của phong trào công nhân (đến năm 1895).*

– Vì sao chủ nghĩa cơ hội dần dần chiếm ưu thế trong Quốc tế thứ hai ?

timdapan.com

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. Sưu tầm tài liệu để viết bài tường thuật về cuộc tổng bãi công của công nhân Si-ca-gô ngày 1 – 5 – 1886.
2. Chủ nghĩa cơ hội trong Quốc tế thứ hai vào đầu thế kỉ XX thể hiện như thế nào trong tư tưởng và hành động ?
3. Hãy giải thích câu nói của Lê-nin : "Quốc tế thứ hai đã chết vì bị chủ nghĩa cơ hội đánh bại".

PHẦN ĐỌC THÊM

Cuộc đấu tranh của công nhân Si-ca-gô ngày 1 – 5 – 1886

Ngày 1 – 5 – 1886, gần 40 vạn công nhân cả nước Mĩ đình công, xuống đường biểu tình đòi ngày làm 8 giờ. Cuộc đình công lan ra trên 11 000 nhà máy, xí nghiệp, hầm mỏ. Tiêu biểu là cuộc đình công, biểu tình của 8 vạn công nhân Si-ca-gô do Liên đoàn lao động lãnh đạo. Cảnh sát nổ súng vào công nhân trên quảng trường, những người cầm đầu bị bắt và bị xử tử. Mặc dù vậy, Chính phủ buộc phải ban hành đạo luật ngày làm 8 giờ, nhưng mới chỉ áp dụng cho khoảng 1 – 2 vạn người. Cuộc chiến đấu anh dũng và thắng lợi bước đầu của công nhân Mĩ được giai cấp công nhân quốc tế chào mừng. Từ năm 1889, ngày 1 – 5 được ghi vào lịch sử loài người – ngày Quốc tế lao động.

(Theo : Vũ Dương Ninh – Nguyễn Văn Hồng, *Lịch sử thế giới cận đại*, Sđd)

timdapan.com

Bài 14 V.I. LÊ-NIN VÀ PHONG TRÀO CÔNG NHÂN NGA ĐẦU THẾ KỈ XX_ CÁCH MẠNG NGA 1905 _ 1907

Đầu thế kỉ XX, kế tục sự nghiệp của C. Mác và Ph. Ăng-ghen, V. I. Lê-nin đã tiến hành cuộc đấu tranh chống các trào lưu tư tưởng cơ hội chủ nghĩa, làm cho chủ nghĩa Mác ngày càng ảnh hưởng sâu rộng trong phong trào công nhân Nga và phong trào công nhân quốc tế.

Cách mạng 1905 – 1907 ở Nga nổ ra, có ảnh hưởng lớn đến phong trào đấu tranh của nhân dân các nước.

I – V. I. LÊ-NIN VÀ SỰ THÀNH LẬP CHÍNH ĐẢNG CÔNG NHÂN Ở NGA

Từ sau cuộc Cải cách nông nô năm 1861, nền kinh tế tư bản chủ nghĩa ở Nga phát triển nhưng vẫn chậm chạp so với nhiều nước Âu – Mĩ khác. Cuối thế kỉ XIX, nước Nga bắt đầu chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa mặc dù nền quân chủ phong kiến vẫn tồn tại. Dưới chế độ Nga hoàng, tình cảnh của giai cấp công nhân, nông dân và các dân tộc khác trong đế quốc Nga vô cùng khốn khổ. Công nhân phải lao động 12 – 14 giờ một ngày nhưng với đồng lương thấp. Nông dân không có ruộng, phải cày thuê, quanh năm đói kém. Các dân tộc trong đế quốc Nga bị nhiều tầng bóc lột và sống trong tình trạng lạc hậu.

Hình 42. *V.I. Lê-nin (1870 _1924)*

Phong trào đấu tranh chống chế độ Nga hoàng ngày một phát triển mạnh mẽ, đi đầu là giai cấp công nhân. Nhiều cuộc bãi công lớn, xung đột vũ trang của công nhân liên tiếp nổ ra. Yêu cầu xây dựng chính đảng của giai cấp công nhân Nga được đặt ra. Lê-nin giữ vai trò to lớn trong việc này.

Vla-đi-mia I-lích U-li-a-nốp, tức Lê-nin, sinh ngày 22 – 4 – 1870 trong một gia đình nhà giáo tiến bộ. Lê-nin sớm giác ngộ cách mạng và tham gia phong trào đấu tranh chống chế độ Nga hoàng từ hồi còn học ở trường trung học. Năm 1893, Lê-nin tới Xanh Pê-téc-bua và trở thành người đứng đầu một nhóm mácxít ở đây.

timdapan.com

Mùa thu năm 1895, Lê-nin thống nhất những nhóm mácxít Pê-téc-bua thành một tổ chức chính trị duy nhất, lấy tên là "Liên hiệp đấu tranh giải phóng giai cấp công nhân".
Những năm 1895 – 1900, Lê-nin bị bắt và bị đày đi Xi-bia. Hết hạn đày, ông đã tích cực hoạt động chuẩn bị thành lập chính đảng cho giai cấp vô sản Nga. Năm 1900, Lê-nin cùng các đồng chí của ông ra báo *Tia lửa*.

Năm 1903, *Đảng Công nhân xã hội dân chủ Nga* chính thức ra đời [1], đánh dấu bước ngoặt trong phong trào cách mạng Nga. Khác với các đảng xã hội dân chủ ở châu Âu, Đảng Công nhân xã hội dân chủ Nga là đảng vô sản kiểu mới, thực hiện nhiệm vụ lãnh đạo phong trào đấu tranh cách mạng của công nhân, lật đổ chế độ Nga hoàng, thiết lập chuyên chính vô sản, giải quyết vấn đề ruộng đất cho nông dân...

Đầu thế kỉ XX, khi các nước đế quốc chuẩn bị chiến tranh, những phần tử cơ hội trong Quốc tế thứ hai ngả theo chính phủ tư sản thì đảng của Lê-nin – Đảng Bônsêvích – kiên quyết lãnh đạo giai cấp công nhân và nhân dân lao động Nga đấu tranh cách mạng, từng bước giành thắng lợi.

? *– Nêu tiểu sử tóm tắt của V. I. Lê-nin.*
– Tại sao nói Đảng Công nhân xã hội dân chủ Nga là đảng kiểu mới ?

II – CÁCH MẠNG NGA 1905 – 1907

1. Cách mạng bùng nổ

Từ cuối năm 1904, ở Nga nhiều cuộc bãi công và biểu tình của quần chúng đã diễn ra với khẩu hiệu : "Đả đảo chế độ chuyên chế !", "Đả đảo chiến tranh !". Các cuộc đấu tranh của quần chúng đã châm ngòi lửa cho cách mạng.

Ngày chủ nhật 9 – 1 – 1905, 14 vạn công nhân Xanh Pê-téc-bua và gia đình tay không vũ khí, mang theo cờ xí và ảnh của Nga hoàng, tiến đến Cung điện Mùa Đông để cầu xin Nga hoàng cải thiện đời sống. Nhưng quân đội và cảnh sát đã xả súng vào đoàn biểu tình của quần chúng, hơn 1 000 người chết và gần 5 000 người bị thương. Đó là "Ngày Chủ nhật đẫm máu". Lòng tin của nhân dân vào Nga hoàng bị tiêu tan và họ nhận thấy rằng : "Nga hoàng đã đánh chúng ta, chúng ta phải đánh trả lại !". Cách mạng bùng nổ.

Công nhân Xanh Pê-téc-bua nổi dậy vũ trang, dựng chiến luỹ, chuẩn bị khởi nghĩa.
Công nhân nhiều nơi bãi công.
Nông dân cũng nổi dậy ở nhiều nơi, đập phá dinh thự của địa chủ, thiêu huỷ văn tự, khế ước, lấy của cải chia cho nhau.

(1) Đại hội lần thứ nhất được tiến hành vào năm 1898, nhưng trên thực tế Đại hội lần thứ hai (1903) mới được coi là Đại hội thành lập Đảng Công nhân xã hội dân chủ Nga.

timdapan.com

Khẩu hiệu "Đả đảo chế độ chuyên chế !" được truyền đi khắp nơi, một làn sóng bãi công phản đối bùng lên trong cả nước. Chỉ trong tháng 1 – 1905, số người bãi công đã lên đến 44 vạn, nhiều hơn số người bãi công của 10 năm trước đó cộng lại.

Hình 43. *Cuộc khởi nghĩa trên chiến hạm Pô-tem-kin (tranh cổ động)*

Đến mùa hè năm 1905, phong trào lan rộng, lôi cuốn cả binh lính và nông dân tham gia. Lễ kỉ niệm ngày 1 – 5 – 1905 đã biến thành cuộc biểu dương tình đoàn kết của công nhân toàn Nga. Tinh thần cách mạng tác động đến cả quân đội. Tháng 6 – 1905, thuỷ thủ trên chiến hạm Pô-tem-kin ở Ô-đét-xa khởi nghĩa, làm chủ chiến hạm. Nhiều đơn vị hải quân, lục quân khác cũng phản chiến. Nông dân tiếp tục nổi dậy, đưa ra những yêu sách chính trị. Trong quá trình bãi công, ở nhiều nơi, các xô viết đại biểu công nhân được thành lập. Đó là tổ chức chính quyền cách mạng, tiền thân của Nhà nước Xô viết sau này.

Từ mùa thu năm 1905, phong trào cách mạng tiếp tục dâng cao với những cuộc bãi công chính trị của quần chúng, làm ngưng trệ mọi hoạt động kinh tế và giao thông trong cả nước. Tháng 12 – 1905, cuộc tổng bãi công được bắt đầu ở Mát-xcơ-va, rồi nhanh chóng biến thành khởi nghĩa vũ trang. Công nhân đã dựng hàng nghìn chiến luỹ và chiến đấu anh dũng trong 2 tuần lễ. Nhưng do lực lượng quá chênh lệch, cuộc khởi nghĩa đã bị đàn áp đẫm máu.

Theo gương Mát-xcơ-va, nhiều cuộc khởi nghĩa vũ trang cũng nổ ra ở những thành phố khác như : Ni-giơ Nốp-gô-rốt, Rô-xtốp trên sông Đông, Đôn-bát, Cra-xnô-đa... Song, do diễn ra lẻ tẻ và thiếu tổ chức chặt chẽ nên những cuộc khởi nghĩa này đã nhanh chóng bị thất bại. Phong trào cách mạng xuống dần và chấm dứt vào cuối năm 1907.

? *Nguyên nhân dẫn đến cuộc Cách mạng 1905 –1907 ở Nga là gì ?*

2. Tính chất và ý nghĩa lịch sử

Cách mạng Nga 1905 – 1907 là cuộc cách mạng dân chủ tư sản đầu tiên do giai cấp vô sản lãnh đạo trong thời kì đế quốc chủ nghĩa. Nhiệm vụ của nó là

timdapan.com

xoá bỏ chế độ chuyên chế Nga hoàng, thực hiện các nhiệm vụ dân chủ, mở đường cho sản xuất phát triển. Đây là cuộc cách mạng tư sản kiểu mới, khác với các cuộc cách mạng tư sản trước đây.

Tuy thất bại, nhưng Cách mạng Nga 1905 – 1907 có ý nghĩa lịch sử lớn lao. Cách mạng đã phát động được các giai cấp bị bóc lột và các dân tộc bị áp bức trong đế quốc Nga đứng lên đấu tranh, làm lung lay đến tận gốc chế độ Nga hoàng, đưa đến một cao trào đấu tranh của giai cấp vô sản trong các nước đế quốc và chuẩn bị toàn diện cho Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917. Nó còn thúc đẩy sự phát triển của phong trào giải phóng dân tộc ở các nước phương Đông vào đầu thế kỉ XX.

? *Nêu ý nghĩa lịch sử của Cách mạng Nga 1905 – 1907.*

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. Viết một bài văn ngắn về cuộc đời và sự nghiệp cách mạng của V. I. Lê-nin.
2. Trình bày diễn biến Cách mạng Nga 1905 – 1907.
3. Tại sao nói : Cách mạng Nga 1905 – 1907 là cuộc cách mạng tư sản kiểu mới ?

PHẦN ĐỌC THÊM

Về V.I. Lê-nin

Nếu giai cấp vô sản phương Tây coi Lê-nin là một thủ lĩnh, một lãnh tụ, một người thầy thì các dân tộc phương Đông lại coi Lê-nin là một người còn vĩ đại hơn nữa, cao quý hơn nữa...

Không phải chỉ thiên tài của Người, mà chính là tính coi khinh sự xa hoa, tinh thần yêu lao động, đời tư trong sáng, nếp sống giản dị, tóm lại là đạo đức vĩ đại và cao đẹp của người thầy, đã ảnh hưởng lớn lao tới các dân tộc châu Á và đã khiến cho trái tim của họ hướng về Người, không gì ngăn cản nổi.

(Theo : Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Tập 1,
NXB Chính trị Quốc gia, H., 2000, tr. 295)

Ảnh hởởng của Cách mạng Nga 1905 _ 1907 với các nởớc châu Á

Cách mạng đó (1905) còn làm cho toàn thể châu Á chuyển động. Những cuộc cách mạng ở Thổ, Ba Tư, Trung Quốc đang chứng tỏ rằng cuộc khởi nghĩa vĩ đại năm 1905 đã để lại những dấu vết sâu xa và tỏ rõ rằng không thể nào tiêu diệt được ảnh hưởng của nó đối với phong trào tiến bộ của hàng trăm triệu người.

(Theo : V. I. Lê-nin, *Tuyển tập*, Chương I, Phần II,
NXB Sự thật, tr. 153 – 154)

timdapan.com

Chương IV

CÁC NƯỚC CHÂU Á
(Từ giữa thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX)

Bài 15 NHẬT BẢN

Từ nửa sau thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX, ở Nhật Bản đã diễn ra cuộc cải cách trên tất cả các lĩnh vực, từ chính trị, quân sự, văn hoá, giáo dục đến kinh tế, xã hội – cuộc Duy tân Minh Trị. Chính cuộc Duy tân này đã đưa Nhật Bản từ một nước nông nghiệp trở thành một nước tư bản có nền công nghiệp phát triển.

1. Nhật Bản từ nửa đầu thế kỉ XIX đến trước năm 1868

Đến giữa thế kỉ XIX, Nhật Bản vẫn là một quốc gia phong kiến. Mặc dù nhà vua được tôn là Thiên hoàng, có địa vị tối cao, song quyền hành thực tế nằm trong tay Sôgun (Tướng quân) ở phủ Chúa – Mạc phủ. Từ năm 1603, dòng họ Tô-ku-ga-oa nắm chức vụ Tướng quân. Vì thế, thời kì này ở Nhật Bản gọi là thời kì Mạc phủ Tô-ku-ga-oa.

Sau hơn 200 năm thống trị của dòng họ Tô-ku-ga-oa, chế độ phong kiến Nhật Bản đã rơi vào tình trạng bế tắc, suy thoái, không đáp ứng được những yêu cầu phát triển xã hội, không đủ sức chống lại sự xâm nhập của các nước đế quốc Âu – Mĩ.

Về kinh tế, trong nông nghiệp, nông dân không có quyền chiếm hữu đất đai, các lãnh chúa phong kiến phát canh ruộng đất cho nông dân để thu tô.

Nông dân phải nộp tô đến 50% số hoa lợi, lại thêm nhiều thứ sưu thuế nặng nề nên đời sống rất khổ cực. Vào đầu thế kỉ XIX, những dấu hiệu khủng hoảng của nền kinh tế tự nhiên ngày càng lộ rõ. Tình trạng mất mùa, đói kém liên tiếp xảy ra. Trong 50 năm, từ 1790 đến 1840, ở Nhật Bản đã xảy ra 22 lần mất mùa, nạn đói bao trùm phần lớn đất nước.

timdapan.com

Nghề thủ công như dệt lụa, dệt vải, làm giấy, nấu rượu, nấu đường, khai mỏ... phát triển mạnh ở nhiều lãnh địa phía tây nam. Song tình trạng cát cứ làm xuất hiện hàng rào thuế quan, đã ảnh hưởng đến sự phát triển công, thương nghiệp.

Đến giữa thế kỉ XIX, số công trường thủ công lên tới hàng trăm nhưng công nghiệp chế tạo vẫn chưa ra đời. Tỉ lệ sản phẩm công nghiệp của Nhật so với thế giới không đáng kể, ngành đúc đồng chỉ chiếm khoảng 6% và ngành sản xuất tơ cũng chỉ mới chiếm 10% của thế giới (1867).

Về mặt xã hội, Chính phủ Sôgun vẫn duy trì chế độ đẳng cấp. *Tầng lớp Đaimyô* gồm những quý tộc phong kiến lớn, quản lí các vùng lãnh địa trong nước, có quyền lực tuyệt đối trong lãnh địa của họ : có chế độ thuế khoá, luật pháp và quân đội riêng. *Tầng lớp Samurai (Võ sĩ)*, chừng hơn 1 triệu người, không có ruộng đất, chỉ phục vụ các đaimyô bằng việc huấn luyện và chỉ huy các đội vũ trang để hưởng bổng lộc. Nhưng trong một thời gian dài không có chiến tranh, địa vị của Samurai bị suy giảm, lương bổng thất thường, đời sống khó khăn. Nhiều người rời khỏi lãnh địa, tham gia hoạt động thương nghiệp, mở xưởng thủ công... dần dần tư sản hoá, trở thành lực lượng đấu tranh chống chế độ phong kiến lỗi thời.

Do bị áp bức, bóc lột nặng nề, các tầng lớp nhân dân lao động, chủ yếu là nông dân, thị dân, liên tiếp nổi dậy chống phong kiến.

Năm 1853, một hạm đội của Mĩ do Đô đốc Pe-ri chỉ huy tới uy hiếp vùng ven biển Nhật Bản. Năm 1854, trước áp lực của Mĩ, Mạc phủ buộc phải kí hiệp ước, theo đó mở 2 cửa biển Si-mô-đa và Ha-kô-đa-tê cho người Mĩ ra vào buôn bán. Sau đó, các nước Anh, Pháp, Nga, Đức đều đạt được những hiệp ước tương tự.

Việc chính quyền Tô-ku-ga-oa buộc phải mở cửa với những điều kiện bất bình đẳng đã khơi dậy lòng bất mãn vốn có trong nhân dân. Phong trào bài ngoại dâng cao, dư luận khắp nơi đòi đuổi người nước ngoài và tập trung mũi nhọn đả kích vào chế độ Tô-ku-ga-oa. Từ đó, xuất hiện phong trào "Đảo Mạc" – lật đổ Mạc phủ Tô-ku-ga-oa – để bảo vệ nền độc lập và phục hưng quốc gia. Phong trào bùng lên mạnh mẽ ở các công quốc phía tây nam (Chô-su, Sát-su-ma, Tô-xa...). Chính quyền cho quân trấn áp nhưng cũng không ngăn được làn sóng chống Mạc phủ Tô-ku-ga-oa.

? *Hãy trình bày những nét cơ bản về tình hình Nhật Bản từ nửa đầu thế kỉ XIX đến trước năm 1868.*

timdapan.com

2. Cuộc Duy tân Minh Trị

Tháng 12 – 1866, Thiên hoàng Kô-mây qua đời. Mút-xu-hi-tô, lúc đó mới 15 tuổi, lên làm vua, hiệu là Minh Trị. Minh Trị là ông vua có tư tưởng duy tân, chủ trương nắm lại quyền lực và tiến hành cải cách. Từ đó, phong trào "Đảo Mạc" càng phát triển dưới ngọn cờ của Thiên hoàng. Ngày 3 – 1 – 1868, Thiên hoàng Minh Trị thành lập chính phủ mới, chấm dứt thời kì thống trị của dòng họ Tô-ku-ga-oa.

Ngay khi nắm lại quyền lực, Thiên hoàng Minh Trị đã tiến hành cải cách hành chính và thể chế, cải tạo nền kinh tế, giáo dục và xây dựng lực lượng quân sự.

Về chính trị, Nhật hoàng tuyên bố chấm dứt chế độ Mạc phủ, thành lập chính phủ mới, xoá bỏ tình trạng cát cứ, đưa Nhật Bản thành một quốc gia thống nhất thuộc quyền chỉ đạo của chính phủ trung ương. Kinh đô được dời từ Ki-ô-tô về Ê-đô (sau đổi thành Tô-ki-ô). Chính phủ được tổ chức lại theo kiểu châu Âu, gồm 12 bộ, có đại diện quý tộc, tư sản tham gia, nhưng đóng vai trò quan trọng là các quý tộc tư sản hoá (Samurai) vùng Tây Nam.

Chính phủ ra lệnh bỏ ranh giới các công quốc, xoá bỏ đặc quyền và tước hiệu quý tộc. Nhiều quan chức Chính phủ được đào tạo từ phương Tây, đồng thời sử dụng các chuyên gia ngoại quốc như : Anh, Pháp, Đức, Mĩ về các lĩnh vực mà họ có thế mạnh.

Năm 1889, Hiến pháp được ban hành, chế độ quân chủ lập hiến được thiết lập. Thiên hoàng là nguyên thủ tối cao, có quyền hạn rất lớn. Quốc hội gồm hai viện : Thượng viện và Hạ viện. Đại biểu Thượng viện do Thiên hoàng chọn trong số những hoàng thân, những người đóng thuế cao nhất và có công trạng đặc biệt. Đại biểu Hạ viện do bầu cử với điều kiện hạn chế (cử tri là nam giới trên 25 tuổi, đóng thuế cao, cư trú ổn định). Trên thực tế, chỉ 1% dân số có đủ điều kiện bầu cử.

Về kinh tế, Chính phủ thi hành nhiều cải cách như : thống nhất tiền tệ, thống nhất thị trường, cho phép mua bán ruộng đất, phát triển kinh tế tư bản chủ nghĩa ở nông thôn, xây dựng cơ sở hạ tầng, đường sá, cầu cống phục vụ giao thông liên lạc. Nhà nước nắm giữ việc khai mỏ (than, đồng, vàng...) v.v...

Nhờ những cải cách đó mà chỉ gần 30 năm sau khi Minh Trị cầm quyền (1868 – 1895), Nhật Bản đã có bước phát triển vượt bậc về công thương nghiệp. Lịch sử gọi giai đoạn này là *cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất ở Nhật Bản.*

timdapan.com

Hình 44. *Thiên hoàng Minh Trị (1852 _ 1912)*

Về giáo dục, Chính phủ Minh Trị đặc biệt coi trọng lĩnh vực này, xem như là chìa khoá cho công cuộc hiện đại hoá. Chế độ giáo dục bắt buộc được thi hành. Nội dung khoa học và kĩ thuật được tăng cường trong chương trình giảng dạy, những thanh niên ưu tú được cử đi du học ở phương Tây...

Về quân sự, Nhật Bản xác định biện pháp chủ yếu để vươn lên trong thế giới tư bản chủ nghĩa là tiến hành chiến tranh giành giật thuộc địa, mở rộng lãnh thổ. Vì thế, quân đội được tổ chức và huấn luyện theo kiểu phương Tây, chú trọng phát triển công nghiệp đóng tàu chiến, sản xuất vũ khí và đạn dược. Các chuyên gia quân sự người Đức giúp về lục quân, người Anh giúp về hải quân. Nhờ sức mạnh về quân sự, Nhật Bản đã tiến hành thắng lợi hai cuộc chiến tranh Trung – Nhật (1894 – 1895) và Nga – Nhật (1904 – 1905).

Nêu và nhận xét về những chính sách cải cách của Minh Trị.

3. Nhật Bản chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa

Sau cuộc chiến tranh Trung – Nhật (1894 – 1895), nhờ số tiền bồi thường và của cải cướp được ở Triều Tiên và Đông Bắc Trung Quốc, kinh tế Nhật Bản càng phát triển mạnh mẽ. Trong vòng 14 năm (từ 1900 đến 1914), tỉ lệ giá trị công nghiệp trong nền kinh tế quốc dân đã tăng từ 19% lên 42%. Việc đẩy mạnh công nghiệp hoá đã kéo theo sự tập trung trong công nghiệp, thương nghiệp và ngân hàng. Nhiều công ti độc quyền xuất hiện như Mít-su-bi-si, Mít-xưi, giữ vai trò to lớn trong đời sống kinh tế, chính trị ở Nhật Bản. Các công ti này sở hữu nhiều ngân hàng, hầm mỏ, xí nghiệp, đường sắt, tàu biển... Lịch sử Nhật Bản gọi giai đoạn này là *cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ hai* (1895 – 1912).

Bước sang thế kỉ XX, giới cầm quyền Nhật Bản đẩy mạnh chính sách xâm lược và bành trướng. Chiến tranh Nga – Nhật (1904 – 1905) kết thúc với sự thất bại của đế quốc Nga. Nhật chiếm bán đảo Liêu Đông, cảng Lữ Thuận và nam đảo Xa-kha-lin ; năm 1910, thôn tính toàn bộ bán đảo Triều Tiên. Năm 1914, Nhật Bản dùng vũ lực để mở rộng khu vực ảnh hưởng ở Trung Quốc và chiếm Sơn Đông. Nhật trở thành một đế quốc hùng mạnh ở châu Á.

timdapan.com

Hình 45. *Lược đồ về sự bành trướng của đế quốc Nhật Bản cuối thế kỉ XIX _ đầu thế kỉ XX*

Mặc dù tiến lên con đường tư bản chủ nghĩa, song Nhật Bản vẫn duy trì quyền sở hữu ruộng đất phong kiến ; tầng lớp quý tộc, đặc biệt là giới võ sĩ Samurai, vẫn có ưu thế chính trị rất lớn. Những điều đó làm cho chủ nghĩa đế quốc Nhật có đặc điểm là *chủ nghĩa đế quốc phong kiến quân phiệt*.

Sự phát triển của kinh tế công thương nghiệp làm cho giai cấp công nhân Nhật Bản ra đời và không ngừng phát triển, nhưng đời sống rất khổ cực. Công nhân Nhật phải làm việc mỗi ngày từ 12 đến 14 giờ, trong những điều kiện rất tồi tệ, mà tiền lương lại thấp hơn ở các nước Âu – Mĩ rất nhiều. Do đó, họ đấu tranh đòi tăng lương và cải thiện đời sống, đòi quyền tự do, dân chủ. Các chính đảng công nhân

timdapan.com

ra đời, tiếp thu học thuyết Mác. Năm 1901, Đảng Xã hội dân chủ Nhật Bản thành lập dưới sự lãnh đạo của Ca-tai-a-ma Xen.

Ca-tai-a-ma Xen xuất thân trong một gia đình nghèo ; năm 23 tuổi, làm công nhân in ở Tô-ki-ô. Ông tham gia hoạt động trong phong trào công nhân. Năm 1898, ông lãnh đạo công nhân đường sắt bãi công thắng lợi sau hàng tháng đấu tranh. Ông là một trong những lãnh tụ nổi tiếng của phong trào công nhân Nhật Bản ; sau này là bạn của Nguyễn Ái Quốc trong Quốc tế Cộng sản.

Từ năm 1906, dưới ảnh hưởng của Cách mạng Nga 1905, phong trào công nhân ở Nhật Bản phát triển mạnh hơn. Phong trào đấu tranh của nông dân và các tầng lớp lao động khác chống tô, thuế, nạn đắt đỏ... cũng diễn ra rộng khắp và quyết liệt.

? *Những điểm nào chứng tỏ vào cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX Nhật Bản đã chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa ?*

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. Trình bày những nét chủ yếu về tình hình Nhật Bản trước cuộc Duy tân Minh Trị.
2. Lập bảng thống kê về những chính sách của Minh Trị theo các nội dung sau :

Chính sách	Nội dung	Ý nghĩa

3. Hãy trình bày theo lược đồ quá trình bành trướng của Nhật Bản cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX.

PHẦN ĐỌC THÊM

Năm lời tuyên thệ của Minh Trị Thiên hoàng :

a) Quốc hội phải dân chủ và theo công luận quyết định việc nước.

b) Trên dưới đồng lòng lo việc nước.

c) Từ quan chức văn, võ đến nhân dân đều phải theo đuổi chí nguyện để trong nước không còn nỗi bất mãn.

d) Phá bỏ những tập quán xấu, mọi công việc theo pháp luật chung.

đ) Tiếp thu tri thức trên thế giới để chấn hưng sự nghiệp của hoàng triều.

(Theo : Vũ Dương Ninh - Nguyễn Văn Hồng, *Lịch sử thế giới cận đại*, Sđd, tr. 314)

timdapan.com

Bài 16 ẤN ĐỘ

Từ giữa thế kỉ XIX, do chính sách thống trị hà khắc của thực dân Anh, mâu thuẫn giữa nhân dân Ấn Độ với thực dân Anh trở nên vô cùng sâu sắc. Nhiều cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc diễn ra quyết liệt dưới nhiều hình thức, thu hút đông đảo nhân dân tham gia. Điển hình là cuộc khởi nghĩa Xipay (1857 – 1859), phong trào của giai cấp tư sản dẫn tới sự ra đời của Đảng Quốc đại, cuộc bãi công của công nhân Bom-bay năm 1908...

1. Tình hình kinh tế, xã hội Ấn Độ nửa sau thế kỉ XIX

Ấn Độ là quốc gia rộng lớn và đông dân, nằm ở phía nam châu Á. Bước vào đầu thời kì cận đại của lịch sử thế giới, dân số Ấn Độ có khoảng 100 triệu người thuộc nhiều dân tộc khác nhau, có nền kinh tế khá phát triển và nền văn hoá lâu đời, phong phú. Song từ đầu thế kỉ XVII, cuộc tranh giành quyền lực giữa các chúa phong kiến trong nước làm cho Ấn Độ suy yếu. Lợi dụng cơ hội này, các nước tư bản phương Tây, chủ yếu là Anh và Pháp, đua tranh xâm lược Ấn Độ. Đến giữa thế kỉ XIX, thực dân Anh độc chiếm và cai trị Ấn Độ.

Về kinh tế, thực dân Anh tiến hành cuộc khai thác Ấn Độ một cách quy mô, ra sức vơ vét các nguồn nguyên liệu và bóc lột nhân công để thu lợi nhuận tối đa. Ấn Độ trở thành thuộc địa quan trọng nhất của thực dân Anh.

Ấn Độ phải cung cấp ngày càng nhiều lương thực, nguyên liệu cho chính quốc. Ở nông thôn, chính quyền thực dân đã tiến hành tăng thuế, cướp đoạt ruộng đất để lập đồn điền. Đất đai, đồng cỏ, rừng của công xã bị chiếm đoạt. Nợ nần chồng chất buộc người nông dân phải gán đến mảnh đất cuối cùng và chịu lĩnh canh với mức tô 60% hoa lợi. Do vậy, nhân dân Ấn Độ bị bần cùng và chết đói ngày càng nhiều (trong 25 năm cuối thế kỉ XIX, có tới 26 triệu người bị chết đói). Trong khi đó, Ấn Độ vẫn phải cung cấp ngày càng nhiều lương thực cho nước Anh.

Về chính trị _ xã hội, Chính phủ Anh nắm quyền cai trị trực tiếp Ấn Độ. Để tạo chỗ dựa vững chắc cho nền thống trị của mình, thực dân Anh đã thực hiện chính sách nhượng bộ tầng lớp có thế lực trong giai cấp phong kiến bản xứ.

timdapan.com

Hình 46. Cảnh người dân bị đói ở Ấn Độ

Anh tuyên bố tôn trọng quyền lợi, danh dự, tài sản và đặc quyền của quý tộc, thực chất là hợp pháp hoá chế độ đẳng cấp, biến các quý tộc phong kiến bản xứ thành tầng lớp tay sai của thực dân Anh. Người Anh còn tìm cách khơi sâu thêm sự cách biệt về chủng tộc, đẳng cấp và tôn giáo ở Ấn Độ. Ngày 1 – 1 – 1877, trong một buổi lễ có đông đảo quý tộc người Ấn tham gia, Nữ hoàng Anh Vích-to-ri-a tuyên bố đồng thời là Nữ hoàng Ấn Độ.

Hãy nêu những nét lớn trong chính sách thống trị của thực dân Anh ở Ấn Độ.

2. Cuộc khởi nghĩa Xipay (1857 – 1859)

Sự kiện tiêu biểu mở đầu cho phong trào đấu tranh nửa sau thế kỉ XIX là cuộc khởi nghĩa của binh lính Xipay và nhân dân ở Mi-rút.

Xipay là tên gọi những đơn vị binh lính người Ấn Độ trong quân đội Anh. Mặc dù đội quân Xipay là một trong những công cụ xâm lược và thống trị của thực dân, nhưng những binh lính này cũng không tránh khỏi bị sĩ quan người Anh đối xử tàn tệ. Lương của một sĩ quan Ấn Độ chỉ bằng 1/6 lương sĩ quan Anh cùng cấp bậc, người Ấn Độ không được giữ chức vụ cao trong quân đội. Lính Xipay phải sống trong các doanh trại tồi tàn, trái ngược với cảnh sống sung túc của binh lính Anh. Đặc biệt, sau khi công cuộc xâm lược Ấn Độ hoàn thành, người lính Xipay càng bị coi rẻ. Không những thế, tinh thần dân tộc, tín ngưỡng tôn giáo của họ lại bị xúc phạm nghiêm trọng khi họ phải dùng các đạn pháo có bọc giấy tẩm mỡ bò, mỡ lợn. Muốn

timdapan.com

bắn loại đạn này, họ thường phải dùng răng để xé các loại giấy đó, trong khi những người lính Xipay theo đạo Hinđu thì kiêng thịt bò và theo đạo Hồi thì kiêng thịt lợn. Họ đã chống lệnh của thực dân Anh. Đó là nguyên cớ làm bùng lên cuộc khởi nghĩa.

Hình 47. *Cuộc khởi nghĩa Xipay*

Rạng sáng 10 – 5 – 1857, ở Mi-rút (gần Đê-li), khi thực dân Anh sắp áp giải 85 binh lính Xipay trái lệnh thì 3 trung đoàn Xipay nổi dậy khởi nghĩa, vây bắt bọn chỉ huy Anh. Nông dân các vùng phụ cận cũng gia nhập nghĩa quân. Thừa thắng, nghĩa quân tiến về Đê-li. Cuộc khởi nghĩa nhanh chóng lan rộng ra nhiều địa phương thuộc miền Bắc và miền Trung Ấn Độ. Nghĩa quân đã lập được chính quyền ở một số thành phố lớn. Cuộc khởi nghĩa duy trì được 2 năm thì bị thực dân Anh dốc toàn lực đàn áp rất dã man. Nhiều nghĩa quân bị trói vào miệng nòng đại bác, rồi bị bắn cho tan xác. Mặc dù thất bại, cuộc khởi nghĩa Xipay được coi là cuộc khởi nghĩa dân tộc, tiêu biểu cho tinh thần yêu nước, ý chí chống xâm lược của nhân dân Ấn Độ.

? *Tại sao nói cuộc khởi nghĩa Xipay là cuộc khởi nghĩa dân tộc ?*

3. Đảng Quốc đại và phong trào dân tộc (1885 – 1908)

Từ giữa thế kỉ XIX, giai cấp tư sản và tầng lớp trí thức dân tộc ở Ấn Độ đã xuất hiện và dần lớn mạnh. Họ mở nhiều xí nghiệp dệt ở các thành phố lớn hoặc làm đại lí cho các hãng buôn của Anh.

timdapan.com

Tư sản Ấn Độ muốn phát triển kinh tế tư bản chủ nghĩa và đòi hỏi được tham gia chính quyền, nhưng bị thực dân Anh kìm hãm bằng mọi cách.

Vào khoảng năm 1880, có 56 xưởng dệt bông, 40 xưởng dệt đay, 60 mỏ than và nhiều xí nghiệp của tư sản người Ấn. Một số đông hoạt động về thương mại, đồn điền và ngân hàng. Tầng lớp trí thức Ấn Độ gồm các nhà luật học, bác sĩ y khoa, thầy giáo và viên chức cao cấp..., họ tiếp thu văn hoá phương Tây nhưng vẫn nuôi dưỡng ý thức dân tộc.

Cuối năm 1885, Đảng Quốc dân đại hội (gọi tắt là Đảng Quốc đại) được thành lập. Đó là chính đảng đầu tiên của giai cấp tư sản Ấn Độ. Nó đánh dấu một thời kì mới – thời kì giai cấp tư sản Ấn Độ bước lên vũ đài chính trị.

Trong 20 năm đầu (1885 – 1905), Đảng Quốc đại chủ trương dùng phương pháp ôn hoà để đòi chính phủ thực dân cải cách và phản đối phương pháp đấu tranh bằng bạo lực. Giai cấp tư sản Ấn Độ chỉ yêu cầu Anh nới rộng điều kiện để họ được tham gia các hội đồng tự trị, giúp đỡ họ phát triển kĩ nghệ, thực hiện một số cải cách về mặt giáo dục, xã hội. Tuy vậy, thực dân Anh vẫn tìm cách hạn chế hoạt động của Đảng Quốc đại.

Hình 48. *B. Ti-lắc (1856 _ 1920)*

Thất vọng trước thái độ thoả hiệp của những người lãnh đạo Đảng Quốc đại và chính sách hai mặt của chính quyền Anh, một phái dân chủ cấp tiến do Ti-lắc đứng đầu xuất hiện, thường được gọi là "phái cực đoan". Phái này phản đối đường lối thoả hiệp của "phái ôn hoà", đòi hỏi có thái độ kiên quyết chống Anh.

Ban Gan-đa-kha Ti-lắc là nhà ngôn ngữ học, nhà sử học, đã tập hợp những trí thức tiến bộ, có tinh thần chống Anh, tuyên truyền ý thức dân tộc và khơi dậy lòng yêu nước trong nhân dân, đặc biệt là tầng lớp thanh niên. Ông phản đối đường lối "ôn hoà", chủ trương phát động nhân dân lật đổ ách thống trị của Anh, xây dựng một quốc gia độc lập, dân chủ.

timdapan.com

Nhằm hạn chế phong trào đấu tranh của nhân dân, tháng 7 – 1905 chính quyền Anh thi hành chính sách "chia để trị", ban hành đạo luật chia đôi xứ Ben-gan : miền Đông của những người theo đạo Hồi và miền Tây của những người theo đạo Hinđu. Điều đó làm bùng lên phong trào đấu tranh chống thực dân Anh, đặc biệt ở Bom-bay và Can-cút-ta. Ngày 16 – 10 – 1905, ngày đạo luật chia cắt Ben-gan có hiệu lực, nhân dân coi là ngày quốc tang. Hơn 10 vạn người kéo đến bờ sông Hằng, dòng sông linh thiêng của người Ấn, làm lễ tuyên thệ, hát vang bài *Kính chào Ngời _ Mẹ hiền Tổ quốc* để tỏ ý chí đoàn kết, thống nhất. Khắp nơi vang lên khẩu hiệu : "Ấn Độ của người Ấn Độ !".

Hình 49. *Lược đồ phong trào cách mạng ở Ấn Độ cuối thế kỉ XIX _ đầu thế kỉ XX*

Những người "ôn hoà" hoảng sợ. Cuối năm 1907, họ tuyên bố khai trừ Ti-lắc ra khỏi Đảng Quốc đại. Tháng 6 – 1908, thực dân Anh bắt ông, kết án 6 năm tù.

timdapan.com

Vụ án Ti-lắc làm bùng lên một đợt đấu tranh mới. Hàng vạn công nhân ở Bom-bay, tiến hành tổng bãi công 6 ngày phản đối việc Ti-lắc bị kết án 6 năm tù. Họ còn xây dựng chiến luỹ, thành lập các đơn vị chiến đấu chống lại quân đội Anh. Nhân dân các thành phố khác cũng hưởng ứng. Cuộc đấu tranh lên đến đỉnh cao, buộc thực dân Anh phải thu hồi đạo luật chia cắt Ben-gan.

Phong trào đấu tranh 1905 – 1908 thể hiện tinh thần yêu nước, chống thực dân Anh của nhân dân Ấn Độ. Phong trào do một bộ phận giai cấp tư sản lãnh đạo, mang đậm ý thức dân tộc, mục tiêu đấu tranh vì một nước Ấn Độ độc lập và dân chủ. Đây là nét khác biệt chủ yếu so với những phong trào đấu tranh trước đó, đánh dấu sự thức tỉnh của nhân dân Ấn Độ, hoà vào trào lưu dân tộc dân chủ của nhiều nước châu Á trong những năm đầu thế kỉ XX. Công nhân Ấn Độ lần đầu tiên tham gia phong trào đấu tranh dân tộc. Song, do chính sách chia rẽ của thực dân Anh và sự phân hoá trong Đảng Quốc đại nên phong trào tạm ngừng.

Hãy trình bày sự thành lập và phân hoá trong Đảng Quốc đại.

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. Đảng Quốc đại có vai trò như thế nào trong phong trào đấu tranh của nhân dân Ấn Độ ?
2. Hãy nêu những nét chính về phong trào đấu tranh ở Ấn Độ từ năm 1905 đến năm 1908. Tính chất và ý nghĩa.

PHẦN ĐỌC THÊM

Cuộc tổng bãi công ở Bom-bay năm 1908 là một cuộc đấu tranh chính trị lớn đầu tiên của giai cấp vô sản Ấn Độ. Công nhân đã xuống đường biểu dương lực lượng và bênh vực những người lãnh đạo của phong trào yêu nước. Nó chứng tỏ rằng : "Giai cấp vô sản Ấn Độ đã trưởng thành, có thể điều hành cuộc đấu tranh chính trị tự giác mang tính chất quần chúng" (Lê-nin).

(Theo : Vũ Dương Ninh – Nguyễn Văn Hồng, *Lịch sử thế giới cận đại*, Sđd, tr. 511)

timdapan.com

Bài 17 TRUNG QUỐC

Sau cuộc Chiến tranh thuốc phiện (1840 – 1842), lịch sử Trung Quốc chuyển sang một thời kì mới. Đó là thời kì Trung Quốc bị các nước đế quốc Âu – Mĩ đua nhau xâm lược và chia xé ; cũng là thời kì nhân dân Trung Quốc anh dũng đấu tranh chống xâm lược, chống phong kiến Mãn Thanh mà đỉnh cao là cuộc Cách mạng Tân Hợi (1911).

1. Trung Quốc bị các nước đế quốc xâm lược

Từ thế kỉ XVIII và nhất là sang thế kỉ XIX, các nước tư bản phương Tây tăng cường xâm chiếm thị trường thế giới. Nhiều nước ở châu Á như Ấn Độ, In-đô-nê-xi-a, Mã Lai, Miến Điện... đã trở thành thuộc địa của các nước đế quốc Anh, Hà Lan. Trung Quốc, một nước lớn và đông dân nhất châu Á, giàu tài nguyên khoáng sản, có truyền thống văn hoá lâu đời, cũng đứng trước nguy cơ trở thành "miếng mồi" cho các nước đế quốc phân chia, xâu xé.

Để xâm chiếm Trung Quốc, các nước tư bản phương Tây, trước tiên là Anh, tìm mọi cách đòi chính quyền Mãn Thanh phải "mở cửa", đòi tự do buôn bán thuốc phiện, món hàng mang lại nhiều lợi nhuận cho giới tư bản.

Nạn thuốc phiện tràn vào Trung Quốc đã phá hoại đời sống xã hội một cách trầm trọng. Nhân dân Trung Quốc hết sức bất bình và kiên quyết chống tệ nạn thuốc phiện đang huỷ hoại đời sống vật chất, tinh thần của họ. Lâm Tắc Từ, Khâm sai đại thần tại Quảng Châu, đại biểu của tầng lớp đại địa chủ có tinh thần dân tộc, đã dựa vào lực lượng của nhân dân, kiên quyết thực hiện chính sách cấm thuốc phiện. Ông ra lệnh cho thương nhân Anh và các nước khác phải nộp hết số thuốc phiện, nếu trái lệnh sẽ nghiêm trị. Đồng thời, ông buộc thương nhân nước ngoài cam kết không bao giờ chở thuốc phiện đến bán ở Trung Quốc. Trước thái độ kiên quyết của Lâm Tắc Từ và sức mạnh của quần chúng nhân dân, thương nhân Anh buộc phải đem nộp toàn bộ số thuốc phiện với hơn 2 vạn hòm và số thuốc phiện đó bị thiêu huỷ suốt 20 ngày đêm trong tiếng reo hò phấn khởi của nhân dân.

Không chịu mất nguồn lợi lớn đó, thực dân Anh và bọn quan lại Mãn Thanh câu kết với nhau. Chính phủ Anh lấy vấn đề thuốc phiện làm cái cớ gây ra cuộc chiến tranh xâm lược Trung Quốc.

Cuộc chiến tranh xâm lược do thực dân Anh gây ra từ tháng 6 – 1840 và kết thúc vào tháng 8 – 1842 gọi là *Chiến tranh thuốc phiện*. Bị thất bại trong chiến tranh,

timdapan.com

chính quyền Mãn Thanh phải chấp nhận kí Hiệp ước Nam Kinh với các điều khoản nặng nề theo yêu cầu của thực dân Anh.

Hiệp ước Nam Kinh 1842 quy định : Trung Quốc phải mở 5 cửa biển cho thương nhân Anh vào buôn bán, phải bồi thường chiến tranh cho Anh, phải nhượng cho Anh vùng đất Hồng Công...

Hình 50. *Các nước đế quốc xâu xé "cái bánh ngọt" Trung Quốc*

Hiệp ước Nam Kinh là hiệp ước đầu hàng của triều đình phong kiến Mãn Thanh, là xiềng xích đầu tiên mà các nước đế quốc tròng vào cổ nhân dân Trung Quốc. Nó đánh dấu mốc mở đầu của quá trình biến Trung Quốc từ một nước phong kiến độc lập dần trở thành một nước nửa thuộc địa, nửa phong kiến.

Sau Chiến tranh thuốc phiện, các nước đế quốc từng bước nhảy vào xâu xé Trung Quốc. Cho đến cuối thế kỉ XIX, Đức xâm chiếm vùng Sơn Đông ; Anh chiếm vùng châu thổ sông Dương Tử (Trường Giang) ; Nga, Nhật Bản chiếm đóng vùng Đông Bắc ; Pháp chiếm vùng Vân Nam, Quảng Tây, Quảng Đông...

? – *Tại sao gọi cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Anh vào Trung Quốc là Chiến tranh thuốc phiện ?*

– *Xác định trên bản đồ Trung Quốc (treo tường) những vùng bị các nước đế quốc chiếm đóng.*

2. Phong trào đấu tranh của nhân dân Trung Quốc từ giữa thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX

Trước sự xâm lược của các nước đế quốc và thái độ thoả hiệp của triều đình Mãn Thanh, từ giữa thế kỉ XIX, nhân dân Trung Quốc liên tục nổi dậy đấu tranh chống thực dân, phong kiến.

timdapan.com

Cuộc khởi nghĩa *Thái bình Thiên quốc* dưới sự lãnh đạo của Hồng Tú Toàn, nổ ra ngày 1 – 1 – 1851 ở Kim Điền (Quảng Tây), sau đó phát triển rộng ra nhiều địa phương khác. Đây là phong trào nông dân lớn nhất trong lịch sử Trung Quốc. Cuộc khởi nghĩa kéo dài suốt 14 năm, từ năm 1851 đến năm 1864, đã xây dựng được chính quyền ở Thiên Kinh (tức Nam Kinh) và thi hành nhiều chính sách tiến bộ. Chính sách ruộng đất bình quân, chính sách xã hội, quyền bình đẳng nam nữ lần đầu tiên được đề ra trong lịch sử Trung Quốc.

Ngày 19 – 7 – 1864, được sự giúp đỡ của các nước đế quốc, chính quyền Mãn Thanh đã tấn công Thiên Kinh, đàn áp phong trào. Cuộc khởi nghĩa Thái bình Thiên quốc thất bại.

Cuối thế kỉ XIX, trong bối cảnh các nước đế quốc tăng cường xâu xé Trung Quốc, một số sĩ phu tiến bộ Trung Quốc chủ trương tiến hành cải cách để cứu vãn tình thế. Đó là cuộc *vận động Duy tân* năm Mậu Tuất (1898) do hai nhà nho yêu nước Khang Hữu Vi và Lương Khải Siêu chủ trương với sự đồng tình, ủng hộ của vua Quang Tự. Phong trào phát triển chủ yếu trong các tầng lớp quan lại, sĩ phu có ý thức tiếp thu tư tưởng tiên tiến nhưng không đi vào nhân dân lao động, không động viên và cũng không muốn dùng lực lượng nhân dân làm hậu thuẫn. Vì vậy, cuộc vận động Duy tân đã nhanh chóng thất bại khi vấp phải sự chống đối mạnh mẽ của phái thủ cựu trong giai cấp phong kiến do Thái hậu Từ Hi cầm đầu.

Quang Tự sinh năm 1872, lên ngôi năm 1875 khi mới 3 tuổi. Tuy làm vua nhưng chỉ là hư vị, thực quyền đều nằm trong tay Thái hậu Từ Hi – chị ruột của mẹ vua Quang Tự.

Ngày 21 – 9 – 1898, khi phong trào Duy tân mới diễn ra hơn 100 ngày, Thái hậu Từ Hi làm cuộc chính biến, ra lệnh bắt vua Quang Tự, tịch thu ấn tín, bắt và xử tử những người lãnh đạo phái Duy tân. Khang Hữu Vi và Lương Khải Siêu phải lánh ra nước ngoài.

Gần như đồng thời với phong trào Duy tân, một cuộc khởi nghĩa vũ trang của nông dân chống đế quốc đã diễn ra ở miền Bắc Trung Quốc – *phong trào Nghĩa Hoà đoàn*.

Bùng nổ ở Sơn Đông, phong trào nhanh chóng lan rộng ra Trực Lệ, Sơn Tây. Lúc đầu, triều đình Mãn Thanh hạ lệnh đàn áp cuộc khởi nghĩa nhưng về sau lại tìm cách lợi dụng phong trào, đẩy cuộc khởi nghĩa đến xung đột vũ trang với đế quốc. Nghĩa quân tấn công các sứ quán nước ngoài ở Bắc Kinh. Lập tức liên quân 8 nước : Anh, Nhật Bản, Đức, Mĩ, Nga, Pháp, Áo – Hung, I-ta-li-a tiến quân vào Bắc Kinh đàn áp phong trào.

Nghĩa Hoà đoàn đã anh dũng chiến đấu chống quân xâm lược nhưng cuối cùng bị đánh bại vì thiếu sự lãnh đạo thống nhất, thiếu vũ khí. Nhà Mãn Thanh lại một

timdapan.com

lần nữa đầu hàng đế quốc. Lý Hồng Chương thay mặt cho triều đình kí kết với các nước đế quốc Điều ước Tân Sửu (1901), theo đó Trung Quốc phải trả một số tiền bồi thường chiến tranh khổng lồ và phải để cho các nước đế quốc được quyền đóng quân ở Bắc Kinh. Với Điều ước Tân Sửu, Trung Quốc đã trở thành nước nửa thuộc địa, nửa phong kiến.

Hình 51. Lược đồ phong trào Nghĩa Hoà đoàn

? *Khởi nghĩa Thái bình Thiên quốc, phong trào Duy tân và phong trào Nghĩa Hoà đoàn có ý nghĩa lịch sử gì ? Vì sao các phong trào đó thất bại ?*

3. Tôn Trung Sơn và Trung Quốc Đồng minh hội

Sự bành trướng của chủ nghĩa tư bản vào Trung Quốc, một mặt phá vỡ nền kinh tế thủ công nghiệp ở thành thị và kinh tế gia đình của nông dân, mặt khác lại thúc đẩy công thương nghiệp, kích thích sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở Trung Quốc. Giai cấp tư sản Trung Quốc ra đời từ cuối thế kỉ XIX và đã lớn mạnh lên rất nhiều vào đầu thế kỉ XX. Họ bị chèn ép, kìm hãm bởi bọn thực dân và triều đình phong kiến Mãn Thanh. Dựa vào các cuộc đấu tranh bền bỉ liên tục của quần chúng

timdapan.com

nhân dân, giai cấp tư sản Trung Quốc bắt đầu tập hợp lực lượng, thành lập các tổ chức chính trị của mình. Tôn Trung Sơn là đại diện ưu tú và là lãnh tụ kiệt xuất của phong trào cách mạng theo khuynh hướng dân chủ tư sản ở Trung Quốc.

Hình 52. *Tôn Trung Sơn (1866 _ 1925)*

Tôn Trung Sơn sinh ra trong một gia đình nông dân ở tỉnh Quảng Đông. Năm 13 tuổi, ông đến học ở Hô-nô-lu-lu (Ha-oai) vì có người anh buôn bán ở đấy. Sau đó, ông tiếp tục học ở Hồng Công, rồi học y khoa ở Quảng Châu. Ông đã đi nhiều nước trên thế giới, có điều kiện tiếp xúc với tư tưởng dân chủ Âu – Mĩ một cách có hệ thống. Đứng trước nguy cơ của dân tộc ngày càng trầm trọng, ông nhìn thấy rõ sự thối nát của chính quyền Mãn Thanh, sớm nảy nở tư tưởng lật đổ triều Thanh, xây dựng một xã hội mới.

Đầu năm 1905, phong trào đấu tranh chống đế quốc, chống phong kiến của nhân dân Trung Quốc đã lan rộng khắp các tỉnh. Hoa kiều ở nước ngoài cũng nhiệt liệt hưởng ứng phong trào. Trước tình hình đó, Tôn Trung Sơn từ châu Âu về Nhật Bản, bàn với những người đứng đầu các tổ chức cách mạng trong nước để thống nhất lực lượng thành một chính đảng. Tháng 8 – 1905, *Trung Quốc Đồng minh hội*, chính đảng của giai cấp tư sản ra đời.

Tham gia tổ chức này có tiểu tư sản, địa chủ, thân sĩ bất bình với nhà Thanh cùng một số đại biểu công nhân, nông dân, nhưng đông nhất vẫn là trí thức tư sản và tiểu tư sản. Cương lĩnh chính trị của Đồng minh hội dựa trên học thuyết *Tam dân* của Tôn Trung Sơn là : "Dân tộc độc lập, dân quyền tự do, dân sinh hạnh phúc". Mục tiêu của Hội là đánh đổ Mãn Thanh, khôi phục Trung Hoa, thành lập Dân quốc (chế độ cộng hoà), thực hiện quyền bình đẳng ruộng đất.

Dưới sự lãnh đạo của Đồng minh hội, phong trào cách mạng Trung Quốc phát triển thêm một bước. Trung Quốc đứng trước một cuộc cách mạng dân chủ tư sản. Tôn Trung Sơn và nhiều nhà hoạt động cách mạng khác đã tích cực chuẩn bị mọi mặt cho một cuộc khởi nghĩa vũ trang.

? *– Theo em, chủ trương, chính sách của Trung Quốc Đồng minh hội có những tiến bộ và hạn chế gì ?*

– Nêu nhận xét về chủ nghĩa Tam dân của Tôn Trung Sơn.

timdapan.com

4. Cách mạng Tân Hợi (1911)

Ngày 9 – 5 – 1911, chính quyền Mãn Thanh ra sắc lệnh "Quốc hữu hoá đường sắt" nhưng thực chất là trao quyền kinh doanh đường sắt cho các nước đế quốc, bán rẻ quyền lợi dân tộc. Sự kiện này đã gây nên một làn sóng căm phẫn công khai trong quần chúng nhân dân và trong tầng lớp tư sản, châm ngòi cho một cuộc cách mạng.

Hình 53. Lược đồ Cách mạng Tân Hợi

Ngày 10 – 10 – 1911, Đồng minh hội phát động khởi nghĩa ở Vũ Xương. Cuộc khởi nghĩa thắng lợi nhanh chóng rồi lan rộng ra tất cả các tỉnh miền Nam và miền Trung Trung Quốc.

timdapan.com

Cuối tháng 12 – 1911, Quốc dân đại hội (gồm đại biểu các tỉnh nổ ra cách mạng) họp ở Nam Kinh, tuyên bố thành lập Trung Hoa Dân quốc và bầu Tôn Trung Sơn làm Đại Tổng thống, đứng đầu Chính phủ lâm thời. Một Hiến pháp lâm thời được thông qua, công nhận quyền bình đẳng và quyền tự do dân chủ của công dân, nhưng không đề cập đến vấn đề ruộng đất của nông dân như đã được ghi trong Cương lĩnh của Đồng minh hội.

Trước thắng lợi bước đầu của cách mạng, một số người lãnh đạo Đồng Minh hội chủ trương thương lượng với Viên Thế Khải khi đó là Tổng lý Nội các (Thủ tướng), của nhà Thanh. Theo thoả thuận, sau khi ép buộc vua Thanh là Phổ Nghi phải thoái vị, Tôn Trung Sơn buộc phải từ chức, ra nước ngoài ; Viên Thế Khải đã tuyên thệ nhậm chức Đại Tổng thống của Trung Hoa Dân Quốc (3 – 1912). Cách mạng Tân Hợi trên thực tế đã chấm dứt.

Cách mạng Tân Hợi là cuộc cách mạng dân chủ tư sản, do những người trí thức cấp tiến trong giai cấp tư sản và tiểu tư sản lãnh đạo, đã lật đổ triều đại Mãn Thanh, chấm dứt chế độ quân chủ chuyên chế tồn tại lâu đời ở Trung Quốc, mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển, có ảnh hưởng nhất định đối với cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc ở một số nước châu Á. Song, cuộc cách mạng này đã không thủ tiêu thực sự giai cấp phong kiến, không đụng chạm đến các nước đế quốc xâm lược và không giải quyết được vấn đề ruộng đất cho nông dân.

? *Dựa trên lược đồ, trình bày diễn biến chính của cuộc Cách mạng Tân Hợi.*

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. Nêu kết quả của Cách mạng Tân Hợi. Vì sao gọi cuộc cách mạng này là cuộc cách mạng tư sản không triệt để ?
2. Lập bảng thống kê các sự kiện chính trong phong trào đấu tranh của nhân dân Trung Quốc từ Chiến tranh thuốc phiện đến Cách mạng Tân Hợi.
3. Hãy nhận xét về phong trào đấu tranh của nhân dân Trung Quốc từ giữa thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX.

PHẦN ĐỌC THÊM

Viên Thế Khải cướp đoạt thành quả cách mạng

Nhà Thanh ngay từ đầu đã phái nhiều tướng lĩnh và hàng vạn quân đi dập tắt cách mạng. Song trước khí thế đang lên của quần chúng, bọn tướng lĩnh bất tài và quân

timdapan.com

lính bạc nhược của chúng không đem lại kết quả gì. Triều đình Mãn Thanh liền nghĩ đến Viên Thế Khải, một tên quân phiệt có nhiều kinh nghiệm đàn áp, đang dưỡng bệnh ở Hà Nam...

Viên Thế Khải từ lâu đã có âm mưu nắm quyền, nhân cơ hội triều đình Mãn Thanh khủng hoảng, liền buộc nhà Thanh phải cử Viên làm Tổng lí nội các (Thủ tướng Chính phủ).

Viên dùng cách mạng để doạ nạt nhà Thanh và dùng quân sự trong tay để uy hiếp cách mạng. Khi được tin cách mạng sẽ nhường chức Đại Tổng thống, Viên liền tìm mọi cách tấn công vào chính quyền mới thành lập. Bọn phản cách mạng và đế quốc công kích Tôn Trung Sơn, không công nhận Chính phủ cộng hoà, thu hết quan thuế, gây khó khăn về kinh tế cho phái cách mạng...

Vua Thanh buộc phải thoái vị ngày 12 – 2 – 1912. Ngày 13, Viên Thế Khải điện cho Tôn Trung Sơn và Lê Nguyên Hồng biết "công lao" của ông ta, có ý thúc ép Tôn Trung Sơn từ chức Tổng thống. Sau khi tiếp được điện báo của Viên, Tôn Trung Sơn liền từ chức Đại Tổng thống lâm thời. Viên Thế Khải được bầu làm Đại Tổng thống, Lê Nguyên Hồng làm Phó Tổng thống.

(Theo : Vũ Dương Ninh – Nguyễn Văn Hồng,
Lịch sử thế giới cận đại, Sđd, tr. 366 – 367)

timdapan.com

Bài 18 CÁC NƯỚC ĐÔNG NAM Á (Cuối thế kỉ XIX _ đầu thế kỉ XX)

Từ nửa sau thế kỉ XIX, các nước đế quốc mở rộng và hoàn thành việc thống trị khu vực Đông Nam Á. Hầu hết các nước trong khu vực đều trở thành thuộc địa, trừ Xiêm[1] là giữ được độc lập nhưng bị lệ thuộc nước ngoài về nhiều mặt. Sự xâm lược và đô hộ của các nước đế quốc thực dân đã gây nên những chuyển biến lớn trong xã hội ở các nước Đông Nam Á, đưa đến những phong trào đấu tranh mạnh mẽ vì độc lập và tiến bộ xã hội.

1. Quá trình xâm lược của chủ nghĩa thực dân vào các nước Đông Nam Á

Từ giữa thế kỉ XIX, khi các nước châu Âu và Bắc Mĩ căn bản hoàn thành cách mạng tư sản, đua nhau bành trướng thế lực, xâm chiếm thuộc địa thì ở hầu hết các nước khu vực Đông Nam Á, chế độ phong kiến vẫn giữ địa vị thống trị, nhưng lâm vào cuộc khủng hoảng triền miên về chính trị, kinh tế, xã hội. Nhân cơ hội này, các nước thực dân phương Tây mở rộng và hoàn thành việc xâm lược các nước Đông Nam Á, trừ Xiêm.

Ở In-đô-nê-xi-a, ngay từ thế kỉ XV – XVI thực dân Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Hà Lan đã có mặt và từng bước chiếm lĩnh thị trường. Đến giữa thế kỉ XIX, Hà Lan hoàn thành việc xâm chiếm và thiết lập sự thống trị trên đất nước này.

Phi-líp-pin bị thực dân Tây Ban Nha thống trị ngay từ giữa thế kỉ XVI. Sau cuộc chiến tranh với Tây Ban Nha năm 1898, đế quốc Mĩ liền tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược Phi-líp-pin (1899 – 1902) và biến quần đảo này thành thuộc địa của Mĩ.

Ở Miến Điện (nay là Mi-an-ma), thực dân Anh đã ba lần tiến hành chiến tranh xâm lược. Năm 1885, Anh thôn tính Miến Điện, biến nước này thành một tỉnh của Ấn Độ thuộc Anh.

Mã Lai (nay thuộc Ma-lai-xi-a và Xin-ga-po) sớm bị các nước tư bản nhòm ngó, can thiệp. Đến đầu thế kỉ XX, Mã Lai trở thành thuộc địa của Anh.

Ba nước Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia là đối tượng xâm lược của thực dân Pháp. Đến cuối thế kỉ XIX, Pháp đã hoàn thành quá trình xâm lược và bắt đầu thi hành chính sách bóc lột, khai thác thuộc địa.

(1) Từ năm 1939, nước Xiêm được đổi tên thành Thái Lan.

timdapan.com

Hình 54. Lược đồ Đông Nam Á cuối thế kỉ XIX _ đầu thế kỉ XX

Vào cuối thế kỉ XIX, Xiêm trở thành "vùng đệm" giữa đế quốc Anh và Pháp. Nhưng với chính sách ngoại giao mềm dẻo, khôn khéo của Ra-ma V nên Xiêm là nước duy nhất ở Đông Nam Á giữ được nền độc lập tương đối về chính trị.

? *Dựa vào lược đồ, hãy trình bày quá trình xâm lược của các nước đế quốc ở Đông Nam Á.*

2. Phong trào chống thực dân Hà Lan của nhân dân In-đô-nê-xi-a

Ở In-đô-nê-xi-a, sau cuộc khởi nghĩa Đi-pô-nê-gô-rô (1825 – 1830) bị thất bại, nhân dân A-chê đã anh dũng chiến đấu chống lại 3000 quân Hà Lan đổ bộ lên vùng này vào tháng 10 – 1873. Để chống lại đội quân xâm lược Hà Lan, nhân dân In-đô-nê-xi-a đã tiến hành cuộc chiến tranh du kích. Quân Hà Lan tuy chiếm được hoàng cung nhưng vẫn không chinh phục được A-chê. Tiếp đó là các cuộc khởi nghĩa ở Tây Xu-ma-tơ-ra (1873 – 1909), Ba Tắc (1878 – 1907), Ca-li-man-tan (1884 – 1886)... Đến năm 1890, nổ ra cuộc khởi nghĩa nông dân do Sa-min lãnh đạo.

timdapan.com

Sa-min không thừa nhận nền thống trị của Hà Lan nên đã vận động nhân dân, chủ yếu là nông dân, chống lại những thứ thuế vô lí của bọn thực dân. Ông chủ trương xây dựng một đất nước mà mọi người đều có việc làm, được hưởng hạnh phúc. Trong khi những trào lưu tư tưởng tiến bộ hơn chưa thể xuất hiện thì chính tư tưởng này đã có tác dụng tích cực nhất định, là vũ khí tuyên truyền, động viên, tổ chức quần chúng nhân dân chống lại ách áp bức, bóc lột, bất công.

Cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX, xã hội In-đô-nê-xi-a có nhiều biến đổi. Việc đầu tư, bóc lột của tư bản Hà Lan ngày càng mạnh mẽ, về khách quan đã tạo nên những tiền đề xã hội cho giai cấp công nhân và giai cấp tư sản In-đô-nê-xi-a ra đời, ý thức dân tộc phát triển.

Phong trào công nhân cũng sớm hình thành với sự ra đời của các tổ chức : Hiệp hội công nhân đường sắt (1905), Hiệp hội công nhân xe lửa (1908). Tháng 12 – 1914, *Liên minh xã hội dân chủ In-đô-nê-xi-a* được thành lập, tuyên truyền chủ nghĩa Mác trong công nhân, đặt cơ sở cho *Đảng Cộng sản* ra đời (5 – 1920). Giai cấp tư sản dân tộc, tầng lớp trí thức tiếp thu tư tưởng dân chủ tư sản châu Âu, đóng vai trò nhất định trong phong trào yêu nước ở In-đô-nê-xi-a đầu thế kỉ XX.

Hãy nêu những cuộc khởi nghĩa lớn trong phong trào đấu tranh chống thực dân Hà Lan của nhân dân In-đô-nê-xi-a cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX.

3. Phong trào chống thực dân ở Phi-líp-pin

Từ giữa thế kỉ XVI, thực dân Tây Ban Nha đã chiếm quần đảo Phi-líp-pin làm thuộc địa. Trong hơn 300 năm đô hộ nước này, người Tây Ban Nha đã ra sức khai thác đồn điền, hầm mỏ, nông sản... phục vụ cho chính quốc. Viên Toàn quyền người Tây Ban Nha đứng đầu bộ máy hành chính. Việc cai trị các tỉnh cũng nằm trong tay các tổng đốc người Tây Ban Nha. Hầu hết cư dân theo đạo Thiên Chúa do người Tây Ban Nha truyền đến. Chỉ có một số ít cư dân ở phía nam (đảo Min-đa-nao) theo đạo Hồi, họ bị phân biệt đối xử rất tồi tệ. Mâu thuẫn giữa nhân dân Phi-líp-pin với thực dân Tây Ban Nha ngày càng trở nên gay gắt.

Năm 1872, nhân dân thành phố Ca-vi-tô nổi dậy khởi nghĩa, hô vang khẩu hiệu "Đả đảo bọn Tây Ban Nha !", tấn công vào các đồn trú, làm chủ Ca-vi-tô trong 3 ngày. Cuối cùng, cuộc khởi nghĩa thất bại, những người lãnh đạo bị bắt và bị xử tử, hơn 200 người bị đi đày.

Vào những năm 90 của thế kỉ XIX, ở Phi-líp-pin xuất hiện hai xu hướng chính trong phong trào giải phóng dân tộc :

timdapan.com

Thứ nhất là xu hướng cải cách của Hô-xê Ri-dan. Năm 1892, Hô-xê Ri-dan thành lập *Liên minh Phi-líp-pin*, thu nạp nhiều trí thức yêu nước, địa chủ và tư sản tiến bộ cùng một số dân nghèo. Liên minh chủ trương tuyên truyền, khơi dậy ý thức dân tộc, đấu tranh đòi cho người Phi-líp-pin được hưởng quyền bình đẳng như người Tây Ban Nha, được tham gia chính quyền, tự do kinh doanh và phát triển văn hoá dân tộc. Hoạt động của Liên minh đã thức tỉnh tinh thần dân tộc trong các tầng lớp nhân dân, chuẩn bị tư tưởng cho cao trào cách mạng sau này.

Hình 55. *Hô-xê Ri-dan (1861 _ 1896)*

Hô-xê Ri-dan là nhà thơ, thầy thuốc, nhà hoạt động chính trị, có tinh thần dân tộc rất cao. Mẹ ông là một trí thức yêu nước, nhiều lần bị chính quyền thực dân giam giữ. Điều đó sớm có ảnh hưởng đến tư tưởng và tình cảm của ông. Trong thời gian du học ở Tây Ban Nha, ông viết 2 tác phẩm nổi tiếng là *Đừng động vào tôi* và *Kẻ phản bội*, lên án tội ác của bọn thực dân và nêu lên tình cảnh khổ cực của người dân quê hương mình, khơi dậy tinh thần yêu nước trong thanh niên và nhân dân. Là người lãnh đạo Liên minh Phi-líp-pin, ông bị thực dân Tây Ban Nha bắt giam, cuối năm 1896 bị xử tử. Tại nơi ông bị hành hình, ngày nay người ta đã xây dựng quảng trường Hô-xê Ri-dan (ở Thủ đô Ma-ni-la) với bức tượng người anh hùng dân tộc của nhân dân Phi-líp-pin.

Hình 56. *Bô-ni-pha-xi-ô (1863 _ 1897)*

Thứ hai là xu hướng bạo động của Bô-ni-pha-xi-ô. Không tán thành đường lối cải cách ôn hoà của Hô-xê Ri-dan, tháng 7 – 1892 Bô-ni-pha-xi-ô tách khỏi Liên minh Phi-líp-pin, thành lập *Liên hiệp những người con yêu quý của nhân dân*, viết tắt là KATIPUNAN.

Bô-ni-pha-xi-ô xuất thân từ tầng lớp nghèo khổ, sớm phải lao động để kiếm sống, gần gũi với quần chúng lao động nên được gọi là "Người bình dân vĩ đại". Ông chủ trương đấu tranh bạo lực để lật đổ ách thống trị thực dân, xây dựng một quốc gia độc lập, bình đẳng, bênh vực người nghèo. Lời kêu gọi của ông : "Hạnh phúc và vinh quang là chết cho sự nghiệp cứu nước" trở thành lời tuyên thệ của KATIPUNAN.

Ngày 28 – 8 – 1896, Bô-ni-pha-xi-ô phát lệnh khởi nghĩa với khẩu hiệu "Chiến thắng hay là chết !" được nhân dân hưởng ứng nhiệt liệt. Phong trào kháng chiến

timdapan.com

chống thực dân lan rộng toàn quần đảo. Tại nhiều vùng giải phóng đã thiết lập chính quyền nhân dân do KATIPUNAN lãnh đạo, chia ruộng đất cho nông dân, tiến tới thành lập nền cộng hoà. Phong trào đang trên đà thắng lợi, một phần tử tư sản cánh hữu là A-ghi-nan-đô đã ra lệnh bắt rồi sát hại Bô-ni-pha-xi-ô, giải tán KATIPUNAN (1897).

Vào lúc này, đế quốc Mĩ đang tìm cách bành trướng sang bờ Tây Thái Bình Dương nên đã không bỏ lỡ cơ hội. Tháng 4 – 1898, Mĩ gây chiến với Tây Ban Nha. Dưới danh nghĩa ủng hộ cuộc đấu tranh chống thực dân của nhân dân Phi-líp-pin, tháng 6 – 1898, Mĩ dựng A-ghi-nan-đô lên làm Tổng thống nước Cộng hoà Phi-líp-pin. Sau khi Tây Ban Nha thua trận, quân Mĩ đổ bộ chiếm Ma-ni-la và nhiều nơi trên quần đảo. Nghĩa quân chuyển sang đấu tranh chống Mĩ xâm lược. Cuộc kháng chiến của nhân dân Phi-líp-pin chống Mĩ diễn ra trong tình trạng không cân sức, kéo dài đến năm 1902 thì bị dập tắt. Từ đây, Phi-líp-pin trở thành thuộc địa của Mĩ.

Cuộc khởi nghĩa năm 1896 ở Phi-líp-pin là cuộc cách mạng mang tính chất tư sản, chống đế quốc đầu tiên ở Đông Nam Á, đánh dấu sự thức tỉnh của nhân dân Phi-líp-pin trong cuộc đấu tranh giành độc lập cho Tổ quốc.

? *– Lập bảng so sánh những điểm giống và khác nhau giữa hai xu hướng đấu tranh ở Phi-líp-pin vào cuối thế kỉ XIX.*

– Nêu diễn biến của cuộc Cách mạng năm 1896 ở Phi-líp-pin.

– Âm mưu và thủ đoạn của Mĩ đối với Phi-líp-pin như thế nào ?

4. Phong trào đấu tranh chống thực dân Pháp của nhân dân Cam-pu-chia

Vào nửa sau thế kỉ XIX, đồng thời với cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam, thực dân Pháp từng bước xâm chiếm Cam-pu-chia và Lào.

Năm 1863, Pháp gây áp lực buộc vua Cam-pu-chia là Nô-rô-đôm phải chấp nhận quyền bảo hộ của chúng. Sau khi gạt bỏ ảnh hưởng của Xiêm đối với triều đình Phnôm Pênh, Pháp buộc vua Nô-rô-đôm kí Hiệp ước 1884, thực sự biến Cam-pu-chia thành thuộc địa của Pháp.

Ách thống trị của thực dân Pháp đã gây nên nỗi bất bình trong hoàng tộc và các tầng lớp nhân dân. Nhiều cuộc khởi nghĩa chống thực dân Pháp diễn ra sôi nổi trong cả nước.

Mở đầu là cuộc khởi nghĩa lớn của Hoàng thân Si-vô-tha kéo dài hơn 30 năm (1861 – 1892).

timdapan.com

Si-vô-tha là em cùng cha khác mẹ với Nô-rô-đôm. Bất bình trước thái độ nhu nhược của triều đình với quân Xiêm và quân Pháp, ông đã tập hợp đông đảo quần chúng nhân dân nổi dậy khởi nghĩa, tấn công thẳng vào quân Pháp ở U-đông và Phnôm Pênh, mở rộng địa bàn hoạt động. Đến tháng 10 – 1892, ông qua đời vì bệnh nặng, sau đó phong trào suy yếu dần.

Cuộc khởi nghĩa của A-cha Xoa (1863 – 1866) là cuộc khởi nghĩa lớn, diễn ra ở các tỉnh giáp với biên giới Việt Nam, đã gây cho thực dân Pháp nhiều tổn thất to lớn.

A-cha Xoa lúc đầu tham gia cuộc khởi nghĩa của Si-vô-tha ; bị đàn áp, ông và nhiều nghĩa quân phải phiêu bạt sang Việt Nam, ở vùng Châu Đốc, Tịnh Biên. Số phận của người dân Việt Nam lúc này cũng giống như người dân Khơ-me, nên cuộc vận động khởi nghĩa của A-cha Xoa gặp nhiều thuận lợi. Nhân dân Việt Nam đã sẵn sàng giúp đỡ A-cha Xoa chống lại thực dân Pháp và triều đình Khơ-me.

Từ vùng núi Thất Sơn, A-cha Xoa lấy Châu Đốc, Hà Tiên làm bàn đạp đánh về Cam-pu-chia. Năm 1864, có lần nghĩa quân đã chiếm được tỉnh Cam-pốt và áp sát Phnôm Pênh. Hoạt động của nghĩa quân trong các năm 1864 – 1865 càng mạnh mẽ. Biên giới Việt Nam – Cam-pu-chia biến thành vùng căn cứ cho cuộc khởi nghĩa A-cha Xoa. Thực dân Pháp thấy bất lợi, bèn ép buộc nhà Nguyễn bắt A-cha Xoa nộp cho chúng. Ngày 19 – 3 – 1866, do bị thương nặng, A-cha Xoa rơi vào tay thực dân Pháp.

Cuộc khởi nghĩa của Pu-côm-bô (1866 – 1867) không chỉ thể hiện tinh thần anh dũng, bất khuất của nhân dân Cam-pu-chia mà còn là biểu tượng về liên minh chiến đấu giữa nhân dân Việt Nam và nhân dân Cam-pu-chia trong cuộc đấu tranh chống kẻ thù chung là thực dân Pháp xâm lược.

Pu-côm-bô là nhà sư có uy tín trong nhân dân, đã từng lánh nạn ở Nam Lào trong 17 năm. Năm 1866, ông phát động cuộc khởi nghĩa chống Pháp và lập căn cứ ở Tây Ninh. Nghĩa quân bao gồm người Khơ-me, người Chăm, người Xtiêng, người Kinh. Trương Quyền (con Trương Định) và Võ Duy Dương (Thiên hộ Dương) đã liên kết với nghĩa quân Pu-côm-bô trong những trận đánh Pháp. Khi lực lượng lớn mạnh, Pu-côm-bô tiến quân về nước, kiểm soát Pa-man, tiến công kinh đô cũ U-đông (17 – 12 – 1866). Nhân dân Việt Nam ở ba tỉnh miền Tây Nam Kì thường xuyên cung cấp lương thực, vũ khí cho nghĩa quân. Ngày 3 – 12 – 1867, Pu-côm-bô hi sinh. Cuộc chiến đấu của Pu-côm-bô đã kết thúc một cách oanh liệt.

timdapan.com

? – *Trình bày diễn biến chính các cuộc khởi nghĩa chống thực dân Pháp của nhân dân Cam-pu-chia.*

– *Sự đoàn kết chiến đấu giữa nhân dân Việt Nam và nhân dân Cam-pu-chia được biểu hiện như thế nào trong các cuộc khởi nghĩa của A-cha-Xoa và Pu-côm-bô ?*

5. Phong trào đấu tranh chống thực dân Pháp của nhân dân Lào đầu thế kỉ XX

Khi tiến hành xâm lược Việt Nam và Cam-pu-chia, thực dân Pháp đã tính đến việc thôn tính Lào. Năm 1865, nhiều đoàn thám hiểm người Pháp đi ngược sông Mê Công lên thượng nguồn để thăm dò khả năng xâm lược Lào, gây sức ép buộc triều đình Luông Pha-bang phải công nhận nền thống trị của Pháp. Tiến hành đàm phán với Xiêm, Pháp đạt được Hiệp ước 1893, theo đó Chính phủ Xiêm thừa nhận quyền cai trị của Pháp ở Lào. Từ đây, Lào thực sự biến thành thuộc địa của Pháp.

Ngay từ đầu thế kỉ XX, nhân dân Lào đã tiến hành nhiều cuộc đấu tranh bất khuất trên toàn lãnh thổ để chống lại ách nô dịch tàn bạo của thực dân Pháp. Mở đầu là cuộc khởi nghĩa của nhân dân Lào dưới sự chỉ huy của Pha-ca-đuốc (1901– 1903). Phong trào đã phát triển nhanh chóng, giải phóng Xa-van-na-khét, mở rộng sang cả vùng biên giới Lào – Việt.

Đặc biệt kiên cường là cuộc khởi nghĩa trên cao nguyên Bô-lô-ven, kéo dài 37 năm (1901 – 1937), do Ong Kẹo và Com-ma-đam chỉ huy tiến hành chiến tranh du kích, gây cho địch nhiều tổn thất.

Không thể đàn áp được nghĩa quân, thực dân Pháp giở trò "đàm phán". Ong Kẹo nhận lời đến họp để thăm dò thái độ của địch. Theo quy định, không ai được mang vũ khí vào cuộc họp. Mặc dù hai bên đã khám xét lẫn nhau trước khi vào họp, nhưng lợi dụng phong tục của dân tộc Lào Thơng là cấm sờ vào đầu người khác, Công sứ Phen-le đã giấu súng lục trong chiếc mũ nồi đang đội trên đầu. Khi trong phòng chỉ còn lại hai người, Phen-le đã rút súng bắn chết Ong Kẹo (ngày 13 – 10 – 1907). Sau khi Ong Kẹo bị sát hại, nghĩa quân vẫn tiếp tục chiến đấu dưới sự chỉ huy của Com-ma-đam.

Các cuộc khởi nghĩa chống Pháp của nhân dân ba nước Đông Dương cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX, mặc dù rất sôi nổi, quyết liệt, thể hiện tinh thần đấu tranh bất khuất vì độc lập tự do của mỗi dân tộc, song đều thất bại. Nguyên nhân là do các phong trào này đều mang tính chất tự phát, thiếu đường lối đúng đắn và thiếu

timdapan.com

tổ chức vững vàng. Những cuộc chiến đấu đó thể hiện tinh thần yêu nước và tình đoàn kết của nhân dân ba nước Đông Dương trong cuộc chiến đấu chống thực dân Pháp.

? *– Lập bảng thống kê các sự kiện tiêu biểu trong phong trào chống Pháp của nhân dân Lào.*

– Cuộc khởi nghĩa của Ong Kẹo và Com-ma-đam diễn ra như thế nào ?

6. Công cuộc cải cách ở Xiêm giữa thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX

Vào giữa thế kỉ XIX, cũng như các nước ở Đông Nam Á, Vương quốc Xiêm đứng trước sự đe doạ xâm nhập của thực dân phương Tây, nhất là Anh và Pháp. Triều đại Ra-ma thiết lập năm 1752 theo đuổi chính sách đóng cửa, ngăn cản thương nhân và giáo sĩ phương Tây vào Xiêm. Đến thời vua Mông-kút (Ra-ma IV, trị vì từ năm 1851 đến năm 1868) chủ trương mở cửa buôn bán với bên ngoài, dựa vào sự kiềm chế lẫn nhau giữa các nước tư bản để bảo vệ nền độc lập của đất nước.

Ra-ma IV là vua Xiêm đầu tiên giỏi tiếng Anh, tiếng Latinh, nghiên cứu và tiếp thu nền văn minh phương Tây, tiếp xúc với các nhà truyền giáo Âu – Mĩ và đặc biệt chú ý đến đường lối đối ngoại của Vương quốc.

Năm 1868, Chu-la-long-con lên ngôi (Ra-ma V, trị vì từ năm 1868 đến năm 1910). Là người uyên bác, hấp thụ văn hoá phương Tây, tiếp nối chính sách cải cách của vua cha, ông ra lệnh xoá bỏ hoàn toàn chế độ nô lệ vì nợ, giải phóng người lao động để họ được tự do làm ăn sinh sống, đồng thời xoá bỏ nghĩa vụ lao dịch bắt buộc 3 tháng trên các công trường nhà nước, giảm nhẹ thuế ruộng cho nông dân. Những biện pháp trên đã có tác dụng tích cực đối với sản xuất nông nghiệp : nâng cao năng suất lúa, tăng nhanh lượng gạo xuất khẩu ; việc xuất khẩu gỗ tếch cũng được đẩy mạnh.

Lượng gạo xuất khẩu năm 1885 là 22,5 vạn tấn, năm 1890 là 48 vạn tấn, năm 1895 là 46,5 vạn tấn, năm 1900 là 50 vạn tấn. Lượng gỗ xuất khẩu trong những năm 1885 – 1895 tăng gấp 4 lần, từ 15,2 nghìn tấn lên 61,3 nghìn tấn.

Nhà nước khuyến khích tư nhân bỏ vốn kinh doanh công thương nghiệp, xây dựng nhà máy xay xát lúa gạo, nhà máy cưa, mở hiệu buôn bán và ngân hàng.

Năm 1890, ở Băng Cốc có 25 nhà máy xay xát, 4 nhà máy cưa, đường xe điện được xây dựng sớm nhất ở Đông Nam Á (1887).

Năm 1892, Ra-ma V đã tiến hành hàng loạt cải cách theo khuôn mẫu các nước phương Tây như cải cách hành chính, cải cách tài chính, tổ chức lại quân đội và trường học,... tạo cho nước Xiêm một bộ mặt mới theo hướng phát triển tư bản chủ nghĩa.

timdapan.com

Với chính sách cải cách hành chính, vua vẫn là người có quyền lực tối cao, song bên cạnh vua có Hội đồng Nhà nước, đóng vai trò là cơ quan tư vấn, khởi thảo luật pháp, hoạt động gần như là một nghị viện. Bộ máy hành pháp của triều đình được thay bằng Hội đồng Chính phủ gồm 12 bộ trưởng, do các hoàng thân du học ở phương Tây về đảm nhiệm. Hệ thống toà án, trường học đều được tổ chức lại theo kiểu châu Âu. Quân đội được trang bị và huấn luyện theo hướng hiện đại. Tư bản nước ngoài được phép đầu tư kinh doanh ở Xiêm...

Ra-ma V đặc biệt quan tâm đến hoạt động ngoại giao. Nhờ chính sách ngoại giao mềm dẻo, Xiêm vừa lợi dụng được vị trí nước "đệm" giữa hai thế lực đế quốc Anh – Pháp, vừa cắt nhượng một số vùng đất phụ thuộc (vốn là lãnh thổ của Cam-pu-chia, Lào và Mã Lai) để giữ gìn chủ quyền của đất nước. Nhờ vậy, Xiêm không bị rơi vào tình trạng thuộc địa như các nước trong khu vực, mà vẫn giữ được độc lập mặc dù chịu nhiều lệ thuộc về chính trị và kinh tế vào Anh và Pháp.

? *– Hãy nêu những chính sách cải cách của Ra-ma V.*

– Chính sách cải cách của Ra-ma V có ý nghĩa như thế nào đối với sự phát triển của Vương quốc Xiêm ?

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. Hãy nêu những nét chính về tình hình các nước Đông Nam Á vào cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX.
2. Nhận xét về hình thức đấu tranh giải phóng dân tộc ở Đông Nam Á cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX.
3. Vì sao trong khu vực Đông Nam Á, Xiêm là nước duy nhất không trở thành thuộc địa của các nước phương Tây ?

PHẦN ĐỌC THÊM

Vào những năm cuối thế kỉ XIX, khi chủ nghĩa thực dân phương Tây đã hoàn thành công việc thôn tính, áp đặt ách thống trị lên các nước Đông Nam Á, thì việc chuyển từ cuộc đấu tranh tự vệ sang cuộc đấu tranh giải phóng là sự nối tiếp tất yếu. Trong quá trình đấu tranh giải phóng, các hình thức, các con đường, các xu hướng cứu nước đã được thể nghiệm và được tiếp tục sử dụng trong thời kì tiếp theo. Sự thay thế các phong trào mang ý thức hệ phong kiến bằng phong trào có xu hướng tư sản và sau đó chính là các trào lưu tư sản trong cuộc đấu tranh đòi độc lập dân tộc của các nước Đông Nam Á cũng là những sự thay thế tất yếu, vì nó thể hiện xu hướng đi lên của phong trào giải phóng dân tộc.

(Theo : Lương Ninh (Chủ biên), *Lịch sử Đông Nam Á*, NXB Giáo dục, H., 2005, tr. 335)

timdapan.com

Chương V

CÁC NƯỚC CHÂU PHI, MĨ LATINH THỜI CẬN ĐẠI

Bài 19 CHÂU PHI

Châu Phi là lục địa lớn, giàu có về tài nguyên thiên nhiên, có nền văn hoá lâu đời. Từ giữa thế kỉ XIX, các nước tư bản châu Âu đẩy mạnh việc xâm lược châu Phi. Nếu vào giữa thập niên 70 của thế kỉ XIX mới chỉ có 10,8% đất đai châu Phi bị chiếm, thì đến đầu thế kỉ XX có tới 90,4% diện tích lục địa này trở thành thuộc địa của Anh, Pháp, Đức, Bỉ, I-ta-li-a, Bồ Đào Nha... Cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân, giải phóng dân tộc nổ ra mạnh mẽ, tiêu biểu là phong trào ở các nước An-giê-ri, Ai Cập, Xu-đăng, Ê-ti-ô-pi-a...

1. Vài nét về châu Phi trước khi bị xâm lược

Châu Phi là một trong những cái nôi của văn minh nhân loại, song ở thời kì cổ đại, người ta chỉ biết có Bắc Phi. Qua việc phát kiến địa lí, đi sâu dần vào lục địa, người ta mới tìm thấy các miền khác của châu Phi. Sang đầu thời cận đại, châu Phi được chia làm hai miền chính : Bắc Phi và Nam Phi. Hai miền đó có sự khác nhau rất lớn trong sự phát triển xã hội, kinh tế, cũng như chế độ chính trị.

Bắc Phi là vùng đất từ Bắc Xa-ha-ra đến Địa Trung Hải. Nhân dân ở đây theo đạo Hồi. Bắc Phi bao gồm nhiều chế độ xã hội khác nhau. Trong khi một số thành phố đã bắt đầu xuất hiện những mầm mống của chủ nghĩa tư bản thì có nơi vẫn còn giữ chế độ bộ lạc, nhưng bao trùm tất cả là quan hệ phong kiến.

Nam Phi là vùng đất từ Nam Xa-ha-ra đến mũi Hảo Vọng. Cơ cấu kinh tế, xã hội và tổ chức chính trị cũng có nhiều khác biệt. Nhiều miền thuộc Tây Xu-đăng và Ma-đa-ga-xca, quan hệ phong kiến là quan hệ xã hội chủ yếu. Nhiều nơi còn giữ tàn tích của chế độ bộ lạc và nô lệ.

timdapan.com

Ở đây biên giới chưa được xác định rõ ràng nên thường xảy ra xung đột giữa các quốc gia, các bộ lạc với nhau.

Trước khi người châu Âu xâm chiếm và phân chia châu Phi, phần lớn nhân dân ở đây đã biết dùng đồ sắt, nghề dệt và nghề gốm phát triển, ngành chăn nuôi và trồng trọt phổ biến. Từ nửa sau thế kỉ XIX, cuộc sống yên ổn, tài nguyên phong phú và nền văn hoá lâu đời của họ đã bị thực dân châu Âu xâm phạm, cướp bóc và tàn phá.

2. Các nước đế quốc xâm lược và phân chia châu Phi

Vào những năm 70 – 80 của thế kỉ XIX, sau khi hoàn thành kênh đào Xuy-ê, các nước tư bản phương Tây đua nhau xâu xé châu Phi.

Hình 57. Lược đồ thuộc địa của các nước đế quốc ở châu Phi đầu thế kỉ XX

timdapan.com

Năm 1882, Anh độc chiếm Ai Cập, kiểm soát kênh đào Xuy-ê sau cuộc cạnh tranh quyết liệt với Pháp. Tiếp đó, Anh chiếm Nam Phi, Tây Ni-giê-ri-a, Bờ Biển Vàng, Gam-bi-a, Kê-ni-a, U-gan-đa, Xô-ma-li, Đông Xu-đăng và một phần Đông Phi...

Pháp đứng hàng thứ hai trong việc xâm chiếm thuộc địa ở châu Phi (sau Anh), bao gồm một phần Tây Phi, miền Xích đạo châu Phi, Ma-đa-ga-xca, một phần Xô-ma-li, An-giê-ri, Tuy-ni-di, Xa-ha-ra.

Đức chiếm Ca-mơ-run, Tô-gô, Tây Nam Phi, Tan-da-ni-a.

Bỉ làm chủ phần lớn Công-gô.

Bồ Đào Nha giành được Mô-dăm-bích, Ăng-gô-la và một phần Ghi-nê.

Đến đầu thế kỉ XX, việc phân chia thuộc địa giữa các nước đế quốc ở châu Phi căn bản đã hoàn thành.

? *Sử dụng lược đồ châu Phi đầu thế kỉ XX để xác định các vùng thuộc địa của các nước đế quốc.*

3. Phong trào đấu tranh chống thực dân của nhân dân châu Phi

Chế độ cai trị hà khắc và sự bóc lột vô cùng dã man của chủ nghĩa thực dân làm bùng lên ngọn lửa đấu tranh giành độc lập của nhân dân châu Phi.

Ở An-giê-ri, cuộc khởi nghĩa của Áp-đen Ca-đe kéo dài từ năm 1830 đến năm 1847, thu hút đông đảo nhân dân tham gia. Sau khi Áp-đen Ca-đe bị bắt, cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân còn tiếp tục trong nhiều năm, đặc biệt ở vùng sa mạc. Thực dân Pháp phải mất nhiều thập niên mới chinh phục được nước này.

Ở Ai Cập, năm 1879 một số trí thức và sĩ quan yêu nước đã thành lập tổ chức chính trị bí mật "Ai Cập trẻ", đề ra những cải cách mang tính chất tư sản, do Đại tá Át-mét A-ra-bi lãnh đạo. Các nước đế quốc phải can thiệp mạnh để ngăn chặn cuộc đấu tranh yêu nước của nhân dân Ai Cập. Ngày 13 – 9 – 1882, nhiều người yêu nước Ai Cập bị bắt, A-ra-bi bị đi đày. Phong trào thất bại.

Ở Xu-đăng, ngay từ năm 1882, thực dân Anh đã vấp phải sự kháng cự mạnh mẽ của nhân dân dưới sự lãnh đạo của nhà truyền giáo trẻ Mu-ha-mét Át-mét. Mục tiêu của phong trào là giải phóng Xu-đăng thoát khỏi ách thống trị của nước ngoài, làm trong sạch đạo Hồi, xoá bỏ mọi thứ thuế, thiết lập sự bình đẳng cho mọi người. Đầu năm 1885, nghĩa quân đã làm chủ hầu khắp đất nước, chiếm được Khác-tum – Thủ đô Đông Xu-đăng, giết chết viên tướng Anh chỉ huy ở đây. Năm 1898, thực dân Anh được các nước đế quốc giúp đỡ, bao vây Xu-đăng, chiếm được Khác-tum. Phong trào bị đàn áp đẫm máu và thất bại.

timdapan.com

Nổi bật trong cuộc đấu tranh của nhân dân châu Phi chống thực dân phương Tây là cuộc kháng chiến chống ngoại xâm của nhân dân *Ê-ti-ô-pi-a*. Ê-ti-ô-pi-a là mục tiêu quan trọng của các nước phương Tây trong việc xâm lược châu Phi. Năm 1885, I-ta-li-a đem quân đánh chiếm, song bị nhân dân địa phương đánh bại. Năm 1889, quân I-ta-li-a lại tiến sâu vào nội địa, đánh chiếm một số vùng ở Ê-ti-ô-pi-a. Bọn thực dân đã vấp phải sự kháng cự quyết liệt của nhân dân. Ngày 1 – 3 – 1896, quân I-ta-li-a thất bại nặng nề ở A-dua, 3 000 quân tử trận, hơn 3 000 lính bị bắt làm tù binh, nhiều vũ khí đạn dược bị mất. Quân đội Ê-ti-ô-pi-a cũng bị tổn thất nặng, song họ đã giành chiến thắng, bảo vệ được nền độc lập của Tổ quốc. Cùng với Ê-ti-ô-pi-a, *Li-bê-ri-a* cũng là nước giữ được độc lập ở châu lục này trước sự xâm chiếm của các nước thực dân phương Tây hồi cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX.

Nhìn chung, phong trào đấu tranh chống thực dân của nhân dân châu Phi tuy sôi nổi, biểu hiện tinh thần yêu nước cao nhưng do trình độ tổ chức thấp, sự chênh lệch về lực lượng khá rõ ràng nên bị các nước phương Tây đàn áp. Cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc vẫn tiếp tục và phát triển trong thế kỉ XX.

? *Hãy trình bày những cuộc đấu tranh tiêu biểu chống thực dân của nhân dân châu Phi.*

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. Nhận xét về phong trào đấu tranh chống thực dân của nhân dân châu Phi trong thế kỉ XIX.
2. Sưu tầm tài liệu, tranh ảnh về các lãnh tụ tiêu biểu trong phong trào đấu tranh của nhân dân châu Phi thời kì này.

PHẦN ĐỌC THÊM

So với châu Á, quá trình xâm lược của thực dân châu Âu ở châu Phi dễ dàng hơn, gặp phải sự kháng cự ít hơn và không quyết liệt như châu Á, bởi vì, nhìn chung châu Phi còn trong tình trạng lạc hậu hơn châu Á... Cũng có nét giống châu Á, hoạt động của các nhà truyền giáo đóng vai trò không nhỏ trong quá trình chiếm đoạt châu Phi. Những vùng đất đai có bóng đoàn người nước ngoài đến thám hiểm đều có mặt giáo sĩ ngay từ đầu. Người châu Phi nêu lên một hình ảnh sinh động và chua chát rằng : "Khi trước chúng tôi có đất trồng, người châu Âu có Kinh Thánh, ít lâu sau, người ta đổi cho chúng tôi lấy Kinh Thánh còn họ thì lấy ruộng đất".

(Theo : Đỗ Thanh Bình, *Lịch sử phong trào giải phóng dân tộc thế kỉ XX*, NXB Đại học Sư phạm Hà Nội, H., 2006, tr. 89 – 90)

timdapan.com

Bài 20 KHU VỰC MĨ LATINH

Khu vực Mĩ Latinh là một bộ phận lãnh thổ rộng lớn của châu Mĩ, gồm một phần Bắc Mĩ, toàn bộ Trung Mĩ, Nam Mĩ và các quần đảo ở vùng biển Ca-ri-bê. Đến đầu thế kỉ XIX, đa số các nước Mĩ Latinh đều là thuộc địa của Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha. Chủ nghĩa thực dân đã thiết lập ở các thuộc địa Mĩ Latinh chế độ thống trị rất phản động, gây ra nhiều tội ác dã man. Vì vậy, cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân Mĩ Latinh diễn ra quyết liệt và nhiều nước đã giành được độc lập ngay từ đầu thế kỉ XIX.

1. Chế độ thực dân ở khu vực Mĩ Latinh

Trước khi Cri-xtốp Cô-lôm-bô tìm đến châu Mĩ, mở đầu quá trình chinh phục của các nước thực dân châu Âu vào khu vực Mĩ Latinh, ở đây đã có thổ dân da đỏ (người In-đi-an) sinh sống. Họ có truyền thống lịch sử lâu đời, đã từng xây dựng nên những quốc gia hùng mạnh với nền văn hoá phát triển rực rỡ. Các dân tộc May-a, In-ca, A-dơ-tếch... để lại nhiều công trình kiến trúc đồ sộ giống như Kim tự tháp ở Ai Cập, nhiều thành cổ, đền đài nguy nga và nhiều tác phẩm nghệ thuật trên vách đá với những nét khắc tinh xảo.

Từ cuối thế kỉ XV – đầu thế kỉ XVI, người châu Âu, chủ yếu là người Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha, đã xâm nhập và từng bước thôn tính vùng Trung – Nam Mĩ. Ngoài ra, Pháp và Anh chiếm một số đảo thuộc vùng biển Ca-ri-bê. Guy-a-na bị chia cắt thành thuộc địa của Anh, Pháp, Hà Lan. Thực dân phương Tây tàn sát dân bản địa, dồn đuổi họ vào rừng sâu để chiếm đất, lập đồn điền trồng lúa mì, ngô, khoai tây, cà phê, thuốc lá và bông. Vì thiếu nhân công, bọn thực dân mua người da đen từ châu Phi sang để làm nô lệ trong các đồn điền. Do vậy, bên cạnh thổ dân da đỏ, ở châu lục này đã xuất hiện những cộng đồng người da trắng, da đen. Họ cùng chung sống trên một lãnh thổ và hình thành những dân tộc riêng biệt ở Trung, Nam Mĩ và một phần Bắc Mĩ (Mê-hi-cô), nói tiếng Tây Ban Nha hay Bồ Đào Nha thuộc ngữ hệ Latinh (phân biệt với cư dân vùng Bắc Mĩ nói tiếng Anh và Pháp).

Đầu thế kỉ XIX, dân số trong các thuộc địa của Tây Ban Nha tăng lên đáng kể, ý thức dân tộc dần được hình thành, nhu cầu phát triển kinh tế và văn hoá riêng biệt đã thúc đẩy cuộc đấu tranh chống thực dân để thiết lập các quốc gia độc lập.

timdapan.com

? – *Trình bày những nét cơ bản về sự xâm lược của thực dân châu Âu vào khu vực Mĩ Latinh.*

– *Vì sao vùng Trung, Nam Mĩ và một phần Bắc Mĩ (Mê-hi-cô) được gọi là khu vực Mĩ Latinh ?*

2. Phong trào đấu tranh giành độc lập dân tộc đầu thế kỉ XIX

Từ cuối thế kỉ XVIII, dưới ảnh hưởng to lớn của cuộc Chiến tranh giành độc lập ở Bắc Mĩ (1776) và Cách mạng tư sản Pháp (1789), nhân dân Mĩ Latinh đã nổi dậy đấu tranh quyết liệt chống chủ nghĩa thực dân, thành lập các quốc gia độc lập.

Hình 58. *Lược đồ khu vực Mĩ Latinh đầu thế kỉ XIX*

Năm 1791, ở Ha-i-ti bùng nổ cuộc đấu tranh lớn của người da đen dưới sự lãnh đạo của Tút-xanh Lu-véc-tuy-a. Cuộc đấu tranh giành được thắng lợi, buộc quân Anh phải rút khỏi đảo. Năm 1804, Ha-i-ti thành lập nước cộng hoà da đen đầu tiên ở Mĩ Latinh, xoá bỏ chế độ nô lệ và ban hành quyền bình đẳng giữa người da đen với người da trắng. Tuy nhiên, nền độc lập của Ha-i-ti xác lập chưa được bao lâu

timdapan.com

thì quân Pháp trở lại đàn áp, bắt giữ Lu-véc-tuy-a, khôi phục nền thống trị thực dân. Mặc dù thất bại, cuộc khởi nghĩa ở Ha-i-ti đã gây tiếng vang lớn, cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc ở Mĩ Latinh.

Cuộc đấu tranh giải phóng có quy mô lớn nhất ở Mê-hi-cô nổ ra vào tháng 9 – 1810, dưới sự lãnh đạo của Linh mục Mi-sen Hi-đan-gô, đã lôi cuốn được hàng vạn nghĩa quân, chủ yếu là nông dân, đấu tranh giành độc lập cho đất nước. Năm 1821, Mê-hi-cô đã tuyên bố thành lập nền cộng hoà.

Ở Ác-hen-ti-na, năm 1810 bùng nổ cuộc khởi nghĩa vũ trang, đến năm 1816 thì hoàn thành thắng lợi. Nước Cộng hoà Ác-hen-ti-na được thành lập.

Dưới sự lãnh đạo của Si-môn Bô-li-va, nghĩa quân đã lần lượt giải phóng và thành lập nước Cộng hoà ở Cô-lôm-bi-a (1819), Thượng Pê-ru (1825) sau đổi tên thành Bô-li-vi-a.

Năm 1822, khi cách mạng bùng nổ ở khắp các thuộc địa Mĩ Latinh thì Bra-xin cũng thoát khỏi ách thống trị của Bồ Đào Nha. Song quốc gia độc lập này không trở thành nước cộng hoà mà vẫn giữ thể chế một nước quân chủ. Chế độ nô lệ ở đây không bị thủ tiêu. Do vậy cuộc đấu tranh cho nền cộng hoà, vì tự do dân chủ, chống lại nền quân chủ và chế độ nô lệ vẫn tiếp diễn ở Bra-xin.

Như vậy, qua 2 thập niên đầu thế kỉ XIX đấu tranh quyết liệt, các quốc gia độc lập ở Mĩ Latinh lần lượt hình thành. Đây là một thắng lợi to lớn của nhân dân Mĩ Latinh trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân châu Âu. Chỉ còn một vài vùng đất nhỏ như Guy-a-na, đảo Cu-ba, đảo Pu-éc-tô Ri-cô, quần đảo Ăng-ti... vẫn ở trong tình trạng thuộc địa.

? *Nêu ý nghĩa cuộc đấu tranh chống thực dân Anh, Pháp của nhân dân Ha-i-ti.*

3. Các nước Mĩ Latinh sau khi giành độc lập và chính sách bành trướng của Mĩ

Sau khi giành được độc lập, nhiều nước Mĩ Latinh đã có những bước tiến bộ về kinh tế, xã hội.

Bra-xin trồng nhiều bông, cao su và cung cấp một nửa số cà phê trên thị trường thế giới. Ác-hen-ti-na sản xuất len, da cừu và thịt bò xuất khẩu sang Anh. Các nước Trung Mĩ và Ca-ri-bê xuất khẩu cà phê, chuối, mía. Bô-li-vi-a khai thác mỏ bạc và nhiều kim loại khác...

Các đồn điền trồng lúa mì và cây công nghiệp cùng ngành chăn nuôi lấy sữa, thịt và lông phát triển rất mạnh, trở thành nguồn hàng xuất khẩu có giá trị của nhiều nước Mĩ Latinh.

Dân số ở các nước Mĩ Latinh thời kì này càng tăng nhanh do việc di dân của người da trắng, việc nhập cư của người da đen sang làm nô lệ và sự gia tăng dân số tự nhiên.

timdapan.com

Ở Bra-xin, năm 1830 có 5,7 triệu dân, năm 1872 có 10 triệu dân ; Ác-hen-ti-na, năm 1860 có 1,2 triệu dân, năm 1914 có 7 triệu dân.

Tuy nhiên, nước Mĩ muốn độc chiếm vùng lãnh thổ giàu có này. Năm 1823, Mĩ đưa ra học thuyết Mơnrô – "Châu Mĩ của người châu Mĩ". Đến năm 1889, tổ chức "Liên minh dân tộc các nước cộng hoà châu Mĩ" được thành lập, gọi tắt là "Liên Mĩ", dưới sự chỉ huy của chính quyền Oa-sinh-tơn. Năm 1898, Mĩ gây chiến với Tây Ban Nha, chiếm Phi-líp-pin, Cu-ba, Pu-éc-tô Ri-cô... Từ đầu thế kỉ XX, Mĩ áp dụng chính sách "Cái gậy lớn" và "Ngoại giao đồng đôla" để chiếm Pa-na-ma (1903), Đô-mi-ni-ca-na, Ni-ca-ra-goa, kiểm soát Hon-đu-rát (1911), chiếm Ha-i-ti (1914 – 1915) và hai lần đem quân đánh Mê-hi-cô (1914 và 1916). Dưới chiêu bài đoàn kết với các nước châu Mĩ, chính quyền Oa-sinh-tơn đã khống chế khu vực Mĩ Latinh, biến nơi đây thành "sân sau" của nước Mĩ.

? *Dựa theo lược đồ, trình bày những nét lớn về diễn biến và kết quả của cuộc đấu tranh giành độc lập của các nước ở khu vực Mĩ Latinh đầu thế kỉ XIX.*

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. Vẽ lược đồ các quốc gia độc lập ở khu vực Mĩ Latinh đầu thế kỉ XIX.
2. Lập niên biểu cuộc đấu tranh giành độc lập của nhân dân Mĩ Latinh đầu thế kỉ XIX theo thứ tự : tên nước, năm giành độc lập.
3. Trình bày chính sách bành trướng của Mĩ đối với khu vực Mĩ Latinh.

PHẦN ĐỌC THÊM

Nội dung học thuyết Mơnrô được thể hiện trên ba phương diện sau :

1. Mĩ phải quan tâm đến các cuộc tranh chấp ở khu vực Mĩ Latinh.

2. Vì lí do an ninh của nước Mĩ, Mĩ sẽ có hành động can thiệp vào các cuộc xung đột hoặc chiến tranh giữa các nước với nhau cũng như chiến tranh giữa họ với các nước bên ngoài. Mĩ cũng sẽ tham gia vào các cuộc tranh chấp kinh tế, chính trị ở châu Mĩ.

3. Mĩ tự cho rằng phải có "trách nhiệm bảo vệ" an ninh của cả châu lục và sự nhòm ngó từ bên ngoài.

(Theo : Vũ Dương Ninh (Chủ biên), *Lịch sử quan hệ quốc tế*, Tập 1, NXB Giáo dục, H., 2005, tr. 90)

timdapan.com

Chương VI

CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT (1914 - 1918)

Bài 21 CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT (1914 _ 1918)

Từ năm 1914 đến năm 1918, nhân loại đã phải trải qua một cuộc chiến tranh thế giới tàn khốc, lôi cuốn vào vòng chiến hàng chục nước, chủ yếu là ở châu Âu, gây nên những thiệt hại to lớn về người và của.

I – QUAN HỆ QUỐC TẾ CUỐI THẾ KỈ XIX – ĐẦU THẾ KỈ XX. NGUYÊN NHÂN CỦA CHIẾN TRANH

Sự phát triển không đều về kinh tế và chính trị của chủ nghĩa tư bản cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX đã làm thay đổi sâu sắc so sánh lực lượng giữa các nước đế quốc. Bên cạnh các đế quốc "già" (Anh, Pháp) với hệ thống thuộc địa mênh mông là các đế quốc "trẻ" (Mĩ, Đức, Nhật Bản) đang vươn lên mạnh mẽ về kinh tế nhưng lại có quá ít thuộc địa. Mâu thuẫn giữa các nước đế quốc về vấn đề thuộc địa là không tránh khỏi và ngày càng gay gắt. Giới cầm quyền Đức đã vạch ra kế hoạch tiến hành chiến tranh nhằm giành giật thuộc địa, chia thị trường. Nhật Bản và Mĩ cũng ráo riết hoạch định chiến lược bành trướng của mình. Vì vậy, ngay từ cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX, những cuộc chiến tranh đế quốc đầu tiên đã xảy ra để tranh giành thuộc địa.

Sau Chiến tranh Trung – Nhật (1894 – 1895), Nhật Bản giành được bán đảo Triều Tiên, Mãn Châu, Đài Loan, Bành Hồ.

Sau Chiến tranh Mĩ – Tây Ban Nha (1898), Mĩ chiếm Phi-líp-pin, Cu-ba, Pu-éc-tô Ri-cô...

Sau Chiến tranh Anh – Bô-ơ[1] (1899 – 1902), Anh chiếm được vùng đất Nam Phi.

Sau Chiến tranh Nga – Nhật (1904 – 1905), Nhật Bản gạt Nga để khẳng định quyền thống trị của mình trên bán đảo Triều Tiên, Mãn Châu và nam đảo Xa-kha-lin.

(1) Người Bô-ơ gồm nhiều thế hệ người gốc Hà Lan di cư đến và sinh sống ở cực Nam châu Phi, đã lập ra hai quốc gia của họ là Ô-răng-giơ và Tơ-răng-xvan.

timdapan.com

Trong cuộc tranh giành thuộc địa, đế quốc Đức là kẻ hung hăng nhất vì có tiềm lực kinh tế và quân sự nhưng lại ít thuộc địa. Thái độ của Đức đã làm thay đổi quan hệ quốc tế ở châu Âu, trở thành đầu mối của mọi mâu thuẫn, mọi sự tranh chấp phức tạp và căng thẳng giữa các nước đế quốc với nhau.

Từ những năm 80 của thế kỉ XIX, giới cầm quyền Đức đã vạch ra kế hoạch chiến tranh nhằm chiếm hầu hết châu Âu, vươn ra các thuộc địa của Anh, Pháp ở châu Phi và châu Á. Năm 1882, Đức cùng Áo – Hung và I-ta-li-a thành lập liên minh tay ba, được gọi là *phe Liên minh*. Sau này, I-ta-li-a rút khỏi Liên minh (1915) và chống lại Đức.

Đối phó với âm mưu của Đức, Anh cũng chuẩn bị kế hoạch chiến tranh. Lúc này, Pháp cũng muốn đòi Đức trả lại hai vùng An-dát và Lo-ren. Nga ủng hộ các nước Ban-căng chống lại Áo – Hung. Vì thế, Anh, Pháp, Nga tuy có tranh chấp về thuộc địa nhưng phải nhân nhượng lẫn nhau, kí những bản hiệp ước tay đôi : Pháp – Nga (1890), Anh – Pháp (1904), Anh – Nga (1907), hình thành *phe Hiệp ước*.(1)

Hình 59. *Lược đồ hai khối quân sự trong Chiến tranh thế giới thứ nhất*

(1) Sau này, phe Liên minh có thêm Thổ Nhĩ Kì (10 – 1914) và Bun-ga-ri (10 – 1914). Phe Hiệp ước có thêm Nhật Bản (8 – 1914), I-ta-li-a (5 – 1915), Ru-ma-ni (8 – 1916), Mĩ (4 – 1917).

timdapan.com

Như vậy, đến đầu thế kỉ XX, châu Âu đã hình thành hai khối quân sự đối đầu nhau. Cả hai khối này đều ôm mộng xâm lược, cướp đoạt lãnh thổ và thuộc địa của nhau, đều điên cuồng chạy đua vũ trang. Cuộc chiến tranh giữa các nước đế quốc là không tránh khỏi. Nó bắt nguồn từ quy luật phát triển không đều về kinh tế, chính trị của các nước tư bản chủ nghĩa và đã được chuẩn bị trong nhiều năm. Chính mâu thuẫn giữa các nước đế quốc về vấn đề thuộc địa, trước tiên là giữa đế quốc Anh với đế quốc Đức, là nguyên nhân cơ bản dẫn đến cuộc chiến tranh.

Tình hình căng thẳng ở Ban-căng từ năm 1912 đến năm 1913 đã tạo cớ cho chiến tranh bùng nổ. Ngày 28 – 6 – 1914, Thái tử Áo – Hung bị một người Xéc-bi ám sát tại Bô-xni-a. Giới quân phiệt Đức, Áo chớp lấy cơ hội đó để gây ra cuộc chiến tranh.

? *– Nêu đặc điểm nổi bật trong quan hệ quốc tế cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX.*

– Hãy cho biết nguyên nhân sâu xa và duyên cớ trực tiếp dẫn đến cuộc Chiến tranh thế giới thứ nhất.

II – DIỄN BIẾN CỦA CHIẾN TRANH

1. Giai đoạn thứ nhất (1914 – 1916)

Ngày 28 – 7 – 1914, Áo – Hung tuyên chiến với Xéc-bi. Ngày 1 – 8, Đức tuyên chiến với Nga và ngày 3 – 8, tuyên chiến với Pháp. Ngày 4 – 8, Anh tuyên chiến với Đức. Chiến tranh đế quốc đã bùng nổ và nhanh chóng lan rộng thành chiến tranh thế giới.

Mở đầu cuộc chiến, Đức dự định đánh bại Pháp một cách chớp nhoáng, sau đó quay sang tiến công Nga. Vì vậy, Đức tập trung phần lớn binh lực ở Mặt trận phía Tây và ngay trong đêm 3 – 8 – 1914 đã tràn vào Bỉ – một nước trung lập – rồi đánh thọc sang Pháp như vũ bão. Đức chặn cả con đường ra biển không cho quân Anh sang tiếp viện. Pa-ri bị uy hiếp, quân Pháp có nguy cơ bị tiêu diệt.

Giữa lúc đó, ở Mặt trận phía Đông, quân Nga tấn công vào Đông Phổ, buộc Đức phải điều bớt quân từ Mặt trận phía Tây về chống lại quân Nga. Pa-ri được cứu thoát. Lợi dụng thời cơ, đầu tháng 9 – 1914, Pháp phản công và giành thắng lợi

timdapan.com

trên sông Mác-nơ. Quân Anh cũng đổ bộ lên lục địa châu Âu. Kế hoạch "đánh nhanh thắng nhanh" của Đức đã bị phá sản. Quân hai bên rút xuống chiến hào cầm cự với nhau dai dẳng trên một chiến tuyến dài 780 km – từ Biển Bắc tới biên giới Thuỵ Sĩ.

Thấy chưa hạ ngay được Pháp, năm 1915, Đức dồn binh lực sang phía đông, cùng quân Áo – Hung tấn công Nga quyết liệt, âm mưu đè bẹp Nga. Chế độ Nga hoàng đang khủng hoảng nghiêm trọng, nhưng Đức không đạt được mục đích loại Nga ra khỏi chiến tranh. Cuối năm, hai bên đều ở trong thế cầm cự trên một mặt trận dài 1 200 km, từ sông Đơ-nhi-ép đến vịnh Ri-ga.

Trong năm thứ hai của cuộc chiến tranh (1915), cả hai bên đều đưa ra những phương tiện chiến tranh mới như xe tăng, pháo tầm xa, sử dụng máy bay để trinh sát và ném bom, thậm chí dùng cả hơi độc,... Vì thế hai bên đều thiệt hại khá nặng nề, nền kinh tế bị ảnh hưởng nghiêm trọng.

Năm 1916, do không đánh bại được quân Nga, Đức lại chuyển trọng tâm hoạt động về Mặt trận phía Tây, mở chiến dịch Véc-đoong hòng tiêu diệt quân chủ lực của Pháp. Chiến sự ở đây diễn ra hết sức quyết liệt, kéo dài 10 tháng (từ tháng 2 đến tháng 12 – 1916), gần 70 vạn người chết và bị thương. Cuối cùng, quân Đức vẫn không hạ nổi thành Véc-đoong, buộc phải rút lui.

Năm 1916, hai bên vẫn duy trì thế cầm cự. Từ cuối năm 1916 trở đi, Đức, Áo – Hung từ thế chủ động đã chuyển sang phòng ngự ở cả hai mặt trận.

Trong giai đoạn thứ nhất của cuộc chiến tranh, sự khốn cùng của nhân dân lao động ngày càng thêm trầm trọng ; đói rét, bệnh tật và những tai hoạ do chiến tranh gây ra ngày càng nhiều. Trong khi đó, bọn trùm công nghiệp chiến tranh đã giàu lên nhanh chóng nhờ buôn bán vũ khí. Mâu thuẫn xã hội trong các nước tham chiến trở nên vô cùng gay gắt. Chỉ hơn 2 năm chiến tranh, đã có gần 6 triệu người chết và hơn 10 triệu người bị thương. Phong trào công nhân, phong trào quần chúng phản đối chiến tranh phát triển nhanh chóng. Đến cuối năm 1916, tình thế cách mạng đã xuất hiện ở nhiều nước châu Âu.

? *– Trình bày diễn biến chính giai đoạn thứ nhất của chiến tranh.*
– Theo em, giai đoạn này có những điểm gì nổi bật ?

timdapan.com

2. Giai đoạn thứ hai (1917 – 1918)

Tháng 2 – 1917, nhân dân Nga dưới sự lãnh đạo của giai cấp vô sản, với các khẩu hiệu "Đả đảo chiến tranh !", "Đả đảo Nga hoàng !", "Biến chiến tranh đế quốc thành nội chiến cách mạng !"..., đã tiến hành cuộc cách mạng dân chủ tư sản thành công. Chế độ Nga hoàng bị lật đổ. Chính phủ lâm thời tư sản được thành lập và vẫn tiếp tục theo đuổi chiến tranh.

Lúc này, Đức muốn cắt đứt đường tiếp tế trên biển của phe Hiệp ước, liền sử dụng phương tiện mới là tàu ngầm. Cuộc "chiến tranh tàu ngầm" gây cho Anh nhiều thiệt hại.

Chính sách ban đầu của Mĩ là giữ thái độ "trung lập" trong chiến tranh. Thực ra, Mĩ muốn lợi dụng chiến tranh để bán vũ khí cho cả hai phe và khi chiến tranh kết thúc, dù thắng hay bại, các nước tham chiến đều bị suy yếu, điều đó giúp Mĩ sẽ khẳng định ưu thế của mình. Đến năm 1917, khi phong trào cách mạng ở các nước dâng cao, Mĩ thấy cần phải kết thúc chiến tranh và đứng về phe Hiệp ước.

Lấy cớ tàu ngầm Đức vi phạm quyền tự do thương mại trên biển, tấn công cả vào tàu buôn cập bến các nước thuộc phe Hiệp ước, ngày 2 – 4 – 1917 Mĩ tuyên chiến với Đức. Sự tham chiến của Mĩ có lợi cho phe Anh, Pháp, Nga.

Trong năm 1917, những cuộc phản công của phe Hiệp ước đều không thành công. Pháp và Anh cố phá vỡ phòng tuyến của Đức và giải toả vòng vây bờ biển, nhưng thất bại. Những cuộc tấn công của Nga cũng bất thành. Áo – Hung tỏ ra nao núng muốn cầu hoà, nhưng Nga và I-ta-li-a còn nhiều tham vọng, không chấp nhận thương thuyết. Đức lại dồn lực lượng đánh Nga và loại I-ta-li-a ra khỏi vòng chiến.

Tháng 11 – 1917, nhân dân Nga dưới sự lãnh đạo của Lê-nin và Đảng Bônsêvích tiến hành thắng lợi cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa. Nhà nước Xô viết ra đời, thông qua *Sắc lệnh hoà bình*, kêu gọi chính phủ các nước tham chiến chấm dứt chiến tranh. Lời kêu gọi hoà bình của Chính phủ Xô viết không được các nước Hiệp ước hưởng ứng, vì Anh, Pháp, Mĩ muốn kết thúc chiến tranh trên thế thắng. Trong tình thế đó, để bảo vệ chính quyền non trẻ, Nhà nước Xô viết buộc phải kí riêng với Đức bản Hoà ước Brét – Litốp (3 – 3 – 1918). Nước Nga ra khỏi chiến tranh đế quốc.

Trong nửa đầu năm 1918, tranh thủ thời cơ quân Mĩ chưa sang đến châu Âu, Đức đã mở liên tiếp 4 đợt tấn công với quy mô lớn trên mặt trận Pháp. Một lần nữa, Chính phủ Pháp chuẩn bị rời khỏi Pa-ri. Nhưng đến tháng 7 – 1918, 65 vạn quân Mĩ đổ bộ vào châu Âu cùng nhiều vũ khí, đạn dược. Mĩ trực tiếp tham chiến khi cả

timdapan.com

hai phe bị thiệt hại quá nhiều, đã hết sức mỏi mệt nên trở thành nước đứng đầu phe Hiệp ước thay Anh. Nhờ đó, quân Pháp và Anh quay lại phản công mạnh mẽ quân Đức trên các mặt trận.

Ngày 18 – 7 – 1918, quân Pháp với 600 xe tăng phá vỡ phòng tuyến sông Mác-nơ của Đức, bắt 3 vạn tù binh. Ngày 8 – 8, liên quân Anh – Pháp với 400 xe tăng đập tan phòng tuyến sông Xen, tiêu diệt 16 sư đoàn quân Đức. Ngày 12 – 9, liên quân Pháp – Mĩ đánh Xanh Mi-hi-en, một phòng tuyến quan trọng của Đức.

Từ cuối tháng 9 – 1918, quân Đức liên tiếp thất bại, phải bỏ chạy khỏi lãnh thổ Pháp và Bỉ. Các nước đồng minh của Đức cũng bị tấn công liên tiếp buộc phải đầu hàng : Bun-ga-ri (29 – 9), Thổ Nhĩ Kì (30 – 10), Áo – Hung (2 – 11).

Hình 60. *Đức kí hiệp định đầu hàng, kết thúc Chiến tranh thế giới thứ nhất*

Trước nguy cơ thất bại, chính phủ mới được thành lập ở Đức (3 – 10 – 1918) đề nghị thương lượng với Mĩ, nhưng đã không được chấp nhận vì Mĩ muốn đánh đến cùng để buộc Đức phải đầu hàng không điều kiện. Trong tình trạng khủng hoảng nghiêm trọng, ngày 9 – 11 – 1918) cách mạng bùng nổ ở Đức, vua Vin-hem II phải bỏ chạy sang Hà Lan. Ngày 11 – 11 – 1918, Chính phủ Đức buộc phải kí hiệp định đầu hàng không điều kiện. Chiến tranh kết thúc với sự thất bại hoàn toàn của phe Đức, Áo – Hung.

? *Nét nổi bật trong giai đoạn thứ hai của Chiến tranh thế giới thứ nhất là gì ? Vì sao Mĩ tham gia chiến tranh muộn ?*

timdapan.com

III – KẾT CỤC CỦA CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT

Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 – 1918) đã gây nên những thảm hoạ hết sức nặng nề đối với nhân loại : 38 nước với tổng số quân là 37 triệu người và 1,5 tỉ dân bị lôi cuốn vào vòng khói lửa ; 10 triệu người chết, trên 20 triệu người bị thương. Nhiều thành phố, làng mạc, đường sá, cầu cống, nhà máy bị phá huỷ. Số tiền các nước tham chiến chi phí cho chiến tranh lên tới 85 tỉ đôla. Các nước châu Âu đều biến thành con nợ của Mĩ. Riêng nước Mĩ được hưởng lợi trong chiến tranh nhờ buôn bán vũ khí, đất nước không bị bom đạn tàn phá, thu nhập quốc dân tăng gấp đôi, vốn đầu tư ra nước ngoài tăng 4 lần. Nhật Bản chiếm lại một số đảo của Đức, nâng cao vị thế ở khu vực Đông Á và Thái Bình Dương.

Trong quá trình chiến tranh, thắng lợi của Cách mạng tháng Mười Nga và việc thành lập Nhà nước Xô viết đánh dấu một bước chuyển lớn trong cục diện chính trị thế giới.

? *Chiến tranh thế giới thứ nhất đã gây ra những hậu quả như thế nào ?*

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. Lập niên biểu về diễn biến chính của Chiến tranh thế giới thứ nhất.
2. Trình bày tính chất và kết cục của Chiến tranh thế giới thứ nhất.

PHẦN ĐỌC THÊM

Về tính chất của cuộc Chiến tranh thế giới thứ nhất, Lê-nin đã chỉ rõ : "Về cả hai phía, cuộc chiến tranh đó đều là chiến tranh đế quốc chủ nghĩa, điều đó hiện nay không còn phải bàn cãi gì nữa ... Chiến tranh vô luận là do giai cấp tư sản Đức hoặc do giai cấp tư sản Anh – Pháp, cũng đều nhằm cướp bóc các nước khác, bóp nghẹt các dân tộc nhược tiểu, thống trị thế giới về mặt tài chính, chia và chia lại thuộc địa...".

(Theo : Vũ Dương Ninh – Nguyễn Văn Hồng, *Lịch sử thế giới cận đại*, Sđd, tr. 288)

timdapan.com

Bài đọc thêm

NHỮNG THÀNH TỰU VĂN HOÁ THỜI CẬN ĐẠI

Những biến động lịch sử từ đầu thời cận đại đến cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX tác động mạnh mẽ đến tình hình văn hoá. Nhiều thành tựu đã đạt được trong các lĩnh vực văn học - nghệ thuật, tư tưởng.

1. Sự phát triển của văn hoá trong buổi đầu thời cận đại

Vào buổi đầu thời cận đại, văn học, nghệ thuật, tư tưởng có vai trò quan trọng trong việc tấn công vào thành trì của chế độ phong kiến và hình thành quan điểm, tư tưởng của con người tư sản.

Về văn học, đây là thời kì xuất hiện nhiều nhà văn, nhà thơ lớn.

Ở phương Tây, tiêu biểu là ở Pháp, trong thế kỉ XVII đã xuất hiện các nhà văn, nhà thơ lớn. Coóc-nây (1606 – 1684) là đại biểu xuất sắc cho nền bi kịch cổ điển Pháp. La Phông-ten (1621 – 1695) là nhà ngụ ngôn và nhà văn cổ điển Pháp ; các tác phẩm của ông có tác dụng giáo dục đối với mọi lứa tuổi, mọi thời đại. Mô-li-e (1622 – 1673) là tác gia nổi tiếng của nền hài kịch cổ điển Pháp ; các tác phẩm của ông thể hiện khát vọng công bằng, cuộc sống tốt đẹp của loài người.

Bét-tô-ven (1770 - 1827)

Về âm nhạc có Bét-tô-ven – nhà soạn nhạc thiên tài người Đức. Sáng tác của ông thấm đượm tinh thần dân chủ, cách mạng ; nổi tiếng là những bản giao hưởng số 3, số 5, số 9. Ngoài ra còn có Mô-da (1756 – 1791) – nhà soạn nhạc vĩ đại người Áo, người có những cống hiến to lớn cho nghệ thuật hợp xướng.

Về hội hoạ, Rem-bran (1606 – 1669) là hoạ sĩ, nhà đồ hoạ Hà Lan nổi tiếng thế kỉ XVII về tranh chân dung, tranh phong cảnh với nhiều chất liệu – sơn dầu, khắc kim loại...

timdapan.com

Về tổ tổng, trào lưu Triết học Ánh sáng thế kỉ XVII – XVIII đã sản sinh ra nhiều nhà tư tưởng lớn, có vai trò quan trọng trong sự thắng lợi của Cách mạng Pháp cuối thế kỉ XVIII và sự phát triển tư tưởng của châu Âu. Đó là Mông-te-xki-ơ (1689 – 1755), Vôn-te (1694 – 1778), Rút-xô (1712 –1778), nhà tư tưởng cấp tiến Mê-li-ê và nhóm *Bách khoa toàn thở* do Đi-đrô đứng đầu.

Các nhà Triết học Ánh sáng thế kỉ XVII – XVIII được xem như "những người đi trước dọn đường cho Cách mạng Pháp 1789 thắng lợi".

2. Thành tựu của văn học, nghệ thuật từ đầu thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX

a) Về văn học

Thời kì từ giữa thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX đánh dấu sự thắng lợi hoàn toàn của chủ nghĩa tư bản đối với chế độ phong kiến trên phạm vi thế giới và chủ nghĩa tư bản chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa.

Ở phương Tây, khi giai cấp tư sản nắm quyền thống trị và mở rộng việc xâm chiếm, đô hộ các nước thuộc địa thì đời sống của nhân dân lao động bị áp bức ngày càng khốn khổ. Nhiều nhà văn, nhà thơ, những người hoạt động trên lĩnh vực nghệ thuật đã phản ánh khá đầy đủ, toàn diện hiện thực xã hội trong tác phẩm của mình.

Vích-to Huy-gô (1802 – 1885) là nhà thơ, nhà tiểu thuyết, nhà viết kịch Pháp. Các tác phẩm của ông, đặc biệt xuất sắc là tiểu thuyết *Những ngởời khốn khổ,* thể hiện lòng yêu thương vô hạn đối với những con người đau khổ, mong tìm những giải pháp đem lại hạnh phúc cho họ.

Lép Tôn-xtôi (1828 – 1910), nhà văn Nga, nổi tiếng với các tác phẩm : *Chiến tranh và Hoà bình*, *An-na Ka-rê-ni-na, Phục sinh*. Với chủ nghĩa hiện thực phê phán, qua các tác phẩm của mình, Tôn-xtôi đã chống lại trật tự xã hội phong kiến Nga hoàng, ca ngợi phẩm chất của người dân Nga trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Lê-nin đã đánh giá các tác phẩm của Tôn-xtôi như "tấm gương phản chiếu cách mạng Nga".

Mác Tuên (1835 – 1910) là nhà văn lớn của Mĩ vào thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX, với các tác phẩm nổi tiếng như : *Những ngởời I-nô-xăng đi du lịch*, *Những cuộc phiêu lởu của Tôm Xoay-ơ*. Bằng ngòi bút trào phúng, hài hước, mang tinh thần phê phán sâu sắc, Mác Tuên đã miêu tả chân thực cuộc sống xã hội Mĩ lúc bấy giờ, thể hiện lòng yêu thương với con người, trước hết là nhân dân lao động nghèo khổ.

timdapan.com

Ngoài ra, còn có nhiều nhà văn, nhà thơ nổi tiếng khác, như Pu-skin (Nga, 1799 - 1837), Ban-dắc (Pháp, 1799 - 1850), An-đéc-xen (Đan Mạch, 1805 - 1875) ; còn có thể kể đến Mô-pát-xăng (Pháp, 1850 - 1893), Sê-khốp (Nga, 1860 - 1904), Giắc Lơn-đơn (Mĩ, 1876 - 1916), Béc-tơn Brếch (Đức, 1898 - 1956),... Các tác phẩm của họ đã phản ánh khá rõ nét đời sống nhân dân đương thời, đặc biệt là của những người lao động nghèo khổ.

Ta-go (1861 _ 1941)

Hô-xê Mác-ti (1823 _ 1893)

Ở các nước phương Đông, văn học cũng có những bước tiến bộ rõ rệt, phản ánh cuộc sống của nhân dân dưới ách thực dân phong kiến, lòng khát khao và ý chí anh hùng, quật khởi trong đấu tranh cho độc lập, tự do.

Ra-bin-đra-nát Ta-go là nhà văn hoá lớn của Ấn Độ. Ông để lại 52 tập thơ, 42 vở kịch, 12 cuốn tiểu thuyết, nhiều truyện ngắn, luận văn, bút kí, ca khúc và tranh vẽ, tiêu biểu là tập *Thơ Dâng* (đoạt giải Nôben năm 1913). Các sáng tác của ông thể hiện rõ lòng yêu nước, yêu hoà bình và tinh thần nhân đạo sâu sắc.

Lỗ Tấn (1881 – 1936) là nhà văn cách mạng nổi tiếng của Trung Quốc, với các tác phẩm lớn như : *Nhật kí ngờời điên*, *AQ chính truyện*...

Hô-xê Ri-dan, nhà văn, nhà thơ lớn của Phi-líp-pin, với tác phẩm tiêu biểu như *Đừng động vào tôi*, đã tố cáo tội ác của kẻ thù xâm lược và miêu tả cuộc kháng chiến giành độc lập của nhân dân Phi-líp-pin.

Hô-xê Mác-ti, nhà văn Cu-ba, tiêu biểu cho tinh thần đấu tranh,

timdapan.com

niềm tin vào thắng lợi của cuộc đấu tranh cho độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội của nhân dân Cu-ba cũng như khu vực Mĩ Latinh.

b) Về nghệ thuật

Thời cận đại, đặc biệt vào cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX, các lĩnh vực nghệ thuật như kiến trúc, âm nhạc, điêu khắc... cũng rất phát triển. Cung điện Vécxai (Pháp) được hoàn thành vào năm 1708, tiếp tục được hoàn chỉnh và trở thành một công trình nghệ thuật kiến trúc đặc sắc. Nhiều tác phẩm mĩ thuật nổi tiếng trong lịch sử nhân loại được trưng bày trong các bảo tàng lớn ra đời vào thời cận đại.

Cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX, ở Pa-ri (Pháp) đã tụ hợp nhiều nhà văn hoá lớn, trong đó có các hoạ sĩ danh tiếng như Van Gốc (Hà Lan), Phu-gi-ta (Nhật Bản), Pi-cát-xô (Tây Ban Nha), Lê-vi-tan (Nga)...

Bức tranh "Tháng Ba" của Lê-vi-tan

Về âm nhạc, nổi bật là Trai-cốp-xki (1840 – 1893) – một trong những điển hình của nền âm nhạc hiện thực thế giới thời bấy giờ. Tác phẩm nổi tiếng của ông có vở ôpêra *Con đầm pích*, các vở balê *Hồ thiên nga*, *Ngườời đẹp ngủ trong rừng*...

timdapan.com

3. Trào lưu tư tưởng tiến bộ và sự ra đời, phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học từ giữa thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX

Hê-ghen (1770 – 1831)

Phoi-ơ-bách (1804 – 1872)

A-đam Xmít (1723 – 1790)

Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản từ giữa thế kỉ XIX gây ra nhiều đau khổ cho nhân dân lao động. Trong hoàn cảnh ấy, một số nhà tư tưởng tiến bộ đương thời đã nghĩ đến việc xây dựng một xã hội mới, không có chế độ tư hữu, không có bóc lột, nhân dân làm chủ các phương tiện sản xuất của mình. Nổi tiếng nhất là các nhà tư tưởng Xanh Xi-mông (1760 – 1825), Phu-ri-ê (1772 – 1837) ở Pháp và Ô-oen (1771 – 1858) ở Anh. Đó là những nhà xã hội không tưởng, vì tư tưởng của họ không thể thực hiện được trong điều kiện chủ nghĩa tư bản vẫn được duy trì và phát triển.

Hê-ghen và Phoi-ơ-bách là những nhà triết học nổi tiếng của Đức. Hê-ghen là nhà triết học duy tâm khách quan, còn Phoi-ơ-bách tuy đứng trên lập trường chủ nghĩa duy vật, nhưng siêu hình khi xem những thời kì lịch sử xã hội loài người không hề phát triển mà chỉ có sự khác nhau do sự thay đổi về tôn giáo.

Học thuyết kinh tế chính trị tư sản cổ điển phát sinh ở Anh với các đại biểu nổi tiếng là Xmít và Ri-các-đô (1772 – 1823). Tuy có công trong việc mở đầu "lí luận về giá trị lao động", nhưng hai ông chỉ nhìn thấy mối quan hệ giữa vật và vật (hàng hoá này đổi lấy hàng hoá khác) chứ chưa nhìn thấy mối quan hệ giữa người với người đằng sau sự trao đổi hàng hoá.

timdapan.com

Cùng với sự phát sinh và phát triển của giai cấp vô sản, phong trào công nhân, học thuyết chủ nghĩa xã hội khoa học ra đời, do Mác và Ăng-ghen sáng lập, được Lê-nin phát triển trong điều kiện chủ nghĩa tư bản chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa và phong trào đấu tranh của công nhân phát triển mạnh mẽ.

Học thuyết chủ nghĩa xã hội khoa học là sự kế thừa có chọn lọc và phát triển những thành tựu khoa học tự nhiên và khoa học xã hội mà loài người đã đạt được, chủ yếu từ đầu thế kỉ XIX. Trong những thành tựu ấy, nổi bật là định luật bảo toàn và chuyển hoá năng lượng, thuyết tế bào, thuyết tiến hoá của các giống loài, các trào lưu triết học cổ điển Đức, học thuyết kinh tế chính trị tư sản cổ điển Anh và lí luận về chủ nghĩa xã hội không tưởng Pháp. Các tác gia kinh điển của chủ nghĩa xã hội khoa học xây dựng học thuyết của mình trên quan điểm, lập trường của giai cấp công nhân, thực tiễn đấu tranh của phong trào cách mạng vô sản thế giới, từ đó hình thành hệ thống lí luận mới, vừa cách mạng vừa khoa học. Học thuyết của các ông bao gồm 3 bộ phận chính : triết học, kinh tế chính trị học và chủ nghĩa xã hội khoa học.

Chủ nghĩa Mác – Lênin là cương lĩnh cách mạng cho cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa tư bản, xây dựng chủ nghĩa cộng sản và mở ra một kỉ nguyên mới cho sự phát triển của khoa học (cả khoa học tự nhiên và khoa học xã hội – nhân văn).

timdapan.com

Bài 22 ÔN TẬP LỊCH SỬ THẾ GIỚI CẬN ĐẠI

I – THẮNG LỢI CỦA CÁCH MẠNG TƯ SẢN VÀ SỰ XÁC LẬP CHỦ NGHĨA TƯ BẢN

1. Chế độ phong kiến đã ngăn cản sự phát triển của sức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Đó là nguyên nhân sâu xa dẫn đến các cuộc cách mạng tư sản.

? *Nêu những sự kiện cơ bản chứng tỏ sự cản trở của chế độ phong kiến đối với sự phát triển chủ nghĩa tư bản ở Hà Lan, Anh, Bắc Mĩ, Pháp, Đức, I-ta-li-a, Nga, Nhật Bản.*

2. Do điều kiện cụ thể và tương quan lực lượng ở mỗi nước mà cách mạng tư sản nổ ra dưới các hình thức khác nhau, nhưng về bản chất đều là những cuộc cách mạng tư sản.

? *Trình bày hình thức, diễn biến của các cuộc cách mạng tư sản đã học.*

3. Cách mạng tư sản ở các mức độ khác nhau đã lật đổ nền thống trị của giai cấp phong kiến, *thiết lập hệ thống nhà nước tư sản* hoặc cải tổ nhà nước phong kiến theo thiết chế tư bản. Chủ nghĩa tư bản từ giai đoạn tự do cạnh tranh chuyển sang giai đoạn độc quyền – chủ nghĩa đế quốc.

? *– Trình bày những kết quả của các cuộc cách mạng tư sản tiêu biểu.*
– Sự phát triển kinh tế diễn ra như thế nào ở các nước tư bản Anh, Pháp, Đức, Mĩ ?

4. Việc củng cố và phát triển của chủ nghĩa tư bản đòi hỏi phải xây dựng nền kinh tế vững mạnh, dựa trên sự phát minh và ứng dụng các thành tựu của khoa học – kĩ thuật.

Những kết quả nghiên cứu trong nhiều lĩnh vực của khoa học xã hội và nhân văn, cũng như các sáng tạo trong văn học – nghệ thuật đã góp phần tạo nên những chuyển biến lớn trong đời sống tinh thần và vật chất của con người.

? *– Hãy nêu một thành tựu của khoa học – kĩ thuật có tác dụng thúc đẩy sản xuất xã hội.*
– Tìm hiểu một thành tựu của khoa học xã hội và nhân văn góp phần thúc đẩy sự phát triển lịch sử loài người.

timdapan.com

II – NHỮNG MÂU THUẪN CƠ BẢN CỦA CHẾ ĐỘ TƯ BẢN CHỦ NGHĨA. PHONG TRÀO CÔNG NHÂN. PHONG TRÀO CHỐNG THỰC DÂN XÂM LƯỢC

1. Một trong những mâu thuẫn cơ bản trong xã hội tư bản là *mâu thuẫn giữa tư sản và vô sản,* biểu hiện bằng các cuộc đấu tranh của vô sản chống tư sản. Tuy nhiên, hình thức, mục tiêu của cuộc đấu tranh này cũng phát triển qua các giai đoạn khác nhau. Hình thức đấu tranh lúc đầu là những cuộc tranh chấp giữa chủ và thợ, từ việc "đập phá máy móc" đến các phong trào đình công, bãi công ; từ những cuộc khởi nghĩa trong từng vùng, phát triển thành những cuộc đấu tranh vũ trang kết hợp đấu tranh chính trị, cuối cùng là tổng khởi nghĩa cướp chính quyền. Mục tiêu đấu tranh của công nhân cũng từ những đòi hỏi về tăng lương, giảm giờ làm, cải thiện điều kiện làm việc và điều kiện sống, phát triển lên thành những cuộc đấu tranh đòi quyền chính trị và thiết lập nền chuyên chính vô sản.

Sự kiện đánh dấu bước phát triển của phong trào công nhân là sự nhận thức *sứ mệnh lịch sử* của giai cấp mình trong việc lật đổ hoàn toàn chế độ tư bản và xây dựng chế độ xã hội chủ nghĩa.

? *Trình bày các hình thức đấu tranh của vô sản chống tư sản trước năm 1848.*

2. Trên cơ sở phong trào công nhân ngày một phát triển mạnh mẽ, *chủ nghĩa xã hội khoa học* ra đời mà Mác và Ăng-ghen là người sáng lập. Chủ nghĩa xã hội khoa học tác động trở lại với phong trào công nhân và dẫn dắt phong trào từng bước giành thắng lợi. Chủ nghĩa xã hội khoa học cũng đấu tranh chống những quan điểm sai trái, phản động của chủ nghĩa cơ hội, chủ nghĩa xét lại... nhằm đưa phong trào công nhân đi chệch mục tiêu của mình.

Vào những năm cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX, phong trào công nhân thế giới phát triển với các cuộc đấu tranh mạnh mẽ diễn ra ở nhiều nước tư bản, dẫn đến sự ra đời của các tổ chức quần chúng và chính đảng của giai cấp công nhân, việc thành lập và hoạt động của Quốc tế thứ nhất, Quốc tế thứ hai... Tuy trải qua những thất bại không nhỏ, song phong trào công nhân thế giới thời cận đại cũng giành được những thắng lợi lớn như : Công xã Pa-ri, cuộc đấu tranh của công nhân Si-ca-gô ngày 1 – 5 – 1886, Cách mạng Nga 1905 – 1907 v.v...

? *– Lập bảng thống kê các sự kiện chính trong phong trào đấu tranh của công nhân thế giới nửa sau thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX.*

– Lập bảng so sánh những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin và chủ nghĩa cơ hội, chủ nghĩa xét lại về cuộc đấu tranh của công nhân.

timdapan.com

3. Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản gắn liền với việc xâm chiếm và thống trị thuộc địa. Vì vậy, cùng với phong trào công nhân, *cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân các nớớc thuộc địa và phụ thuộc cũng diễn ra sôi nổi.*

Ngay từ khi thực dân, đế quốc đến xâm lược, nhân dân các nước bị xâm lược đã chiến đấu ngoan cường chống lại chúng. Phong trào giải phóng dân tộc diễn ra liên tục, rầm rộ ở các nước. Tuy nhiên, do thiếu đường lối đấu tranh đúng đắn, không có giai cấp tiên tiến lãnh đạo nên phong trào cứu nước lần lượt thất bại. Công cuộc cải cách, duy tân đất nước theo con đường tư bản phương Tây đã thành công ở Nhật Bản, đạt được một số thành tựu ở Xiêm, nhưng lại thất bại ở nhiều nước khác do các thế lực bảo thủ, phản động cản trở.

Từ đầu thế kỉ XX, do sự phát triển của tình hình trong nước và ảnh hưởng tư tưởng tư sản từ ngoài tràn vào, phong trào yêu nước ở nhiều nước phương Đông đã có sự chuyển biến, đánh dấu bằng *sự thức tỉnh của châu Á* trong phong trào giải phóng dân tộc ở các nước phương Đông vào đầu thế kỉ XX. Chính điều đó đã tạo nên những tiền đề cho các nhà yêu nước đương thời bước vào giai đoạn đấu tranh mới sau Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917 và sau khi Chiến tranh thế giới thứ nhất kết thúc.

? *Những nguyên nhân nào làm cho phong trào chống xâm lược và giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa và phụ thuộc vào cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX không thành công ?*

4. Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản dẫn tới tình trạng phát triển không đều giữa các nước đế quốc. Điều này làm nảy sinh mâu thuẫn trong nội bộ chủ nghĩa tư bản thế giới, mà điểm nổi bật là các cuộc chiến tranh để giành giật thuộc địa, phân chia lại thế giới. Đây là nguyên nhân chủ yếu dẫn tới Chiến tranh thế giới thứ nhất, gây ra những tổn thất to lớn cho loài người.

Trong bối cảnh lịch sử ấy, Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917 bùng nổ và thắng lợi. Lịch sử thế giới bước sang thời kì mới – thời hiện đại.

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. Lập niên biểu về một số sự kiện cơ bản của lịch sử thế giới cận đại.
2. Cách mạng tư sản có tác dụng tích cực và hạn chế như thế nào đối với sự phát triển lịch sử ?
3. Nêu những nét chủ yếu trong phong trào công nhân thời cận đại.
4. Vẽ lược đồ thế giới và xác định khu vực thuộc địa của các nước tư bản đế quốc.

timdapan.com

Phần hai

LỊCH SỬ THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI

(PHẦN TỪ NĂM 1917 ĐẾN NĂM 1945)

timdapan.com

Chương VII

CÁCH MẠNG THÁNG MƯỜI NGA NĂM 1917 VÀ CÔNG CUỘC XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở LIÊN XÔ (1921 _ 1941)

Bài 23 CÁCH MẠNG THÁNG MƯỜI NGA NĂM 1917 VÀ CUỘC ĐẤU TRANH BẢO VỆ CÁCH MẠNG (1917 _ 1921)

Năm 1917, ở nước Nga đã diễn ra hai cuộc cách mạng : Cách mạng dân chủ tư sản tháng Hai và Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười. Thắng lợi của Cách mạng tháng Mười đã dẫn đến sự ra đời của nhà nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới, mở ra một thời kì mới trong lịch sử nước Nga và lịch sử thế giới.

I – CÁCH MẠNG THÁNG MƯỜI NGA NĂM 1917

1. Tình hình nước Nga trước cách mạng

Đầu thế kỉ XX, Nga vẫn là một nước quân chủ chuyên chế, đứng đầu là Nga hoàng Ni-cô-lai II. Chế độ quân chủ Nga hoàng cùng với sự tồn tại những tàn tích phong kiến lạc hậu đã kìm hãm sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở Nga. Việc Nga hoàng tham gia Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 – 1918) đã gây nên những hậu quả nghiêm trọng cho đất nước, phơi bày sự lạc hậu về kinh tế, chính trị và làm cho những mâu thuẫn xã hội ngày càng gay gắt.

Sau 3 năm theo đuổi chiến tranh, đến đầu năm 1917 nền kinh tế quốc dân hoàn toàn kiệt quệ, sản xuất công nghiệp và nông nghiệp đình đốn. Nạn thất nghiệp tăng nhanh, nạn đói xảy ra trầm trọng ở nhiều nơi. Mọi nỗi khổ đè nặng lên các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là nông dân, công nhân và hơn 100 dân tộc khác trong đế quốc Nga.

timdapan.com

Nền kinh tế của nước Nga lạc hậu, không chịu đựng được tình trạng căng thẳng của chiến tranh. Ngoài mặt trận, quân đội liên tiếp thất bại. Tính đến đầu năm 1917, có tới 1,5 triệu người chết và trên 4 triệu người bị thương.

Hình 61. *Nơi ở của nhân dân Nga năm 1917*

Hình 62. *Những người lính Nga ngoài mặt trận, tháng 1 _ 1917*

Phong trào phản đối chiến tranh, đòi lật đổ chế độ Nga hoàng lan rộng khắp nơi. Chính phủ Nga hoàng ngày càng trở nên bất lực, không còn khả năng tiếp tục thống trị như cũ được nữa. Nước Nga đã tiến sát tới một cuộc cách mạng.

? *Hãy nhận xét về tình cảnh của người dân Nga trước cách mạng qua các hình trên.*

timdapan.com

2. Cách mạng dân chủ tư sản tháng Hai

Tháng 2 – 1917 (theo lịch Nga)[1], Cách mạng dân chủ tư sản đã bùng nổ ở Nga. Mở đầu là cuộc biểu tình ngày 23 – 2 (tức 8 – 3 theo dương lịch) của 9 vạn nữ công nhân ở Pê-tơ-rô-grát (nay là Xanh Pê-téc-bua). Ngày 27 – 2 (12 – 3), cuộc tổng bãi công lan rộng khắp thành phố. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Bônsêvích, công nhân chuyển từ tổng bãi công chính trị sang khởi nghĩa vũ trang.

Hình 63. *Tự do cho nước Nga (tranh vẽ năm 1917 về Cách mạng tháng Hai)*

Hơn 66 000 binh lính được tuyên truyền giác ngộ đã đứng về phía cách mạng. Quân khởi nghĩa chiếm toàn bộ các công sở quan trọng nhất, nhà ga, cầu, bưu điện... Nga hoàng Ni-cô-lai II tuyên bố thoái vị. Chế độ quân chủ chuyên chế sụp đổ. Phong trào cách mạng lan rộng khắp trong nước, quần chúng nổi dậy bầu ra các *Xô viết đại biểu công nhân, nông dân và binh lính*. Tháng 3 – 1917, toàn nước Nga có 555 xô viết. Cùng thời gian đó, giai cấp tư sản thành lập *Chính phủ tư sản lâm thời*.

Cách mạng dân chủ tư sản tháng Hai thắng lợi. Tuy nhiên, một tình hình chính trị chưa từng có đã diễn ra ở nước Nga, đó là tình trạng hai chính quyền song song tồn tại : Chính phủ tư sản lâm thời và Xô viết đại biểu công nhân, nông dân và binh lính. Hai chính quyền này đại diện cho lợi ích của các giai cấp khác nhau nên không thể cùng tồn tại. Trước tình hình đó, Lê-nin và Đảng Bônsêvích Nga đã chuẩn bị kế hoạch tiếp tục làm cách mạng lật đổ Chính phủ tư sản lâm thời.

(1) Ở Nga, trước tháng 3 – 1918 dùng lịch cũ, so với dương lịch chậm 13 ngày. SGK ghi những sự kiện trước tháng 3 – 1918 theo lịch Nga cũ, có ghi chú phân tính theo dương lịch trong ngoặc đơn.

timdapan.com

? *Cách mạng dân chủ tư sản tháng Hai năm 1917 đã giải quyết được những nhiệm vụ gì ?*

3. Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười

Tháng 4 – 1917, Lê-nin trình bày trước Trung ương Đảng Bônsêvích bản báo cáo quan trọng "Nhiệm vụ của giai cấp vô sản trong cuộc cách mạng hiện nay" (sau này đã đi vào lịch sử với tên gọi *Luận cương tháng Tư*), chỉ ra mục tiêu và đường lối chuyển biến từ cách mạng dân chủ tư sản sang cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Luận cương tháng Tư nêu rõ : "Đặc điểm của tình hình hiện nay ở Nga là *bước quá độ từ giai đoạn thứ nhất* của cách mạng, là giai đoạn đã đem lại chính quyền cho giai cấp tư sản do trình độ giác ngộ và tổ chức của giai cấp vô sản còn thấp, *tiến lên giai đoạn thứ hai* của cách mạng, là giai đoạn phải đem lại chính quyền cho giai cấp vô sản, những tầng lớp nghèo và cho nông dân".

Trải qua 8 tháng đấu tranh, từ đấu tranh hoà bình nhằm tập hợp lực lượng quần chúng đông đảo để đủ sức lật đổ giai cấp tư sản, Đảng Bônsêvích đã chuyển sang thời kì khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền. Đầu tháng 10 – 1917, không khí cách mạng bao trùm khắp nước Nga. Ngày 7 – 10 (20 – 10), Lê-nin bí mật rời Phần Lan về Pê-tơ-rô-grát, trực tiếp chỉ đạo cách mạng. Những đội Cận vệ đỏ ra đời. Trung tâm Quân sự cách mạng được thành lập để lãnh đạo cuộc khởi nghĩa trong cả nước. Kế hoạch khởi nghĩa được vạch ra cụ thể và được quyết định hết sức nhanh chóng.

Cuộc khởi nghĩa bắt đầu từ đêm 24 – 10 (6 – 11). Các đơn vị Cận vệ đỏ đã chiếm được những vị trí then chốt của Thủ đô và bao vây Cung điện Mùa Đông, nơi ẩn náu cuối cùng của Chính phủ tư sản lâm thời. Đêm 25 – 10 (7 – 11), quân khởi nghĩa tấn công Cung điện Mùa Đông, các bộ trưởng của Chính phủ (trừ Thủ tướng Kê-ren-xki) bị bắt giữ. Cuộc khởi nghĩa ở Pê-tơ-rô-grát giành được thắng lợi hoàn toàn.

Vào lúc 9 giờ 40 phút đêm 25 – 10, đại bác của các đơn vị Cận vệ đỏ bắt đầu nã đạn vào Cung điện Mùa Đông. Các chiến sĩ Cận vệ đỏ từ 4 phía trực diện tấn công, nhanh chóng chọc thủng phòng tuyến bên ngoài, xông vào cổng chính của Cung điện. Đến 1 giờ 50 phút sáng 26 – 10, cánh cửa gian phòng, nơi các bộ trưởng ẩn nấp, đã bị bật tung. Người chỉ huy đội Cận vệ đỏ An-tô-nốp Ốp-sen-kô dõng dạc tuyên bố : "Nhân danh Uỷ ban Quân sự cách mạng Xô viết Pê-tơ-rô-grát, tôi tuyên bố Chính phủ tư sản lâm thời đã bị lật đổ".

timdapan.com

Tiếp theo thắng lợi ở Pê-tơ-rô-grát, Chính quyền Xô viết được thành lập ở Mát-xcơ-va đầu tháng 11 – 1917. Sau thắng lợi ở hai trung tâm quan trọng là Pê-tơ-rô-grát và Mát-xcơ-va, cuộc khởi nghĩa giành chính quyền ở các địa phương diễn ra mạnh mẽ.

Hình 64. *Cuộc tấn công Cung điện Mùa Đông*

Cuối tháng 11 – 1917, Chính quyền Xô viết đã được thành lập ở 28 tỉnh (trong tổng số 49 tỉnh) thuộc phần lãnh thổ châu Âu của nước Nga. Đến cuối tháng 3 – 1918, Chính quyền Xô viết đã giành được thắng lợi hoàn toàn trên khắp đất nước Nga rộng lớn. Đó là thời kì "tiến quân thắng lợi rực rỡ" của Chính quyền Xô viết như nhận định của Lê-nin.

? – *Luận cương tháng Tư của Lê-nin có ý nghĩa như thế nào đối với thắng lợi của Cách mạng tháng Mười Nga ?*

– *Vì sao ở nước Nga năm 1917 lại có hai cuộc cách mạng ?*

– *Lập bảng thống kê các sự kiện chính từ Cách mạng tháng Hai đến Cách mạng tháng Mười.*

timdapan.com

II – CUỘC ĐẤU TRANH XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ CHÍNH QUYỀN XÔ VIẾT

1. Xây dựng Chính quyền Xô viết

Sau thắng lợi của Cách mạng tháng Mười, nhiệm vụ hàng đầu của Chính quyền Xô viết là đập tan bộ máy nhà nước cũ của giai cấp tư sản và địa chủ, khẩn trương xây dựng bộ máy nhà nước mới của những người lao động.

Ngay trong đêm 25 – 10 – 1917 (7 – 11 – 1917), Đại hội Xô viết toàn Nga lần thứ hai khai mạc ở Điện Xmô-nưi, ra tuyên bố thành lập chính quyền Xô viết do Lê-nin đứng đầu. Các sắc lệnh đầu tiên của Chính quyền Xô viết đã được thông qua – *Sắc lệnh hoà bình* và *Sắc lệnh ruộng đất* – đáp ứng những nguyện vọng cấp thiết nhất của quần chúng nhân dân. Chính quyền Xô viết nhanh chóng thực hiện các biện pháp nhằm thủ tiêu những tàn tích của chế độ phong kiến, xoá bỏ sự phân biệt đẳng cấp, những đặc quyền của Giáo hội ; thực hiện nam nữ bình quyền.

Sắc lệnh hoà bình lên án cuộc chiến tranh đế quốc là "một tội ác lớn nhất đối với nhân loại" và đề nghị các nước tham chiến hãy nhanh chóng đàm phán để kí một hoà ước dân chủ và công bằng – không có thôn tính đất đai và bồi thường chiến tranh. *Sắc lệnh ruộng đất* tuyên bố tịch thu ruộng đất của địa chủ, quý tộc và Giáo hội, quốc hữu hoá toàn bộ ruộng đất. Từ mùa xuân năm 1918, *Sắc lệnh ruộng đất* bắt đầu được thực hiện. Nông dân đã được nhận hơn 150 triệu hécta ruộng đất, thực hiện mơ ước từ lâu đời của mình.

Hình 65. *Hội đồng các Dân uỷ (Bộ trởởng) đầu tiên của nởớc Nga Xô viết (Điện Xmô-nởi, tháng 1 _ 1918)*

timdapan.com

Các cơ quan trung ương và Xô viết các địa phương được thành lập ; chính quyền tư sản, địa chủ các cấp đều bị bãi bỏ. Hồng quân công nông được thành lập để bảo vệ chính quyền mới. Chính phủ Xô viết công bố bản *Tuyên ngôn về quyền các dân tộc ở Nga*, khẳng định những nguyên tắc căn bản về quyền dân tộc tự quyết, sự bình đẳng và chủ quyền của tất cả các dân tộc ở Nga.

Từ cuối tháng 11 – 1917, Chính quyền Xô viết bắt đầu quốc hữu hoá các nhà máy, xí nghiệp của giai cấp tư sản. Tháng 12 – 1917, Hội đồng Kinh tế quốc dân tối cao được thành lập, nhằm quản lí toàn bộ nền kinh tế quốc dân và thực hiện chức năng xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa.

? *Những việc làm của Chính quyền Xô viết đem lại lợi ích cho ai ?*

2. Bảo vệ chính quyền Xô viết

Hình 66. *Áp phích năm 1920 _ "Bạn đã ghi tên tình nguyện chưa ?" _ kêu gọi thanh niên nhập ngũ, bảo vệ đất nước*

Thắng lợi của Cách mạng tháng Mười và sự ra đời của Nhà nước Xô viết làm cho các nước đế quốc lo lắng, tìm cách tập hợp lực lượng để tiêu diệt nước Cộng hoà Xô viết non trẻ. Tình hình nước Nga Xô viết cực kì khó khăn : quân đội 14 nước đế quốc câu kết với bọn phản cách mạng trong nước mở cuộc tấn công vũ trang kéo dài trong 3 năm – từ đầu năm 1918 đến cuối năm 1920. Nhân dân Nga tập trung toàn bộ sức lực tiến hành cuộc chiến tranh cách mạng chống thù trong, giặc ngoài trong những điều kiện vô cùng khốc liệt để giữ vững Chính quyền Xô viết non trẻ.

Trong hoàn cảnh đất nước bị bao vây, từ năm 1919, nước Nga thực hiện *Chính sách cộng sản thời chiến* (Nhà nước kiểm soát toàn bộ nền công nghiệp, trưng thu

timdapan.com

lương thực thừa của nông dân, thi hành chế độ lao động bắt buộc đối với toàn dân (từ 16 đến 50 tuổi)...) nhằm huy động tối đa và sử dụng hợp lí mọi nguồn của cải, nhân lực của đất nước, phục vụ cho cuộc chiến đấu chống thù trong, giặc ngoài.

Chế độ nghĩa vụ quân sự được thực hiện trong cả nước. Hồng quân đã xây dựng được đội quân trên 5 triệu chiến sĩ tham gia chiến đấu. Vừa chiến đấu vừa xây dựng, Hồng quân và nhân dân Xô viết đã vượt qua được những thử thách cực kì hiểm nghèo, từng bước đẩy lùi các cuộc tấn công của kẻ thù.

Năm 1919 đã diễn ra bước ngoặt căn bản của cuộc nội chiến, tạo điều kiện để giành thắng lợi hoàn toàn vào cuối năm 1920. Tháng 11 – 1920, Hồng quân đánh tan đội quân Bạch vệ (gồm 6 vạn quân) của tướng Vran-ghen, chấm dứt chiến sự. Nhà nước Xô viết được bảo vệ và giữ vững.

? *Vì sao nhân dân Xô viết phải thực hiện Chính sách cộng sản thời chiến ?*

III – Ý NGHĨA LỊCH SỬ CỦA CÁCH MẠNG THÁNG MƯỜI NGA

Cách mạng tháng Mười có ý nghĩa lịch sử trọng đại đối với nước Nga và thế giới. Một kỉ nguyên mới đã mở ra làm thay đổi hoàn toàn tình hình đất nước và số phận hàng triệu người ở Nga. Lần đầu tiên trong lịch sử nước Nga, giai cấp công nhân, nhân dân lao động và các dân tộc được giải phóng, thoát khỏi mọi gông xiềng nô lệ, đứng lên làm chủ đất nước và vận mệnh của mình. Lịch sử nước Nga đã sang trang : một chế độ xã hội mới được thiết lập với mục đích cao cả là xoá bỏ chế độ người bóc lột người, xây dựng một xã hội tự do, hạnh phúc và công bằng cho người lao động.

Cách mạng tháng Mười có ảnh hưởng mạnh mẽ đến tiến trình lịch sử và cục diện thế giới. Thắng lợi của Cách mạng tháng Mười đã phá vỡ trận tuyến của chủ nghĩa tư bản, làm cho nó không còn là một hệ thống hoàn chỉnh bao trùm thế giới. Sự xuất hiện của nhà nước chuyên chính vô sản đầu tiên trên thế giới đã tạo ra một chế độ xã hội đối lập với hệ thống xã hội tư bản chủ nghĩa.

Cách mạng tháng Mười đã cổ vũ mạnh mẽ phong trào cách mạng của giai cấp công nhân quốc tế, chỉ ra cho họ con đường đi tới thắng lợi trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa tư bản. Thực tiễn của Cách mạng tháng Mười không những đã thức tỉnh, cổ vũ ý chí đấu tranh mà còn mở ra con đường giải phóng cho các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới.

timdapan.com

? *Nêu ý nghĩa lịch sử của Cách mạng tháng Mười.*

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. Nêu những việc làm đầu tiên của Chính quyền Xô viết.
2. Vì sao nhân dân Xô viết bảo vệ những thành quả của Cách mạng tháng Mười ?
3. Sưu tầm tài liệu nói về ý nghĩa của Cách mạng tháng Mười.

PHẦN ĐỌC THÊM

Tình hình nước Nga trước Cách mạng

... Không thể sống được nữa. Không có ăn. Không có mặc. Không có gì để sưởi ấm. Ở ngoài mặt trận là máu, là thương tật, là chết chóc. Hết đợt bắt lính này đến đợt bắt lính khác, con em chúng ta bị lùa đến lò sát sinh dành cho con người. Không thể im lặng được nữa !

Hãy kêu gọi tất cả mọi người đấu tranh. Thà chết vinh quang vì đấu tranh cho sự nghiệp công nhân còn hơn là bỏ mạng ngoài mặt trận vì độc lập của bọn tư sản hay tàn tạ vì đói và vì làm việc quá sức.

(Trích truyền đơn của BCH Đảng bộ Bônsêvích Pê-tơ-rô-grát ngày 25 – 2 – 1917. Dẫn theo : A. Nê-na-rô-cốp, *Lịch sử cách mạng tháng Mười Nga*, tr. 49 – 50).

Cách mạng tháng Mười ở Pê-tơ-rô-grát

... 1 giờ 25 phút ngày 25 – 10, các đơn vị chiến đấu đã chiếm Bưu điện trung tâm. Hai giờ sáng, binh sĩ của tiểu đoàn công binh số 6 chiếm nhà ga Ni-cô-lai-ép-xki, mấy tiếng đồng hồ trước đó các binh sĩ cũng đã chiếm ga Ban-tích... Khoảng 8 giờ sáng, nhà ga Vác-sa-va được chuyển giao dưới sự kiểm soát của Uỷ ban quân sự cách mạng. Ngân hàng nhà nước và ban biên tập các báo trung ương cũng do quân cách mạng kiểm soát từ 6 giờ sáng... Sáng ngày 25 – 10, hầu như toàn bộ Pê-tơ-rô-grát đã nằm trong tay những người khởi nghĩa, trừ Cung điện Mùa Đông và Quảng trường I-xa-ác... Đêm 25 – 10, Cung điện Mùa Đông bị bao vây và cuối cùng đã bị Quân cách mạng kiểm soát sau một trận công kích...

(Theo : A. Nê-na-rô-cốp, Sđd, tr. 251 – 252)

Ý nghĩa lịch sử của Cách mạng tháng Mười

Giống như mặt trời chói lọi, Cách mạng tháng Mười chiếu sáng khắp năm châu, thức tỉnh hàng triệu hàng triệu người bị áp bức, bóc lột trên Trái Đất. Trong lịch sử loài người chưa từng có cuộc cách mạng nào có ý nghĩa to lớn và sâu xa như thế.

(Theo : Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Tập 12, NXB Chính trị Quốc gia, H., 1996, tr. 300)

timdapan.com

Bài 24 LIÊN XÔ XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI (1921 _ 1941)

Với Chính sách kinh tế mới (1921 – 1925), nhân dân Xô viết đã hoàn thành khôi phục đất nước sau chiến tranh và bắt đầu triển khai công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Bằng việc thực hiện các kế hoạch 5 năm, Liên Xô đã đạt được nhiều thành tựu to lớn về mọi mặt và trở thành một cường quốc công nghiệp xã hội chủ nghĩa.

I – CHÍNH SÁCH KINH TẾ MỚI VÀ CÔNG CUỘC KHÔI PHỤC KINH TẾ (1921 – 1925)

1. Nước Nga Xô viết sau chiến tranh

Sau khi chiến thắng thù trong, giặc ngoài, năm 1921, nước Nga Xô viết bước vào thời kì hoà bình, xây dựng đất nước trong hoàn cảnh hết sức khó khăn. Bốn năm chiến tranh đế quốc và 3 năm nội chiến kéo dài đã để lại những hậu quả nặng nề cho đất nước. Nền kinh tế quốc dân bị tàn phá nghiêm trọng, với tổng thiệt hại lên đến 39 tỉ rúp, bằng 1/4 toàn bộ tài sản quốc gia năm 1913.

Bảng thống kê sản lỡợng một số sản phẩm kinh tế của nỡớc Nga (1913 _ 1923)

Sản phẩm \ Năm	1913	1921	1923
Ngũ cốc (triệu tấn)	81,63	37,6	56,6
Gang (triệu tấn)	4,8	0,1	0,3
Thép (triệu tấn)	5,2	0,2	0,7
Vải sợi (triệu mét)	2582,0	105,0	691,0
Điện (triệu kW/h)	1,9	0,55	1,1

Bên cạnh những khó khăn về kinh tế là những thách thức nghiêm trọng về chính trị, tạo nên một cuộc khủng hoảng kinh tế – chính trị, đe doạ sự tồn tại của Chính quyền Xô viết.

timdapan.com

Các lực lượng phản cách mạng điên cuồng chống phá, liên tiếp gây bạo loạn ở nhiều nơi. Nhiều vùng xảy ra nạn đói trầm trọng do thiếu lương thực. Tình trạng đói kém làm phân tán và suy giảm tinh thần đội ngũ công nhân. Trong nông dân, xuất hiện thái độ bất bình với việc trưng thu lương thực thừa. Cuộc nổi loạn ở pháo đài Crông-xtát (gần Pê-tơ-rô-grát) tháng 3 – 1921, do các thế lực phản cách mạng cầm đầu, đã kích động và lôi kéo thuỷ binh tham gia...

? *– Nước Nga Xô viết gặp phải những khó khăn gì về kinh tế, chính trị ?*

– Nêu nhận xét về tình hình kinh tế nước Nga năm 1921 so với năm 1913 – năm phát triển cao nhất của nước Nga Sa hoàng – qua bảng thống kê trên đây.

2. Chính sách kinh tế mới

Nhằm khắc phục khủng hoảng, nhanh chóng hàn gắn các vết thương chiến tranh và phát triển kinh tế, Đại hội lần thứ X Đảng Bônsêvích Nga, tháng 3 – 1921, đã quyết định chuyển từ Chính sách cộng sản thời chiến sang *Chính sách kinh tế mới* (NEP) do V. I. Lê-nin đề xướng.

Chính sách kinh tế mới bao gồm các chính sách chủ yếu về nông nghiệp, công nghiệp, thương nghiệp và tiền tệ.

_ *Trong nông nghiệp,* Nhà nước thay thế chế độ trưng thu lương thực thừa bằng thu thuế lương thực. Thuế lương thực nộp bằng hiện vật. Sau khi nộp đủ thuế đã quy định từ trước mùa gieo hạt, nông dân được toàn quyền sử dụng số dư thừa và tự do bán ra thị trường.

_ *Trong công nghiệp,* Nhà nước tập trung khôi phục công nghiệp nặng, cho phép tư nhân được thuê hoặc xây dựng những xí nghiệp loại nhỏ (dưới 20 công nhân) dưới sự kiểm soát của Nhà nước, khuyến khích tư bản nước ngoài đầu tư, kinh doanh ở Nga. Nhà nước nắm các ngành kinh tế chủ chốt : giao thông vận tải, ngân hàng, ngoại thương... Nhà nước chấn chỉnh việc tổ chức, quản lí sản xuất công nghiệp : phần lớn các xí nghiệp chuyển sang chế độ hạch toán kinh tế, cải tiến chế độ tiền lương nhằm nâng cao năng suất lao động.

_ *Trong lĩnh vực thương nghiệp và tiền tệ,* tư nhân được tự do buôn bán, trao đổi ; Nhà nước mở lại các chợ, khôi phục và đẩy mạnh mối liên hệ kinh tế giữa thành thị và nông thôn. Năm 1924, Nhà nước phát hành đồng rúp mới thay cho các loại tiền cũ.

Chính sách kinh tế mới đã đưa nước Nga vượt qua cuộc khủng hoảng kinh tế, chính trị. Chính sách thuế lương thực làm cho nông dân phấn khởi sản xuất, nâng cao năng suất lao động. Sản xuất nông nghiệp được phục hồi nhanh chóng, đảm bảo cung cấp lương thực cho nhân dân và nguồn nông phẩm cho các trung tâm

timdapan.com

Hình 67. *Một ngân hàng do nhà nước quản lí*

công nghiệp. Trên cơ sở đó, sản xuất công nghiệp và hoạt động thương nghiệp được phục hồi và phát triển. Tình hình chính trị, xã hội dần dần ổn định, đời sống nhân dân ngày càng được cải thiện.

Chính sách kinh tế mới thể hiện sự chuyển đổi kịp thời từ nền kinh tế mà Nhà nước nắm độc quyền về mọi mặt sang nền kinh tế với nhiều thành phần và tự do buôn bán, nhưng Nhà nước vẫn nắm các vị trí then chốt để thực hiện vai trò kiểm soát và điều tiết kinh tế. Chính vì thế, Chính sách kinh tế mới đã để lại nhiều kinh nghiệm đối với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở một số nước sau này.

– Vì sao việc thực hiện Chính sách kinh tế mới lại bắt đầu từ nông nghiệp ?

– Dựa vào số liệu năm 1921 và năm 1923 trong bảng thống kê ở mục 1, hãy nêu tác động của Chính sách kinh tế mới đối với nền kinh tế.

3. Sự thành lập Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết

Cuối năm 1922, sau khi lãnh thổ Xô viết được hoàn toàn giải phóng, công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước đòi hỏi các dân tộc phải liên minh chặt chẽ với nhau hơn nhằm tăng cường sức mạnh về mọi mặt. Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Lê-nin, Đại hội lần thứ nhất các xô viết toàn Liên bang, diễn ra cuối tháng 12 – 1922, đã tuyên bố thành lập Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết (gọi tắt là Liên Xô) gồm 4 nước Cộng hoà Xô viết đầu tiên là Nga, U-crai-na, Bê-lô-rút-xi-a và Ngoại Cáp-ca-dơ[1].

Mặc dù có sự chênh lệch về trình độ phát triển kinh tế, về diện tích và dân số giữa các nước cộng hoà, nhưng tư tưởng chỉ đạo cơ bản của Lê-nin trong việc thành lập Liên Xô là sự bình đẳng về mọi mặt và quyền tự quyết của các dân tộc, sự giúp đỡ

(1) Đến năm 1940, Liên Xô bao gồm 15 nước cộng hoà.

timdapan.com

lẫn nhau cùng phát triển vì mục tiêu chung là xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội. Sức mạnh của tình đoàn kết và sự hợp tác giúp đỡ giữa các dân tộc đã tạo điều kiện cho sự phát triển nhanh chóng của tất cả các nước cộng hoà.

Đến cuối năm 1925, nhờ sự nỗ lực của các nước cộng hoà, Liên Xô đã hoàn thành về cơ bản công cuộc khôi phục nền kinh tế sau chiến tranh.

Ngày 21 – 1 – 1924, Lê-nin, lãnh tụ vĩ đại của giai cấp vô sản, người đứng đầu Đảng và Nhà nước Xô viết, qua đời. Đó là một tổn thất vô cùng to lớn đối với nhân dân Liên Xô, giai cấp công nhân quốc tế và các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới. Người kế tục cương vị lãnh đạo Đảng và Nhà nước Liên Xô từ năm 1924 đến năm 1953 là Xta-lin.

? *– Liên bang Xô viết được thành lập như thế nào ?*

– Vai trò của V. I. Lê-nin trong công cuộc khôi phục kinh tế và phát triển đất nước sau chiến tranh.

II – CÔNG CUỘC XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở LIÊN XÔ (1925 – 1941)

1. Những kế hoạch 5 năm đầu tiên

Sau khi hoàn thành công cuộc khôi phục kinh tế, Liên Xô vẫn chưa ra khỏi tình trạng sản xuất lạc hậu, với nền nông nghiệp chiếm trên 2/3 tổng sản phẩm quốc dân. Để xây dựng chủ nghĩa xã hội, nhân dân Liên Xô phải thực hiện nhiệm vụ công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa.

Không chỉ có công nhân mà cả nông dân cũng ủng hộ phát triển ngành công nghiệp nặng. Họ quan tâm làm sao có nhiều máy kéo, nhiều ô tô, nhiều máy liên hợp, nhiều phân bón, năng lượng điện và nhờ đó phát triển sản xuất nông nghiệp, nâng cao mức sống. Những năm đầu sau cách mạng, trong danh mục hàng cần phải mua của nước ngoài có cả cái cuốc, một dụng cụ thông thường mà chỉ cần trong nửa giờ bất kì lò rèn nào ở nông thôn cũng làm được...

Đại hội lần thứ XIV Đảng Bônsêvích (12 – 1925) đã xác định đường lối và nhiệm vụ cơ bản của công cuộc công nghiệp hoá, nhằm biến Liên Xô từ nước nông nghiệp trở thành nước công nghiệp. Trọng tâm của công nghiệp hoá là phát triển công nghiệp nặng, gồm các ngành : công nghiệp chế tạo máy móc và công cụ, công nghiệp năng lượng (điện, than, dầu mỏ...), công nghiệp khai khoáng, công nghiệp quốc phòng.

timdapan.com

Trong 2 năm đầu tiên tiến hành công nghiệp hoá (1926 – 1927), Liên Xô đã từng bước giải quyết thành công các vấn đề vốn đầu tư, đào tạo cán bộ kĩ thuật, công nhân lành nghề… và thu được những thành tích quan trọng. Sản xuất công nghiệp chiếm 42% trong nền kinh tế quốc dân, đạt tốc độ phát triển 18%. Kế hoạch điện khí hoá (GOELRO) do Lê-nin đề ra từ năm 1920 đã được triển khai thắng lợi.

Công cuộc công nghiệp hoá ngày càng mở rộng về quy mô, đòi hỏi phải có những kế hoạch dài hạn, với những mục tiêu cụ thể cho từng thời kì. Đó là những kế hoạch 5 năm phát triển kinh tế – xã hội.

Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1928 – 1932) có mục tiêu cơ bản là biến Liên Xô từ một nước nông nghiệp trở thành một nước công nghiệp, có khả năng trang bị lại kĩ thuật cho nền kinh tế quốc dân. Trong nông nghiệp, nhiệm vụ cơ bản là tiến hành tập thể hoá, đưa nông dân vào con đường làm ăn tập thể. Việc hoàn thành kế hoạch 5 năm lần thứ nhất trước thời hạn 9 tháng là bước mở đầu thắng lợi của việc thực hiện các kế hoạch 5 năm tiếp theo, đưa Liên Xô từ một nước nông nghiệp trở thành một nước công nghiệp. Sản xuất công nghiệp chiếm 70,7% tổng sản phẩm quốc dân. Công cuộc tập thể hoá nông nghiệp được hoàn thành về cơ bản.

Kế hoạch 5 năm lần thứ hai (1933 _ 1937) nhằm tiếp tục công cuộc công nghiệp hoá, hoàn thành việc trang bị cơ sở kĩ thuật hiện đại cho toàn bộ nền kinh tế quốc dân, hoàn thành tập thể hoá nông nghiệp trong cả nước. Kế hoạch 5 năm lần thứ hai đã hoàn thành trước thời hạn 9 tháng.

Hình 68. *Lược đồ Liên Xô năm 1940*

timdapan.com

Với khẩu hiệu "Vượt trước thời gian", hàng triệu người dân Liên Xô đã lao động quên mình để hoàn thành những nhiệm vụ của kế hoạch 5 năm.

Hình 69. *Nhà máy liên hợp luyện kim Ma-nhi-tô-goóc-xcơ đồợc xây dựng trong những năm 1929 _ 1934*

Ngày 31 – 8 – 1935, người thợ mỏ A. Xta-kha-nốp đã khai thác được 102 tấn than trong một ca, gấp 14 lần định mức, đạt kỉ lục thế giới về năng suất lao động. Kỉ lục này đã khởi đầu cho phong trào thi đua Xta-kha-nốp lan rộng khắp đất nước.

? – *Hãy cho biết vì sao để xây dựng chủ nghĩa xã hội, nhân dân Liên Xô phải thực hiện nhiệm vụ công nghiệp hoá.*

– *Các kế hoạch 5 năm lần thứ nhất và lần thứ hai nhằm đạt những mục tiêu gì ?*

2. Những thành tựu của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội

Qua 2 kế hoạch 5 năm, công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội đã đạt được nhiều thành tựu to lớn, đưa Liên Xô từ một nước nông nghiệp lạc hậu trở thành một cường quốc công nghiệp xã hội chủ nghĩa. Năm 1937, sản lượng công nghiệp chiếm 77,4% tổng sản phẩm quốc dân.

Về nông nghiệp, 93% số nông hộ với trên 90% diện tích canh tác đã được đưa vào nền nông nghiệp tập thể hoá, có quy mô sản xuất lớn và cơ sở vật chất – kĩ thuật được cơ giới hoá.

timdapan.com

Bảng thống kê sản lượng một số sản phẩm công nghiệp của Liên Xô (1929 _ 1940) *(đơn vị : triệu tấn)*

Sản phẩm \ Năm	1929	1938	1940
Than	40,1	132,9	164,9
Gang	8,0	26,3	14,9
Thép	4,9	18,0	18,4

Bảng thống kê sản lượng một số sản phẩm công nghiệp của Liên Xô, Anh và Pháp năm 1940

Ngành \ nước	Gang (triệu tấn)	Thép (triệu tấn)	Than (triệu tấn)	Điện (triệu kW/giờ)
Liên Xô	14,9	18,4	164,9	39,6
Anh	6,7	10,3	227,0	30,7
Pháp	6,0	16,1	45,5	19,3

Hình 70. *Liên minh công nông _ biểu tượng sức mạnh đoàn kết của Liên bang Xô viết*

Về văn hoá, giáo dục, Liên Xô đã thanh toán được nạn mù chữ, xây dựng hệ thống giáo dục quốc dân thống nhất, hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học trong cả nước và thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở ở các thành phố. Đội ngũ trí thức Xô viết lên tới 10 triệu người vào năm1937.

Cùng với những biến đổi về kinh tế, cơ cấu giai cấp trong xã hội cũng có thay đổi to lớn. Các giai

timdapan.com

cấp bóc lột bị xoá bỏ, chỉ còn lại hai giai cấp lao động là công nhân và nông dân tập thể cùng tầng lớp trí thức xã hội chủ nghĩa.

Từ năm 1937, nhân dân Liên Xô tiếp tục thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ ba, nhưng công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội tạm thời bị gián đoạn bởi cuộc chiến tranh xâm lược của phát xít Đức.

Trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, Liên Xô cũng phạm một số sai lầm, thiếu sót như : nóng vội, quan liêu, mệnh lệnh, không tôn trọng đầy đủ quy luật phát triển khách quan về kinh tế... Tuy vậy, công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô trong những năm 1925 – 1941 vẫn đạt được những thành tựu to lớn, tạo nên những biến đổi về nhiều mặt, có lợi cho nhân dân.

– Qua hai bảng thống kê trên, em có nhận xét gì về thành tựu mà Liên Xô đạt được trong lĩnh vực công nghiệp ?

– Nêu những thành tựu của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô qua hai kế hoạch 5 năm.

3. Quan hệ ngoại giao của Liên Xô

Trung thành với nguyên tắc ngoại giao cùng tồn tại hoà bình, sau Cách mạng tháng Mười, Chính quyền Xô viết đã từng bước thiết lập quan hệ ngoại giao với một số nước láng giềng ở châu Á như : I-ran, Thổ Nhĩ Kì, Mông Cổ, Trung Quốc... và châu Âu như : E-xtô-ni-a, Lít-va, Lát-vi-a, Phần Lan, Ba Lan... Mặc dù, tồn tại trong vòng vây thù địch của chủ nghĩa tư bản thế giới, Liên Xô đã kiên trì và bền bỉ đấu tranh trong quan hệ quốc tế, nhằm phá vỡ chính sách bao vây, cô lập về kinh tế và ngoại giao của các nước đế quốc.

Bằng những biện pháp đấu tranh kiên quyết và mềm dẻo, chỉ trong vòng 4 năm (1922 – 1925), Liên Xô đã được các cường quốc tư bản như : Đức, Anh, I-ta-li-a, Pháp, Nhật Bản lần lượt công nhận và thiết lập quan hệ ngoại giao. Đầu năm 1925, Liên Xô đã thiết lập quan hệ ngoại giao chính thức với hơn 20 quốc gia trên thế giới. Đó là thắng lợi to lớn của nền ngoại giao Xô viết, khẳng định uy tín ngày càng cao của Liên Xô trên trường quốc tế. Đến năm 1933, Mĩ cũng phải thừa nhận và thiết lập quan hệ ngoại giao với Liên Xô.

Từ năm 1922 đến năm 1933, Liên Xô đã đạt được những kết quả gì trong quan hệ ngoại giao ?

timdapan.com

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. Lập bảng so sánh những nội dung chủ yếu của Chính sách cộng sản thời chiến và Chính sách kinh tế mới.
2. Hãy nêu những biến đổi về mọi mặt của Liên Xô sau hai kế hoạch 5 năm đầu tiên.

PHẦN ĐỌC THÊM

Về Chính sách kinh tế mới

Thực chất của Chính sách kinh tế mới... là sự liên minh của giai cấp vô sản với nông dân, là sự liên minh giữa đội tiên phong của giai cấp vô sản với quảng đại quần chúng nông dân.

(Theo : V. I. Lê-nin, *Toàn tập*, Tập 44, NXB Tiến bộ, M., 1978, tr. 395 – 396)

Về các kế hoạch 5 năm xây dựng chủ nghĩa xã hội

Các công trường xây dựng mới của các kế hoạch 5 năm đầu tiên đều bắt đầu giống nhau : từ lều bạt, nhà hầm, lán gỗ và những người công nhân với công cụ chủ yếu là xẻng, cuốc chim, xà beng, xe ba gác. Không có những cần cẩu cao, xe ủi công suất lớn và ô tô tự đổ quen thuộc như ngày nay. Nhưng đã có những con người mà trong tay họ những công cụ thô sơ đã trở thành những đòn bẩy mạnh mẽ lật nhào thế giới cũ. Những con người đó đã thực hiện thắng lợi kế hoạch của Lê-nin về điện khí hoá nước Nga. Vượt qua gió lạnh và bão tuyết, trong vòng chưa đầy 5 năm (1928 – 1932) họ đã xây dựng Nhà máy thuỷ điện Đơ-nhi-ép lớn nhất châu Âu lúc đó mà các chuyên gia nước ngoài cho rằng phải mất ít nhất 8 năm mới xây dựng xong. Bằng đôi tay của mình, họ đã xây dựng nên những lò cao của Nhà máy liên hợp luyện kim Ma-nhi-tô-goóc-xcơ, năm 1932 đã sản xuất hàng triệu tấn thép...

Chính quyền Xô viết bắt tay vào việc giải quyết vấn đề giáo dục muộn hơn nhiều so với các nước tư bản phát triển. Ví dụ, ở Mĩ, đạo luật về phổ cập giáo dục được thông qua trong những năm 1852 – 1900, ở Pháp – năm 1882, ở Anh – năm 1870. Nhưng nhịp độ thực hiện đạo luật này ở Nga nhanh hơn nhiều so với bất kì một nước phương Tây nào.

(Theo : A. Nê-na-rô-cốp, Sđd, tr. 353, 354, 361)

timdapan.com

Chương VIII

CÁC NƯỚC TƯ BẢN CHỦ NGHĨA GIỮA HAI CUỘC CHIẾN TRANH THẾ GIỚI (1918 _ 1939)

Bài 25 KHÁI QUÁT VỀ CÁC NƯỚC TƯ BẢN CHỦ NGHĨA GIỮA HAI CUỘC CHIẾN TRANH THẾ GIỚI (1918 _ 1939)

Trong vòng 20 năm giữa hai cuộc chiến tranh thế giới, chủ nghĩa tư bản đã trải qua những bước thăng trầm và biến động. Nếu như trong hơn 10 năm đầu (1918 – 1929), các nước tư bản từng bước ổn định và đạt được mức tăng trưởng cao về kinh tế, thì trong 10 năm sau (1929 – 1939) đã lâm vào cuộc khủng hoảng trầm trọng, dẫn tới chiến tranh thế giới.

I – CÁC NƯỚC TƯ BẢN CHỦ NGHĨA TRONG NHỮNG NĂM 1918 – 1929

1. Những nét chung

Chiến tranh thế giới thứ nhất kết thúc, các nước tư bản đã tổ chức Hội nghị hoà bình ở Véc-xai (1919 – 1920) và Oa-sinh-tơn (1921 – 1922) để kí kết hoà ước và các hiệp ước phân chia quyền lợi. Một trật tự thế giới mới được thiết lập thông qua các văn kiện được kí kết tại Véc-xai và Oa-sinh-tơn, thường được gọi là *hệ thống Vécxai _ Oasinhtơn*.

Với hệ thống Vécxai – Oasinhtơn, trật tự thế giới mới được thiết lập, phản ánh so sánh lực lượng mới giữa các nước tư bản. Các nước thắng trận, trước hết là Anh, Pháp, Mĩ, I-ta-li-a, Nhật Bản, giành được nhiều quyền lợi về kinh tế và xác lập sự áp đặt, nô dịch đối với các nước bại trận, đặc biệt là các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc. Đồng thời, ngay giữa các nước tư bản thắng lợi cũng nảy sinh những bất đồng do mâu thuẫn về quyền lợi. Chính vì thế, quan hệ hoà bình giữa các nước tư bản trong thời gian này chỉ là tạm thời và mỏng manh.

timdapan.com

Nhằm duy trì trật tự thế giới mới, Hội Quốc liên – một tổ chức chính trị mang tính quốc tế đầu tiên – được thành lập với sự tham gia của 44 nước thành viên.

Hình 71. Sự thay đổi bản đồ chính trị châu Âu theo hệ thống Vécxai _ Oasinhtơn

Trong 10 năm đầu sau chiến tranh, các nước tư bản đều trải qua 2 giai đoạn phát triển : giai đoạn 1918 – 1923 và giai đoạn 1924 – 1929.

Trong những năm 1918 – 1923, phần lớn các nước tư bản (trừ Mĩ) đều lâm vào cuộc khủng hoảng kinh tế, chính trị, biểu hiện ở sự suy sụp về kinh tế và cao trào cách mạng bùng lên mạnh mẽ ở châu Âu cũng như ở nhiều nước thuộc địa và phụ thuộc.

Trong những năm 1924 – 1929, các nước tư bản bước vào thời kì ổn định về chính trị và đạt mức tăng trưởng cao về kinh tế. Nhiều ngành công nghiệp vượt xa mức trước chiến tranh, như khai thác nhiên liệu, luyện kim... Một số ngành công nghiệp mới, như điện lực, sản xuất ô tô, máy bay, hoá chất..., phát triển nhanh chóng. Tuy nhiên, sự phát triển kinh tế diễn ra không đồng đều giữa các nước tư bản.

timdapan.com

Bảng thống kê sản lượng than và thép của một số nước tư bản châu Âu (1920 _ 1939) *(Đơn vị : triệu tấn)*

Nước	Than				Thép			
	1920	*1929*	*1933*	*1939*	*1920*	*1929*	*1933*	*1939*
Anh	233,0	262,0	210,0	235,0	9,2	9,8	7,1	13,4
Pháp	25,3	55,0	48,0	50,2	2,7	9,7	6,5	8,0
Đức	22,0	337,0	237,0	400,0	7,8	16,2	7,6	23,7

? *– Dựa vào lược đồ, hãy so sánh sự thay đổi lãnh thổ các nước châu Âu năm 1923 so với năm 1914.*

– Nêu nhận xét về sự phát triển sản xuất công nghiệp của một số tư bản châu Âu qua số liệu của các năm 1920 và 1929.

2. Phong trào cách mạng 1918 – 1929 ở các nước tư bản

Do hậu quả của Chiến tranh thế giới thứ nhất và tác động của Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917, một cao trào cách mạng đã bùng nổ ở hầu khắp các nước tư bản châu Âu trong những năm 1918 – 1923.

Phong trào đấu tranh không chỉ dừng lại ở những yêu sách kinh tế mà còn nhằm ủng hộ nước Nga Xô viết. Đỉnh cao của phong trào là sự thành lập các nước Cộng hoà Xô viết ở Hung-ga-ri (3 – 1919), ở Ba-vi-e (Đức, 4 – 1919), thể hiện khát vọng của quần chúng lao động về một xã hội công bằng, dân chủ. Tuy không giành được thắng lợi, nhưng phong trào đã để lại những bài học kinh nghiệm quý báu cho cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân.

Sau cao trào cách mạng 1918 – 1923, từ năm 1924, các nước tư bản bước vào thời kì ổn định, phong trào công nhân tạm thời lắng xuống. Tuy thế các cuộc bãi công đòi cải thiện điều kiện làm việc, chế độ tiền lương, đòi tự do, dân chủ vẫn tiếp diễn. Cuộc tổng bãi công của công nhân Anh tháng 5 – 1926 với sự tham gia của 5 triệu người, làm tê liệt các khu công nghiệp lớn của nước Anh là một sự kiện điển hình.

Hình 72. *Cuộc tổng bãi công của công nhân đường sắt ở Pa-ri ngày 1 _ 5 _ 1920*

timdapan.com

Nêu những nét nổi bật của cao trào cách mạng 1918 – 1923 ở các nước tư bản châu Âu.

3. Quốc tế Cộng sản

Trong cao trào cách mạng 1918 – 1923, các đảng cộng sản đã được thành lập ở nhiều nước như Đức, Áo, Hung-ga-ri, Ba Lan, Phần Lan, Ác-hen-ti-na... Sự phát triển của cách mạng thế giới đòi hỏi phải có một tổ chức quốc tế để tập hợp lực lượng và chỉ đạo phong trào theo một đường lối đúng đắn. Thắng lợi của Cách mạng tháng Mười Nga và sự tồn tại của Nhà nước Xô viết là điều kiện thuận lợi để thực hiện yêu cầu đó.

Với những nỗ lực của V.I. Lê-nin và một số nhà hoạt động cách mạng quốc tế, Đại hội thành lập Quốc tế Cộng sản (còn gọi là Quốc tế thứ ba) được tiến hành tại Mát-xcơ-va tháng 3 – 1919. Trong thời gian tồn tại từ năm 1919 đến năm 1943, Quốc tế Cộng sản đã tiến hành 7 lần đại hội, đề ra đường lối cách mạng phù hợp với từng thời kì phát triển của cách mạng thế giới.

Đại hội II (1920) giữ một vị trí nổi bật trong lịch sử hoạt động của Quốc tế Cộng sản với việc thông qua *Luận cương về vai trò của Đảng Cộng sản*, *Luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa*, do Lê-nin khởi thảo.

Tại Đại hội VII (1935), Quốc tế cộng sản đã chỉ rõ nguy cơ của chủ nghĩa phát xít và kêu gọi các đảng Cộng sản tích cực đấu tranh thành lập các mặt trận thống nhất công nhân và các lực lượng tiến bộ nhằm mục tiêu chống phát xít, chống chiến tranh.

Năm 1943, trước những thay đổi của tình hình thế giới, Quốc tế Cộng sản tuyên bố tự giải tán, sau khi đã có những đóng góp to lớn trong phong trào cách mạng thế giới.

Qua các nội dung hoạt động của Đại hội II và Đại hội VII, hãy nhận xét về vai trò của Quốc tế Cộng sản đối với phong trào cách mạng thế giới.

II – CÁC NƯỚC TƯ BẢN CHỦ NGHĨA TRONG NHỮNG NĂM 1929 _ 1939

1. Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới 1929 _ 1933 và hậu quả của nó

Trong những năm 1924 – 1929, các nước tư bản bước vào thời kì ổn định về chính trị và đạt mức tăng trưởng cao về kinh tế. Tuy nhiên, sự phát triển kinh tế diễn ra không đồng đều giữa các nước tư bản. Hơn nữa, sự phát triển kinh tế mạnh mẽ nhưng thiếu kế hoạch, không tương xứng với sự cải thiện đời sống của đa số nhân dân, đã dẫn tới khủng hoảng kinh tế.

timdapan.com

Tháng 10 – 1929, khủng hoảng kinh tế bùng nổ ở Mĩ, sau đó lan ra toàn bộ thế giới tư bản, chấm dứt thời kì ổn định và tăng trưởng của chủ nghĩa tư bản. Cuộc khủng hoảng kéo dài gần 4 năm, trầm trọng nhất là năm 1932.

Cuộc khủng hoảng chẳng những tàn phá nền kinh tế mà còn gây ra những hậu quả nặng nề về chính trị, xã hội. Hàng chục triệu công nhân thất nghiệp, nông dân mất ruộng đất, sống trong cảnh nghèo đói, túng quẫn. Những cuộc đấu tranh, biểu tình, tuần hành của những người thất nghiệp diễn ra ở khắp các nước.

Hình 73. *Một cuộc đi bộ của công nhân Anh từ Gia-râu đến Luân Đôn đòi việc làm*

Khủng hoảng kinh tế đã đe doạ nghiêm trọng sự tồn tại của chủ nghĩa tư bản. Để cứu vãn tình thế, các nước tư bản phải xem xét lại con đường phát triển của mình. Trong khi các nước Mĩ, Anh, Pháp tiến hành những cải cách kinh tế – xã hội để khắc phục hậu quả của cuộc khủng hoảng và đổi mới quá trình quản lí, tổ chức sản xuất thì các nước Đức, I-ta-li-a, Nhật Bản lại tìm kiếm lối thoát bằng những hình thức thống trị mới. Đó là việc thiết lập các chế độ độc tài phát xít – nền chuyên chính khủng bố công khai của những thế lực phản động nhất, hiếu chiến nhất.

Đức, I-ta-li-a, Nhật Bản là những nước có ít thuộc địa, ngày càng thiếu vốn, thiếu nguyên liệu và thị trường, đã đi theo con đường phát xít hoá chế độ chính trị để cứu vãn tình trạng khủng hoảng nghiêm trọng của mình. Quan hệ giữa các cường quốc tư bản chuyển biến ngày càng phức tạp. Sự hình thành hai khối đế quốc đối lập : một bên là Mĩ, Anh, Pháp với một bên là Đức, I-ta-li-a, Nhật Bản và cuộc chạy đua vũ trang diễn ra ráo riết đã báo hiệu nguy cơ của một cuộc chiến tranh thế giới mới.

? *Nguy cơ của một cuộc chiến tranh thế giới mới xuất hiện như thế nào ?*

2. Phong trào Mặt trận Nhân dân chống phát xít và nguy cơ chiến tranh

Ngay từ đầu những năm 30 của thế kỉ XX, dưới sự chỉ đạo của Quốc tế Cộng sản và các đảng cộng sản, phong trào chống phát xít, chống nguy cơ chiến tranh

timdapan.com

lan rộng ở nhiều nước. Những người cộng sản đã thiết lập được sự thống nhất hành động với các đảng xã hội dân chủ, các lực lượng yêu nước, thành lập Mặt trận Nhân dân chống chủ nghĩa phát xít ở Pháp, I-ta-li-a, Tiệp Khắc, Hi Lạp, Tây Ban Nha và nhiều nước khác.

Hình 74. *Lê-ông Bơ-lum (phải) _ người đứng đầu Chính phủ Mặt trận Nhân dân Pháp năm 1936*

Thắng lợi của Mặt trận Nhân dân Pháp trong những năm 1936 – 1939 là sự kiện nổi bật trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa phát xít. Trong cuộc tổng tuyển cử tháng 5 – 1936, Mặt trận Nhân dân Pháp giành được thắng lợi và thành lập chính phủ do Lê-ông Bơ-lum đứng đầu. Phong trào Mặt trận Nhân dân đã bảo vệ được nền dân chủ, đưa nước Pháp vượt qua hiểm hoạ của chủ nghĩa phát xít.

Ở Tây Ban Nha, Mặt trận Nhân dân cũng giành được thắng lợi trong cuộc tổng tuyển cử và Chính phủ Mặt trận Nhân dân được thành lập vào tháng 2 – 1936. Tuy nhiên, trước ảnh hưởng ngày càng lớn của những người cộng sản trong Chính phủ và các biện pháp cải cách tiến bộ, các nước đế quốc đã tăng cường giúp đỡ thế lực phát xít do Phran-cô cầm đầu gây nội chiến, nhằm thủ tiêu nền cộng hoà.

Cuộc chiến tranh chống phát xít của nhân dân Tây Ban Nha (1936 – 1939) nhận được sự ủng hộ to lớn của phong trào cách mạng thế giới. 35 000 chiến sĩ từ 53 quốc gia trên thế giới đã tình nguyện chiến đấu bảo vệ nước Cộng hoà Tây Ban Nha. Tuy nhiên, do so sánh lực lượng giữa cách mạng và phản cách mạng quá chênh lệch, do sự can thiệp của phát xít Đức, I-ta-li-a và sự nhượng bộ của các nước tư bản, cuộc chiến tranh chống phát xít của nhân dân Tây Ban Nha cuối cùng bị thất bại.

? *Mặt trận Nhân dân Pháp đã giành được thắng lợi như thế nào ?*

timdapan.com

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. Trình bày các giai đoạn phát triển chính của chủ nghĩa tư bản giữa hai cuộc chiến tranh thế giới (1918 – 1939).
2. Nêu những hậu quả về chính trị, xã hội của cuộc khủng hoảng kinh tế (1929 – 1933) đối với các nước tư bản.
3. Phong trào Mặt trận Nhân dân chống phát xít và nguy cơ chiến tranh diễn ra như thế nào ?

PHẦN ĐỌC THÊM

Về chủ nghĩa phát xít

Chủ nghĩa phát xít là nền chuyên chính khủng bố công khai của những phần tử phản động nhất, sôvanh nhất, đế quốc chủ nghĩa nhất của tư bản tài chính…

Việc chủ nghĩa phát xít lên nắm quyền không phải là một sự thay thế thường lệ của một chính phủ tư sản này cho một chính phủ tư sản khác, mà đó là sự thay thế một hình thức nhà nước thống trị giai cấp của giai cấp tư sản – chế độ dân chủ tư sản, bằng một hình thức khác của sự thống trị ấy, là chế độ chuyên chính khủng bố công khai.

Về Mặt trận Nhân dân chống phát xít

Điều chủ yếu, điều quyết định để thiết lập Mặt trận Nhân dân chống phát xít, chính là hành động kiên quyết của giai cấp vô sản cách mạng để bảo vệ những yêu sách của các tầng lớp xã hội và đặc biệt là của giai cấp nông dân lao động, những yêu sách ấy phù hợp với những lợi ích cơ bản của giai cấp vô sản và cần phải được kết hợp với những yêu sách của giai cấp công nhân trong quá trình đấu tranh.

(Theo : G. Đi-mi-tơ-rốp, *Tuyển tập*, NXB Sự thật, H., 1962)

Bài 26 NƯỚC ĐỨC GIỮA HAI CUỘC CHIẾN TRANH THẾ GIỚI (1918 _ 1939)

Sau thất bại nặng nề của Đức trong Chiến tranh thế giới thứ nhất, một cao trào cách mạng bùng nổ và lan rộng khắp nước Đức vào những năm 1918 – 1923. Cuộc khủng hoảng kinh tế (1929 – 1933) đã chấm dứt thời kì phục hồi ngắn ngủi của nền kinh tế và đưa đất nước bước vào một thời kì đen tối : thời kì thống trị và chuẩn bị phát động chiến tranh thế giới của chủ nghĩa phát xít Đức.

timdapan.com

I – NƯỚC ĐỨC TRONG NHỮNG NĂM 1918 – 1929

1. Nước Đức và cao trào cách mạng 1918 _ 1923

Cuối năm 1918, nước Đức bại trận hoàn toàn, bị suy sụp về kinh tế, chính trị và quân sự. Tai hoạ của chiến tranh làm cho mâu thuẫn xã hội ngày càng gay gắt, dẫn tới sự bùng nổ cuộc Cách mạng dân chủ tư sản tháng 11 – 1918.

Cách mạng bùng nổ ngày 3 – 11 – 1918 bằng cuộc khởi nghĩa của thuỷ thủ ở Ki-en. Chỉ trong vòng 1 tuần lễ, cách mạng lan rộng ra cả nước. Vua Đức Vin-hem II buộc phải thoái vị, nền quân chủ bị lật đổ. Theo gương cách mạng Nga, các xô viết đại biểu công nhân và binh lính được thành lập. Tuy nhiên, cuối cùng mọi thành quả cách mạng lại rơi vào tay giai cấp tư sản. Mùa hè năm 1919, Quốc hội Lập hiến đã họp tại thành phố Vai-ma, thông qua Hiến pháp, đặt cơ sở pháp lí cho sự thiết lập chế độ cộng hoà ở Đức – thường được gọi là nền *Cộng hoà Vaima*.

Tháng 6 – 1919, Chính phủ Đức buộc phải kí kết Hoà ước Vécxai với những điều kiện hết sức nặng nề. Việc thực hiện hoà ước này làm cho đất nước vốn đã kiệt quệ sau 4 năm chiến tranh càng trở nên rối loạn.

Hình 75. *Lạm phát ở Đức _ trẻ em làm diều bằng những đồng mác mất giá vào đầu năm 1920*

Với Hoà ước Vécxai, nước Đức mất đi 1/8 diện tích đất đai, 1/12 dân số, 1/3 mỏ sắt, 1/3 mỏ than, 2/5 sản lượng gang, 1/3 sản lượng thép và một khoản bồi thường chiến phí khổng lồ... Toàn bộ gánh nặng của Hoà ước đè nặng lên vai quần chúng lao động. Nước Đức lâm vào cuộc khủng hoảng kinh tế, tài chính tồi tệ chưa từng thấy. Đồng mác sụt giá nghiêm trọng (năm 1914 : 1 đôla Mĩ tương đương 4,2 mác, tháng 9 – 1923 : 1 đôla Mĩ tương đương 98 860 000 mác).

Trong bối cảnh đó, cuộc đấu tranh của nhân dân lao động tiếp tục dâng cao. Đảng Cộng sản Đức (thành lập tháng 12 – 1918) đã trực tiếp chỉ đạo cách mạng. Phong trào lan rộng trong toàn quốc và kéo dài đến cuối năm 1923.

timdapan.com

Tháng 4 – 1919, công nhân thành phố Muy-ních (thủ phủ của vùng Ba-vi-e) nổi dậy khởi nghĩa giành chính quyền, thiết lập nước Cộng hoà Xô viết Ba-vi-e. Tuy chỉ tồn tại trong một thời gian ngắn, nhưng sự ra đời của nước Cộng hoà Xô viết Ba-vi-e là đỉnh cao của cao trào cách mạng 1918 – 1923 ở Đức.

Tháng 10 – 1923, cuộc khởi nghĩa vũ trang ở Hăm-buốc bùng nổ dưới sự lãnh đạo của những người cộng sản. Khởi nghĩa Hăm-buốc là âm hưởng cuối cùng của bão táp cách mạng vô sản ở Đức.

Em có nhận xét gì về tình hình nước Đức trong những năm 1918 – 1923 ?

2. Những năm ổn định tạm thời (1924 – 1929)

Cuối năm 1923, nước Đức đã vượt qua thời kì khủng hoảng kinh tế và chính trị sau chiến tranh. Chính quyền tư sản đã đẩy lùi phong trào cách mạng của quần chúng, từng bước khắc phục tình trạng hỗn loạn về tài chính, tạo đà cho nền kinh tế khôi phục và phát triển.

Với sự ủng hộ và tiếp sức của các nước Mĩ, Anh, thông qua kế hoạch Đa-oét (1924) và Y-ơng (1928), giai cấp tư sản Đức đã sử dụng những khoản tiền vay để hiện đại hoá nền công nghiệp, nâng cao năng lực sản xuất. Từ năm 1925, sản xuất công nghiệp Đức phát triển mạnh và đến năm 1929 đã vượt qua Anh, Pháp, đứng đầu châu Âu. Quá trình tập trung sản xuất diễn ra mạnh mẽ, các tập đoàn tư bản độc quyền lớn xuất hiện, thâu tóm những ngành kinh tế chính của nước Đức.

Về chính trị, chế độ Cộng hoà Vaima được củng cố, quyền lực của giới tư bản độc quyền được tăng cường. Chính phủ tư sản thi hành chính sách đàn áp phong trào đấu tranh của công nhân. Các đảng tư sản công khai tuyên truyền tư tưởng phục thù cho nước Đức. Về đối ngoại, vị trí quốc tế của nước Đức dần dần được phục hồi với việc nước này tham gia Hội Quốc liên, kí kết một số hiệp ước với các nước tư bản châu Âu và Liên Xô.

Nêu những điểm nổi bật của tình hình nước Đức trong những năm 1924 – 1929.

II – NƯỚC ĐỨC TRONG NHỮNG NĂM 1929 – 1939

1. Khủng hoảng kinh tế và sự thiết lập chế độ phát xít của Đảng Quốc xã

Cuộc khủng hoảng kinh tế (1929 – 1933) đã giáng đòn nặng nề vào nền kinh tế Đức. Sau 3 năm đình trệ, năm 1932 sản xuất công nghiệp giảm 47% so với trước

timdapan.com

khủng hoảng. Hàng nghìn nhà máy, xí nghiệp phải đóng cửa. Số người thất nghiệp tăng vọt. Hàng triệu người lao động ở thành thị và nông thôn lâm vào cảnh nghèo đói và thất nghiệp.

Số ngđời thất nghiệp ở Đức :

Năm	1928	1930	1932
Số người	1 368 000	3 076 000	5 250 000

Mâu thuẫn xã hội và cuộc đấu tranh của quần chúng lao động đã dẫn tới khủng hoảng chính trị trầm trọng. Giai cấp tư sản cầm quyền không đủ sức mạnh để duy trì chế độ cộng hoà tư sản, không thể đưa đất nước vượt qua cuộc khủng hoảng.

Trong bối cảnh đó, các thế lực phản động hiếu chiến, đặc biệt là Đảng Công nhân quốc gia xã hội (gọi tắt là Đảng Quốc xã, thành lập năm 1919) đã tăng cường các hoạt động tuyên truyền mị dân, nhằm mở rộng ảnh hưởng trong quần chúng. Các thủ lĩnh Đảng Quốc xã, đứng đầu là Hít-le, đã lợi dụng tâm lí bất mãn của người dân Đức đối với Hoà ước Vécxai để kích động chủ nghĩa phục thù, chủ nghĩa chống cộng và phân biệt chủng tộc, chủ trương phát xít hoá bộ máy nhà nước, thiết lập chế độ độc tài khủng bố công khai.

Hình 76. *Tổng thống Hin-đen-bua trao quyền Thủ tớớng cho Hít-le ngày 30 _ 1 _ 1933*

Trong khi giới đại tư bản ngày càng ủng hộ lực lượng phát xít, Đảng Cộng sản Đức đã chỉ rõ chủ nghĩa phát xít là nguy cơ lớn đối với nhân dân Đức và kêu gọi quần chúng đấu tranh thành lập Mặt trận thống nhất chống phát xít. Tuy nhiên, Đảng Xã hội dân chủ – đảng có ảnh hưởng lớn trong nhân dân lao động – đã từ chối hợp tác với những người cộng sản. Điều đó đã tạo điều kiện cho các thế lực phát xít lên cầm quyền ở Đức. Ngày 30 – 1 – 1933, Tổng thống Hin-đen-bua chỉ định Hít-le làm Thủ tướng và thành lập chính phủ mới, mở ra một thời kì đen tối trong lịch sử nước Đức.

? *Vì sao chủ nghĩa phát xít thắng thế ở Đức ?*

timdapan.com

2. Nước Đức trong những năm 1933 – 1939

Sau khi nắm chính quyền, Chính phủ Hít-le ráo riết thiết lập nền chuyên chính độc tài, công khai khủng bố các đảng phái dân chủ tiến bộ, trước hết là Đảng Cộng sản Đức.

Tháng 3 – 1933, Hít-le nắm trong tay cả quyền hành pháp và lập pháp, mọi hoạt động không bị Quốc hội kiểm soát. Sau khi vu cáo những người cộng sản trong vụ đốt cháy nhà Quốc hội, Chính quyền phát xít đặt Đảng Cộng sản ra ngoài vòng pháp luật và bắt giam 10 vạn đảng viên cộng sản. Tất cả các đảng phái đều bị giải tán, hàng nghìn nhà khoa học, văn nghệ sĩ bị trục xuất khỏi nước Đức. Năm 1934, Hin-đen-bua qua đời, Hít-le tuyên bố huỷ bỏ Hiến pháp Vaima, tự xưng là Quốc trưởng suốt đời. Chế độ Cộng hoà Vaima hoàn toàn sụp đổ.

Về kinh tế, chính quyền phát xít tiến hành tổ chức nền kinh tế theo hướng tập trung, mệnh lệnh, nhằm phục vụ nhu cầu quân sự. Tháng 7 – 1933, Hít-le thành lập Tổng hội đồng kinh tế, bao gồm đại diện của nhà nước phát xít và 18 tập đoàn tư bản độc quyền lớn nhất, thâu tóm toàn bộ đời sống kinh tế đất nước.

Dưới sự điều hành của Tổng hội đồng kinh tế, các ngành công nghiệp dần dần được phục hồi và hoạt động hết sức khẩn trương, đặc biệt là ngành công nghiệp quân sự. Các ngành giao thông vận tải, xây dựng đường sá được tăng cường để giải quyết nạn thất nghiệp và phục vụ nhu cầu quân sự. Nông nghiệp cũng được cải tổ theo hướng phục vụ chiến tranh. Nền kinh tế Đức thoát khỏi khủng hoảng : năm 1938, tổng sản lượng công nghiệp tăng 28% so với trước khủng hoảng và vượt qua một số nước tư bản châu Âu.

Bảng thống kê sản lỡợng một số sản phẩm công nghiệp của Anh, Pháp, I-ta-li-a, Đức năm 1937

Sản phẩm	Nỡớc			
	Anh	*Pháp*	*I-ta-li-a*	*Đức*
Than (triệu tấn)	244,3	45,5	1,6	239,9
Điện (tỉ kW/giờ)	33,1	20,0	15,4	49,0
Sắt (triệu tấn)	4,3	11,5	0,5	2,8
Thép (triệu tấn)	13,2	7,9	2,1	19,8
Ô tô (nghìn chiếc)	493,0	200,0	78,0	351,0

Về đối ngoại, chính quyền Hít-le tăng cường các hoạt động chuẩn bị chiến tranh. Tháng 10 – 1933, nước Đức tuyên bố rút khỏi Hội Quốc liên để được tự do hành động. Năm 1935, Hít-le ban hành lệnh tổng động viên, tuyên bố thành lập đội quân thường trực và bắt đầu triển khai các hoạt động quân sự ở châu Âu.

timdapan.com

Tháng 3 – 1936, Hít-le đưa quân chiếm đóng khu phi quân sự sông Ranh. Ngày 25 – 11 – 1936, Đức kí với Nhật hiệp ước "Chống Quốc tế Cộng sản", sau đó I-ta-li-a cũng tham gia hiệp ước này, hình thành liên minh chính trị – quân sự, chuẩn bị chiến tranh thế giới. Đến năm 1938, với một đội quân 1 500 000 người cùng 30 000 xe tăng và khoảng 4 000 máy bay, nước Đức trở thành một trại lính khổng lồ, đủ sức tiến hành các kế hoạch gây chiến tranh xâm lược.

Hình 77. *Cuộc duyệt binh kỉ niệm 5 năm ngày Hít-le nắm chính quyền (Béc-lin, tháng 1 _ 1938)*

? – *Nêu nhận xét về tình hình kinh tế nước Đức so với các nước châu Âu khác qua bảng thống kê ở trang 170.*

– *Chính sách đối ngoại của Hít-le được thể hiện như thế nào ?*

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. Lập bảng hệ thống kiến thức về các giai đoạn phát triển của nước Đức giữa hai cuộc chiến tranh thế giới (1918 – 1939).
2. Hít-le lên nắm quyền ở Đức trong bối cảnh như thế nào ?
3. Trình bày những chính sách lớn của nước Đức trong những năm 1933 – 1939.

timdapan.com

PHẦN ĐỌC THÊM

Về chủ nghĩa phát xít Đức

Loại chủ nghĩa phát xít phản động nhất là chủ nghĩa phát xít kiểu Đức. Nó trơ tráo tự xưng là chủ nghĩa xã hội – quốc gia nhưng không hề có một chút gì giống với chủ nghĩa xã hội. Chủ nghĩa phát xít kiểu Hít-le không phải chỉ là chủ nghĩa dân tộc tư sản, đó là một thứ chủ nghĩa sôvanh đầy thú tính. Đó là một chế độ cai trị theo lối ăn cướp về chính trị, một chế độ khiêu khích và hành hạ giai cấp công nhân cùng những phần tử cách mạng trong nông dân, trong giai cấp tiểu tư sản và trong trí thức. Đó là chế độ dã man, tàn bạo kiểu trung cổ. Đó là một chế độ xâm lược "thả cửa" đối với các dân tộc khác và các nước khác.

Chủ nghĩa phát xít Đức tỏ ra là một đội xung kích phản cách mạng quốc tế, là kẻ chủ yếu gây ra chiến tranh đế quốc chủ nghĩa, là kẻ âm mưu tổ chức cuộc thảo phạt chống Liên Xô – Tổ quốc vĩ đại của những người lao động trên toàn thế giới.

A-đôn-phơ Hít-le

Hít-le sinh năm 1889, gốc người Áo, là sĩ quan quân đội Đức trong Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 – 1918). Hít-le gia nhập Đảng Quốc xã tháng 8 – 1919. Là một người có nhiều tham vọng và thủ đoạn, Hít-le nhanh chóng trở thành thủ lĩnh Đảng Quốc xã và đề ra *Cương lĩnh 25 điều* của đảng này.

Năm 1923, Hít-le tổ chức đảo chính ở Muy-ních nhưng thất bại và bị kết án 5 năm tù. Trong tù, Hít-le viết cuốn *Cuộc đời chiến đấu của tôi*, trình bày một cách hoàn chỉnh lí luận và đường lối của chủ nghĩa phát xít Đức. Cuốn sách được xem như Cương lĩnh của chủ nghĩa phát xít. Sau đó, Hít-le được tự do. Sau khi lên cầm quyền, năm 1933 Hít-le thiết lập chế độ phát xít, biến nước Đức thành nhà tù và trại lính, kích động tinh thần dân tộc "siêu đẳng" trong nhân dân Đức, tuyên bố xoá bỏ Hoà ước Vécxai, gây Chiến tranh thế giới thứ hai với tham vọng bá chủ thế giới. Hít-le là tội phạm chiến tranh hàng đầu thế giới, là kẻ chủ mưu sát hại tù binh và dân thường tại các khu vực phát xít Đức chiếm đóng. Hít-le tự sát ngày 30 – 4 – 1945, khi quân đội Liên Xô tiến vào Béc-lin.

(Theo : Phan Ngọc Liên (Chủ biên), *Từ điển tri thức lịch sử phổ thông thế kỉ XX*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, H., 2002, tr. 376).

timdapan.com

Bài 27 NƯỚC MĨ GIỮA HAI CUỘC CHIẾN TRANH THẾ GIỚI (1918 _ 1939)

Trong những năm 1918 – 1939, nước Mĩ đã trải qua những bước thăng trầm, từ sự phồn vinh của nền kinh tế những năm 20 đến cuộc khủng hoảng và suy thoái nặng nề chưa từng thấy trong lịch sử vào những năm 1929 – 1933. "Chính sách mới" của Tổng thống Ru-dơ-ven đã đưa nước Mĩ thoát ra khỏi cơn khủng hoảng và duy trì sự phát triển của chủ nghĩa tư bản.

I – NƯỚC MĨ TRONG NHỮNG NĂM 1918 – 1929

1. Tình hình kinh tế

Nước Mĩ tham gia Chiến tranh thế giới thứ nhất từ tháng 4 – 1917 và ra khỏi chiến tranh với tư cách một nước thắng trận. Do nền kinh tế đạt mức tăng trưởng cao trong suốt những năm trong và sau chiến tranh, Mĩ trở thành nước tư bản giàu mạnh nhất. Cùng với lợi thế đó, việc cải tiến kĩ thuật, thực hiện phương pháp sản xuất dây chuyền và mở rộng quy mô sản xuất đã đưa nền kinh tế Mĩ bước vào thời kì phồn vinh trong thập niên 20 của thế kỉ XX. Sự phồn vinh của kinh tế Mĩ được thể hiện ở mức tăng trưởng cao của các ngành kinh tế. Chỉ trong vòng 6 năm (1923 – 1929), sản lượng công nghiệp tăng 69%.

Năm 1928, Mĩ chiếm 48% sản lượng công nghiệp thế giới, vượt qua sản lượng công nghiệp của 5 cường quốc Anh, Pháp, Đức, I-ta-li-a và Nhật Bản cộng lại. Mĩ đứng đầu thế giới về các ngành công nghiệp sản xuất ô tô, thép, dầu mỏ... Đặc biệt, sự bùng nổ của ngành sản xuất ô tô đã tác động mạnh mẽ đến các ngành công nghiệp khác. Nếu như năm 1919, nước Mĩ có 7 triệu ô tô thì năm 1924 là 24 triệu chiếc.

Về tài chính, từ chỗ phải vay nợ của châu Âu 6 tỉ đôla Mĩ trước chiến tranh, Mĩ đã trở thành chủ nợ của thế giới (riêng Anh và Pháp nợ Mĩ 10 tỉ đôla). Năm 1929, Mĩ nắm 60% số vàng dự trữ của thế giới.

Mặc dù đạt mức tăng trưởng cao, nhưng ngay cả trong thời kì phồn vinh này nhiều ngành công nghiệp Mĩ chỉ sử dụng 60 – 80% công suất. Sự phát triển kinh tế chạy theo lợi nhuận, theo chủ nghĩa tự do thái quá đã đưa đến sự phát triển không đồng bộ giữa các ngành công nghiệp, giữa công nghiệp với nông nghiệp, và nói chung, không có kế hoạch dài hạn cho sự cân đối giữa sản xuất và tiêu dùng.

? *Hãy nêu nhận xét về nền kinh tế Mĩ trong những năm 20 của thế kỉ XX.*

timdapan.com

2. Tình hình chính trị, xã hội

Thời kì tăng trưởng cao của kinh tế Mĩ trong thập niên 20 gắn liền với sự cầm quyền của các tổng thống thuộc Đảng Cộng hoà. Chính phủ của Đảng Cộng hoà ra sức ca ngợi sự phồn vinh của nền kinh tế, đồng thời vẫn thi hành chính sách ngăn chặn công nhân đấu tranh, đàn áp những tư tưởng tiến bộ trong phong trào công nhân.

Ngay cả trong thời kì hoàng kim của kinh tế Mĩ, những người lao động vẫn thường xuyên phải đối mặt với nạn thất nghiệp, bất công xã hội và nạn phân biệt chủng tộc đối với người da đen. Đặc biệt, cuộc sống của dân trại (nông dân Mĩ) rất khó khăn do giá nông sản hạ rất thấp và ế thừa. Đời sống người lao động ngày càng giảm sút, điều đó đã kích thích phong trào đấu tranh của họ.

Phong trào đấu tranh của công nhân diễn ra sôi nổi trong các ngành công nghiệp than, luyện thép, vận tải đường sắt... Tháng 5 – 1921, Đảng Cộng sản Mĩ thành lập trên cơ sở hợp nhất Đảng Cộng sản công nhân Mĩ và Đảng Cộng sản Mĩ ra đời trước đó (1919), đánh dấu bước phát triển của phong trào công nhân Mĩ.

Hình 78. *Nhà ở của ngườời nghèo ở Mĩ*

? *Vì sao phong trào công nhân vẫn diễn ra ngay trong thời kì phồn vinh của kinh tế Mĩ ?*

II – NƯỚC MĨ TRONG NHỮNG NĂM 1929 – 1939

1. Cuộc khủng hoảng kinh tế (1929 _ 1933) ở Mĩ

Trong khi giai cấp tư sản Mĩ đang hết lời ca ngợi sự phồn vinh của nền kinh tế thì cuộc khủng hoảng kinh tế chưa từng thấy bất ngờ bùng nổ vào tháng 10 – 1929, chấm dứt thời kì hoàng kim của kinh tế Mĩ.

timdapan.com

Cuộc khủng hoảng bắt đầu trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng. Ngày 29 – 10 – 1929 là ngày hoảng loạn chưa từng có trong lịch sử thị trường chứng khoán Niu Oóc. Giá của một loại cổ phiếu được coi là đảm bảo nhất sụt xuống 80%. Hàng triệu người đã mất sạch số tiền mà họ tiết kiệm cả đời. Vòng xoáy của khủng hoảng tiếp diễn không gì ngăn cản nổi, phá huỷ nghiêm trọng các ngành sản xuất công nghiệp, nông nghiệp và thương nghiệp của nước Mĩ.

Năm 1932 là năm cuộc khủng hoảng kinh tế trầm trọng nhất : sản lượng công nghiệp chỉ còn 53,8% (so với năm 1929), 115 000 công ti thương nghiệp, 58 công ti đường sắt bị phá sản, 100 000 ngân hàng (chiếm 40% tổng số ngân hàng) đóng cửa, 75% dân trại bị phá sản… Số người thất nghiệp lên tới hàng chục triệu. Phong trào đấu tranh của các tầng lớp nhân dân lan rộng toàn nước Mĩ.

Hình 79. Biểu đồ về tỉ lệ thất nghiệp ở Mĩ (1920 _ 1946)

? *Quan sát hình 79 và 81, nêu nhận xét về hậu quả của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới đối với nước Mĩ.*

timdapan.com

2. "Chính sách mới" của Tổng thống Mĩ Ru-dơ-ven

Để đưa nước Mĩ thoát ra khỏi cuộc khủng hoảng, Tổng thống mới đắc cử vào cuối năm 1932 – Phran-klin Ru-dơ-ven – đã đề ra một hệ thống chính sách, biện pháp của Nhà nước trên các lĩnh vực kinh tế – tài chính và chính trị – xã hội, được gọi chung là *Chính sách mới*.

Hình 80. *Tổng thống Mĩ Ru-dơ-ven công bố Chính sách mới qua đài phát thanh*

Bằng sự can thiệp tích cực của Nhà nước vào đời sống kinh tế, Chính phủ Ru-dơ-ven đã thực hiện các biện pháp giải quyết nạn thất nghiệp, phục hồi sự phát triển kinh tế thông qua các đạo luật về ngân hàng, phục hưng công nghiệp ; trong đó *Đạo luật phục hồng công nghiệp* là quan trọng nhất. Đạo luật này quy định việc tổ chức lại sản xuất công nghiệp theo những hợp đồng chặt chẽ về sản phẩm và thị trường tiêu thụ.

Chính sách mới đã giải quyết được một số vấn đề cơ bản của nước Mĩ trong cơn khủng hoảng nguy kịch. Nhà nước tăng cường vai trò của mình trong việc cứu trợ người thất nghiệp, tạo thêm nhiều việc làm mới, khôi phục sản xuất, xoa dịu mâu thuẫn giai cấp và góp phần làm cho nước Mĩ duy trì chế độ dân chủ tư sản. Chính vì thế, Ru-dơ-ven là người duy nhất trong lịch sử nước Mĩ trúng cử Tổng thống 4 nhiệm kì liên tiếp.

Về đối ngoại, Chính phủ Ru-dơ-ven đề ra "Chính sách láng giềng thân thiện", nhằm cải thiện quan hệ với các nước Mĩ Latinh, vốn được Mĩ coi là "sân sau" của mình và thiết lập quan hệ ngoại giao với Liên Xô.

Đối với các nước Mĩ Latinh, từ năm 1934 Chính phủ Ru-dơ-ven chấm dứt các cuộc can thiệp vũ trang, tiến hành thương lượng, hứa hẹn trao trả độc lập, nhằm xoa dịu cuộc đấu tranh chống Mĩ và củng cố vị trí của Mĩ ở khu vực này. Sau 16 năm theo đuổi lập trường chống Liên Xô, tháng 11 – 1933 Chính phủ Ru-dơ-ven đã chính thức công nhận và thiết lập quan hệ ngoại giao với Liên Xô. Việc làm này xuất phát từ những lợi ích của Mĩ. Trên thực tế, chính quyền Ru-dơ-ven vẫn không từ bỏ lập trường chống cộng sản.

timdapan.com

Hình 81. *Biểu đồ thu nhập quốc dân của Mĩ (1929 _ 1941)*

Đối với các vấn đề quốc tế, trước nguy cơ của chủ nghĩa phát xít và chiến tranh bao trùm toàn thế giới, Quốc hội Mĩ đã thông qua nhiều đạo luật để giữ vai trò trung lập trong các cuộc xung đột quân sự bên ngoài nước Mĩ. Chính sách đó đã góp phần khuyến khích chủ nghĩa phát xít tự do hành động, gây ra cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai.

? *– Dựa vào biểu đồ, nêu nhận xét về diễn biến thu nhập quốc dân ở Mĩ và giải thích hiện tượng đó.*

– Nêu nội dung chủ yếu của "Chính sách láng giềng thân thiện" của Mĩ.

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. Vì sao kinh tế Mĩ bùng phát trong thập niên 20 của thế kỉ XX ?
2. Những điểm cơ bản trong chính sách thoát khỏi khủng hoảng kinh tế (1929 – 1933) của Mĩ là gì ?

timdapan.com

PHẦN ĐỌC THÊM

Trong Chính sách mới của Ru-dơ-ven, đáng lưu ý là các đạo luật về ngân hàng, công nghiệp và nông nghiệp.

Đạo luật ngân hàng (được Quốc hội Mĩ thông qua tháng 3 – 1933) nhằm đóng cửa tất cả các ngân hàng, sau đó cho mở lại một số ngân hàng có khả năng phục hồi với sự kiểm soát chặt chẽ của Chính phủ và thiết lập chế độ bảo đảm tốt đối với tiền gửi của khách hàng. Việc mua bán chứng khoán được đặt dưới sự giám sát của Chính phủ. Đạo luật quy định những nguyên tắc thương mại công bằng để chấm dứt những hình thức cạnh tranh gian lận và đặt ra các mức thuế khác nhau tuỳ theo thu nhập của các công ti và cá nhân.

Đạo luật Phục hồng công nghiệp (được Quốc hội Mĩ thông qua tháng 6 – 1933) nhằm mục đích tổ chức lại sản xuất, cải thiện quan hệ giữa chủ và thợ. Đạo luật quy định việc tổ chức các xí nghiệp cùng ngành thành những liên hiệp xí nghiệp, thông qua hợp đồng về sản xuất và tiêu thụ, quy định việc công nhân có quyền cử đại biểu thương lượng với chủ về mức lương và chế độ làm việc...

Đạo luật điều chỉnh nông nghiệp (được Quốc hội Mĩ thông qua tháng 5 – 1933) nhằm cải thiện tình hình nông nghiệp bằng cách : nâng cao giá nông sản, giảm bớt nông phẩm thừa, cho vay dài hạn đối với dân trại... Theo đó, những dân trại nào chịu giảm bớt diện tích độc canh làm cho đất bạc màu, thay vào đó những loại cây trồng khác có thể bảo vệ độ màu mỡ của đất sẽ được nhận phụ cấp của Chính phủ. Tuy nhiên, trên thực tế đạo luật này chỉ có lợi cho những chủ trại lớn và tương đối phát đạt. Những dân trại nhỏ, ít ruộng không được quyền lợi gì đáng kể.

... Trong thời gian đầu, khi cuộc khủng hoảng kinh tế đang trong cơn nguy kịch, giai cấp tư sản Mĩ ủng hộ Chính sách mới của Ru-dơ-ven. Nhưng khi nền kinh tế từng bước phục hồi, họ phản đối Chính sách mới vì cho rằng quyền lợi của họ đã bị xâm phạm.

(Theo : Nguyễn Anh Thái (Chủ biên), *Lịch sử thế giới hiện đại*
NXB Giáo dục, H., 2001, tr. 112 – 113)

timdapan.com

Bài 28 NHẬT BẢN GIỮA HAI CUỘC CHIẾN TRANH THẾ GIỚI (1918 _ 1939)

Nhật Bản là nước thu lợi nhiều trong Chiến tranh thế giới thứ nhất. Qua những năm ổn định ngắn ngủi sau chiến tranh, cuộc khủng hoảng kinh tế (1929 – 1933) đã giáng những đòn nặng nề vào nước Nhật. Để tìm lối thoát ra khỏi cuộc khủng hoảng, giới quân phiệt Nhật Bản tiến hành phát xít hoá bộ máy nhà nước, biến Nhật Bản thành một lò lửa chiến tranh ở châu Á và thế giới.

I – NHẬT BẢN TRONG NHỮNG NĂM 1918 – 1929

1. Những năm đầu sau chiến tranh (1918 _ 1923)

Chiến tranh thế giới thứ nhất đã thúc đẩy nền kinh tế Nhật Bản phát triển mạnh mẽ. Trong khi các nước châu Âu trở thành bãi chiến trường thì hàng hoá của Nhật Bản tràn ngập thị trường nhiều nước châu Á. Nhờ những đơn đặt hàng quân sự, sản xuất công nghiệp tăng trưởng rất nhanh.

Chỉ trong vòng 6 năm (1914 – 1919), sản lượng công nghiệp tăng gấp 5 lần, tổng giá trị xuất khẩu tăng gấp 4 lần, dự trữ vàng và ngoại tệ tăng gấp 6 lần.

Tuy nhiên, sự tăng trưởng nhanh chóng của nền kinh tế chỉ kéo dài 18 tháng sau khi kết thúc chiến tranh. Đến những năm 1920 – 1921, Nhật Bản lại lâm vào khủng hoảng. Những hậu quả của trận động đất năm 1923 ở Tô-ki-ô và mức tăng dân số quá nhanh đã làm cho tình hình kinh tế càng trở nên khó khăn. Nền kinh tế tụt dốc, nhiều công ti làm ăn thua lỗ, phá sản. Số người thất nghiệp lên tới 12 vạn.

Về nông nghiệp, những tàn dư phong kiến còn tồn tại nặng nề ở nông thôn đã kìm hãm sự phát triển của kinh tế nông nghiệp. Giá lương thực, thực phẩm, nhất là giá gạo, vô cùng đắt đỏ. Đời sống người lao động không được cải thiện.

Phong trào đấu tranh của công nhân và nông dân bùng lên mạnh mẽ trong những năm sau chiến tranh. Mùa thu năm 1918, quần chúng nhân dân nổi dậy đánh phá các kho thóc, mở đầu cuộc "Bạo động lúa gạo" lan rộng trong cả nước, lôi cuốn khoảng 10 triệu người tham gia. Đồng thời, những cuộc bãi công của công nhân cũng lan rộng ở các trung tâm công nghiệp lớn như Cô-bê, Na-gôi-a, Ô-xa-ca... Chỉ riêng năm 1919, đã có đến 2 388 cuộc bãi công của công nhân. Trên cơ sở sự phát triển của phong trào công nhân, tháng 7 – 1922, Đảng Cộng sản Nhật Bản được thành lập.

timdapan.com

Tình hình Nhật Bản trong những năm đầu sau Chiến tranh thế giới thứ nhất như thế nào ?

2. Những năm ổn định 1924 _ 1929

Trong những năm 20 của thế kỉ XX, khi nước Mĩ bước vào thời kì phồn vinh thì nước Nhật chỉ đạt được sự ổn định tạm thời. Sau khi khắc phục những hậu quả của cuộc khủng hoảng những năm 1920 – 1921, đến năm 1926 sản lượng công nghiệp mới phục hồi trở lại và vượt mức trước chiến tranh. Tuy nhiên, nền công nghiệp chủ yếu dựa vào xuất khẩu của Nhật Bản ngày càng gặp nhiều khó khăn trong việc cạnh tranh với Mĩ và các nước Tây Âu.

Từ một nước có sức sản xuất và mức xuất khẩu tăng quá nhanh trong chiến tranh, bước vào thập niên 20 của thế kỉ XX, Nhật Bản phải nhập khẩu quá mức do khan hiếm nguyên liệu và nhiên liệu. Những khó khăn này càng tăng lên khi cuộc khủng hoảng tài chính năm 1927 bùng nổ ở Thủ đô Tô-ki-ô. Cũng trong năm này, phần lớn các xí nghiệp công nghiệp chỉ sử dụng từ 20% đến 25% công suất. Số người thất nghiệp tăng mạnh, nông dân bị bần cùng hoá, sức mua của người dân suy giảm làm cho thị trường trong nước ngày càng thu hẹp.

Để đối phó với những khó khăn về kinh tế, Chính phủ Nhật Bản đã thi hành một số cải cách chính trị (như ban hành luật bầu cử phổ thông cho nam giới, cắt giảm ngân sách quốc phòng...) và giảm bớt căng thẳng trong quan hệ với các cường quốc bên ngoài. Tuy nhiên, từ năm 1927 Tướng Ta-na-ca – một phần tử quân phiệt – lên nắm chính quyền, đã thực hiện chính sách đối nội và đối ngoại hiếu chiến.

Chính phủ Ta-na-ca chủ trương dùng vũ lực để bành trướng ra bên ngoài nhằm giải quyết khó khăn trong nước. Cùng với việc quân sự hoá đất nước, Ta-na-ca đã vạch ra kế hoạch chiến tranh toàn cầu dưới hình thức một bản Tấu thỉnh đệ trình lên Thiên hoàng. Theo kế hoạch này, Nhật Bản sẽ đánh chiếm Trung Quốc, sau đó chiếm châu Á và cuối cùng là toàn thế giới. Chính phủ Ta-na-ca đưa quân sang xâm lược Sơn Đông (Trung Quốc) 2 lần (vào các năm 1927 và 1929) nhưng đều bị thất bại.

Tình hình Nhật Bản trong những năm 1918 – 1929 có điểm gì khác so với tình hình nước Mĩ cùng thời gian này ?

II – NHẬT BẢN TRONG NHỮNG NĂM 1929 – 1939

1. Khủng hoảng kinh tế (1929 _ 1933) ở Nhật Bản

Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới (1929 – 1933) đã giáng những đòn nặng nề vào nền kinh tế còn chưa phục hồi của Nhật Bản. Sản xuất công nghiệp giảm sút nhanh chóng. Khủng hoảng xảy ra nghiêm trọng, nhất là trong nông nghiệp.

timdapan.com

Thị trường trong và ngoài nước của Nhật Bản thu hẹp ở mức độ chưa từng có, sản xuất đình đốn.

So với năm 1929, sản lượng công nghiệp năm 1931 giảm 32,5%, ngoại thương giảm 80%, nông phẩm giảm 1,7 tỉ yên, đồng yên sụt giá nghiêm trọng. Khủng hoảng diễn ra trầm trọng nhất vào năm 1931, gây nên những hậu quả xã hội tai hại : nông dân bị phá sản, mất mùa và đói kém, công nhân thất nghiệp lên tới 3 triệu người. Mâu thuẫn xã hội và cuộc đấu tranh của những người lao động diễn ra quyết liệt.

Khủng hoảng kinh tế đã đẩy mạnh thêm quá trình tập trung sản xuất, tăng cường quyền lực cho các tập đoàn tư bản lớn, nắm giữ các vị trí then chốt trong nền kinh tế (được gọi theo tiếng Nhật là *daibátxởi*). Các daibátxưi lớn như Mít-su-bi-si, Mít-xưi, Su-mi-tô-mô... kiểm soát các ngành tài chính, khai khoáng, công nghiệp nặng và các lĩnh vực hiện đại khác của nền kinh tế, đồng thời chi phối đời sống chính trị, xã hội ở Nhật Bản.

Hình 82. *Quân đội Nhật chiếm Mãn Châu (9 _ 1931)*

? Nêu tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới (1929 – 1933) đối với nước Nhật.

2. Quá trình quân phiệt hoá bộ máy nhà nước

Để đưa nước Nhật thoát ra khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế, giải quyết những khó khăn do thiếu nguồn nguyên liệu và thị trường tiêu thụ hàng hoá, giới cầm quyền Nhật Bản chủ trương quân phiệt hoá bộ máy nhà nước, gây chiến tranh xâm lược, bành trướng ra bên ngoài.

Khác với Đức – quá trình phát xít hoá diễn ra thông qua sự chuyển đổi từ chế độ dân chủ tư sản đại nghị sang chế độ chuyên chế độc tài phát xít – ở Nhật Bản, do đã có sẵn chế độ chuyên chế Thiên hoàng nên quá trình này diễn ra thông qua *việc quân phiệt hoá bộ máy nhà nởớc và tiến hành chiến tranh xâm lởợc thuộc địa*. Quá trình quân phiệt hoá ở Nhật Bản kéo dài trong những năm 30 của thế kỉ XX là do có những mâu thuẫn và bất đồng giữa phái "sĩ quan trẻ" (được quan chức cấp thấp và tư sản mới ủng hộ) với phái "sĩ quan già" (được quan chức cấp cao và các tập đoàn tư bản lâu đời ủng hộ). Cuộc đấu tranh giữa hai phái diễn ra quyết liệt trong những năm 30

timdapan.com

và kết thúc bằng thất bại của phái "sĩ quan trẻ". Nhưng sau đó, chủ trương nhanh chóng phát động chiến tranh xâm lược của phái "sĩ quan trẻ" được đẩy mạnh. Từ năm 1937, giới cầm quyền Nhật Bản đã chấm dứt cuộc đấu tranh nội bộ, tập trung vào quá trình quân phiệt hoá bộ máy nhà nước.

Cùng với việc quân phiệt hoá bộ máy nhà nước, tăng cường chạy đua vũ trang, giới cầm quyền Nhật Bản đẩy mạnh cuộc chiến tranh xâm lược Trung Quốc.

Từ lâu, Trung Quốc có vị trí đặc biệt quan trọng đối với sự phát triển kinh tế của Nhật Bản. Năm 1931, 82% tổng số vốn đầu tư nước ngoài của Nhật Bản tập trung vào Trung Quốc, chủ yếu là ở Thượng Hải và Mãn Châu. Tháng 9 – 1931, Nhật Bản đánh chiếm vùng Đông Bắc Trung Quốc và biến toàn bộ vùng đất giàu có này thành thuộc địa. Năm 1933, Nhật Bản dựng lên chính phủ bù nhìn, đưa Phổ Nghi, hoàng đế cuối cùng của Trung Quốc, lên đứng đầu cái gọi là "Mãn Châu quốc". Sự kiện Mãn Châu chính là ngòi lửa của cuộc chiến tranh xâm lược Trung Quốc với quy mô ngày càng rộng lớn, đánh dấu việc hình thành lò lửa chiến tranh ở châu Á và trên thế giới.

Vì sao quân Nhật đánh chiếm Trung Quốc ?

3. Nhân dân Nhật Bản đấu tranh chống chủ nghĩa quân phiệt

Trong những năm 1929 – 1939, cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa quân phiệt của nhân dân Nhật Bản, mà hạt nhân lãnh đạo là Đảng Cộng sản, đã diễn ra dưới nhiều hình thức. Từ những cuộc biểu tình, tuần hành phản đối chính sách hiếu chiến, xâm lược của giới cầm quyền đã dẫn đến phong trào thành lập Mặt trận Nhân dân, bao gồm đông đảo các tầng lớp quần chúng tham gia. Cuộc đấu tranh của nhân dân Nhật Bản đã góp phần làm chậm lại quá trình quân phiệt hoá bộ máy nhà nước ở Nhật Bản.

Từ năm 1929, nhiều cuộc bãi công của công nhân đã bùng nổ ở những khu công nghiệp lớn và trở thành những cuộc chiến đấu chống chính phủ. Giới cầm quyền đàn áp dã man phong trào cách mạng, truy lùng và sát hại các lãnh tụ của Đảng Cộng sản như Oa-ta-na-bê, Y-a-mô-tô-xê-chi…

Vào giữa những năm 30, phong trào thành lập Mặt trận Nhân dân phát triển rộng khắp, tập hợp các tổ chức của công nhân, nông dân, giới trí thức và một bộ phận giai cấp tư sản. Kết quả của cuộc bầu cử Nghị viện năm 1937, với 37 ghế nghị sĩ thuộc về những người xã hội – dân chủ chống chiến tranh, đã nói lên sức mạnh của phong trào chống chủ nghĩa quân phiệt.

Phong trào này còn lôi cuốn đông đảo binh lính và sĩ quan Nhật tham gia. Năm 1939, đã diễn ra trên 40 cuộc đấu tranh chống chiến tranh của binh sĩ trong quân đội Nhật Bản.

Nhân dân Nhật Bản đấu tranh chống chủ nghĩa quân phiệt như thế nào ?

timdapan.com

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. Lập bảng hệ thống về các giai đoạn phát triển chính của Nhật Bản giữa hai cuộc chiến tranh thế giới.
2. Vì sao sự ổn định của Nhật Bản những năm 1924 – 1929 chỉ là tạm thời và bấp bênh ?
3. Nêu những đặc điểm của quá trình quân phiệt hoá ở Nhật Bản.

PHẦN ĐỌC THÊM

Nhật Bản sau Chiến tranh thế giới thứ nhất

Chiến tranh thế giới thứ nhất đã thúc đẩy nền kinh tế Nhật Bản phát triển. Có thể nói đây là cuộc chiến tranh "tốt nhất" trong lịch sử Nhật Bản, bởi lẽ sự tham gia về quân sự của Nhật vào cuộc chiến thì rất nhỏ, nhưng lợi lộc thu về lại rất lớn... Mĩ và Nhật chia nhau độc chiếm các thị trường châu Á. Từ chỗ nợ nước ngoài 1,1 tỉ yên năm 1914, Nhật trở thành chủ nợ 2,7 tỉ yên năm 1920... Quyền lực của giới tư bản độc quyền ngày càng được tăng cường và củng cố trong bộ máy nhà nước vốn còn mang nhiều tàn tích phong kiến, chính quyền ở Nhật là chính quyền của giai cấp đại tư sản liên minh với giai cấp phong kiến quý tộc. Thiên hoàng lúc này vừa là một địa chủ lớn nhất, vừa là một nhà tư bản kếch sù. Thế lực của giai cấp quý tộc Nhật trong chính quyền còn khá mạnh : các bộ quan trọng như Bộ Hải quân, Bộ Lục quân đặt dưới quyền của Thiên hoàng chứ không thuộc quyền của Nội các ; các Viện Quý tộc, Viện Cơ mật vẫn được duy trì...

(Theo : Phan Ngọc Liên (Chủ biên), *Lịch sử Nhật Bản*, NXB Văn hoá – Thông tin, H., 1997, tr. 136 – 137)

Quân Nhật đánh chiếm Mãn Châu

Trong cuộc họp của các tư lệnh sư đoàn ngày 4 – 8 – 1931, Bộ trưởng Chiến tranh Nhật Bản Mi-a-mi đã tuyên bố rằng cần phải giải quyết "vấn đề Mãn Châu và Mông Cổ" bằng sức mạnh quân sự. Phát biểu này của Mi-a-mi được công bố rộng rãi. Việc lựa chọn thời điểm chiến tranh trong năm 1931 không phải là hoàn toàn ngẫu nhiên. Các cường quốc tư bản phương Tây, đối thủ cạnh tranh chủ yếu của Nhật Bản trong vấn đề Trung Quốc, đều đang vướng bận vào cuộc đại khủng hoảng kinh tế (1929 –1933). Còn bản thân Trung Quốc lúc này lại đang diễn ra cuộc nội chiến dữ dội giữa Quốc dân đảng và Đảng Cộng sản.

Vào lúc 10 giờ tối 18 – 9 – 1931, lực lượng Nhật thuộc đạo quân Quan Đông đã bí mật đánh mìn đoạn đường sắt ở Liễu Điêu Cầu, phía bắc Thẩm Dương, rồi đổ lỗi cho quân đội Trung Quốc, tạo cớ tấn công xâm lược Trung Quốc. Ngay khi được tin này, Chính phủ Nam Kinh của Tưởng Giới Thạch tuyên bố sẽ cố gắng giải quyết để vụ việc không phát triển thành xung đột lan rộng. Nhưng lực lượng quân Nhật đóng ở Mãn Châu đã không đếm xỉa đến điều này. Sáng 19 – 9 – 1931, cờ Nhật đã kéo lên ở Thẩm Dương.

(Theo : Lê Văn Quang, *Lịch sử quan hệ quốc tế 1917 – 1945*, NXB Giáo dục, H., 2001, tr. 114)

timdapan.com

Chương IX

CÁC NƯỚC CHÂU Á GIỮA HAI CUỘC CHIẾN TRANH THẾ GIỚI (1918 _ 1939)

Bài 29 PHONG TRÀO CÁCH MẠNG Ở TRUNG QUỐC VÀ ẤN ĐỘ (1918 _ 1939)

Trong những năm 1918 – 1939, phong trào cách mạng ở Trung Quốc và Ấn Độ đã có những chuyển biến to lớn. Phong trào Ngũ tứ (1919) đã mở đầu thời kì cách mạng dân chủ mới ở Trung Quốc. Ở Ấn Độ, cuộc đấu tranh chống thực dân Anh, đòi độc lập dân tộc do giai cấp tư sản, đứng đầu là M. Gan-đi, đã vượt qua nhiều thử thách và đạt được những bước tiến mới.

I – PHONG TRÀO CÁCH MẠNG Ở TRUNG QUỐC (1919 – 1939)

1. Phong trào Ngũ tứ và sự thành lập Đảng Cộng sản Trung Quốc

Thắng lợi của Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917 và sự kết thúc Chiến tranh thế giới thứ nhất đã làm bùng nổ một cao trào cách mạng mới ở Trung Quốc, mở đầu bằng phong trào Ngũ tứ.

Ngày 4 – 5 – 1919, hơn 3 000 sinh viên yêu nước ở Bắc Kinh đã đứng lên đấu tranh, phản đối quyết định bất công của các nước đế quốc về việc chuyển giao những đặc quyền của nước Đức ở tỉnh Sơn Đông (Trung Quốc) cho Nhật Bản. Phong trào lan rộng khắp 22 tỉnh và 150 thành phố trong cả nước, lôi cuốn đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia, đặc biệt là giai cấp công nhân.

Phong trào giương cao các khẩu hiệu đấu tranh : "Trung Quốc của người Trung Quốc", "Xoá bỏ 21 điều" (là hiệp ước của các nước đế quốc đưa ra, nhằm xâu xé Trung Quốc), "Giết hết bọn giặc bán nước"... Những cuộc bãi công chính trị to lớn của công nhân Thượng Hải, Nam Kinh, Thiên Tân, Hàng Châu... đã đưa phong trào nhanh chóng giành được thắng lợi.

timdapan.com

Phong trào Ngũ tứ đã mở đầu cao trào cách mạng chống đế quốc và chống phong kiến ở Trung Quốc. Lần đầu tiên, giai cấp công nhân Trung Quốc xuất hiện trên vũ đài chính trị với tư cách là một lực lượng cách mạng độc lập. Phong trào Ngũ tứ đánh dấu bước chuyển của cách mạng Trung Quốc từ cách mạng dân chủ tư sản kiểu cũ sang cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới.

Từ sau phong trào Ngũ tứ, việc truyền bá chủ nghĩa Mác – Lênin vào Trung Quốc đã phát triển nhanh chóng, sâu rộng. Tầng lớp trí thức tiến bộ, tiêu biểu là Lý Đại Chiêu (Giáo sư Trường Đại học Bắc Kinh), đã tích cực tuyên truyền, phổ biến chủ nghĩa Mác – Lênin vào Trung Quốc, tạo điều kiện thuận lợi cho sự thành lập Đảng Cộng sản Trung Quốc. Năm 1920, một số nhóm cộng sản đã ra đời với sự giúp đỡ của Quốc tế Cộng sản. Trên cơ sở các nhóm này, tháng 7 – 1921, Đảng Cộng sản Trung Quốc được thành lập, đánh dấu bước ngoặt quan trọng của cách mạng Trung Quốc. Từ đây, giai cấp vô sản Trung Quốc đã có chính đảng của mình để từng bước nắm ngọn cờ lãnh đạo cách mạng.

– Từ các khẩu hiệu đấu tranh nêu trong bài, em thấy phong trào Ngũ tứ có điểm gì mới so với các phong trào đấu tranh vào nửa sau thế kỉ XIX ở Trung Quốc ?

– Đảng Cộng sản Trung Quốc được thành lập như thế nào ? Ý nghĩa của sự kiện này là gì ?

2. Chiến tranh Bắc phạt (1926 – 1927) và Nội chiến Quốc – Cộng (1927 – 1937)

Trong những năm 1926 – 1927, Đảng Cộng sản hợp tác với Quốc dân đảng tiến hành cuộc chiến tranh cách mạng nhằm đánh đổ các tập đoàn quân phiệt Bắc Dương đang chia nhau thống trị các vùng ở miền Bắc Trung Quốc (gọi là "Chiến tranh Bắc phạt").

Được sự ủng hộ mạnh mẽ của nhân dân, trong vòng 6 tháng, quân đội cách mạng đã giải phóng được một vùng rộng lớn ở lưu vực sông Trường Giang, chiếm các thành phố lớn như Nam Kinh, Thượng Hải... Trong khi chiến tranh cách mạng đang tiến triển thắng lợi, các phần tử cánh hữu trong Quốc dân đảng do Tưởng Giới Thạch cầm đầu đã câu kết với các thế lực đế quốc, phong kiến, chống lại phong trào cách mạng. Ngày 12 – 4 – 1927, Tưởng Giới Thạch tiến hành cuộc chính biến ở Thượng Hải, tàn sát, khủng bố đẫm máu những người cộng sản, mở đầu cho các hoạt động công khai chống phá cách mạng ở nhiều địa phương khác. Ngày 18 – 4 – 1927, Tưởng Giới Thạch thành lập chính phủ tại Nam Kinh, đại diện cho quyền lợi của đại địa chủ, đại tư sản ở Trung Quốc. Đến tháng 7 – 1927, chính quyền hoàn toàn rơi vào tay Tưởng Giới Thạch. Cuộc Chiến tranh Bắc phạt đến đây chấm dứt.

Sau Chiến tranh Bắc phạt, quần chúng cách mạng, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc, đã tiến hành cuộc chiến đấu chống Chính phủ Quốc dân đảng, gọi là Nội chiến Quốc – Cộng, diễn ra trong những năm 1927 – 1937.

timdapan.com

Sau khi cuộc khởi nghĩa Vũ Xương (1 – 8 – 1927) và những cuộc khởi nghĩa ở các thành thị miền Nam thất bại, Đảng Cộng sản chuyển hướng lấy nông thôn làm trung tâm cách mạng, phát động nông dân nổi dậy, thành lập chính quyền Xô viết, Hồng quân công nông và tiến hành cách mạng ruộng đất.

Tưởng Giới Thạch đã tổ chức 4 lần vây quét lớn nhằm tiêu diệt các khu xô viết nhưng đều thất bại. Trong cuộc vây quét lần thứ năm (1933 – 1934), các khu xô viết bị tấn công, lực lượng cách mạng bị thiệt hại nghiêm trọng.

Tháng 10 – 1934, Hồng quân công nông phải tiến hành cuộc phá vây, rút khỏi căn cứ địa cách mạng, tiến lên phía bắc, trong lịch sử gọi là cuộc *Vạn lí trường chinh*. Trên đường trường chinh, tại Hội nghị Tuân Nghĩa (tỉnh Quý Châu), họp tháng 1 – 1935, Mao Trạch Đông trở thành người lãnh đạo Đảng Cộng sản Trung Quốc. Tháng 10 – 1936, cuộc Vạn lí trường chinh vượt qua chặng đường dài hơn 5 000 km, đầy gian khổ hi sinh của Hồng quân Trung Quốc đã kết thúc thắng lợi.

Hình 83. *Mao Trạch Đông trên đường Vạn lí trường chinh*

Tháng 7 – 1937, giới quân phiệt Nhật Bản phát động cuộc chiến tranh xâm lược nhằm thôn tính toàn bộ Trung Quốc. Trước nguy cơ dân tộc, Đảng Cộng sản Trung Quốc chủ động đề nghị Quốc dân đảng đình chiến, cùng hợp tác, tập trung sức mạnh chống ngoại xâm. Do áp lực đấu tranh của quần chúng, Quốc dân đảng buộc phải hợp tác với Đảng Cộng sản để thành lập Mặt trận dân tộc thống nhất chống Nhật. Cách mạng Trung Quốc chuyển sang thời kì kháng chiến chống phát xít Nhật.

? *Nêu diễn biến chính của cách mạng Trung Quốc những năm 1926 – 1937.*

II – PHONG TRÀO ĐỘC LẬP DÂN TỘC Ở ẤN ĐỘ (1918 – 1939)

1. Phong trào độc lập dân tộc trong những năm 1918 – 1929

Trong Chiến tranh thế giới thứ nhất, thực dân Anh đã trút toàn bộ gánh nặng chi phí chiến tranh cho các thuộc địa, nhất là Ấn Độ – thuộc địa lớn nhất của đế quốc Anh.

timdapan.com

Sau chiến tranh, chính quyền thực dân tăng cường bóc lột thuộc địa, củng cố bộ máy cai trị và ban hành những đạo luật phản động... làm cho mâu thuẫn xã hội ngày càng căng thẳng. Một làn sóng đấu tranh chống thực dân Anh dâng cao khắp Ấn Độ trong những năm 1918 – 1922.

Từ các cuộc bãi công kinh tế năm 1918 đến các cuộc nổi dậy của quần chúng nhân dân ở các thành phố, phong trào đạt đến hình thức cao nhất là khởi nghĩa vũ trang ở Pen-giáp. Nét đặc biệt của phong trào trong thời kì này là sự tham gia của đông đảo các tầng lớp nông dân, thị dân và đặc biệt là công nhân. Chỉ trong 6 tháng đầu năm 1920, ở Ấn Độ đã nổ ra 200 cuộc bãi công với 1,5 triệu công nhân tham gia. Phong trào đấu tranh lan rộng khắp trong nước với một sức mạnh mới, dưới sự lãnh đạo của Đảng Quốc đại.

Chính trong thời gian này, sự xuất hiện của Mô-han-đát Ca-ram-cha-đơ Gan-đi, được nhân dân Ấn Độ suy tôn là Ma-hát-ma Gan-đi, cùng với đường lối cách mạng của ông, đã tạo ra bước ngoặt vô cùng quan trọng cho cách mạng Ấn Độ. Là lãnh tụ có uy tín lớn, Gan-đi có ảnh hưởng sâu rộng đối với nhân dân Ấn Độ.

Hình 84. *M. Gan-đi (1869 _ 1948)*

Xuất phát từ đặc điểm dân tộc và tôn giáo của Ấn Độ, Gan-đi đề ra chủ trương và phương pháp đấu tranh "bất bạo động" và "bất hợp tác", tập hợp đông đảo các tầng lớp nhân dân vào cuộc đấu tranh chống lại ách thống trị thực dân, thủ tiêu mọi tàn tích phong kiến cản trở sự phát triển của chủ nghĩa tư bản dân tộc, xây dựng đất nước Ấn Độ phồn thịnh. Gan-đi kêu gọi tiến hành đấu tranh bằng các biện pháp hoà bình, không sử dụng bạo lực (như biểu tình hoà bình, bãi công ở các nhà máy, công sở, bãi khoá ở các trường học, tẩy chay hàng hoá Anh, không nộp thuế...). Phong trào bất bạo động, bất hợp tác do Gan-đi và Đảng Quốc đại lãnh đạo nhằm mục tiêu giành quyền tự trị, tiến tới giành độc lập hoàn toàn cho Ấn Độ được các tầng lớp nhân dân Ấn Độ hưởng ứng.

Cũng từ đầu những năm 20 của thế kỉ XX, ở Ấn Độ đã xuất hiện những nhóm cộng sản đầu tiên. Cùng với sự trưởng thành của giai cấp công nhân và phong trào công nhân, tháng 12 – 1925 Đảng Cộng sản Ấn Độ được thành lập. Sự kiện này đã góp phần thúc đẩy làn sóng đấu tranh của nhân dân Ấn Độ chống thực dân Anh.

? *Nêu những diễn biến chính của phong trào cách mạng Ấn Độ sau Chiến tranh thế giới thứ nhất.*

timdapan.com

2. Phong trào độc lập dân tộc trong những năm 1929 – 1939

Những hậu quả nặng nề của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới (1929 – 1933) đã làm bùng lên làn sóng đấu tranh mới của nhân dân Ấn Độ. Phong trào kéo dài trong suốt thập niên 30, thông qua các chiến dịch bất hợp tác với thực dân Anh do Gan-đi và Đảng Quốc đại khởi xướng.

Đầu năm 1930, chiến dịch bất hợp tác lại bùng nổ với việc Gan-đi thực hiện một cuộc hành trình lịch sử dài 300 km để phản đối chính sách độc quyền muối của thực dân Anh. Tháng 12 – 1931, ông lại phát động chiến dịch bất hợp tác mới. Thực dân Anh tăng cường khủng bố, đàn áp và thực hiện các biện pháp mua chuộc chính trị nhằm chia rẽ hàng ngũ cách mạng. Bất chấp các thủ đoạn hai mặt của chính quyền thực dân, phong trào đấu tranh vẫn diễn ra sôi động và lan rộng trong cả nước, liên kết được tất cả các lực lượng chính trị thành một mặt trận thống nhất trên thực tế.

Tháng 9 – 1939, Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, chính quyền Anh tuyên chiến ở châu Âu và tuyên bố Ấn Độ là một bên tham chiến. Phong trào cách mạng Ấn Độ chuyển sang một thời kì mới.

? *Nội dung chủ yếu của phong trào độc lập dân tộc ở Ấn Độ vào những năm 30 của thế kỉ XX.*

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. Vì sao nói phong trào Ngũ tứ (4 – 5 – 1919) mở đầu cuộc cách mạng chống đế quốc và chống phong kiến ở Trung Quốc ?
2. Nội chiến Quốc – Cộng (1927 – 1937) diễn ra như thế nào ?
3. Nêu những điểm khác nhau về giai cấp lãnh đạo, con đường và phương pháp đấu tranh của phong trào giải phóng dân tộc ở Ấn Độ so với Trung Quốc trong những năm giữa hai cuộc chiến tranh thế giới.

PHẦN ĐỌC THÊM

Phong trào Ngũ tứ (4 _ 5 _ 1919)

Chiều 4 – 5 – 1919, hơn 3 000 học sinh sinh viên của 13 trường đại học ở Bắc Kinh đã tập hợp trước Thiên An Môn, giương cao khẩu hiệu : "Xoá bỏ 21 điều !", "Trả ta Thanh Đảo !", "Thà chết, đấu tranh đến cùng", "Giết hết bọn giặc bán nước Tào Nhữ Lâm, Chương Tông Đường, Lục Tông Du !" (ba kẻ thân Nhật trong Chính phủ quân phiệt Bắc Dương). Tại cuộc mít tinh đã công bố bản *Tuyên ngôn* của học sinh, sinh viên Bắc Kinh : "Đất đai Trung Quốc có thể bị chinh phục chứ không thể bị cắt cho. Nhân dân Trung Quốc có thể bị giết chứ không thể cúi đầu. Nước đã mất rồi ! Đồng bào hãy vùng lên !"... Ngày 19 – 5, học sinh, sinh viên bắt đầu tổng bãi khoá.

timdapan.com

Đầu tháng 6, phong trào đấu tranh lan rộng ra cả nước, tới các tầng lớp nhân dân : công nhân, nông dân, giới nhân sĩ. Khắp nơi học sinh bãi khoá, thương nhân bãi thị, công nhân bãi công…

(Theo : Nguyễn Gia Phu – Nguyễn Huy Quý,
Lịch sử Trung Quốc, NXB Giáo dục, H., 2001, tr. 262 – 263)

M. Gan-đi (1869 _ 1948)

M. Gan-đi, nhà yêu nước Ấn Độ, được suy tôn là Ma-hát-ma, có nghĩa là "Tâm hồn vĩ đại". Nhân dân gọi ông là Thánh. M. Gan-đi là lãnh tụ Đảng Quốc đại, người lãnh đạo phong trào giải phóng dân tộc Ấn Độ theo đường lối bất bạo động, bất hợp tác.

Sinh ra trong một gia đình khá giả ở Tây Ấn Độ, ông tốt nghiệp đại học Luật ở Anh, sau đó làm cố vấn pháp luật cho một công ti ở Nam Phi, tham gia những hoạt động chống chế độ phân biệt chủng tộc và chủ nghĩa thực dân. Đầu năm 1915 ông về nước, vận động cuộc đấu tranh chống thực dân Anh. Ông bị thực dân Anh bắt giam hai lần vào các năm 1922 và 1930. Sau khi Ấn Độ được trao trả độc lập (15 – 8 – 1947), M. Gan-đi đã tiếp tục đấu tranh ngăn chặn cuộc chiến tranh huynh đệ tương tàn giữa người Hồi giáo và Ấn Độ giáo. Ngày 30 – 1 – 1948, M. Gan-đi bị một phần tử phản động sát hại.

(Theo : Phan Ngọc Liên (Chủ biên),
Từ điển tri thức lịch sử phổ thông thế kỉ XX, Sđd, tr. 327)

Bài 30 CÁC NƯỚC ĐÔNG NAM Á GIỮA HAI CUỘC CHIẾN TRANH THẾ GIỚI (1918 _ 1939)

Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, cùng với những chuyển biến quan trọng về kinh tế, chính trị, xã hội, phong trào độc lập dân tộc diễn ra sôi nổi ở khu vực Đông Nam Á. Ở nhiều nước trong khu vực, giai cấp tư sản nắm quyền lãnh đạo cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc. Từ thập niên 20 của thế kỉ XX, giai cấp vô sản trẻ tuổi bắt đầu bước lên vũ đài chính trị, mở ra một triển vọng mới cho phong trào giải phóng dân tộc ở khu vực này.

timdapan.com

I – TÌNH HÌNH CÁC NƯỚC ĐÔNG NAM Á SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT

1. Tình hình kinh tế, chính trị, xã hội

Trong những thập niên đầu thế kỉ XX, ở các nước Đông Nam Á đã diễn ra những chuyển biến quan trọng về kinh tế, chính trị và xã hội.

Về kinh tế, phần lớn các quốc gia Đông Nam Á đã trở thành thuộc địa của các nước đế quốc, là thị trường tiêu thụ hàng hoá và nơi cung cấp nguyên liệu cho chính quốc.

Về chính trị, mặc dù thể chế ở các nước có khác nhau, nhưng đặc trưng cơ bản là do chính quyền thực dân thống trị (trừ Xiêm). Toàn bộ quyền hành đều tập trung trong tay chính quyền thực dân.

Về xã hội, sự phân hoá giai cấp diễn ra ngày càng sâu sắc. Giai cấp tư sản dân tộc lớn mạnh cùng với sự phát triển của kinh tế công thương nghiệp. Giai cấp nông dân, lực lượng chiếm đa số trong xã hội, ngày càng bị bần cùng hoá và sẵn sàng đi theo các giai cấp tiên tiến làm cách mạng. Giai cấp công nhân dần dần trưởng thành về số lượng và ý thức cách mạng.

Cùng với những chuyển biến của tình hình trong nước, thắng lợi của Cách mạng tháng Mười Nga và cao trào cách mạng thế giới sau chiến tranh đã tác động mạnh mẽ đến phong trào độc lập dân tộc ở Đông Nam Á.

Nêu những chuyển biến chủ yếu của các nước Đông Nam Á trong những thập niên đầu thế kỉ XX.

2. Khái quát về phong trào độc lập dân tộc ở Đông Nam Á

Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, phong trào cách mạng ở Đông Nam Á bước vào một thời kì mới. Cùng với sự lớn mạnh của giai cấp tư sản dân tộc, phong trào dân tộc tư sản có những bước tiến rõ rệt.

> Nếu như trước đó, hoạt động chính trị của giai cấp tư sản dân tộc chỉ nhằm mục đích "khai trí để chấn hưng quốc gia" thì đến lúc này mục tiêu giành độc lập dân tộc được đề xuất rõ ràng : đòi quyền tự chủ về chính trị, quyền tự do trong kinh doanh, quyền dùng tiếng mẹ đẻ trong giáo dục... Một số chính đảng tư sản được thành lập và có ảnh hưởng xã hội rộng lớn như Đảng Dân tộc ở In-đô-nê-xi-a, tổ chức Phong trào Thakin ở Miến Điện, Đại hội toàn Mã Lai...

Từ thập niên 20 của thế kỉ XX, cùng với sự trưởng thành của giai cấp vô sản và việc truyền bá chủ nghĩa Mác – Lênin vào các nước Đông Nam Á, một số đảng

timdapan.com

cộng sản được thành lập, đầu tiên là Đảng Cộng sản In-đô-nê-xi-a (5 – 1920). Tiếp theo, trong năm 1930, các đảng cộng sản lần lượt ra đời ở Việt Nam, Mã Lai, Xiêm và Phi-líp-pin.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, phong trào độc lập dân tộc diễn ra sôi nổi, nổi bật là cuộc khởi nghĩa vũ trang ở In-đô-nê-xi-a (1926 – 1927) và phong trào cách mạng 1930 –1931 ở Việt Nam, mà đỉnh cao là Xô viết Nghệ – Tĩnh. Riêng ở Việt Nam, từ tháng 2 – 1930 quyền lãnh đạo cách mạng chuyển vào tay chính đảng của giai cấp vô sản.

? *Phong trào dân tộc ở Đông Nam Á giữa hai cuộc chiến tranh thế giới (1918 – 1939) có những điểm gì mới ?*

II – PHONG TRÀO ĐỘC LẬP DÂN TỘC Ở IN-ĐÔ-NÊ-XI-A

1. Phong trào độc lập dân tộc trong thập niên 20 của thế kỉ XX

Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, sự phát triển của phong trào công nhân cùng với việc truyền bá chủ nghĩa Mác – Lênin vào In-đô-nê-xi-a đã dẫn tới việc thành lập chính đảng của giai cấp công nhân (5 – 1920). Được sự ủng hộ của đông đảo quần chúng, Đảng Cộng sản nhanh chóng trưởng thành và lãnh đạo phong trào cách mạng ở In-đô-nê-xi-a trong thập niên 20 của thế kỉ XX.

Hình 85. *A. Xu-các-nô (1901 _1970)*

Phong trào đấu tranh của công nhân và nông dân diễn ra sôi nổi trong những năm 1920 – 1925. Trước khí thế cách mạng ngày càng lên cao của quần chúng nhân dân, Đảng Cộng sản đã phát động khởi nghĩa vũ trang ở Gia-va và Xu-ma-tơ-ra trong những năm 1926 – 1927. Mặc dù khởi nghĩa thất bại nhưng cơn bão táp cách mạng của quần chúng dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản đã làm rung chuyển nền thống trị của thực dân Hà Lan ở In-đô-nê-xi-a.

Sau thất bại của Đảng Cộng sản, từ năm 1927 quyền lãnh đạo phong trào cách mạng chuyển vào tay giai cấp tư sản dân tộc, đứng đầu là Ác-mét Xu-các-nô, lãnh tụ Đảng Dân tộc In-đô-nê-xi-a. Với chủ trương chống đế quốc, đoàn kết các lực lượng dân tộc, tiến hành đấu tranh giành độc lập bằng biện pháp hoà bình và bằng phong trào bất hợp tác với chính quyền thực dân, Đảng Dân tộc đã nhanh chóng giành được uy tín chính trị và trở thành lực lượng dẫn dắt phong trào giải phóng dân tộc ở In-đô-nê-xi-a.

? *Biện pháp đấu tranh của Đảng Dân tộc có điểm gì khác so với Đảng Cộng sản In-đô-nê-xi-a ?*

timdapan.com

2. Phong trào độc lập dân tộc trong thập niên 30 của thế kỉ XX

Đầu thập niên 30 của thế kỉ XX, phong trào đấu tranh chống thực dân Hà Lan tiếp tục dâng cao trên đất nước In-đô-nê-xi-a, tiêu biểu là cuộc khởi nghĩa của các thuỷ binh ở cảng Su-ra-bay-a vào năm 1933. Sau khi đàn áp tàn khốc những người khởi nghĩa, chính quyền thực dân tăng cường khủng bố, bắt giữ các lãnh tụ của Đảng Dân tộc (từ năm 1929 là Đảng In-đô-nê-xi-a) và đặt Đảng ra ngoài vòng pháp luật. Phong trào cách mạng tạm thời lắng xuống trong những năm 1933 – 1937.

Cuối thập niên 30 của thế kỉ XX, trước nguy cơ của chủ nghĩa phát xít, những người cộng sản đã kết hợp với Đảng In-đô-nê-xi-a thành lập Liên minh chính trị In-đô-nê-xi-a, nhằm đoàn kết các lực lượng dân tộc cùng xây dựng một mặt trận thống nhất chống phát xít. Tháng 12 – 1939, Liên minh chính trị In-đô-nê-xi-a, đứng đầu là Xu-các-nô, đã triệu tập Đại hội đại biểu nhân dân, bao gồm đại biểu của 90 đảng phái và các tổ chức chính trị tham dự, biểu thị sự thống nhất dân tộc trong cuộc đấu tranh giành độc lập.

Đại hội đã thông qua Nghị quyết về ngôn ngữ (Bahasa Inđônêxia), Quốc kì (cờ màu đỏ và trắng), Quốc ca (bài *Inđônêxia Raya*). Đại hội đã tuyên bố là cơ quan thường trực của Mặt trận dân tộc thống nhất. Tháng 9 – 1941, Hội đồng nhân dân In-đô-nê-xi-a được thành lập và bày tỏ nguyện vọng cùng hợp tác với chính quyền thực dân chống phát xít Nhật. Trên cơ sở đó, In-đô-nê-xi-a sẽ được trao trả độc lập từ thực dân Hà Lan.

Chính quyền thực dân đã từ chối những yêu cầu chính đáng của phong trào dân tộc In-đô-nê-xi-a. Từ đây, nhân dân In-đô-nê-xi-a bước vào cuộc kháng chiến chống phát xít Nhật.

? *Nêu những diễn biến chính của phong trào độc lập dân tộc ở In-đô-nê-xi-a giữa hai cuộc chiến tranh thế giới.*

III – PHONG TRÀO ĐẤU TRANH CHỐNG THỰC DÂN PHÁP Ở LÀO VÀ CAM-PU-CHIA

1. Phong trào chống Pháp trong những năm 20 của thế kỉ XX

Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, thực dân Pháp tăng cường chính sách khai thác thuộc địa, đặc biệt là ở các nước Đông Dương, nơi được coi là quan trọng và giàu có nhất trong hệ thống thuộc địa của Pháp. Chính sách khai thác tàn bạo và chế độ thuế khoá, lao dịch nặng nề đã làm bùng nổ phong trào đấu tranh chống Pháp ở các nước Đông Dương.

timdapan.com

Ở Lào, cuộc khởi nghĩa của Ong Kẹo và Com-ma-đam diễn ra trong hơn 30 năm đầu thế kỉ XX. Cuộc khởi nghĩa của người Mèo do Chậu Pa-chay lãnh đạo kéo dài trong những năm 1918 – 1922 ở Bắc Lào và Tây Bắc Việt Nam.

Ở Cam-pu-chia, phong trào chống thuế, chống bắt phu bùng lên mạnh mẽ trong những năm 1925 – 1926 ở các tỉnh Prây-veng, Công-pông Chàm, Công-pông Chơ-năng... Tiêu biểu là cuộc nổi dậy của nông dân thuộc huyện Rô-lê-phan ở Công-pông Chơ-năng. Từ đấu tranh chống thuế, chống bắt phu, phong trào chuyển sang đấu tranh vũ trang chống thực dân Pháp. Chính quyền thực dân đàn áp đẫm máu phong trào, hơn 400 người bị tra tấn đến chết.

2. Phong trào chống Pháp trong những năm 30 của thế kỉ XX

Từ năm 1930, sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (từ tháng 10 – 1930 là Đảng Cộng sản Đông Dương) đã mở ra thời kì mới trong phong trào cách mạng ở Đông Dương. Những cơ sở bí mật đầu tiên của Đảng được thành lập ở Lào và Cam-pu-chia. Tuy nhiên, sau khi thực dân Pháp đàn áp được phong trào cách mạng 1930 – 1931 ở Việt Nam, chúng tập trung lực lượng đàn áp dã man những người cộng sản, phá vỡ các cơ sở cách mạng ở hai nước này.

Trong những năm 1936 – 1939, Mặt trận Dân chủ Đông Dương được thành lập, đã tập hợp đông đảo các tầng lớp nhân dân vào cuộc đấu tranh chống bọn phản động thuộc địa, chống phát xít và chống chiến tranh.

Phong trào Mặt trận Dân chủ Đông Dương đã kích thích sự phát triển của phong trào đấu tranh dân chủ ở Lào và Cam-pu-chia. Những người cộng sản có điều kiện hoạt động công khai, xây dựng cơ sở cách mạng của Đảng ở những thành phố lớn như Viêng Chăn và Phnôm Pênh... Các lực lượng dân tộc chủ nghĩa cũng tăng cường hoạt động, phê phán chế độ thuộc địa, chủ trương giành độc lập một cách ôn hoà từ tay người Pháp, tiêu biểu là nhóm Pắc Chuông, Sơn Ngọc Thành ở Cam-pu-chia.

Tháng 9 – 1940, phát xít Nhật vào Đông Dương, phong trào cách mạng ở Lào và Cam-pu-chia chuyển sang thời kì đấu tranh chống phát xít Nhật và thực dân Pháp.

? *Nêu những diễn biến chính của phong trào cách mạng ở Lào và Cam-pu-chia trong thời gian giữa hai cuộc chiến tranh thế giới.*

timdapan.com

IV – CUỘC ĐẤU TRANH CHỐNG THỰC DÂN ANH Ở MÃ LAI VÀ MIẾN ĐIỆN

1. Phong trào chống thực dân Anh ở Mã Lai

Từ đầu thế kỉ XX, phong trào đấu tranh chống thực dân Anh đã lan rộng trên khắp bán đảo Mã Lai. Ách áp bức nặng nề của chủ nghĩa thực dân, gánh nặng nợ nần chồng chất đã làm bùng nổ những cuộc đấu tranh của nông dân người Mã Lai bản địa và người Mã Lai gốc Hoa, gốc Ấn. Giai cấp tư sản dân tộc thông qua tổ chức Đại hội toàn Mã Lai đã lên tiếng đấu tranh đòi dùng tiếng Mã Lai trong nhà trường, đòi thực hiện quyền tự do dân chủ trong kinh doanh. Nhiều cuộc bãi công lớn của công nhân bùng nổ đòi tăng lương, cải thiện điều kiện làm việc.

Những năm 20 của thế kỉ XX, ở Cu-a-la Lăm-pơ đã xuất hiện các nhóm mácxít và các nghiệp đoàn dân chủ. Trên cơ sở đó, Uỷ ban cách mạng Cômanhđan được thành lập để lãnh đạo phong trào. Sự phát triển của phong trào công nhân đã dẫn tới sự ra đời của Đảng Cộng sản Mã Lai vào tháng 4 – 1930. Trong những năm 1934 – 1936, các cuộc tổng bãi công liên tiếp diễn ra, chính quyền thực dân phải đi đến thoả thuận tăng lương cho công nhân. Tuy nhiên, những khác biệt về tôn giáo và dân tộc ở Mã Lai đã bị thực dân Anh lợi dụng để phá hoại sự thống nhất lực lượng trong phong trào đấu tranh dân tộc.

2. Phong trào chống thực dân Anh ở Miến Điện

Ở Miến Điện, những năm đầu thế kỉ XX đã diễn ra những cuộc nổi dậy của nông dân, công nhân nông nghiệp và binh lính chống lại ách thống trị của chính quyền thực dân Anh. Vào đầu thập niên 20, các nhà sư trẻ, đứng đầu là Ốt-ta-ma, đã khởi xướng phong trào bất hợp tác, không đóng thuế và tẩy chay hàng hoá Anh. Phong trào lôi cuốn đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia.

Trong thập niên 30, học sinh, sinh viên Miến Điện đã phát động phong trào Thakin (phong trào của những người làm chủ đất nước) đòi cải cách quy chế đại học, thành lập trường đại học riêng cho Miến Điện, đòi tách Miến Điện ra khỏi Ấn Độ và được quyền tự trị. Trước áp lực đấu tranh mạnh mẽ của quần chúng, năm 1937, Miến Điện được tách ra, chấm dứt hơn nửa thế kỉ là một tỉnh của Ấn Độ thuộc Anh.

? *Phong trào giải phóng dân tộc ở Mã Lai và Miến Điện diễn ra như thế nào ?*

timdapan.com

V – CUỘC CÁCH MẠNG NĂM 1932 Ở XIÊM

Là nước duy nhất ở Đông Nam Á không bị rơi vào tình trạng thuộc địa, nước Xiêm trên thực tế cũng không giữ được trọn vẹn nền độc lập của mình, bị phụ thuộc về nhiều mặt vào Anh và Pháp. Sự bất mãn của các tầng lớp trong xã hội đối với chế độ quân chủ Ra-ma VII ngày một tăng lên.

Mùa hè năm 1932, một cuộc cách mạng đã xảy ra ở Thủ đô Băng Cốc dưới sự lãnh đạo của giai cấp tư sản, đứng đầu là Pri-đi Pha-nô-mi-ông.

Hình 86. *Pri-đi Pha-nô-mi-ông (1900 _ 1983)*

Pha-nô-mi-ông là thủ lĩnh Đảng Nhân dân, linh hồn của cuộc Cách mạng năm 1932. Ông vạch ra chương trình cải tạo xã hội qua 3 giai đoạn, nhằm cải cách nền chính trị ở Xiêm theo phương thức dân chủ phương Tây. Tuy nhiên, ông không chủ trương đi tới một nền dân chủ triệt để mà vẫn duy trì ngôi vua cùng với sự thiết lập nghị viện, xây dựng chế độ quân chủ lập hiến và tiến hành những cải cách kinh tế – xã hội theo hướng tư sản.

Nhìn chung, cuộc Cách mạng năm 1932 không đem lại kết quả như Pri-đi Pha-nô-mi-ông và nhân dân mong muốn. Những quyền hạn của giai cấp phong kiến, quý tộc vẫn được duy trì. Tuy nhiên, cuộc cách mạng đã tăng cường địa vị của giai cấp tư sản trong các lĩnh vực kinh tế – xã hội, thay thế chế độ quân chủ bằng chế độ quân chủ lập hiến, tạo điều kiện tiến hành các cải cách theo hướng tư sản. Cũng từ đây Xiêm bước sang một thời kì phát triển mới.

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. Nêu những điểm mới trong phong trào dân tộc ở Đông Nam Á giữa hai cuộc chiến tranh thế giới.
2. Sự liên minh chiến đấu chống Pháp của nhân dân ba nước Đông Dương được thể hiện qua những sự kiện tiêu biểu nào ?
3. Hãy nhận xét về cuộc Cách mạng năm 1932 ở Xiêm.

timdapan.com

PHẦN ĐỌC THÊM

Xu-các-nô (1901 _ 1970), lãnh tụ phong trào giải phóng dân tộc In-đô-nê-xi-a

Xu-các-nô sinh ngày 6 – 6 – 1901 tại Bli-ta, thành phố Su-ra-bay-a thuộc Đông Gia-va, con một nhà giáo. Ông tốt nghiệp đại học Y khoa. Năm 1927, ông sáng lập Đảng Dân tộc In-đô-nê-xi-a. Với tư cách là Chủ tịch Đảng, Xu-các-nô nhiều lần tuyên bố đòi thực dân Hà Lan trao trả độc lập cho In-đô-nê-xi-a. Cuối năm 1929, Xu-các-nô và các nhà lãnh đạo Đảng Dân tộc bị chính quyền thực dân bắt giam. Tháng 8 – 1930, thực dân Hà Lan mở phiên toà xét xử Xu-các-nô. Với tài hùng biện, ông đã tự bào chữa trước toà bằng bài phát biểu nổi tiếng "In-đô-nê-xi-a tố cáo", lên án tội ác và sự thống trị của thực dân Hà Lan. Bất chấp dư luận phản đối ở trong và ngoài nước, chính quyền thực dân kết án Xu-các-nô 4 năm tù giam. Do cuộc đấu tranh của nhân dân In-đô-nê-xi-a và bạn bè quốc tế, ngày 31 – 12 – 1931, ông được ra tù trước thời hạn và tiếp tục lãnh đạo phong trào độc lập dân tộc ở In-đô-nê-xi-a.

Tháng 8 – 1933, Xu-các-nô lại bị thực dân Hà Lan bắt và lưu đày tại đảo Kê-xin, sau đó là đảo Ben-cu-len.

Xu-các-nô là Tổng thống đầu tiên của nước Cộng hoà In-đô-nê-xi-a (1945 – 1965). Ông là nhà hoạt động chính trị, lãnh tụ xuất sắc của phong trào giải phóng dân tộc In-đô-nê-xi-a.

(Theo : Phan Ngọc Liên (Chủ biên),
Từ điển tri thức lịch sử phổ thông thế kỉ XX, Sđd, tr. 876 – 877)

Cuộc cách mạng "ngập ngừng" năm 1932 ở Xiêm

Không khí chính trị ở Xiêm ngột ngạt như cái nóng oi bức của mùa hè nhiệt đới. Lòng bất mãn với chế độ quân chủ Ra-ma VII bộc lộ công khai trong câu chuyện thường ngày của quan chức, trí thức và sĩ quan cao cấp.

Sáng sớm 24 – 5 – 1932, người dân thành phố Băng Cốc ngạc nhiên khi thấy một số đơn vị pháo binh và bộ binh bao vây cung điện nhà vua và các cơ quan Chính phủ. Thủ đô bị đặt vào tình trạng báo động, đường phố vắng ngắt, hiệu buôn đóng cửa, chợ búa không có người, nhưng không một tiếng nổ, không một vụ lộn xộn. Các hoàng thân lặng lẽ tập trung dưới sự kiểm soát của quân đội.

... Những người đại diện Đảng Nhân dân gửi đến vua một bức thư, có người gọi đó là "tối hậu thư", viết rằng : "Đảng Nhân dân không hề có ý định xâm đoạt bằng bất cứ cách nào tài sản của Hoàng gia. Mục đích chính là thiết lập chế độ quân chủ lập hiến. Vì vậy, chúng tôi yêu cầu Hoàng thượng trở về kinh đô để trị vì chính thể mới do Đảng Nhân dân thiết lập là chế độ quân chủ lập hiến…".

Bức thư mang chữ kí của 3 vị đại tá cầm đầu quân đội. Rõ ràng là mục tiêu của Đảng Nhân dân không nhằm đạt tới nền cộng hoà có thể chế dân chủ mà chỉ mong muốn chuyển từ nền quân chủ chuyên chế sang quân chủ lập hiến. Ngay từ phút đầu, tiếng kèn cách mạng đã tỏ ra ngập ngừng, do dự...

(Theo : Vũ Dương Ninh, *Lịch sử Vương quốc Thái Lan*,
NXB Giáo dục, H., 1994, tr. 103 – 105)

timdapan.com

Chương X

CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI (1939 _ 1945)

Bài 31 CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI (1939 – 1945)

Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 – 1945) là cuộc chiến tranh lớn nhất, tàn khốc nhất trong lịch sử nhân loại. Chiến tranh diễn ra trên nhiều mặt trận, bao trùm hầu như toàn bộ các châu lục và đại dương. Chiến tranh kết thúc với sự thất bại hoàn toàn của phe phát xít, dẫn tới những biến đổi căn bản trong tình hình thế giới.

I – CON ĐƯỜNG DẪN ĐẾN CHIẾN TRANH. GIAI ĐOẠN ĐẦU CUỘC CHIẾN Ở CHÂU ÂU (TỪ THÁNG 9 – 1939 ĐẾN THÁNG 6 – 1941)

1. Con đường dẫn đến chiến tranh (1931 _ 1939)

Từ cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới (1929 – 1933), ba nước Đức, I-ta-li-a và Nhật Bản đã đi theo đường lối gây chiến tranh chia lại thế giới. Đức và Nhật Bản rút khỏi Hội Quốc liên (1933) để cùng với I-ta-li-a liên kết thành khối liên minh phát xít Đức – I-ta-li-a – Nhật (1937), được mệnh danh là "*Trục Béc-lin _ Rô-ma _ Tô-ki-ô*", hay gọi tắt là *phe Trục*. Khối liên minh này vừa chống Quốc tế Cộng sản (ám chỉ Liên Xô), vừa nhằm gây chiến tranh chia lại thế giới.

Từ năm 1931 đến năm 1937, Nhật Bản mở rộng chiến tranh xâm lược Trung Quốc, chiếm các tỉnh miền Đông ; khiêu khích biên giới Trung – Xô. Phát xít I-ta-li-a xâm lược Ê-ti-ô-pi-a (1935), cùng với Đức giúp đảng phát xít của Phran-cô gây nội chiến ở Tây Ban Nha, lật đổ Chính phủ Cộng hoà. Hít-le đẩy mạnh chiến tranh xâm lược hướng tới mục tiêu thành lập một nước "Đại Đức" bao gồm các lãnh thổ có dân Đức sinh sống ở châu Âu.

Trước các cuộc xâm lược của liên minh phát xít, các cường quốc tư bản dân chủ và Liên Xô lại không có một đường lối hành động chung.

timdapan.com

Hoa Kì là nước giàu mạnh nhất, nhưng lại theo *"chủ nghĩa biệt lập"* ở Tây bán cầu, không tham gia Hội Quốc liên và không can thiệp vào các sự kiện ở bên ngoài châu Mĩ.

Liên Xô coi chủ nghĩa phát xít là kẻ thù nguy hiểm nhất, nên đã chủ trương hợp tác với các nước tư bản dân chủ để chống phát xít và nguy cơ chiến tranh.

Anh và Pháp cùng lo sợ sự bành trướng của chủ nghĩa phát xít, đồng thời vẫn thù ghét chủ nghĩa cộng sản. Vì thế, họ không liên kết chặt chẽ với Liên Xô để cùng chống phát xít, mà thực hiện *chính sách nhượng bộ phát xít* để đổi lấy hoà bình.

Hình 87. *Lược đồ Đức _ I-ta-li-a gây chiến và bành trướng (từ tháng 10 _ 1935 đến tháng 8 _ 1939)*

Để thành lập nhà nước "Đại Đức", trước hết Hít-le quyết định sáp nhập Áo – một nước cùng dân tộc với Đức – vào nước Đức.

Tháng 3 – 1938, quân Đức kéo vào chiếm đóng Thủ đô Viên "để ngăn chặn một âm mưu cộng sản", rồi phế truất luôn Thủ tướng và sáp nhập Áo vào nước Đức.

timdapan.com

Tiếp đó, Hít-le chủ trương mở rộng nước "Đại Đức" bằng cách yêu cầu Chính phủ Tiệp Khắc chuyển giao xứ Xuy-đét, một vùng biên giới có khoảng 3 triệu người gốc Đức sinh sống. Chính phủ Tiệp Khắc chấp thuận cho Xuy-đét được tự trị, nhưng chống lại việc sáp nhập xứ này vào Đức. Vấn đề Xuy-đét dẫn đến sự tranh chấp giữa Đức, Tiệp Khắc, Liên Xô, Anh và Pháp..., làm cho tình hình thế giới thêm căng thẳng.

Tại Hội nghị Muy-ních (29 – 9 – 1938) không có Tiệp Khắc và Liên Xô tham dự, một hiệp định đã được kí kết. Theo đó, Anh – Pháp trao vùng Xuy-đét của Tiệp Khắc cho Đức, để đổi lấy sự cam kết của Hít-le về việc chấm dứt mọi cuộc thôn tính ở châu Âu.

Nhưng chỉ 6 tháng sau ngày chiếm xong Xuy-đét, Hít-le đã thôn tính toàn bộ Tiệp Khắc (3 – 1939), sáp nhập các xứ Bô-hêm và Mô-ra-va của nước này vào "Đại Đức", còn xứ Slô-va-ki-a thì được "độc lập" dưới sự bảo hộ của Đức. Noi theo Hít-le, Mút-xô-li-ni cũng cho quân chiếm An-ba-ni.

Chính sách nhượng bộ của Anh – Pháp đã không cứu được hoà bình, mà lại khuyến khích bọn phát xít đẩy mạnh chiến tranh xâm lược.

Vừa chiếm xong Tiệp Khắc, Hít-le liền đòi Ba Lan trao trả cho Đức thành phố cảng Đăng-dích (nay là Gơ-đan-xcơ) và dải đất ở "Hành lang Ba Lan" nối liền vùng Đông Phổ với lãnh thổ Đại Đức. Chính phủ Ba Lan khước từ. Anh – Pháp hiểu rằng không thể tiếp tục nhượng bộ thêm nữa, nên đã kí với Ba Lan và nhiều nước châu Âu khác các hiệp ước liên minh. Anh – Pháp cũng tiến hành đàm phán với Liên Xô, nhưng sự nghi kị lẫn nhau đã làm cho các cuộc hội đàm không đi đến kết quả. Đức quyết định đánh chiếm Ba Lan.

Liên Xô và Đức kí Hiệp ước không xâm lược nhau ngày 23 – 8 – 1939, tạm hoà hoãn để tránh chiến tranh và bảo vệ quyền lợi mỗi nước trong tình thế lúc bấy giờ. Anh – Pháp phải đối đầu với nước Đức đã sẵn sàng xâm lược Ba Lan.

? – *Dựa vào lược đồ, trình bày các hoạt động gây chiến và bành trướng của Đức và I-ta-li-a trong những năm 1935 – 1939.*

– *Qua các sự kiện diễn ra trong quá trình dẫn đến chiến tranh, hãy phân tích nguyên nhân bùng nổ của Chiến tranh thế giới thứ hai.*

2. Chiến tranh thế giới bắt đầu giữa Đức với Ba Lan và Anh _ Pháp (từ tháng 9 _ 1939 đến tháng 4 _ 1940)

Rạng sáng 1 – 9 – 1939, quân đội Đức tấn công Ba Lan. Hai ngày sau, Anh và Pháp tuyên chiến với Đức. Thế là ba cường quốc ở châu Âu cùng với Ba Lan chính thức tham chiến. Chiến tranh thế giới bắt đầu.

timdapan.com

Với ưu thế tuyệt đối về sức mạnh quân sự, quân Đức lần đầu tiên áp dụng chiến lược "Chiến tranh chớp nhoáng" đã nhanh chóng đánh tan quân đội Ba Lan và bao vây Thủ đô Vác-sa-va. Chính phủ Ba Lan rời khỏi đất nước sang lưu vong tại Anh. Thủ đô Ba Lan bị oanh tạc tan nát vẫn anh dũng kháng cự đến ngày 28 – 9 – 1939.

Liên quân Anh – Pháp dàn trận dọc theo biên giới phía tây nước Đức, củng cố phòng tuyến Ma-gi-nô, nhưng không tấn công Đức và cũng không có hành động quân sự nào đỡ đòn cho Ba Lan. Vì vậy, phát xít Đức đã chiếm xong Ba Lan sau gần 1 tháng và sáp nhập nước này vào "Đại Đức" (trừ miền Đông Ba Lan).

Liên Xô đã tiến hành những hoạt động quân sự và chính trị để giành lại những lãnh thổ thuộc đế quốc Nga trước đây, đã bị mất trong thời kì nội chiến và can thiệp vũ trang của nước ngoài.

Hồng quân tiến vào miền Đông Ba Lan (từ ngày 17 – 9 – 1939) để đưa miền này trở lại lãnh thổ Liên Xô. Chiến tranh giữa Liên Xô với Phần Lan (từ tháng 11 – 1939 đến tháng 3 – 1940) đã buộc Phần Lan phải chuyển giao cho Liên Xô eo đất Ka-rê-li. Ba nước vùng Ban-tích là Lít-va, Lát-vi-a và E-xtô-ni-a lại sáp nhập vào Liên bang Xô viết (8 – 1940). Vương quốc Ru-ma-ni cũng buộc phải chuyển giao vùng Bét-xa-ra-bi cho Liên Xô.

? *Vì sao Đức có thể xâm chiếm Ba Lan một cách nhanh chóng ?*

3. Phe Trục xâm chiếm và thống trị phần lớn châu Âu

Tháng 4 – 1940, phát xít Đức chuyển hướng tấn công từ phía đông sang phía tây bằng việc xâm chiếm Đan Mạch và Na Uy. Cuộc tấn công của Đức ở Mặt trận phía Tây (từ ngày 10 – 5 đến ngày 4 – 6 – 1940) cũng diễn ra theo chiến lược "Chiến tranh chớp nhoáng", buộc Hà Lan, Bỉ, Lúc-xăm-bua đầu hàng, rồi đánh thọc sâu vào nước Pháp ; tàn quân Anh – Pháp phải tháo chạy sang Anh.

Chính phủ Pháp bỏ Pa-ri chạy về Tua, đưa Thống chế Pê-tanh lên cầm quyền để xin đình chiến với Đức. Nước Pháp đã bại trận sau 6 tuần chiến đấu.

Theo Hiệp định đình chiến kí ngày 22 – 6 – 1940, nước Đức chiếm đóng 3/4 lãnh thổ Pháp, bao gồm miền Bắc cùng vùng ven biển Đại Tây Dương. Thủ đô Pa-ri cũng bị Đức chiếm đóng. Chính phủ Pháp do Pê-tanh làm Quốc trưởng đóng tại thị trấn Vi-si, nắm quyền tự trị một vùng ở phía nam nước Pháp và làm tay sai cho Đức.

timdapan.com

Từ tháng 7 – 1940, không quân Đức tiến hành oanh tạc nước Anh, tàn phá nặng nề nhiều thành phố lớn. Nước Anh quyết chiến đấu đến cùng. Do Anh vẫn giành được ưu thế về không quân và hải quân so với Đức, đồng thời từ tháng 9 – 1940, Mĩ bắt đầu viện trợ cho Anh, nên kế hoạch đổ bộ của Đức lên nước Anh không thực hiện được.

Hình 88. *Quân Đức tiến vào Pa-ri (6 _ 1940)*

Tháng 9 – 1940, Hiệp ước Tam cường Đức – I-ta-li-a – Nhật Bản được kí tại Béc-lin, phân chia phạm vi thống trị của Đức và I-ta-li-a ở châu Âu, của Nhật Bản ở Viễn Đông.

Tiếp đó, phát xít Đức chuyển sang bành trướng ở Đông và Nam Âu. Hít-le dùng những thủ đoạn chính trị khôn khéo, kết hợp với sức ép quân sự đã lôi kéo được Ru-ma-ni (10 – 1940), Hung-ga-ri (11 – 1940) và Bun-ga-ri (3 – 1941) gia nhập Hiệp ước Tam cường của phe Trục, mở đường cho Đức tiến quân vào ba nước này.

Đức đã thất bại trong việc lôi kéo Nam Tư theo phe Trục ; còn I-ta-li-a cũng thất bại trong việc xâm lược Hi Lạp (10 – 1940). Trước tình hình đó, phát xít Đức liền tấn công Nam Tư và Hi Lạp (4 – 1941). Cả vùng Đông và Nam Âu (toàn bộ bán đảo Ban-căng) thuộc về Đức.

Đến giữa năm 1941, phe Trục đã thống trị phần lớn châu Âu.

? *Hãy trình bày quá trình hình thành và củng cố liên minh phát xít. Ba nước Đức, I-ta-li-a và Nhật Bản đã phân chia phạm vi thống trị trên thế giới như thế nào ?*

timdapan.com

II – CHIẾN TRANH LAN RỘNG KHẮP THẾ GIỚI (TỪ THÁNG 6 – 1941 ĐẾN THÁNG 6 – 1944)

1. Đức tấn công Liên Xô (từ tháng 6 _ 1941 đến tháng 11 _ 1942). Chiến sự tại Bắc Phi

Hình 89. Liên Xô phản công trong trận Mát-xcơ-va

Ngày 22 – 6 – 1941, phát xít Đức tấn công Liên Xô, xé bỏ Hiệp ước Xô – Đức không xâm lược nhau. Tận dụng ưu thế về trang thiết bị kĩ thuật và yếu tố bất ngờ, quân Đức vẫn tiến hành "Chiến tranh chớp nhoáng" dự định đánh bại Liên Xô trong vòng từ 6 đến 8 tuần lễ. Ba đạo quân Đức gồm 5,5 triệu người đồng loạt tấn công, đánh thiệt hại nặng quân đội Xô viết, tiến sâu vào chiếm một vùng lãnh thổ rộng lớn của Liên Xô. Sau 3 tháng, đạo quân phía bắc đã bao vây Lê-nin-grát (tức Xanh Pê-téc-bua), đạo quân trung tâm tiến tới ngoại vi Thủ đô Mát-xcơ-va và đạo quân phía nam đã chiếm Ki-ép, phần lớn U-crai-na. Nhưng Liên Xô vẫn đứng vững. Thành phố Lê-nin-grát bị bao vây suốt 900 ngày đêm, với gần 1 triệu người chết vì đói rét và bom đạn, vẫn kiên cường chiến đấu cho đến ngày được giải phóng.

Hình 90. Chiến đấu trong thành phố Xta-lin-grát

Cuối năm 1941, quân Đức mở 2 cuộc tấn công mãnh liệt vào Mát-xcơ-va hòng kết thúc chiến tranh, nhưng đã bị quân và dân Liên Xô bẻ gãy. Trong mùa đông

timdapan.com

năm ấy, Hồng quân do tướng Giu-cốp chỉ huy đã phản công đẩy lùi quân địch cách xa Thủ đô hàng trăm kilômét, đánh thiệt hại nặng đạo quân trung tâm, làm thất bại hoàn toàn chiến lược "Chiến tranh chớp nhoáng" của Đức.

Sau thất bại ở Mát-xcơ-va, mùa hè năm 1942, quân Đức chuyển mũi nhọn tiến công xuống phía nam, nhằm chiếm vùng lương thực và dầu mỏ quan trọng nhất của Liên Xô ở đây, đồng thời cắt đứt nguồn tiếp tế chủ yếu của Hồng quân. Muốn làm chủ vùng này, quân Đức phải chiếm được thành phố Xta-lin-grát[1]. Cuộc chiến đấu bảo vệ Xta-lin-grát đã diễn ra vô cùng ác liệt suốt hơn 2 tháng.

Ở Mặt trận Bắc Phi, ngay từ tháng 9 – 1940, quân I-ta-li-a từ Li-bi (thuộc I-ta-li-a) đã tấn công Ai Cập (thuộc Anh). Nhưng đến cuối năm, quân Anh đã đánh bại địch và tiến vào Li-bi.

Trong trận En A-la-men (diễn ra từ 23 – 10 đến 4 – 11 – 1942), quân Anh do Thống chế Mông-gô-mê-ri chỉ huy đã đánh bại quân Đức – I-ta-li-a ở Ai Cập, giành lại ưu thế ở Bắc Phi và chuyển sang phản công trên toàn mặt trận.

? Chiến lược "Chiến tranh chớp nhoáng" của Đức đã bị thất bại như thế nào ? Tại sao chiến lược đó lại thất bại trong cuộc tấn công Liên Xô ?

2. Nhật Bản khai chiến với Mĩ _ Anh. Chiến tranh Thái Bình Dương bùng nổ (từ tháng 12 _ 1941 đến tháng 11 _ 1942)

Trận Trân Châu cảng (7 – 12 – 1941) mở đầu cuộc chiến tranh Thái Bình Dương giữa Nhật Bản với Mĩ – Anh. Hạm đội Nhật đã bí mật, bất ngờ tấn công hạm đội Thái Bình Dương của Mĩ tại Trân Châu cảng (thuộc quần đảo Ha-oai). Hạm đội Mĩ bị thiệt hại nặng. Mĩ buộc phải tham gia chiến tranh thế giới.

Hình 91. *Trận Trân Châu cảng (12 _1941)*

Ngày 1 – 1 – 1942 tại Oa-sinh-tơn, 26 quốc gia (đứng đầu là ba cường quốc Liên Xô, Mĩ, Anh) đã kí bản *Tuyên ngôn Liên hợp quốc*, khẳng định quyết tâm chiến đấu đến cùng chống chủ nghĩa phát xít. Với bản Tuyên ngôn này, khối Đồng minh chống phát xít đã chính thức hình thành. Cuối tháng 11 – 1943, nguyên thủ của ba cường quốc là Xta-lin (Liên xô), Ru-dơ-ven (Mĩ) và Sớc-sin (Anh) đã họp tại Tê-hê-ran để thống nhất đường lối tiến hành chiến tranh.

(1) Nay là Von-ga-grát.

timdapan.com

Ngay từ tháng 9 – 1940, quân Nhật đã xâm nhập Đông Dương, buộc chính quyền thực dân Pháp phải nhượng bộ. Khi chiến tranh Thái Bình Dương bùng nổ, quân Nhật tiếp tục tiến hành việc đánh chiếm khu vực Đông Nam Á. Nhật Bản kéo quân vào Thái Lan, kí hiệp ước liên minh với nước này và Thái Lan tuyên chiến với Mĩ – Anh. Nhật đánh chiếm Mã Lai (1 – 1942), "đảo pháo đài" Xin-ga-po (2 – 1942). Miến Điện (5 –1942), Phi-líp-pin (5 – 1942).

Hình 92. Lược đồ chiến trường châu Á _ Thái Bình Dương (1941 _ 1945)

Nhật Bản tiếp tục mở rộng bành trướng ở Thái Bình Dương.

Tháng 4 – 1942, Nhật Bản chiếm phần lớn đảo Tân Ghi-nê, trực tiếp uy hiếp Ô-xtrây-li-a, nhưng bị quân Mĩ chặn lại trong trận hải chiến ở Biển San hô (5 – 1942). Tiếp đó, quân Nhật thực hiện kế hoạch bành trướng ở trung tâm Thái Bình Dương, nhưng bị Mĩ đánh bại trong trận Mít-uây – trận hải chiến lớn nhất của lịch sử chiến tranh (6 – 1942). Tháng 7 – 1942, quân Nhật tiến đánh quần đảo Xa-lô-mông, cũng lại bị quân Mĩ chặn đánh tại Gua-đan-ca-nan – đảo chủ yếu của quần đảo này...

Năm 1942, quân phiệt Nhật đã bành trướng đến tối đa, thống trị gần 8 triệu km^2 đất đai với 500 triệu dân ở Đông Á, Đông Nam Á và Thái Bình Dương.

? – *Tại sao Nhật Bản khai chiến với Mĩ – Anh ở Thái Bình Dương ? Hãy tường thuật việc khai chiến, quá trình xâm lược và bành trướng của Nhật trên lược đồ chiến trường châu Á – Thái Bình Dương (1941 – 1945).*

– *Khối Đồng minh chống phát xít được hình thành như thế nào ? Tại sao ba nước Mĩ, Anh, Liên Xô trước chiến tranh không có đường lối hành động chung, nhưng trong chiến tranh lại liên kết được với nhau ?*

timdapan.com

3. "Trật tự mới" của phe Trục và phong trào kháng chiến chống phát xít

Hiệp ước Tam cường đã tuyên bố mục đích của phe Trục là thiết lập "trật tự mới" trên thế giới, thay cho trật tự cũ đã lỗi thời.

Sự thống trị của phát xít Đức đã tạo ra cái gọi là "trật tự mới" ở châu Âu.

Đối với các nước bị chiếm đóng, phát xít Đức thống trị bằng bạo lực và khủng bố (của lực lượng mật vụ *Ghestapô, cảnh vệ SS* và quân đội Đức). Hít-le ra sức vơ vét nhân lực (hơn 7 triệu dân ở các nước châu Âu bị đưa sang Đức làm lao động khổ sai) và thẳng tay bóc lột kinh tế để phục vụ chiến tranh. Chính sách phân biệt chủng tộc cực kì tàn bạo được áp dụng. Người Xla-vơ (Nga, Ba Lan...) bị coi như nô lệ, có thể bị bắn giết bất cứ lúc nào. Riêng người Do Thái bị Hít-le dành cho "giải pháp cuối cùng", nghĩa là tiêu diệt toàn bộ. Họ bị dồn vào các "*ghettô*" (khu cách li) và bị tàn sát hàng loạt. Cho đến năm 1945, hơn 5 triệu người Do Thái (tức 70% dân Do Thái ở châu Âu và 40% dân Do Thái trên toàn thế giới) đã bị giết hại. Các trại tập trung với phòng hơi ngạt và lò thiêu người là sản phẩm tiêu biểu cho "trật tự mới" của phát xít Đức.

Hình 93. *Trẻ em trong trại tập trung của phát xít Đức*

Nhật Bản tuyên bố lập "Khu vực thịnh vượng chung Đại Đông Á" với khẩu hiệu "Châu Á của người châu Á". Nhưng họ đã thiết lập ở đây ách thống trị đầy bạo lực và khủng bố (bằng cơ quan mật vụ Kempâytai và quân đội Nhật Bản), với các chính phủ bù nhìn bản xứ như : Chính phủ Nam Kinh của Uông Tinh Vệ ở Trung Quốc (1940), các chính phủ tự trị của Miến Điện và Phi-líp-pin (1943)...

Phong trào kháng chiến của nhân dân các nước châu Âu phát triển mạnh dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản (được Liên Xô ủng hộ) và của các chính phủ lưu vong (được Mĩ – Anh giúp đỡ).

Tại Pháp, Đảng Cộng sản và nhiều tổ chức khác đã thành lập lực lượng kháng chiến trong nước (F.F.I). Tướng Đờ Gôn sang Anh lãnh đạo lực lượng Pháp Tự do (F.F.L),

timdapan.com

dựa vào các thuộc địa của Pháp và sự trợ giúp của Anh – Mĩ để chiến đấu. Tại Nam Tư, phong trào kháng chiến của Đảng Cộng sản do Nguyên soái Ti-tô đứng đầu, với 30 vạn quân giải phóng đương đầu thắng lợi với 24 sư đoàn quân phát xít. Tại Ba Lan, Đảng Cộng sản đã thành lập "Quân đội nhân dân", còn lực lượng trung thành với chính phủ lưu vong lập ra "Quân đội trong nước" để kháng chiến. Người Do Thái ở Vác-sa-va nổi dậy (4 – 1943) ; tổ chức "Quân đội trong nước" phát động khởi nghĩa (8 – 1944) nhưng đều bị đàn áp đẫm máu. Tại Hi Lạp, I-ta-li-a, An-ba-ni..., chiến tranh du kích phát triển mạnh mẽ.

Tại Liên Xô, chiến tranh du kích trong vùng bị địch chiếm đã làm rung chuyển hậu phương quân Đức.

Phong trào kháng chiến ở Đông Á cũng lên cao.

Tại Trung Quốc, hàng triệu dân quân, du kích của Đảng Cộng sản hoạt động sau lưng địch, đã giam chân nửa số quân Nhật ở đây. Tại Đông Nam Á, Đảng Cộng sản lãnh đạo phong trào kháng Nhật ở Việt Nam (Mặt trận Việt Minh), Phi-líp-pin (Phong trào du kích Huk-ba-la-háp) và Mã Lai (Quân đội nhân dân chống Nhật). Phong trào ở Miến Điện, Xin-ga-po và In-đô-nê-xi-a do giới trí thức tiểu tư sản đứng đầu, có sự hợp tác của Đảng Cộng sản.

? *– Hãy trình bày về "trật tự mới" của phe Trục ở châu Âu và châu Á. Em có suy nghĩ gì về trật tự mới đó ?*

– Phong trào kháng chiến ở những nước bị phát xít chiếm đóng diễn biến ra sao ?

4. Quân Đồng minh phản công (từ tháng 11 – 1942 đến tháng 6 – 1944)

Trận phản công tại Xta-lin-grát (từ ngày 19 – 11 – 1942 đến ngày 2 – 2 – 1943) của quân đội Liên Xô đã tạo nên bước ngoặt xoay chuyển tình thế của cuộc chiến tranh thế giới : ưu thế chuyển từ phe Trục sang phe Đồng minh. Trong trận đánh lớn này, Hồng quân đã tấn công, bao vây, chia cắt để tiêu diệt và bắt sống toàn bộ đạo quân tinh nhuệ của Đức gồm 33 vạn người do Thống chế Phôn Pao-lút chỉ huy. Kể từ đây, Liên Xô và phe Đồng minh chuyển sang tấn công trên khắp các mặt trận.

Trong trận Cuốc-xcơ (từ 5 – 7 đến 23 – 8 – 1943), Hồng quân đã nhanh chóng bẻ gãy cuộc tấn công của địch, chuyển sang phản công tiêu diệt và đánh tan 30 sư đoàn (có 7 sư đoàn xe tăng), loại khỏi vòng chiến 50 vạn quân Đức. Hồng quân liên tục tấn công, giải phóng lãnh thổ : tiến vào U-crai-na (cuối năm 1943), giải vây Lê-nin-grát (1 – 1944)... Đến tháng 6 – 1944, phần lớn lãnh thổ trước chiến tranh của Liên Xô được giải phóng.

timdapan.com

Hình 94. *Lược đồ trận phản công Xta-lin-grát*

Trên Mặt trận Bắc Phi, ngày 8 – 11 – 1942, quân Mĩ đổ bộ vào An-giê-ri và Ma-rốc (có quân Pháp Tự do tham gia). Quân Anh (phía đông) và quân Mĩ (phía tây) dồn đuổi quân phát xít ở Li-bi chạy về Tuy-ni-di. Ngày 12 – 5 – 1943, toàn bộ quân Đức, I-ta-li-a ở Tuy-ni-di phải đầu hàng (20 vạn quân bị bắt làm tù binh), liên quân Đức – I-ta-li-a bị quét sạch khỏi châu Phi.

Tiếp đó, Đồng minh đổ bộ đánh chiếm đảo Xi-xi-li-a (7 – 1943), mở đầu cuộc tấn công vào I-ta-li-a. Tại Rô-ma, chính phủ phát xít bị lật đổ, Mút-xô-li-ni bị tống giam. Thống chế Ba-đô-gli-ô lập chính phủ mới ở I-ta-li-a, đầu hàng Đồng minh (9 – 1943) và tuyên chiến với Đức. Hít-le liền cho quân chiếm đóng I-ta-li-a để giải thoát Mút-xô-li-ni nhưng chế độ phát xít I-ta-li-a đã sụp đổ. Đồng minh tiến vào miền Nam I-ta-li-a (từ tháng 1 – 1943 đến tháng 12 – 1943) và Thủ đô Rô-ma (6 – 1944).

Ở Mặt trận châu Á – Thái Bình Dương cũng diễn ra những chuyển biến quan trọng.

Trận tiến công của quân đội Mĩ tại Gua-đan-ca-nan (từ tháng 8 – 1942 đến tháng 1 – 1943) diễn ra rất quyết liệt, quân Nhật bị thiệt hại nặng, buộc phải rút lui. Từ đây, Mĩ chuyển sang phản công trên toàn chiến trường. Bằng chiến thuật "nhảy cóc", quân Mĩ chiếm lại quần đảo Xa-lô-mông (từ tháng 1 – 1943 đến

timdapan.com

tháng 11 – 1943), đánh chiếm quần đảo Gin-be (11 – 1943) và quần đảo Mác-san (2 –1944) ; sau đó, với chiến thuật "nhảy cừu", đánh thẳng vào đảo Sai-pan để chiếm quần đảo Ma-ri-an (6 – 1944). Quân Mĩ cũng chiếm lại Tân Ghi-nê (từ tháng 9 – 1943 đến tháng 7 – 1944).

? *Dựa vào lược đồ, tường thuật diễn biến của trận phản công Xta-lin-grát.*

III – GIAI ĐOẠN KẾT THÚC (TỪ THÁNG 6 – 1944 ĐẾN THÁNG 8 – 1945). KẾT CỤC VÀ ẢNH HƯỞNG CỦA CHIẾN TRANH

1. Phát xít Đức bị tiêu diệt

Ngày 6 – 6 – 1944, liên quân Mĩ – Anh và Đồng minh với 3,5 triệu quân đổ bộ vào Noóc-măng-đi (Bắc Pháp), mở ra Mặt trận thứ hai, tấn công quân Đức ở Tây Âu. Từ đây, phát xít Đức lâm vào tình thế nguy ngập, buộc phải chiến đấu cùng một lúc trên cả hai mặt trận (phía đông chống Liên Xô và phía tây chống Mĩ – Anh).

Hình 95. *Cuộc đổ bộ vào Noóc-măng-đi*

Quân đổ bộ tiến vào nước Pháp. Ngày 15 – 8 – 1944, quân Mĩ và quân Pháp Tự do lại đổ bộ ở Prô-văng-xơ (Nam Pháp). Hai cánh quân này đuổi quân Đức về biên giới. Lực lượng kháng chiến trong nước Pháp (F.F.I) cũng nổi dậy khởi nghĩa, giải phóng nhiều vùng rộng lớn, làm chủ Thủ đô. Cánh quân Mĩ của Tướng Pát-tơn (có sư đoàn Pháp của tướng Lơ-cờ-léc phối hợp) tiến vào Pa-ri (25 – 8). Chính phủ Lâm thời Pháp do tướng Đờ Gôn đứng đầu được thành lập, chính quyền Pê-tanh bị giải tán. Toàn bộ nước Pháp được giải phóng (9 – 1944). Tiếp sau, quân Đồng minh tiến vào giải phóng nhiều nước Tây Âu khác, như Bỉ, Hà Lan, Lúc-xăm-bua và chuẩn bị tấn công nước Đức.

Chiến dịch giải phóng Bê-lô-rút-xi-a (từ tháng 6 – 1944 đến tháng 8 – 1944) của Liên Xô đã đánh tan đạo quân trung tâm mạnh nhất của Đức, tiêu diệt 17 sư đoàn địch. Quân Đức bị quét sạch khỏi lãnh thổ Liên Xô. Hồng quân tiến vào giải phóng các nước Đông Âu.

timdapan.com

Tháng 7 – 1944, Hồng quân Liên Xô tiến vào Ba Lan ; tháng 8, giải phóng Ru-ma-ni ; tháng 9, giải phóng Bun-ga-ri, tiến vào Slô-va-ki-a. Tháng 10, Hồng quân tiến vào ba nước vùng Ban-tích, phối hợp với quân của Nguyên soái Ti-tô giải phóng Nam Tư, tiến vào Hung-ga-ri và tấn công Thủ đô Bu-đa-pét. Cuộc tổng tấn công đại thắng đã đưa Hồng quân đến sát biên giới nước Đức.

Trước khi kết thúc chiến tranh với Đức, Hội nghị giữa nguyên thủ của ba cường quốc Đồng minh là Xta-lin, Ru-dơ-ven và Sớc-sin được tổ chức tại I-an-ta (Liên Xô, tháng 2 – 1945) Hội nghị đã phân chia khu vực chiếm đóng nước Đức và châu Âu, đề ra đường lối tổ chức lại thế giới sau chiến tranh...

Cuộc tấn công nước Đức ở Mặt trận phía Đông bắt đầu ngày 12 – 1 – 1945, đã diễn ra với lực lượng của 5 đạo quân Liên Xô (bao gồm 6 triệu người) mạnh hơn quân Đức về mọi mặt. Phát xít Đức vẫn tập trung phần lớn lực lượng về phía đông chống Liên Xô.

Ba đạo quân của các nguyên soái Giu-cốp, Kô-nép và Rô-cô-xốp-xki tiến vào nước Đức, bao vây Thủ đô Béc-lin và tiến đến sông En-bơ.

Cuộc tấn công nước Đức ở Mặt trận phía Tây của quân Anh – Mĩ và các nước Đồng minh khác, dưới quyền tướng Ai-xen-hao, bắt đầu từ tháng 2 – 1945. Tháng 3 – 1945, quân Đồng minh vượt sông Ranh tràn vào nước Đức.

Hình 96. *Hồng quân Liên Xô cắm cờ chiến thắng trên nóc toà nhà Quốc hội Đức*

Trận tấn công Béc-lin (từ 16 – 4 đến 2 – 5 – 1945) diễn ra vô cùng ác liệt. Hồng quân Liên Xô đã đập tan sự kháng cự của 1 triệu quân phát xít. Quân đội Anh – Mĩ và quân đội Liên Xô đã gặp nhau tại Toóc-gâu – bên bờ sông En-bơ (26 – 4 – 1945). Ngày 30 – 4 – 1945, Hồng quân cắm cờ chiến thắng trên nóc toà nhà Quốc hội Đức, Hít-le tự sát dưới hầm chỉ huy. Ngày 2 – 5, Béc-lin treo cờ trắng đầu hàng. Cùng ngày, quân Đức tại I-ta-li-a cũng đầu hàng (trước đó Mút-xô-li-ni bị du kích I-ta-li-a bắt và xử tử).

Ngày 9 – 5 – 1945, nước Đức kí hiệp định đầu hàng không điều kiện, chiến tranh đã chấm dứt ở châu Âu.

timdapan.com

Tại nước Đức, Hội nghị Pốt-xđam (từ 17 – 7 đến 2 – 8 – 1945) giữa các nguyên thủ của ba cường quốc Liên Xô, Mĩ, Anh được tổ chức để giải quyết các vấn đề sau chiến tranh ở châu Âu và việc tiêu diệt hoàn toàn phát xít Nhật.

Hãy tường thuật diễn biến cuộc đổ bộ vào Noóc-măng-đi và nêu ý nghĩa của việc mở Mặt trận thứ hai ở Tây Âu.

2. Nhật Bản đầu hàng

Cuộc phản công tại Miến Điện (từ tháng 10 – 1944 đến tháng 8 – 1945) do liên quân Anh – Ấn và Mĩ – Hoa (bao gồm 75 vạn quân) tiến hành, dưới sự chỉ huy của Đô đốc Anh Mao-bát-tơn, đã liên tiếp giành thắng lợi. Quân Đồng minh tiến vào Thủ đô Ran-gun, quét sạch 20 vạn quân Nhật và giải phóng Miến Điện.

Cuộc chiến giành quần đảo Phi-líp-pin (từ tháng 10 – 1944 đến tháng 6 – 1945) diễn ra quyết liệt. Dưới sự chỉ huy của tướng Mác Ác-tơ, quân Mĩ đã tiêu diệt 30 vạn quân Nhật phòng thủ ở Phi-líp-pin và chiếm lại nước này.

Hình 97. *Quân Mĩ dựng cờ chiến thắng ở I-vô-gi-ma*

Từ cuối năm 1944, Mĩ tiến hành các cuộc ném bom ồ ạt xuống Nhật Bản. Quân Mĩ đã đánh chiếm các đảo cực Nam thuộc lãnh thổ nước này là I-vô-gi-ma (tháng 2 và 3 – 1945) và Ô-ki-na-oa (từ tháng 4 đến tháng 6 – 1945), tiêu diệt phần lớn lực lượng hải quân và không quân Nhật Bản.

Ngày 6 – 8 – 1945, quả bom nguyên tử đầu tiên của Mĩ ném xuống Nhật Bản đã huỷ diệt thành phố Hi-rô-si-ma (8 vạn người thiệt mạng, 7 vạn người bị thương). Ngày 8 – 8, Liên Xô tuyên chiến với Nhật Bản và tấn công đạo quân Quan Đông gồm 70 vạn quân Nhật ở Mãn Châu. Ngày 9 – 8, Mĩ ném tiếp quả bom nguyên tử thứ hai, phá huỷ thành phố Na-ga-xa-ki của Nhật Bản (giết hại 2 vạn người và làm bị thương 3 vạn người). Ngày 15 – 8, Nhật Bản chấp nhận đầu hàng không điều kiện.

– Cuộc phản công của quân Đồng minh trong giai đoạn cuối của chiến tranh (từ tháng 6 – 1944 đến tháng 8 – 1945) để đánh bại Nhật Bản diễn ra như thế nào ?

– Nêu nhận xét về việc Mĩ ném bom nguyên tử xuống Nhật Bản.

timdapan.com

3. Kết cục của Chiến tranh thế giới thứ hai

Kết cục của chiến tranh là phe Đồng minh đánh bại hoàn toàn phe phát xít và diệt trừ tận gốc những kẻ gây chiến.

Hậu quả của chiến tranh là vô cùng nặng nề đối với nhân loại : khoảng 60 triệu người chết, 90 triệu người bị tàn phế, nhiều thành phố, làng mạc và cơ sở kinh tế bị tàn phá. Những giá trị văn minh về nhân quyền, nhân đạo và lương tâm đã bị xâm phạm nghiêm trọng vì những tội ác trong kĩ nghệ giết người của phát xít Đức (hàng triệu nạn nhân bị giết ở các trại tập trung), trong các cuộc oanh tạc huỷ diệt những đô thị lớn, trong các vụ tàn sát hàng loạt dân thường hoặc tù binh, hoặc trong việc dùng bom nguyên tử giết hại dân thường...

Chiến tranh kết thúc đã tạo ra những chuyển biến to lớn trong tình hình thế giới.

Nhờ thắng lợi của Liên Xô trong chiến tranh, hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa đã ra đời ở Đông Âu và châu Á.

Chiến tranh đã làm thay đổi thế và lực trong hệ thống các nước tư bản chủ nghĩa : phát xít Đức, Nhật bị tiêu diệt ; Anh và Pháp suy yếu ; chỉ có Mĩ thêm lớn mạnh, trở thành một siêu cường quốc đứng đầu hệ thống này.

Chiến tranh đã tạo điều kiện cho phong trào giải phóng dân tộc phát triển, làm sụp đổ hệ thống thuộc địa của các đế quốc châu Âu, lập nên các quốc gia độc lập mới ở châu Á và châu Phi.

? *Hãy nêu kết cục và ảnh hưởng của Chiến tranh thế giới thứ hai.*

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. Dưới đây là bảng thống kê các sư đoàn lục quân Đức và sự bố trí các sư đoàn đó qua các thời điểm trong cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai :

Mốc thời gian	Tổng số sư đoàn (SĐ)	Số SĐ đóng ở Đức và các nước bị Đức chiếm đóng	Số SĐ tại mặt trận Liên Xô	Số SĐ tại các mặt trận khác
22 – 6 – 1941	218	63	153	2
1 – 5 – 1942	237	52	182	3
1 – 7 – 1943	297	93,5	196	7,5
1 – 6 – 1944	421,5	120	181,5	120
1 – 1 – 1945	313,5	16,5	179	118

– Giải thích lí do tăng (hoặc giảm) số sư đoàn bố trí ở các nơi qua từng thời điểm.

– Nêu tên các "mặt trận khác" qua từng thời điểm.

– So sánh các cột số liệu trên với nhau để rút ra nhận định : Nơi nào là mặt trận chính trong cuộc chiến tranh chống phát xít Đức ? Nước nào đóng vai trò chủ yếu trong việc tiêu diệt phát xít Đức ?

timdapan.com

2. Dưới đây là bảng thống kê các số liệu của hai cuộc chiến tranh thế giới :

Danh mục	Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 – 1918)	Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 – 1945)
1. Số nước tham chiến	38	76
2. Số người gia nhập quân đội (triệu người)	74	110
3. Số người chết vì chiến tranh (triệu người)	10	60
4. Số người bị tàn phế (triệu người)	20	90
5. Thiệt hại về vật chất (tỉ đôla Mĩ)	338	4000
Trong đó chi phí quân sự trực tiếp (tỉ đôla Mĩ)	85	1384

Hãy so sánh hai cuộc chiến tranh thế giới qua các số liệu trên để rút ra kết luận.

3. Hãy bổ sung các mốc sự kiện quan trọng cho sơ đồ sau (đường mũi tên chỉ chiều của thời gian) :

4. Dưới đây là bảng thống kê số người chết vì Chiến tranh thế giới thứ hai ở các nước tham chiến chủ yếu :

Nước	Quân nhân	Dân thường	Tổng số	Tỉ lệ % so với dân số nước đó năm 1939
Anh	245.000	150.000	395.000	1%
Ba Lan	320.000	5.500.000	5.820.000	14%
Đức	3.850.000	3.810.000	7.660.000	9%
I-ta-li-a	230.000	150.000	380.000	1%
Liên Xô	8.600.000	17.950.000	26.550.000	16%
Mĩ	298.000	0	298.000	0,2%
Nam Tư	410.000	1.400.000	1.810.000	10%
Nhật Bản	1.520.000	700.000	2.220.000	3%
Pháp	211.000	330.000	541.000	1,5%
Trung Quốc	3.500.000	10.000.000	13.500.000	2,2%

- Hãy sắp xếp lại thứ tự các nước theo ba mức độ tổn thất sinh mạng : tổn thất nặng (từ 9% dân số trở lên), tổn thất trung bình (từ 1% đến 3%), tổn thất nhẹ (dưới 1%).
- Giải thích nguyên nhân dẫn đến sự khác nhau về mức độ tổn thất sinh mạng đó.

timdapan.com

PHẦN ĐỌC THÊM

Hiệp ước liên minh tam cường Đức _ I-ta-li-a _ Nhật Bản (kí ngày 27 _ 9 _ 1940)

Điều 1 – Nhật Bản thừa nhận và tôn trọng sự thống trị của Đức và I-ta-li-a trong việc thành lập một trật tự mới ở châu Âu.

Điều 2 – Đức và I-ta-li-a thừa nhận và tôn trọng sự lãnh đạo của Nhật Bản trong việc lập trật tự mới ở Đại Đông Á.

Điều 3 – Đức, I-ta-li-a, Nhật đồng ý hợp tác với nhau trên cơ sở đã nêu ở trên. Họ có trách nhiệm ủng hộ nhau bằng tất cả các phương tiện quân sự, kinh tế, chính trị trong trường hợp một trong ba bên thoả thuận bị tấn công từ cường quốc nào mà hiện giờ chưa tham gia chiến tranh châu Âu và xung đột Trung – Nhật.

Điều 4 – Để thực hiện hiệp ước này, cần nhanh chóng lập ra các uỷ ban kĩ thuật chung mà các thành viên của nó sẽ do các Chính phủ Đức, I-ta-li-a, Nhật Bản ấn định.

Điều 5 – Đức, I-ta-li-a và Nhật Bản tuyên bố rằng thoả thuận này không hề gây trở ngại cho quy chế chính trị hiện đang tồn tại giữa một trong các bên tham gia với Liên Xô.

Điều 6 – Hiệp ước này có hiệu lực ngay sau khi kí kết và kéo dài trong vòng 10 năm kể từ "ngày có hiệu lực".

(Theo : *Văn tuyển lịch sử thế giới hiện đại, Phần I (1917 – 1945)*
NXB Giáo dục, H., 1965, tr. 181 – 182)

Giờ đầu của trận tấn công Béc-lin qua Hồi kí của Nguyên soái G.K. Giu-cốp

... Đúng 5 giờ sáng.

Ngay lúc đó hàng ngàn khẩu pháo, súng cối và hoả tiễn "Ca-chiu-sa" thần thoại của chúng ta nhả đạn làm sáng rực cả địa hình, rồi tiếp sau là tiếng súng bắn đạn nổ, bom phá rung chuyển không gian. Động cơ máy bay ném bom gầm rít liên hồi trên trời. Bên phía địch trong những phút đầu còn có vài tiếng súng máy nổ rời rạc, sau đó câm bặt. Tựa như bên địch không còn vật gì sống nữa. Sau 30 phút pháo bắn cực mạnh, địch không bắn trả lại được phát nào. Như thế có nghĩa là chúng đã bị chế áp hoàn toàn và hệ thống phòng ngự của chúng đã bị rối loạn. Chúng tôi quyết định bắt đầu tổng công kích.

Hàng ngàn tín hiệu đủ các màu rạch xé bầu trời. Theo tín hiệu đó, 140 đèn chiếu đặt mỗi cái cách nhau 200 mét đồng loạt bật sáng lên. Hơn 100 tỉ nến chiếu sáng chiến trường, làm loá mắt quân địch, làm cho những mục tiêu công kích của xe tăng và bộ binh ta hiện rõ lên trong đêm tối. Cảnh tượng ấy đã gây cho tôi một ấn tượng lớn lao, mạnh mẽ, và có lẽ, trong suốt cuộc đời mình không có một cảm giác nào bằng.

... Binh lính Hít-le thực sự bị chìm trong biển lửa và sắt thép dày đặc. Bức tường bụi và khói mù mịt ngút trời, thậm chí có chỗ đèn chiếu phòng không của ta không xuyên qua nổi.

(Theo : G.K. Giu-cốp, *Nhớ lại và suy nghĩ*, Tập 3
NXB Quân đội nhân dân, H., 1970, tr. 457 – 458)

timdapan.com

Bài 32 ÔN TẬP LỊCH SỬ THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI (Phần từ năm 1917 đến năm 1945)

I – NHỮNG KIẾN THỨC CƠ BẢN VỀ LỊCH SỬ THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI (1917 – 1945)

Trong những năm 1917 – 1945, lịch sử thế giới đã chứng kiến nhiều đổi thay có tính cách mạng. Hàng loạt sự kiện lịch sử diễn ra ở khắp các châu lục, các quốc gia trên thế giới, dẫn tới các cuộc cách mạng, khủng hoảng, xung đột và chiến tranh. Chúng ta hãy cùng nhau chọn lọc những sự kiện lịch sử cơ bản và xây dựng một bảng thống kê các sự kiện đó. Dưới đây là một ví dụ :

Thời gian	Sự kiện	Diễn biến chính	Kết quả, ý nghĩa
NƯỚC NGA - LIÊN XÔ			
2 – 1917	Cách mạng dân chủ tư sản	– Tổng bãi công chính trị ở Pê-tơ-rô-grát – Khởi nghĩa vũ trang – Nga hoàng bị lật đổ	– Lật đổ chế độ Nga hoàng – Hai chính quyền song song tồn tại – Cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới
10 – 1917	.....	.....	.....
CÁC NƯỚC TƯ BẢN CHỦ NGHĨA			
.....	.....	.....	.....
CÁC NƯỚC CHÂU Á			
.....	.....	.....	.....
.....	.....	.....	.....

timdapan.com

II – NHỮNG NỘI DUNG CHÍNH CỦA LỊCH SỬ THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI (1917 – 1945)

Trong vòng gần 30 năm (1917 – 1945), lịch sử thế giới hiện đại bao gồm những vấn đề chính sau đây :

1. *Thời kì này đã diễn ra những chuyển biến quan trọng trong nền sản xuất vật chất của nhân loại.* Những tiến bộ về khoa học – kĩ thuật đã thúc đẩy nền kinh tế thế giới phát triển với tốc độ cao. Sự tăng trưởng của nền kinh tế thế giới đã làm thay đổi đời sống chính trị, xã hội, văn hoá của các quốc gia, dân tộc và thế giới nói chung.

2. *Chủ nghĩa xã hội đđợc xác lập ở một nđớc đầu tiên trên thế giới, nằm giữa vòng vây của chủ nghĩa tđ bản.* Bão táp cách mạng bùng nổ ở nước Nga với hai cuộc cách mạng diễn ra trong năm 1917 : Cách mạng dân chủ tư sản tháng Hai lật đổ chế độ quân chủ chuyên chế Nga hoàng ; Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười đánh đổ chính phủ lâm thời tư sản, đưa nước Nga trở thành nhà nước vô sản đầu tiên trên thế giới. Trải qua những chặng đường khó khăn, gian khổ với biết bao tổn thất, hi sinh, Nhà nước Xô viết đã được bảo vệ và từng bước đi lên. Chỉ trong một thời gian ngắn, từ một nước nông nghiệp lạc hậu, Liên Xô đã vươn lên, trở thành một cường quốc công nghiệp đứng thứ hai thế giới, có nền văn hoá, khoa học – kĩ thuật tiên tiến và có vị trí quan trọng trên trường quốc tế.

3. *Phong trào cách mạng thế giới bđớc sang một thời kì phát triển mới từ sau thắng lợi của Cách mạng tháng Mđời Nga và sự kết thúc cuộc Chiến tranh thế giới thứ nhất.* Ở các nước tư bản châu Âu, một cao trào cách mạng đã bùng nổ trong những năm 1918 – 1923. Cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc lan rộng ở các nước thuộc địa và phụ thuộc. Ở nhiều nước, các đảng cộng sản ra đời và nắm vai trò lãnh đạo cách mạng. Nhằm thống nhất hành động và tập hợp lực lượng cách mạng, Quốc tế Cộng sản được thành lập và hoạt động trong những năm 1919 – 1943. Phong trào cách mạng thế giới trải qua những bước phát triển chính sau đây :

– Cao trào cách mạng 1918 – 1923 ; Quốc tế Cộng sản ra đời.

– Phong trào cách mạng trong những năm khủng hoảng kinh tế (1929 – 1933).

– Phong trào Mặt trận Nhân dân chống phát xít, chống chiến tranh (1936 – 1939).

– Cuộc đấu tranh chống phát xít trong Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 – 1945).

timdapan.com

4. *Chủ nghĩa tỏ bản không còn là hệ thống duy nhất trên thế giới và trải qua những bỏớc phát triển thăng trầm đầy biến động.* Nếu như trong hơn 10 năm đầu sau chiến tranh (1918 – 1929), các nước tư bản từng bước ổn định và đạt mức tăng trưởng cao về kinh tế, thì trong 10 năm sau (1929 – 1939) đã lâm vào cuộc khủng hoảng trầm trọng chưa từng có. Để thoát khỏi cuộc khủng hoảng, các nước tư bản Anh, Pháp và điển hình là Mĩ đã thực hiện những cải cách kinh tế – xã hội để duy trì sự phát triển của chủ nghĩa tư bản. Trong khi đó, các nước Đức, I-ta-li-a, Nhật Bản đã tiến hành việc phát xít hoá bộ máy nhà nước và gây chiến tranh xâm lược, dẫn tới sự bùng nổ cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai.

5. *Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 _ 1945) là cuộc chiến tranh lớn nhất, khốc liệt nhất và tàn phá nặng nề nhất trong lịch sử nhân loại.* Đứng trước thảm hoạ của chiến tranh, các quốc gia có chế độ chính trị khác nhau đã phối hợp với nhau trong khối Đồng minh chống phát xít. Nhân dân thế giới đã kiên trì chiến đấu chống trả bọn phát xít xâm lược, trong đó cuộc chiến tranh giữ nước vĩ đại của nhân dân Liên Xô đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong việc tiêu diệt chủ nghĩa phát xít. Chiến tranh kết thúc đã mở ra một thời kì phát triển mới của lịch sử thế giới.

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. Hãy lựa chọn một trong số các sự kiện lịch sử cơ bản của lịch sử thế giới hiện đại (phần từ năm 1917 đến năm 1945) và trình bày sự kiện đó theo cách hiểu của mình.
2. Trình bày tóm tắt những nội dung chính của lịch sử thế giới hiện đại (phần từ năm 1917 đến năm 1945).
3. Nêu một ví dụ về mối liên hệ giữa lịch sử thế giới và lịch sử Việt Nam trong những năm 1917 – 1945 mà em biết.
4. Tìm hiểu về tiểu sử của một số nhân vật lịch sử thuộc thời kì lịch sử này (có hình trong SGK).

timdapan.com

Phần ba

LỊCH SỬ VIỆT NAM
(1858 - 1918)

timdapan.com

Chương I

VIỆT NAM TỪ NĂM 1858 ĐẾN CUỐI THẾ KỈ XIX

Bài 33 VIỆT NAM TRƯỚC NGUY CƠ BỊ PHÁP XÂM LƯỢC

Giữa thế kỉ XIX, sự phát triển mạnh mẽ về kinh tế đã thúc đẩy các nước tư bản phương Tây mở những cuộc chiến tranh giành giật thuộc địa. Các quốc gia phương Đông nói chung, Việt Nam nói riêng đã trở thành nạn nhân trực tiếp của cuộc chiến tranh đó.

Thông qua các mối quan hệ đã có từ trước và lợi dụng sự suy yếu của chế độ phong kiến Việt Nam, Chính phủ Pháp ráo riết xúc tiến việc thôn tính nước ta.

1. Tình hình Việt Nam giữa thế kỉ XIX

Trước khi thực dân Pháp nổ súng xâm lược, Việt Nam là một quốc gia độc lập, có chủ quyền và đạt được những tiến bộ nhất định về kinh tế, văn hoá, nhưng chế độ phong kiến cũng đã bộc lộ những dấu hiệu của sự khủng hoảng, suy yếu nghiêm trọng.

Từ khi thành lập Vương triều Nguyễn (1802), Gia Long và các ông vua kế tiếp đã ra sức khôi phục, củng cố chế độ quân chủ chuyên chế. Quyền lực tập trung trong tay vua. Chỗ dựa của Nhà nước là giai cấp địa chủ. Tư tưởng Nho giáo được đề cao. Trật tự phong kiến được coi là bất di bất dịch.

Kinh tế nông nghiệp, công – thương nghiệp ngày càng sa sút. Tài chính khó khăn. Một số chủ trương, chính sách của nhà nước gây bất lợi cho sự phát triển của nền kinh tế.

Đường lối đối ngoại sai lầm đã khiến cho Việt Nam ngày càng bị cô lập. Việc cấm đạo và bài xích đạo Thiên Chúa tạo điều kiện cho kẻ thù bên ngoài lợi dụng.

timdapan.com

Hình 98. Lính hoàng thành

Đời sống của nhân dân ngày càng cực khổ. Hàng loạt cuộc khởi nghĩa nông dân nổ ra như : khởi nghĩa của Phan Bá Vành ở Nam Định, Thái Bình (1821), của Lê Duy Lương ở Ninh Bình (1833), của Lê Văn Khôi ở Gia Định (1833), của Nông Văn Vân ở Tuyên Quang, Cao Bằng (1833 – 1835)...

Khả năng phòng thủ đất nước bị giảm sút, quốc phòng yếu kém ; điều này đã ảnh hưởng trực tiếp đến việc chống lại sự xâm lược của các nước tư bản phương Tây.

? *Tình hình Việt Nam giữa thế kỉ XIX có điều gì đáng chú ý ?*

2. Việt Nam trong bối cảnh các nước phương Đông bị xâm lược (giữa thế kỉ XIX)

Từ thế kỉ XVI, tư bản phương Tây đã ráo riết chạy đua sang phương Đông. Đến giữa thế kỉ XIX, một loạt nước châu Á, trong đó có Đông Nam Á, bị biến thành thuộc địa. Nước Việt Nam cũng không tránh khỏi bị nhòm ngó.

Trong cuộc chạy đua giữa các nước tư bản phương Tây, cuối cùng tư bản Pháp đã "bám sâu" được vào Việt Nam, thông qua Hội truyền giáo nước ngoài của Pháp.

Từ khi thất thế ở Ca-na-đa, Ấn Độ..., Pháp càng muốn có thuộc địa ở Viễn Đông, mà trước hết là Việt Nam.

? *Nguyên nhân nào thúc đẩy tư bản phương Tây xâm lược các nước phương Đông vào thế kỉ XIX ? Tình thế của Việt Nam trong bối cảnh đó.*

3. Thực dân Pháp tìm cớ can thiệp vào Việt Nam

Từ thế kỉ XVII đến nửa đầu thế kỉ XIX, đã có khá nhiều thương nhân Pháp đến làm ăn buôn bán ở Việt Nam. Các giáo sĩ Pháp cũng tích cực hoạt động, gây cơ sở ở cả trong Nam lẫn ngoài Bắc. Một số giáo sĩ sau đó đã trở thành những người đi tiên phong, vạch đường cho cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp.

timdapan.com

Trong thế kỉ XVII, Giám mục A-lếch-xăng đờ Rốt hoạt động suốt 25 năm ở Việt Nam. Nhờ công lao của ông, Hội truyền giáo nước ngoài của Pháp được thành lập (1664).

Thế kỉ XVIII, Giám mục Bá Đa Lộc (G. Pi-nhô đơ Bê-hen), thông qua việc giúp đỡ Nguyễn Ánh, đã thiết lập mối quan hệ giữa Pháp với Việt Nam[1], nhưng tình hình tài chính và quân sự lúc đó chưa cho phép Chính phủ Pháp tiến hành một cuộc chiến tranh xâm lược ở Việt Nam.

Đến giữa thế kỉ XIX, khi mâu thuẫn Anh – Pháp tạm thời dịu bớt để tạo liên minh xâu xé Trung Quốc (1856), Chính phủ Pháp quyết định đem quân đánh chiếm Việt Nam.

Cuộc xâm lược được dọn đường bằng các hành động khiêu khích liên tiếp của Pháp. Tháng 9 – 1856, Pháp cho tàu chiến đến Đà Nẵng, đưa quốc thư cho triều đình Huế, nhưng bị khước từ. Quân Pháp trắng trợn nổ súng bắn phá các đồn luỹ của ta rồi lên bờ phá tất cả số đại bác phòng vệ ở đây.

Tháng 1 – 1857, tàu Pháp lại tới xin được truyền đạo và buôn bán, nhưng cũng bị triều đình nhà Nguyễn từ chối.

Cuối cùng, Na-pô-lê-ông III đã quyết định đưa quân tới Việt Nam (7 – 1857). Lấy cớ trả thù việc triều đình Huế không nhận quốc thư, làm nhục quốc thể nước Pháp và bênh vực đạo Thiên Chúa đang bị khủng bố ở Việt Nam, Pháp đã kêu gọi triều đình Tây Ban Nha phối hợp hành động, mở cuộc tấn công nước ta bằng vũ lực.

Sau khi liên quân Anh – Pháp đánh chiếm xong Quảng Châu (Trung Quốc), buộc triều đình Mãn Thanh kí Điều ước Thiên Tân (27 – 6 – 1858), chiều 31 – 8 –1858 liên quân Pháp – Tây Ban Nha kéo tới cửa biển Đà Nẵng, chuẩn bị nổ súng xâm lược Việt Nam.

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. Hãy nhận xét về tình hình Việt Nam trước khi bị thực dân Pháp xâm lược.

2. Thực dân Pháp chuẩn bị xâm lược Việt Nam như thế nào ?

(1) Năm 1777, trong khi lẩn trốn sự truy đuổi của quân Tây Sơn, Nguyễn Ánh gặp gỡ và được sự che chở của Giám mục Bá Đa Lộc. Năm 1784, Nguyễn Ánh nhờ Bá Đa Lộc mang thư cùng người con trai của mình là Hoàng tử Cảnh làm con tin sang cầu cứu nước Pháp. Bá Đa Lộc đã đại diện cho Nguyễn Ánh kí với đại diện Chính phủ Pháp một bản hiệp ước 10 điều (Hiệp ước Vécxai) năm 1787. Theo đó, vua Pháp cam kết giúp Nguyễn Ánh về quân sự để lấy lại ngai vàng, đổi lại Pháp được quyền sở hữu cảng Hội An và đảo Côn Lôn, được độc quyền buôn bán ở Việt Nam.

timdapan.com

PHẦN ĐỌC THÊM

Về tình hình binh lực thời Nguyễn

... Dưới (thời) Tự Đức, ngay chiếc thuyền bằng chèo, bằng buồm (cũng) không còn mấy nữa ; những chiếc thuyền ấy so với chiếc thuyền buôn của Pháp thì tựa như thuyền nan so với một thuyền bể, đừng nói chi so với chiếc thuyền máy của địch. Minh Mạng, Thiệu Trị có đóng ba loại thuyền máy Yến phi, Vân phi, Vũ phi ; còn đến Tự Đức thì thôi, không đóng thuyền máy nữa. Sự trang bị rất là lạc hậu : Mỗi đội 50 người thì 4 người cầm vũ khí thô sơ như gươm, giáo, chỉ có 5 súng châm ngòi ; mỗi năm tập bắn có một lần, mỗi lần bắn 6 phát, chưa kể rằng khoa chăm sóc súng đạn rất kém ; súng gỉ, đạn ẩm là thường ; Pháp biết như thế nên nhiều lúc chúng nhằm đánh lúc mùa mưa. Đại bác ở các thành thì khá nhiều nhưng bắn gần, ít trúng, đạn là những cục gang hay cục đá, trúng ai chết nấy, không nổ, không chết người bên cạnh...

(Theo : Trần Văn Giàu, *Sự khủng hoảng của chế độ phong kiến nhà Nguyễn trước 1858*, NXB Văn hoá, H., 1958, tr 50 – 51)

Về việc thực dân Pháp đẩy mạnh âm mưu xâm lược Việt Nam trước năm 1858

... Đồng thời với những hoạt động, can thiệp, phá hoại về chính trị, thực dân Pháp tiến hành những vụ khiêu khích về quân sự. Những năm 1822 – 1825, Pháp cho tàu chiến vào Đà Nẵng đòi triều đình Huế thả giáo sĩ bị bắt, đòi tự do buôn bán...

Tháng 3 – 1847, hai tàu chiến Pháp tới Đà Nẵng. Thuyền trưởng cùng giáo sĩ Pháp ngang nhiên đi thẳng vào công quán hăm doạ. Tháng 4 – 1847, tàu chiến Pháp lại vào Đà Nẵng bắn phá chiến thuyền của triều đình Huế. Ở trong đất liền, giáo sĩ Pháp bắt buộc một số con chiên làm tay sai cho chúng. "Bọn giặc ngày càng hoạnh hoẹ, thường ngày lên bờ, ra vào thôn ổ. Có kẻ từ trước đã theo tà đạo thường đi lại nhòm ngó, ngầm báo tin cho giặc. Binh thuyền Tây ở ngoài bến cảng ràng buộc, thúc giục chúng".

Dương sự thuỷ mạt – Khuyết danh

(Theo : *Lịch sử Việt Nam*, Tập II, NXB Khoa học Xã hội, H.,1985, tr. 32 – 33)

timdapan.com

Bài 34 CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (1858 _ 1884)

Ngày 1 – 9 – 1858, quân Pháp nổ súng, mở đầu cuộc tấn công xâm lược Việt Nam. Quân dân ta đã anh dũng chiến đấu chống thực dân Pháp.

Sau khi chiếm được thành Gia Định, quân Pháp lần lượt đánh chiếm ba tỉnh miền Đông (1862), rồi ba tỉnh miền Tây Nam Kì (1867). Đi đến đâu chúng cũng vấp phải sự chống cự quyết liệt của nhân dân ta. Đến năm 1884 (sau 26 năm tiến hành chiến tranh xâm lược), thực dân Pháp mới tạm thời áp đặt được nền bảo hộ trên toàn bộ đất nước Việt Nam.

I – KHÁNG CHIẾN Ở ĐÀ NẴNG VÀ CÁC TỈNH NAM KÌ

1. Trên mặt trận Đà Nẵng năm 1858

Chiều 31 – 8 – 1858, liên quân Pháp – Tây Ban Nha dàn trận trước cửa biển Đà Nẵng. Đây là một vị trí chiến lược quan trọng, nếu chiếm được sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện kế hoạch "đánh nhanh thắng nhanh" của Pháp.

Hình 99. *Liên quân Pháp _ Tây Ban Nha tấn công Đà Nẵng năm 1858*

Đà Nẵng là một hải cảng sâu và rộng, tàu chiến có thể ra vào dễ dàng, lại nằm trên đường thiên lí Bắc – Nam. Hậu phương Đà Nẵng là vùng đồng bằng Nam – Ngãi có thể lợi dụng để thực hiện được âm mưu "lấy chiến tranh nuôi chiến tranh". Đà Nẵng chỉ cách Huế khoảng 100 km, qua đèo Hải Vân. Tại đây có nhiều người theo đạo Thiên Chúa và một số gián điệp đội lốt thầy tu hoạt động từ trước.

timdapan.com

Lực lượng quân Pháp và Tây Ban Nha[1] với khoảng 3 000 quân, được bố trí trên 14 tàu chiến (trong đó có những tàu lớn được trang bị tới 50 khẩu đại bác). Lực lượng quân ta ở đây có khoảng 2 000 người, khi chiến sự nổ ra được tăng cường thêm 2 000 người nữa. Các pháo đài ở Đà Nẵng được phòng thủ khá tốt, có rất nhiều đại bác và vũ khí thông thường.

Hình 100. *Lược đồ liên quân Pháp _ Tây Ban Nha đánh chiếm Đà Nẵng*

Sáng 1 – 9 – 1858, sau khi đưa thư buộc quân triều đình nộp thành nhưng không đợi trả lời, liên quân Pháp – Tây Ban Nha nã đại bác lên bờ, rồi đổ bộ lên bán đảo Sơn Trà.

Quân dân ta anh dũng chống trả, những trận chiến đấu đã diễn ra ở xã Cẩm Lệ ven biển huyện Hoà Vang (Quảng Nam), nhưng không cản được giặc.

Tiếng súng xâm lược của quân Pháp nổ ở Đà Nẵng đã làm dấy lên một làn sóng đấu tranh mạnh mẽ trong nhân dân để bảo vệ Tổ quốc.

(1) Quân Tây Ban Nha tham chiến vì có một số giáo sĩ Tây Ban Nha bị triều đình nhà Nguyễn giam giữ và giết hại. Thực tế, Tây Ban Nha cũng đang muốn chớp cơ hội để chia sẻ quyền lợi ở Việt Nam.

timdapan.com

Triều đình cử Nguyễn Tri Phương làm Tổng chỉ huy mặt trận Quảng Nam. Ông huy động quân dân đắp luỹ ngăn không cho giặc tiến sâu vào nội địa. Nhân dân được lệnh làm "vườn không nhà trống", gây cho quân Pháp nhiều khó khăn. Suốt 5 tháng liền, quân Pháp bị giam chân tại chỗ, lực lượng hao mòn dần, thuốc men, thực phẩm thiếu thốn do tiếp tế khó khăn.

Từ Nam Định, Đốc học Phạm Văn Nghị dẫn đầu 300 quân (chủ yếu là học trò của ông) đã lên đường vào Nam, xin vua được ra chiến trường chiến đấu. Tại Đà Nẵng, đội nghĩa binh của Phạm Gia Vĩnh ngay từ đầu đã phối hợp chặt chẽ với quân đội triều đình chống giặc.

? *Pháp có âm mưu gì khi mở cuộc tấn công Đà Nẵng ? Chúng đã thất bại như thế nào trong việc thực hiện kế hoạch "đánh nhanh thắng nhanh" ?*

2. Chiến sự ở Gia Định và các tỉnh Nam Kì từ năm 1859 đến năm 1862

Bị sa lầy ở mặt trận Đà Nẵng, quân Pháp – Tây Ban Nha buộc phải thay đổi kế hoạch. Tháng 2 – 1859, chúng đưa phần lớn số quân tại Đà Nẵng vào Gia Định để mở mặt trận mới.

Gia Định và Nam Kì là vựa lúa của Việt Nam, có vị trí chiến lược quan trọng. Hệ thống giao thông đường thuỷ ở đây rất thuận lợi. Từ Gia Định, có thể sang Cam-pu-chia một cách dễ dàng. Chiếm được Nam Kì, quân Pháp sẽ cắt đứt con đường tiếp tế lương thực của triều đình nhà Nguyễn, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho việc làm chủ lưu vực sông Mê Công của Pháp.

Ngày 9 – 2 – 1859, hạm đội Pháp tập trung ở Vũng Tàu, rồi theo đường sông Cần Giờ ngược lên Sài Gòn. Vừa đi, chúng vừa bắn phá dữ dội các đồn trại của quân ta ở hai bên bờ và cố sức vượt qua các chướng ngại vật được dựng trên sông. Do vấp phải sức chống cự quyết liệt của quân dân ta nên mãi tới ngày 16 – 2 –1859, quân Pháp mới đến được Gia Định.

Sáng sớm 17 – 2, quân Pháp với hoả lực mạnh tấn công thành Gia Định. Đến trưa, chúng chiếm được thành. Mặc dù quân đông, vũ khí và lương thực nhiều, nhưng quân triều đình đã tan rã nhanh chóng.

Tuy nhiên, ngay sau đó giặc Pháp đã vấp phải những khó khăn mới. Các đội nghĩa quân ngày đêm bám sát, tìm cách bao vây tiêu diệt địch. Hoảng sợ, quân Pháp đã phải quyết định phá huỷ thành Gia Định và rút xuống các tàu chiến.

Lúc này, Pháp đang bị sa lầy ở các chiến trường I-ta-li-a, Trung Quốc... nên không thể tiếp viện cho chiến trường Việt Nam. Số quân Pháp ở Đà Nẵng và một

timdapan.com

Hình 101. *Quân Pháp đánh chiếm thành Gia Định*

phần lực lượng ở Gia Định cũng bị đưa sang Trung Quốc tham chiến. Tại Gia Định, Pháp chỉ còn khoảng 1 000 quân, rải trên một chiến tuyến dài 10 km.

Tháng 3 – 1860, Nguyễn Tri Phương được cử vào mặt trận Gia Định. Ông đã huy động lực lượng, gấp rút xây dựng một hệ thống phòng ngự kiên cố, lấy Đại đồn Chí Hoà làm trung tâm, đề phòng quân địch đánh rộng ra.

Sau khi tham gia can thiệp vũ trang vào Trung Quốc, buộc triều đình Mãn Thanh kí Hiệp ước Bắc Kinh (25 – 10 – 1860), Pháp liền đưa quân về Gia Định, tiếp tục mở rộng việc đánh chiếm nước ta.

Ngày 23 – 2 – 1861, quân Pháp mở cuộc tấn công vào Đại đồn Chí Hoà. Quân triều đình Huế chống cự quyết liệt. Nhưng trước hoả lực mạnh của địch, cuối cùng Đại đồn Chí Hoà đã rơi vào tay giặc. Nguyễn Tri Phương bị thương. Quân triều đình Huế phải rút chạy. Thừa thắng, giặc Pháp lần lượt chiếm các tỉnh Định Tường (12 – 4 – 1861), Biên Hoà (18 – 12 – 1861), Vĩnh Long (23 – 3 – 1862). Như vậy, đến tháng 3 – 1862, ba tỉnh miền Đông và một tỉnh miền Tây Nam Kì (Vĩnh Long) đã bị giặc chiếm.

Ngay từ đầu, nhân dân Nam Kì đã đứng lên kháng chiến. Các toán nghĩa quân của Trương Định, Trần Thiện Chính (một Tri huyện bị cách chức), Lê Huy (một võ quan bị thải hồi) chiến đấu rất anh dũng, lập được nhiều chiến công. Ngày 10 – 12 – 1861, Nguyễn Trung Trực chỉ huy nghĩa quân đánh chìm chiếc tàu Ét-pê-răng (Hi Vọng) của giặc đậu trên sông Vàm Cỏ Đông (đoạn chảy qua thôn Nhật Tảo), làm nức lòng quân dân ta.

timdapan.com

Giữa lúc phong trào kháng chiến của nhân dân đang ngày càng phát triển khiến quân Pháp vô cùng bối rối thì triều đình Huế kí với Pháp Hiệp ước Nhâm Tuất (5 – 6 – 1862) gồm 12 điều khoản, trong đó có những điều khoản chính như : nhượng hẳn cho Pháp ba tỉnh miền Đông Nam Kì (Gia Định, Định Tường, Biên Hoà) và đảo Côn Lôn ; bồi thường 20 triệu quan (khoảng 280 vạn lạng bạc) ; mở các cửa biển Đà Nẵng, Ba Lạt[1], Quảng Yên cho thương nhân Pháp và Tây Ban Nha vào tự do buôn bán, kèm theo nhiều nhượng bộ nặng nề khác về chính trị, quân sự...

– Những khó khăn của quân Pháp khi tổ chức đánh chiếm Gia Định là gì ? Tại sao chúng vẫn đứng chân được ở Gia Định để đánh chiếm các nơi khác ?

– Vì sao triều đình Huế kí Hiệp ước Nhâm Tuất (5 – 6 – 1862) ? Nội dung cơ bản và hậu quả của Hiệp ước là gì ?

3. Cuộc kháng chiến từ sau Hiệp ước 1862

Việc triều đình Huế kí hiệp ước cắt đất cầu hoà đã gây bất bình trong sĩ phu và nhân dân cả nước. Họ bày tỏ thái độ của mình bằng nhiều cách, hoặc như Nguyễn Đình Chiểu, Nguyễn Thông dùng văn thơ châm biếm bọn Việt gian bán nước, hoặc tiếp tục kháng chiến chống Pháp, bất chấp lệnh bãi binh của triều đình mà tiêu biểu là Trương Định.

Trương Định (1820 – 1864) quê ở Bình Sơn, Quảng Ngãi, là con của Trương Cẩm. Ông theo cha vào Nam giữa thời Thiệu Trị, khi Trương Cẩm được bổ làm Lãnh binh Gia Định. Ông đã chiêu mộ nhiều dân nghèo khai hoang lập đồn điền, được phong chức Phó Quản cơ (nên còn gọi là Quản Định).

Trương Định mộ nghĩa binh đánh Pháp ngay từ khi chúng kéo tới Gia Định (1859), lập được nhiều chiến công. Khi Đại đồn Chí Hoà thất thủ, quân triều đình rút về Biên Hoà, Trương Định đem quân về Tân Hoà (Gò Công).

Trước khi kí Hiệp ước 1862, triều đình Huế phong cho Trương Định chức Phó Lãnh binh tỉnh Gia Định. Khi Hiệp ước 1862 được kí kết, triều đình hạ lệnh cho Trương Định phải giải tán nghĩa binh mặt khác điều ông đi nhận chức Lãnh binh ở An Giang, rồi Phú Yên. Ông đã kháng lệnh triều đình, ở lại cùng nhân dân chống giặc.

Ngọn cờ "Bình Tây Đại nguyên soái" của Trương Định đã mang đến cho nhân dân Nam Kì niềm tin tưởng, đồng thời khiến bè lũ cướp nước và bán nước phải khiếp sợ. Căn cứ Tân Hoà trở thành đại bản doanh của phong trào toàn miền. Vào nửa sau năm 1862, phong trào phát triển mạnh mẽ.

(1) *Ba Lạt* : cửa sông Hồng đổ ra Biển Đông, ở giữa địa phận hai tỉnh Thái Bình và Nam Định.

timdapan.com

Hình 102. *Trương Định nhận phong soái*

Để đối phó với phong trào, quân Pháp phải xin thêm viện binh. Ngày 28 – 2 – 1863, chúng mở cuộc tấn công lớn vào căn cứ Tân Hoà. Nghĩa quân anh dũng chiến đấu suốt 3 ngày đêm, nhưng sau đó phải rút khỏi căn cứ để bảo toàn lực lượng. Trương Định cùng nghĩa quân ra sức xây dựng căn cứ mới ở Tân Phước, vùng ven sông Soài Rạp, với địa thế hiểm yếu. Nhờ có tay sai dẫn đường, giặc Pháp đã bí mật cho quân lọt vào căn cứ. Bị đánh úp bất ngờ, Trương Định cùng nghĩa quân đã chiến đấu vô cùng anh dũng. Bị trúng đạn gãy xương sống, không muốn bị rơi vào tay giặc, ông đã rút gươm tự sát ngày 20 – 8 – 1864. Năm đó ông 44 tuổi.

Chủ tướng hi sinh, nghĩa quân bị tổn thất nặng nhưng phong trào kháng chiến vẫn tiếp tục. Con trai Trương Định là Trương Quyền đưa đội nghĩa binh lên Tây Ninh phối hợp với người Khơ-me và người Thượng xây dựng cơ sở kháng chiến mới. Một số người lãnh đạo khởi nghĩa cũng đưa nghĩa quân đi xây dựng căn cứ ở nhiều nơi, nhằm kéo dài cuộc kháng chiến.

? *– Trước và sau Hiệp ước 1862, phong trào kháng chiến của nhân dân ta đã phát triển như thế nào ?*

– Cuộc khởi nghĩa của Trương Định có những nét đặc sắc gì ?

4. Kháng chiến ở ba tỉnh miền Tây Nam Kì

Trong lúc triều đình phong kiến nhà Nguyễn chỉ lo dốc toàn lực lượng vào việc đàn áp phong trào nông dân ở Bắc Kì và Trung Kì, tìm cách ngăn trở phong trào chống Pháp của nhân dân Nam Kì, thì thực dân Pháp ráo riết chuẩn bị chiếm nốt ba tỉnh miền Tây Nam Kì.

timdapan.com

Để dọn đường cho kế hoạch này, Pháp bước đầu thiết lập bộ máy cai trị ở ba tỉnh miền Đông, thôn tính Cam-pu-chia (1863), cô lập ba tỉnh miền Tây, yêu cầu triều đình Huế giao nốt ba tỉnh miền Tây cho chúng kiểm soát.

Trong khi triều đình chủ trương điều đình, chỉ lo việc "chuộc đất" thì thực dân Pháp gấp rút tổ chức cuộc thôn tính bằng quân sự.

Sau khi chuẩn bị lực lượng quân sự, lấy cớ triều đình Huế vẫn ngấm ngầm ủng hộ phong trào kháng chiến ở ba tỉnh miền Đông, quân Pháp kéo đến thành Vĩnh Long. Chúng đưa thư buộc quan lại nhà Nguyễn phải nộp thành. Đại diện triều đình ở miền Tây là Phan Thanh Giản đã phải giao tỉnh Vĩnh Long cho Pháp, sau đó còn ra lệnh cho quan quân ở hai tỉnh An Giang và Hà Tiên làm theo. Chỉ trong vòng 5 ngày (từ 20 đến 24 – 6 – 1867), quân Pháp đã chiếm gọn ba tỉnh miền Tây (Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên) mà không tốn một viên đạn.

Hình 103. *Lược đồ cuộc kháng chiến chống Pháp ở Nam Kì*

Trước hành động của thực dân Pháp và thái độ bạc nhược của quan lại triều đình, nhân dân ba tỉnh miền Tây Nam Kì vẫn anh dũng đứng lên chống giặc. Một số nhà nho yêu nước tìm đường ra Bình Thuận (Nam Trung Kì) lập ra Đồng Châu xã do Nguyễn Thông đứng đầu để giúp đỡ nhau và xây dựng căn cứ ở Tánh Linh nhằm mưu cuộc kháng chiến lâu dài. Một số khác kiên trì bám đất, bám dân, tiến hành cuộc đấu tranh vũ trang quyết liệt với quân thù.

Hai anh em Phan Tôn, Phan Liêm (con của Phan Thanh Giản) chỉ huy nghĩa quân hoạt động mạnh ở các vùng : Bến Tre, Vĩnh Long, Sa Đéc, Trà Vinh trong hai năm 1867 – 1868. Nghĩa quân của Nguyễn Trung Trực đánh chiếm và làm chủ

timdapan.com

Rạch Giá (6 – 1867) ; khi bị giặc bắt và đưa ra chém, ông vẫn khảng khái nói : "Bao giờ người Tây nhổ hết cỏ nước Nam thì mới hết người Nam đánh Tây". Nguyễn Hữu Huân bị bắt đi đày ở hải đảo, khi được tha về lại tiếp tục chống Pháp ở vùng Tân An, Mĩ Tho. Ít lâu sau bị bắt lại, trên đường ra pháp trường, ông vẫn ung dung làm thơ khẳng định ý chí bất khuất của mình.

Phong trào kháng chiến của nhân dân Nam Kì từ ba tỉnh miền Đông lan sang ba tỉnh miền Tây ; lúc đầu chỉ đơn thuần là cuộc đấu tranh chống ngoại xâm, về sau có sự kết hợp phần nào với cuộc đấu tranh chống triều đình phong kiến đầu hàng. Phong trào thu hút đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia, với những hình thức đấu tranh phong phú. Cuối cùng, do bị triều đình bỏ rơi, so sánh lực lượng chênh lệch, phong trào đã thất bại. Đến năm 1875, không còn các cuộc khởi nghĩa lớn, nhưng phong trào ở Nam Kì vẫn tiếp tục kéo dài làm cho thực dân Pháp phải lao đao.

– Cuộc kháng chiến của nhân dân ta ở ba tỉnh miền Tây Nam Kì diễn biến ra sao ?

– Tình thế của cuộc kháng chiến ở Nam Kì khi mất ba tỉnh miền Tây như thế nào ?

II – KHÁNG CHIẾN Ở BẮC KÌ LẦN THỨ NHẤT (1873 – 1874)

1. Tình hình Việt Nam trước khi thực dân Pháp đánh Bắc Kì lần thứ nhất

Chiếm xong sáu tỉnh Nam Kì, thực dân Pháp gấp rút biến Nam Kì thành bàn đạp vững chắc để tiến đánh Bắc Kì và Trung Kì. Một mặt, chúng ra sức củng cố bộ máy cai trị từ trên xuống dưới, mở trường học đào tạo đội ngũ tay sai, mặt khác chúng tăng cường bóc lột nhân dân ta để thực hiện phương châm "lấy chiến tranh nuôi chiến tranh".

Trong khi đó, triều đình Huế dường như không còn nghĩ gì đến việc chiến đấu giành lại các vùng đất đã mất mà vẫn tiếp tục thi hành những chính sách thiển cận.

Về nội trị, nhà Nguyễn tăng cường vơ vét bóc lột nhân dân vừa để thoả mãn chi dùng, vừa để có tiền bồi thường chiến phí cho Pháp, tiếp tục khước từ những đề nghị cải cách. Các ngành nông nghiệp, công – thương nghiệp đều bị bỏ bê. Tài chính thêm thiếu hụt. Đời sống nhân dân ngày càng sa sút. Một loạt cuộc khởi nghĩa nông dân đã nổ ra.

timdapan.com

Nhiều cuộc khởi nghĩa nổ ra ở vùng đồng bằng như khởi nghĩa của Trần Vĩnh (Hà Đông), Đỗ Văn Đạo, Nguyễn Văn Nam (Phúc Yên), Lê Văn Khuông, Đỗ Chuyên, Nguyễn Nhiễm, Nguyễn Văn Đàn (Bắc Ninh), Quản Thoả, Quản Uy và dư đảng Tạ Văn Phụng (Quảng Yên). Lợi dụng tình thế đó, nhiều toán thổ phỉ, hải phỉ từ Trung Quốc sang cướp phá nhiều nơi. Tình hình rối loạn càng tạo điều kiện cho Pháp đem quân ra Bắc Kì.

Về mặt đối ngoại, triều Nguyễn vẫn muốn dùng con đường thương lượng nhằm hạn chế sự "chém cắt" của thực dân Pháp.

? *Âm mưu của Pháp sau khi chiếm được Nam Kì như thế nào ? Tình hình xã hội trong giai đoạn này có điểm gì nổi bật ?*

2. Cuộc kháng chiến ở Hà Nội và các tỉnh đồng bằng Bắc Kì

Để thực hiện âm mưu mở rộng xâm lược, ngoài việc củng cố cơ sở ở sáu tỉnh Nam Kì, thực dân Pháp còn tung gián điệp đội lốt giáo sĩ hoặc thương nhân ra do thám tình hình Bắc Kì, bắt liên lạc với lái buôn Đuy-puy lúc đó đang hoạt động ở vùng biển Trung Quốc – Việt Nam và tích cực gây dựng cơ sở nội ứng trong một bộ phận dân chúng.

Tháng 11 – 1872, ỷ thế nhà Thanh, Đuy-puy tự tiện cho tàu theo sông Hồng lên Vân Nam buôn bán mặc dù chưa được phép của triều đình Huế. Hắn còn ngang ngược đòi được đóng quân trên bờ sông Hồng, đòi có nhượng địa ở Hà Nội, đòi được cấp than đá để đưa sang Vân Nam. Lính Pháp và thổ phỉ dưới trướng Đuy-puy còn cướp thuyền gạo của triều đình, bắt quan, lính và dân ta đem xuống tàu, khước từ lời mời tới thương thuyết của Tổng đốc Hà Nội Nguyễn Tri Phương.

Lấy cớ giải quyết "vụ Đuy-puy" theo yêu cầu của triều đình Huế, thực dân Pháp ở Sài Gòn đã phái Đại uý Gác-ni-ê đưa quân ra Bắc.

Đầu tháng 11 – 1873, ngay khi đặt chân đến Hà Nội, Gác-ni-ê đã cho quân khiêu khích. Chúng đánh đập dân chúng và binh lính ta, tự tiện tổ chức thu thuế, đòi được đóng quân ở trong thành và tuyên bố mở cửa sông Hồng.

Sáng 19 – 11 – 1873, Gác-ni-ê gửi tối hậu thư cho Tổng đốc Nguyễn Tri Phương yêu cầu nộp thành. Không đợi trả lời, mờ sáng hôm sau (20 – 11 – 1873), quân Pháp nổ súng đánh thành. Nguyễn Tri Phương đã đốc thúc binh sĩ chống cự, nhưng không giữ nổi thành trước sức tấn công ác liệt của giặc Pháp. Khi bị thương, bị giặc bắt, ông đã nhịn ăn, khước từ sự cứu chữa của giặc mà chết. Con trai ông là Nguyễn Lâm cũng hi sinh trong chiến đấu.

Ngay sau đó, tranh thủ lúc triều đình Huế còn đang hoang mang, bị động, Gác-ni-ê đưa quân đánh chiếm nhiều nơi như : Hưng Yên (23 – 11), Phủ Lí (26 – 11),

timdapan.com

Hải Dương (3 – 12), Ninh Bình (5 – 12), Nam Định (12 – 12). Trong vòng 3 tuần lễ, các tỉnh thành thuộc đồng bằng Bắc Kì đã lọt vào tay giặc.

Hình 104. *Nguyễn Tri Phương (1800 _ 1873)*

Ngay từ phút đầu khi giặc nổ súng đánh thành Hà Nội, quân dân ta đã chống trả quyết liệt. Tại cửa Ô Thanh Hà, dưới sự chỉ huy của viên Chưởng cơ, khoảng 100 binh lính triều đình đã chiến đấu và hi sinh đến người cuối cùng (sau này Ô Thanh Hà được đổi tên thành Ô Quan Chưởng). Khi Pháp mở rộng đánh chiếm ra các tỉnh ở Bắc Kì, tới đâu chúng cũng bị quân dân ta chặn đánh. Tại Phủ Lí, Hưng Yên, Hải Dương, Nam Định, quân Pháp bị chặn đánh quyết liệt, phải rút về cố thủ trong thành ở các tỉnh lị.

Hình 105. *Cửa Ô Quan Chưởng (Hà Nội) thế kỉ XIX*

Tại Nam Định, nhiều văn thân yêu nước như Nguyễn Mậu Kiến, cùng hai con là Nguyễn Hữu Cương, Nguyễn Hữu Bản, tập hợp hàng nghìn nghĩa quân đánh giặc ở vùng Trực Ninh (Kiến Xương – Thái Bình), rồi kéo quân sang Nam Định phối hợp giữ thành. Phạm Văn Nghị chiêu mộ 7 000 quân, xây dựng căn cứ chống Pháp ở An Hoà (Ý Yên – Nam Định). Khắp nơi, các toán nghĩa quân nổi lên. Họ tập kích, phục kích tiêu hao lực lượng của Pháp, trừng trị bọn tay sai, rào làng chiến đấu...

timdapan.com

Ở Hà Nội, thấy lực lượng của giặc yếu và mỏng, quân ta xiết chặt vòng vây, buộc Gác-ni-ê phải tức tốc đưa quân về Hà Nội ứng cứu. Sáng 21 – 12 – 1873, quân Pháp định tiến ra vùng Hoài Đức, nhưng đã bị phục kích tại Cầu Giấy, viên chỉ huy Gác-ni-ê bị giết chết tại trận.

Chiến thắng Cầu Giấy làm quân Pháp ở Hà Nội và các tỉnh hoảng sợ, muốn bỏ chạy. Thực dân Pháp ở Nam Kì cũng hoang mang. Đây là thời cơ thuận lợi để đánh đuổi quân giặc, nhưng triều đình Huế đã bỏ lỡ. Các đội quân triều đình được lệnh rút lên Sơn Tây để tạo không khí "thuận lợi" cho đàm phán. Tiếp đó, một bản hiệp ước mới đã được kí kết tại Sài Gòn vào ngày 15 – 3 – 1874 (Hiệp ước Giáp Tuất).

Theo bản Hiệp ước này, Pháp sẽ rút khỏi Hà Nội và các tỉnh đồng bằng Bắc Kì, nhưng triều đình Huế cũng phải chính thức thừa nhận chủ quyền của Pháp ở sáu tỉnh Nam Kì, cam kết mở cửa Thị Nại (Quy Nhơn), cửa Ninh Hải (Hải Phòng), tỉnh lị Hà Nội và sông Hồng cho Pháp vào buôn bán. Ở những nơi đó, Pháp có quyền mở mang công nghệ, xây dựng kho tàng, thuê mướn nhân công, đặt lãnh sự có quân lính bảo vệ. Nền ngoại giao nước ta cũng lệ thuộc vào đường lối ngoại giao của nước Pháp.

Hiệp ước năm 1874 đã làm mất một phần quan trọng độc lập chủ quyền của Việt Nam, xác lập đặc quyền về kinh tế của tư bản Pháp trên khắp đất nước ta.

? *– Kế hoạch đánh chiếm Hà Nội năm 1873 được Pháp thực hiện như thế nào ?*
– Nội dung, tính chất của Hiệp ước 1874.

3. Tình hình nước ta sau Hiệp ước 1874

Tuy phải rút quân khỏi Hà Nội theo Hiệp ước 1874, nhưng thực dân Pháp vẫn không từ bỏ âm mưu thôn tính Bắc Kì, Trung Kì. Chúng chờ thời cơ để thực hiện dã tâm này.

Triều đình phong kiến nhà Nguyễn từ sau khi kí Hiệp ước 1874 đã vấp phải sự phản ứng mạnh mẽ của nhân dân cả nước. Nhiều cuộc khởi nghĩa nổ ra, vừa nhằm chống thực dân Pháp xâm lược, vừa phản đối một bộ phận quan lại phong kiến đầu hàng. Tiêu biểu nhất là cuộc khởi nghĩa năm 1874 ở Nghệ An và Hà Tĩnh do một số văn thân, sĩ phu, như Trần Tấn, Đặng Như Mai, Nguyễn Huy Điển... lãnh đạo nhưng đã bị đàn áp.

timdapan.com

Hình 106. *Quân Pháp rút khỏi thành Hà Nội theo Hiệp ước 1874*

Trong thời gian các cuộc khởi nghĩa nổ ra khắp nơi thì ở ngoài Bắc thường xuyên xảy ra nạn giặc giã. Bọn thổ phỉ, hải phỉ ra sức hoành hành ở vùng biên giới. Triều đình phải dốc gần hết lực lượng quân sự vào việc đối phó ; nhiều lần còn yêu cầu nhà cầm quyền Pháp ở Nam Kì đem tàu chiến ra giúp đỡ và cầu cứu quân Thanh đánh dẹp. Đất nước rơi vào tình trạng rối ren đến cực độ.

Đứng trước tình hình đó, nhiều sĩ phu có tâm huyết đã tiếp tục đề nghị duy tân, nhưng hầu hết các đề nghị cải cách đã bị cự tuyệt. Kết quả là nền kinh tế đất nước ngày càng suy sụp ; đời sống nhân dân ngày một cơ cực, xóm làng ngày một tiêu điều, thiên tai, mất mùa diễn ra thường xuyên. Riêng trận đói lớn năm 1879 đã làm cho hàng chục vạn người lưu tán, chết đói.

Trong gần 10 năm, kể từ sau khi thực dân Pháp đánh chiếm Bắc Kì lần thứ nhất, nhà nước chẳng những không làm gì để đẩy mạnh nền kinh tế đất nước, cải thiện đời sống nhân dân, mà còn làm cho đất nước ngày càng suy yếu. Trong khi đó, các nước tư bản phương Tây đang tiến nhanh sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa, yêu cầu bành trướng mở rộng thị trường càng trở nên cấp thiết. Từ năm 1878 trở đi, các nước Anh, Đức, Tây Ban Nha đẩy mạnh việc giao thiệp với triều đình Huế. Tình hình đó càng thôi thúc thực dân Pháp nhanh tay hành động để chiếm toàn bộ đất nước ta.

? *Tình hình Việt Nam từ sau Hiệp ước 1874 đến trước khi thực dân Pháp đánh Bắc Kì lần thứ hai (1882) có những điểm gì đáng chú ý ?*

timdapan.com

III – NHÂN DÂN BẮC KÌ VÀ TRUNG KÌ TIẾP TỤC KHÁNG CHIẾN

1. Thực dân Pháp đánh chiếm Bắc Kì lần thứ hai (1882 _ 1883)

Từ những năm 70 của thế kỉ XIX, chủ nghĩa tư bản Pháp bước sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa. Nền kinh tế Pháp có những đòi hỏi ngày càng lớn về thị trường, nhân công và nguyên liệu. Không chịu đứng sau các nước tư bản khác, thực dân Pháp đã lao vào cuộc chạy đua quyết liệt để giành giật thuộc địa.

Việc xâm lược Bắc Kì và toàn bộ Việt Nam lúc này không còn là mưu đồ của một nhóm thực dân hiếu chiến, phiêu lưu như trước, mà đã trở thành chủ trương chung của giới tư bản tài phiệt đang nắm quyền ở Pháp. Đối với chúng, Bắc Kì dân đông, nhiều tài nguyên, nhất là than đá, là miếng mồi ngon không thể bỏ qua.

Để can thiệp bằng lực lượng vũ trang, năm 1882, viện cớ triều đình Huế không thi hành đúng các điều khoản của Hiệp ước 1874, ngăn trở người Pháp đi lại buôn bán trên sông Hồng, cấm và giết những người theo đạo Thiên Chúa..., Pháp đưa quân ra Bắc.

Hình 107. *Hoàng Diệu (1829 _ 1882)*

Ngày 3 – 4 – 1882, quân Pháp, do Hăng-ri Ri-vi-e chỉ huy, tiến vào Hà Nội. Binh lính Pháp vác súng nghênh ngang đi lại trên đường phố, tên chỉ huy Pháp đòi Tổng đốc Hà Nội Hoàng Diệu phải rút quân ra khỏi thành để chúng vào đóng quân và phá huỷ các công sự phòng thủ trên mặt thành. Tình hình Hà Nội hết sức căng thẳng.

Chờ khi có viện binh từ Sài Gòn ra, mờ sáng 25 – 4 – 1882, Ri-vi-e gửi tối hậu thư cho Hoàng Diệu đòi nộp thành. Hạn trả lời chưa hết, quân Pháp đã nổ súng. Trưa hôm đó, quân Pháp chiếm được thành, quân triều đình tan vỡ. Hoàng Diệu viết di biểu gửi triều đình rồi treo cổ tuẫn tiết trong vườn Võ Miếu (dưới chân Cột cờ Hà Nội ngày nay) để khỏi rơi vào tay giặc.

Trước hành động xâm lược của thực dân Pháp, triều đình nhà Nguyễn hoang mang và khiếp nhược, vội vàng cầu cứu nhà Thanh. Nắm được cơ hội này,

timdapan.com

Hình 108. Quân Pháp chiếm thành Hà Nội, xây dựng lô cốt trên nền Điện Kính Thiên

nhà Thanh đưa quân sang nước ta. Quân Thanh đóng rải rác ở các tỉnh Thái Nguyên, Tuyên Quang, Hưng Hoá, Cao Bằng, Lạng Sơn và Bắc Ninh, đồng thời bí mật thương thuyết với Pháp để chia nhau quyền lợi ở Việt Nam. Trong khi đó, vua Tự Đức vì vẫn nuôi ảo tưởng điều đình với Pháp nên đã ra lệnh rút quân lên mạn ngược và giải tán các đội quân địa phương được hình thành trong phong trào yêu nước chống xâm lược.

Về phía Pháp, sau khi nhận thêm viện binh, tháng 3 – 1883 Ri-vi-e cho quân chiếm đóng vùng mỏ Hòn Gai, Quảng Yên, sau đó trực tiếp kéo quân từ Hà Nội xuống đánh chiếm Nam Định (27 – 3 – 1883). Lần thứ hai, hầu hết các tỉnh thành lớn ở vùng đồng bằng Bắc Kì lại rơi vào tay giặc.

– Vì sao từ sau năm 1874, thực dân Pháp lại quyết tâm chiếm bằng được Bắc Kì ?

–Thực dân Pháp thực hiện âm mưu đánh chiếm Bắc Kì lần thứ hai như thế nào ?

2. Nhân dân Bắc Kì chống Pháp chiếm đóng lần thứ hai

Khi quân Pháp nổ súng tấn công, nhân dân Bắc Kì đã anh dũng đứng lên chiến đấu. Những kinh nghiệm chiến đấu của 10 năm về trước lại được nhân dân ta áp dụng. Ở Hà Nội, dọc sông Hồng, nhân dân tự tay đốt nhà mình, tạo thành bức tường lửa làm chậm bước tiến của giặc. Khắp nơi dân chúng nổi trống, mõ, khua chiêng, cổ vũ quân dân ta chiến đấu. Dưới sự chỉ huy của Nguyễn Đồng, hàng nghìn người tập hợp tại đình Quảng Văn (phố Cửa Nam) chuẩn bị tiến vào thành phối hợp với quân của triều đình đánh giặc. Nhưng chưa kịp hành động thì thành đã mất ; quân triều đình tan rã. Những người dân Hà Nội vẫn kiên trì tiếp tục cuộc đấu tranh trong lòng địch như : tiến hành đầu độc binh lính Pháp, không bán lương thực cho giặc, đốt cháy các kho thuốc súng của chúng trên bờ sông Hồng...

Khi quân Pháp mở rộng phạm vi đánh chiếm các tỉnh đồng bằng, đi tới đâu chúng cũng vấp phải sức chiến đấu quyết liệt của quân dân các địa phương.

timdapan.com

Ở Nam Định, nhân dân tự tay đốt cháy các dãy phố dọc sông Vị Hoàng để ngăn địch. Đề đốc Lê Văn Điểm, Ấn sát Hồ Bá Ôn đem quân ra ngoài thành nghênh chiến. Tại vùng nông thôn, Nguyễn Hữu Bản – con của Nguyễn Mậu Kiến, nối tiếp chí cha, mộ quân ứng nghĩa. Ở những nơi khác, nhân dân tích cực đắp đập, cắm kè cản địch trên sông.

Trong khi Ri-vi-e kéo quân đánh Nam Định thì từ phía Sơn Tây và Bắc Ninh, quân dân ta áp sát Hà Nội uy hiếp quân Pháp.

Tháng 5 – 1883, trên chiến trường Cầu Giấy, quân dân ta lại một lần nữa giáng cho giặc một đòn nặng nề.

Ngày 19 – 5 – 1883, Ri-vi-e huy động 550 quân có đại bác yểm trợ, mở cuộc hành quân đánh ra ngoài Hà Nội theo đường Hà Nội đi Sơn Tây. Nắm được ý đồ của giặc, quân dân ta đã cùng đội quân Cờ đen của Lưu Vĩnh Phúc tổ chức phục kích tại Cầu Giấy. Quân Pháp đại bại, nhiều sĩ quan, binh lính địch bị chết và bị thương, Ri-vi-e cũng phải bỏ mạng. Tàn quân Pháp tháo chạy về Hà Nội.

Trận Cầu Giấy lần thứ hai đã làm nức lòng nhân dân cả nước, bồi đắp thêm ý chí quyết tâm tiêu diệt giặc của nhân dân. Quân Pháp hoang mang, dao động. Tên Đô đốc Pháp thay thế Ri-vi-e định bỏ Hà Nội, Nam Định về cố thủ ở Hải Phòng. Tình hình rất thuận lợi cho cuộc kháng chiến.

Hình 109. *Cuộc chiến giữa quân Pháp và quân Cờ đen tại Cầu Giấy tháng 5 – 1883*

Sau chiến thắng Cầu Giấy (19 – 5 – 1883), triều đình Huế vẫn tiếp tục đường lối hoà hoãn như trước, hi vọng quân Pháp sẽ rút quân như năm 1873. Song tình thế lúc này đã khác trước. Lợi dụng cái chết của Ri-vi-e, Chính phủ Pháp vận động đẩy mạnh chiến tranh và khẩn trương gửi viện binh sang Việt Nam. Tiếp đó, quân Pháp đã thông qua một kế hoạch mở cuộc tấn công thẳng vào Kinh đô Huế, buộc triều đình nhà Nguyễn đầu hàng.

? *– Nhân dân Hà Nội và các tỉnh đồng bằng sông Hồng đã anh dũng kháng chiến chống Pháp xâm lược lần thứ hai như thế nào ?*

– Trình bày diễn biến của trận Cầu Giấy tháng 5 – 1883, kết quả và ý nghĩa của chiến thắng đó.

timdapan.com

3. Quân Pháp tấn công cửa biển Thuận An. Hiệp ước Hácmăng (1883) và Hiệp ước Patơnốt (1884)

Ngày 17 – 7 – 1883, vua Tự Đức qua đời. Lợi dụng triều đình đang bận rộn với việc chọn người kế vị, thực dân Pháp đem quân đánh thẳng vào cửa Thuận An, sát Kinh đô Huế, buộc triều đình phải đầu hàng.

Sáng 18 – 8 – 1883, Đô đốc Cuốc-bê gửi tối hậu thư yêu cầu triều đình giao tất cả các pháo đài. Đến 16 giờ chiều hôm đó, tàu chiến Pháp bắt đầu nổ súng. Chiến sự diễn ra ác liệt.

Hình 110. *Quân Pháp đổ bộ tấn công đánh chiếm cửa biển Thuận An*

Ngày 20 – 8, quân Pháp chiếm toàn bộ cửa Thuận An. Triều đình hoảng sợ vội cử người xin đình chiến. Cao uỷ Pháp là Hác-măng đến Huế, đưa ra một bản hiệp ước thảo sẵn (Hiệp ước Hácmăng), buộc triều đình phải chấp nhận.

Với hiệp ước mới (25 – 8 – 1883), về cơ bản, từ đây Việt Nam đã mất quyền tự chủ trên phạm vi cả nước, triều đình Huế đã chính thức thừa nhận sự bảo hộ của nước Pháp, mọi công việc chính trị, kinh tế, ngoại giao của Việt Nam đều do Pháp nắm. Tại Huế sẽ đặt chức Khâm sứ để thay mặt Chính phủ Pháp, viên chức này có quyền vào gặp nhà vua bất kì lúc nào xét thấy cần thiết (khoản 11) ; tại Hà Nội, Hải Phòng và một số nơi khác đặt chức Công sứ có quân đội bảo vệ và có quyền kiểm soát việc tuần phòng, quản lí việc thuế vụ, giám sát mọi sự thu chi, phụ trách việc thuế quan (các khoản 12, 13, 17, 18, 19) ; khu vực do triều đình cai trị chỉ còn lại từ Khánh Hoà ra tới đèo Ngang (tỉnh Bình Thuận sáp nhập vào Nam Kì, ba tỉnh Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh sáp nhập vào Bắc Kì), nhưng trong khu vực này các việc thương chính, công chính đều do Pháp nắm (các khoản 1, 6) ; quân Pháp đóng ngay tại Thuận An và Huế (khoản 3) ; mọi việc giao thiệp của Việt Nam với nước ngoài (kể cả với Trung Quốc) cũng do Pháp nắm (khoản 1). Về quân sự, ngoài việc phải nhận huấn luyện viên và sĩ quan chỉ huy Pháp (khoản 23) ; triều đình phải triệt hồi số quân lính đã đưa ra Bắc Kì (khoản 4) ; để Pháp đóng những đồn binh dọc theo sông Hồng và những nơi xét thấy cần thiết (khoản 21) ; Pháp có toàn quyền xử trí đội quân Cờ đen (khoản 22).

timdapan.com

Hiệp ước Hácmăng đã vấp phải sự phản ứng quyết liệt trong dân chúng. Bất chấp lệnh bãi binh của triều đình, quân dân Bắc Kì vẫn tiếp tục đứng lên kháng chiến. Nhiều quan lại ở các địa phương không chịu về kinh đô, kiên quyết ở lại mộ nghĩa binh đánh giặc như : Tạ Hiện, Nguyễn Thiện Thuật, Hoàng Văn Hoè, Lã Xuân Oai... Điều đó đã có ảnh hưởng tích cực tới phái chủ chiến trong triều đình Huế.

Hình 111. *Quân Pháp tấn công thành Sơn Tây*

Thấy không thể chấm dứt chiến sự bằng Hiệp ước Hácmăng, đầu tháng 12 – 1883, sau khi có thêm viện binh, thực dân Pháp lại tiếp tục tổ chức nhiều cuộc hành quân, mở rộng phạm vi đánh chiếm Sơn Tây, Bắc Ninh, Thái Nguyên, Hưng Hoá, Tuyên Quang... Quân Pháp tấn công đến đâu, các đơn vị quân Thanh rút tới đó, chỉ có đội quân của Lưu Vĩnh Phúc còn là trở ngại lớn của quân Pháp lúc bấy giờ.

Từ đầu năm 1884, chiến sự diễn ra ngày càng ác liệt ở Bắc Kì. Trong khi một số đơn vị quân Thanh tham gia chiến đấu thì triều đình Mãn Thanh đã kí với Pháp Quy ước Thiên Tân ngày 11 – 5 – 1884, gồm 5 khoản, theo đó, quân Thanh sẽ rút khỏi Bắc Kì.

Trên đà thắng thế, ngày 6 – 6 – 1884 Chính phủ Pháp đã buộc triều đình Huế kí thêm Hiệp ước Patơnốt gồm 19 điều khoản, căn bản dựa trên Hiệp ước Hácmăng (1883), nhưng trả lại các tỉnh Bình Thuận và Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh cho triều đình Huế cai quản như cũ, nhằm xoa dịu sự công phẫn của nhân dân ta và mua chuộc, lung lạc quan lại triều đình nhà Nguyễn.

Hiệp ước Patơnốt đặt cơ sở cho quyền đô hộ của Pháp ở Việt Nam.

? *Nội dung của Hiệp ước Hácmăng và Hiệp ước Patơnốt có những điểm gì giống và khác nhau ? Nêu nhận xét về các hiệp ước đó.*

timdapan.com

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. Lập bảng niên biểu về các bước xâm lược Việt Nam của thực dân Pháp.
2. Thái độ của thực dân Pháp trong hai lần đưa quân ra đánh Bắc Kì có gì khác nhau ? Tại sao lại có sự khác nhau đó ?
3. Thông qua bài học, hãy so sánh thái độ của nhân dân và của triều đình Huế trong cuộc đấu tranh chống Pháp xâm lược.

PHẦN ĐỌC THÊM

Báo cáo của Ri-gôn đơ Giơ-nui-y với Chính phủ Pháp vào đầu năm 1859 về cuộc chiến tranh xâm lược ở Việt Nam

"Càng đi sâu vào tình hình Vương quốc An Nam, càng ngày các bức màn càng được vén lên. Những lời tiên đoán sai lầm (của các giáo sĩ) phải thủ tiêu đi. Không thể không công nhận rằng cuộc chiến tranh chống nước này còn khó hơn cuộc chiến tranh chống Vương quốc Trung Hoa".

(Theo : *Lịch sử Việt Nam*, Tập II, Sđd, tr. 38)

Về thái độ của nhân dân Việt Nam sau Hiệp ước 1862

"Bớ các quan ơi,

Chớ thấy chín trùng hoà nghị mà tấm lòng địch khái nỡ phôi pha,

Đừng rằng ba tỉnh giao hoà mà cái việc cừu thù đành bỏ dở."

(Theo : *Thơ văn yêu nước nửa sau thế kỉ XIX*, NXB Văn học, H., 1976, tr.122)

Thư trả lời của Trương Định khi Tự Đức cử Phan Thanh Giản đến yêu cầu ông ngừng kháng chiến để Pháp trả lại tỉnh Vĩnh Long

"Nhân dân ba tỉnh muốn như xưa nên họ suy tôn chúng tôi cầm đầu. Chúng tôi không thể làm khác hơn điều mà chúng tôi đang làm. Cho nên chúng tôi đã chuẩn bị sẵn sàng kháng chiến ở cả miền Đông, ở cả miền Tây. Chúng tôi chống địch, đánh địch và cuối cùng sẽ thắng địch. Nếu ngài còn nói tới hoà nghị thì chúng tôi phản đối mệnh lệnh của triều đình".

(Theo : *Lịch sử Việt Nam*, Tập II, Sđd, tr. 46)

timdapan.com

Bài 35 TRÀO LƯU CẢI CÁCH, DUY TÂN Ở VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM CUỐI THẾ KỈ XIX

Từ những năm 60 của thế kỉ XIX, nhiều quan lại sĩ phu tiến bộ thức thời đã đưa ra các đề nghị duy tân về nội trị, ngoại giao, kinh tế, văn hoá – xã hội, mong cho nước nhà cường thịnh, có thể đương đầu với sự xâm lược của các nước tư bản phương Tây. Nhưng vì nhiều lí do, các đề nghị cải cách đó đã không được thực hiện.

1. Tình hình Việt Nam nửa sau thế kỉ XIX và sự xuất hiện trào lưu duy tân

Trong nửa sau thế kỉ XIX, nền kinh tế Việt Nam tiếp tục lâm vào tình trạng khủng hoảng nghiêm trọng. Nông nghiệp sa sút, thủ công nghiệp và thương nghiệp bế tắc, tài chính cạn kiệt. Năm 1860, khi chiến sự mới nổ ra ít lâu ở Đà Nẵng và Gia Định, quan đình thần Nguyễn Tri Phương đã tâu : "Quân và dân của đã hết, sức đã yếu".

Để đối phó với tình hình đó, triều đình nhà Nguyễn tăng cường bóc lột nhân dân, thậm chí áp dụng cả những biện pháp tiêu cực như : cho nộp tiền chuộc tội, cho buôn bán thuốc phiện, cho mua quan, bán tước để thu tiền... Bộ máy chính quyền từ trung ương đến địa phương trở nên sâu mọt ; địa chủ, cường hào tha hồ đục khoét, nhũng nhiễu dân lành.

Nhiều cuộc khởi nghĩa và bạo loạn chống triều đình vì thế đã nổ ra.

Tháng 4 – 1862, Nguyễn Thịnh (Cai tổng Vàng) khởi nghĩa ở Bắc Ninh. Tháng 9 – 1862, Nông Hùng Thạc khởi nghĩa ở Tuyên Quang. Năm 1866, tại Kinh thành Huế nổ ra cuộc khởi nghĩa của binh lính và thợ thuyền trên công trường xây dựng Khiêm lăng của Tự Đức, do Đoàn Hữu Trưng, Đoàn Tư Trực, Đoàn Hữu Ái chỉ huy. Từ năm 1861 đến năm 1865, một cuộc bạo loạn nổ ra ở vùng duyên hải Bắc Kì, do Tạ Văn Phụng cầm đầu...

Mặc dù cuối cùng các cuộc khởi nghĩa và bạo loạn đều bị dập tắt nhưng đã làm cho tài lực, binh lực của triều Nguyễn thêm suy sụp ; mâu thuẫn giữa các tầng lớp nhân dân với giai cấp phong kiến thống trị ngày càng trở nên sâu sắc. Trong khi đó, thực dân Pháp đang ráo riết chuẩn bị mở rộng xâm lược nước ta.

Vận nước nguy nan đã tác động tới các quan lại, sĩ phu yêu nước tiến bộ. Nhiều đề nghị cải cách duy tân được đưa ra.

timdapan.com

Các sĩ phu yêu nước tiến bộ đưa ra các đề nghị cải cách duy tân trong bối cảnh lịch sử nước ta như thế nào ?

2. Một số đề nghị cải cách, duy tân tiêu biểu

Trong những năm trước khi Pháp đánh Hà Nội lần thứ nhất, ở nước ta đã rộ lên một phong trào đề nghị cải cách. Đi đầu trong phong trào đó là một số quan chức, sĩ phu có học vấn cao, đặc biệt là một số sĩ phu Công giáo có dịp ra nước ngoài, tầm mắt được rộng mở, như : Nguyễn Hiệp, Lê Đính, Phạm Phú Thứ, Đặng Đức Tuấn, Đặng Huy Trứ, Bùi Viện, Nguyễn Lộ Trạch, Đinh Văn Điền, Nguyễn Trường Tộ. Nhìn thấy rõ sự trì trệ của đất nước, sự bảo thủ của giới hủ nho và tác hại của chính sách "đóng cửa khoá nước", quay lưng với những tiến bộ kĩ thuật phương Tây, phần lớn các sĩ phu có tư tưởng cải cách tuy vẫn chấp nhận chế độ phong kiến nhưng đều muốn nước ta đi theo con đường Duy tân của Nhật Bản.

Khi đi sứ sang Pháp, Phan Thanh Giản tận mắt chứng kiến sức mạnh và tầm quan trọng của kĩ thuật, của công thương. Về nước, ông đã đôi lần bày tỏ ý muốn duy tân.

Năm 1868, Đinh Văn Điền, một người theo Công giáo quê ở huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình, đã mật trình đề nghị mở mang việc khai mỏ, đóng tàu, biệt đãi người phương Tây, khai thông việc buôn bán, học tập binh thư, binh pháp, huấn luyện quân đội theo lối mới...

Cũng trong năm 1868, các ông Trần Đình Túc, Nguyễn Huy Tế đi công cán ở Hương Cảng về xin mở cửa biển Trà Lí (Nam Định) để thông thương với bên ngoài, xây dựng một "Hương Cảng của Việt Nam".

Năm 1872, Viện Thương bạc (cơ quan đối ngoại của triều đình Huế) đề nghị mở ba cửa biển Đà Nẵng, Ba Lạt, Đồ Sơn.

Một số quan lại khác như : Nguyễn Hiệp (đi Xiêm), Lê Đính (đi Hương Cảng), thấy nhiều điều hay của thiên hạ, đề nghị triều đình nên học tập...

Từ năm 1863 đến năm 1871, Nguyễn Trường Tộ (1828 – 1871), đã kiên trì gửi đến triều đình gần 60 bản điều trần[1], đề nghị chấn chỉnh bộ máy quan lại, phát triển công thương, tài chính, chấn chỉnh võ bị, ngoại giao, cải tổ giáo dục... Những đề nghị của ông đã gây được tiếng vang lớn trong xã hội nước ta lúc đó.

Vào các năm 1877 và 1882, Nguyễn Lộ Trạch (1852 – 1895), quê ở huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên, đã dâng triều đình các bản *Thời vụ sách* (1 và 2) đề xuất ý kiến nhằm giải quyết các yêu cầu bức thiết của thời cuộc.

Nêu những nội dung cơ bản của các đề nghị cải cách cuối thế kỉ XIX.

(1) *Điều trần* : bản trình bày ý kiến.

timdapan.com

3. Kết cục của những đề nghị cải cách duy tân cuối thế kỉ XIX

Xuất phát từ lòng yêu nước, lại có tư tưởng tiến bộ, muốn duy tân, phát triển đất nước để đối phó với âm mưu xâm lược từ bên ngoài, một số quan lại, sĩ phu đương thời đã vượt qua những định kiến, ghen ghét, đố kị và cả sự nguy hiểm để gửi lên triều đình những bản điều trần, mong muốn làm cho dân giàu nước mạnh.

Tuy vậy, hầu hết các đề nghị cải cách đã không được thực hiện. Triều đình nhà Nguyễn thì bảo thủ, cố chấp, không chịu thay đổi.

Có bản điều trần khi đưa ra bàn luận đã bị các quan lại trong triều phê là "chưa hợp thời thế". Có bản được vua khen là hay nhưng rồi bỏ rơi, không nghiên cứu thực hiện. Trong số đó có những bản điều trần sâu sắc, có tình có lí (như điều trần của Nguyễn Trường Tộ).

Rốt cuộc, cơ hội duy tân đã bị bỏ qua.

Cho dù không được thực hiện, nhưng trào lưu đòi cải cách cuối thế kỉ XIX đã có tác dụng tấn công vào những tư tưởng bảo thủ và chuẩn bị cho sự ra đời của phong trào Duy tân sôi nổi, rộng khắp ở Việt Nam đầu thế kỉ XX.

? *Những đề nghị cải cách cuối thế kỉ XIX có những ưu, nhược điểm gì ?*

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. Các sĩ phu đề nghị cải cách duy tân đất nước xuất phát từ động cơ nào ?
2. Tại sao hầu hết những đề nghị cải cách này lại không được thực hiện ?

PHẦN ĐỌC THÊM

Về việc cần thiết phải duy tân

Lê Đính đi Hương Cảng về, vua sai người đến hỏi có nghe thấy gì và người ngoài có nói gì đến việc nước ta. Đính tâu :

"Mọi nước Thái Tây được phú cường không ngoài việc buôn bán và việc binh mà thôi. Lấy binh bảo vệ việc buôn, dùng buôn nuôi binh, cho nên chỉnh đốn việc thông thương càng khẩn cấp. Gần đây, Nhật Bản bước kịp Thái Tây, bốn mặt đều thông thương. Nước Thanh cũng bắt đầu làm, đã dần dần cường thịnh. Có người khen nước ta có sản vật phong phú và các loại mỏ than, mỏ kim loại, có nhiều người khéo léo,

timdapan.com

ví biết phân phát tự gắng sức làm thì cái nghiệp phú cường cũng không khó lắm, chỉ phải văn thư quá phiền, nhiều việc câu chấp quá thôi".

Lời tâu của Lê Đính, bản thân nó đã là một sự phê bình chính sách triều đình, một sự thúc giục nên duy tân theo đường mà Nhật đã đi.

Nhà vua nghe rồi để đấy.

(Theo : Trần Văn Giàu, *Chống xâm lăng*,
NXB Thành phố Hồ Chí Minh, 2001, tr. 273)

Nguyễn Trường Tộ nói về việc học thực dụng

"Gọi rằng học, tức là học những điều chưa biết để cầu cho biết mà làm việc. Làm việc gì và làm ở đâu, đều là việc thực trước con mắt và để cho hữu dụng về sau. Xét ra cái học đời nay, thầy dạy gì, trò học gì, toàn là việc quá khứ, dầu trong sách đôi khi có chép một vài việc thiết thực, song cũng không thể truyền lại được...

Nay người nước mình, lúc nhỏ học văn từ thi phú mà trái lại lớn lên ra đời phải biết hình luật, lịch số, binh pháp ; lúc nhỏ học tỉnh Sơn Đông, Sơn Tây là những chỗ mắt không hề thấy, mà trái lại lớn lên ra đời cần phải đi Nam Kì, Bắc Kì ; lúc nhỏ học thiên văn, địa lí, chính sự, phong tục nước Tàu, mà trái lại lớn lên ra đời cần phải biết thiên văn, địa lí, chính sự, phong tục bất đồng của nước Nam ; lúc nhỏ học lễ nhạc, chiến phạt và cách ẩm thực cũ rích của người Tàu, mà trái lại, lớn lên ra đời cần phải biết lễ nhạc, chiến phạt và cách ẩm thực cư xử của nước Nam.

Những điều như thế có hàng ngàn, hàng muôn, kể đến bút cùn mực cạn cũng không xiết".

(Theo : Trần Văn Giàu, *Chống xâm lăng*, Sđd, tr. 280 – 281)

timdapan.com

Bài 36 PHONG TRÀO CHỐNG PHÁP CỦA NHÂN DÂN VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM CUỐI THẾ KỈ XIX

Sau khi buộc triều đình Huế kí Hiệp ước Patơnốt (1884), thực dân Pháp về cơ bản đã đặt được ách thống trị trên toàn bộ Việt Nam. Nhưng chúng còn phải mất thêm hơn 10 năm liên tục, hao người, tốn của để tiến hành cuộc "bình định" bằng quân sự, nhằm đối phó với cuộc đấu tranh quyết liệt của nhân dân ta.

Phong trào yêu nước cuối thế kí XIX diễn ra trong bối cảnh phức tạp, nhưng cuối cùng đều thất bại. Tuy nhiên, phong trào đã chứng tỏ truyền thống yêu nước nồng nàn, ý chí bất khuất chống xâm lược của nhân dân ta, đồng thời để lại những bài học kinh nghiệm quý báu cho giai đoạn lịch sử sau.

I – CUỘC PHẢN CÔNG CỦA PHÁI CHỦ CHIẾN Ở KINH THÀNH HUẾ. PHONG TRÀO CẦN VƯƠNG BÙNG NỔ VÀ PHÁT TRIỂN

1. Tình hình Việt Nam sau Hiệp ước Hácmăng (1883) và Hiệp ước Patơnốt (1884)

Hai hiệp ước Hácmăng (1883) và Patơnốt (1884), mà thực dân Pháp buộc triều đình Huế kí kết, đã chấm dứt sự tồn tại của nhà nước phong kiến Việt Nam độc lập. Tuy vậy, phái chủ chiến, đại diện là Tôn Thất Thuyết, vẫn nuôi hi vọng khôi phục lại chủ quyền nếu có thời cơ.

Dựa vào sự ủng hộ của các quan lại chủ chiến và của đông đảo quần chúng nhân dân các địa phương, Tôn Thất Thuyết (lúc đó là Thượng thư Bộ Binh) đã ra sức xây dựng, tăng cường lực lượng kháng chiến trong triều đình. Ông bí mật cho xây dựng căn cứ Tân Sở trên miền rừng núi tỉnh Quảng Trị, cho chuyển chở lương thực, tiền bạc, vũ khí từ kinh đô và các tỉnh về đây để phòng khi có biến sẽ dùng đến. Một số đồn sơn phòng được xây dựng. Hai đội quân tinh nhuệ là "Phấn nghĩa" và "Đoàn kiệt" được lập ra, ngày đêm luyện tập, sẵn sàng chiến đấu. Cuộc xung đột giữa phái chủ chiến của Tôn Thất Thuyết và phái chủ hoà ngày càng gay gắt. Một số người có tư tưởng thân Pháp đã bị thủ tiêu. Cuối cùng, phái chủ chiến đưa Ưng Lịch còn nhỏ tuổi lên ngôi, lấy hiệu là Hàm Nghi.

timdapan.com

Hành động của phái chủ chiến khiến cho thực dân Pháp hết sức lo lắng. Chúng biết rằng sẽ không thể thiết lập được nền bảo hộ ở Huế nếu không trừ khử được Tôn Thất Thuyết và phe cánh của ông. Từ tháng 10 – 1884, quân Pháp bắt đầu khiêu khích, cho quân chiếm đồn Mang Cá ở góc Đông Nam thành Huế và tìm cách buộc Hội đồng Phụ chính do Tôn Thất Thuyết đứng đầu phải giải tán.

Tháng 6 – 1885, Tướng Đờ Cuốc-xi kéo binh thuyền từ Bắc Kì vào Huế, định dùng áp lực quân sự loại bỏ phái chủ chiến, giải tán quân đội triều đình, lập mưu bắt Tôn Thất Thuyết.

Trước sự uy hiếp ngày càng trắng trợn của kẻ thù, Tôn Thất Thuyết và những cộng sự của ông đã quyết định nổ súng để giành thế chủ động.

Nội bộ triều đình Huế sau các hiệp ước 1883 và 1884 ra sao ?

2. Cuộc phản công của phái chủ chiến tại Kinh thành Huế (7 –1885). Phong trào Cần vương bùng nổ

Đêm mồng 4 rạng sáng 5 – 7 – 1885 (tức ngày 22 – 5 năm Ất Dậu), trong khi Đờ Cuốc-xi và các sĩ quan Pháp đang say sưa yến tiệc tại toà Khâm sứ, Tôn Thất Lệ (em ruột Tôn Thất Thuyết) chỉ huy đạo quân thứ nhất lặng lẽ vượt sông Hương, phối hợp với lực lượng thuỷ quân của triều đình đóng tại trại Thuỷ sư, tấn công vào toà Khâm sứ.

Hình 112. *Lược đồ Kinh thành Huế*

timdapan.com

Cánh quân thứ hai do đích thân Tôn Thất Thuyết và Trần Xuân Soạn chỉ huy, bao vây đồn Mang Cá, nơi tập trung nhiều binh lính và vũ khí của Pháp. Một toán quân khác phục kích ở cầu Thanh Long.

Bị đánh bất ngờ, quân Pháp hoảng hốt đối phó, đội hình rối loạn. Sau đó, chúng củng cố lại lực lượng và rạng sáng 5 – 7 – 1885 thì tổ chức phản công, đánh thẳng vào thành nội. Trên đường tiến quân, binh lính Pháp trắng trợn cướp bóc của cải và tàn sát vô cùng man rợ nhiều người dân vô tội.

Trong lúc hỗn loạn, Tôn Thất Thuyết đã đưa vua Hàm Nghi cùng đoàn tuỳ tùng rời Kinh đô Huế, chạy lên sơn phòng Tân Sở (Quảng Trị). Ngày 13 – 7 – 1885, ông đã nhân danh nhà vua xuống chiếu Cần vương, kêu gọi văn thân cùng nhân dân cả nước đứng lên giúp vua cứu nước.

Ở Quảng Trị một thời gian, để tránh sự truy lùng ráo riết của quân Pháp, Tôn Thất Thuyết lại đưa Hàm Nghi ra sơn phòng Ấu Sơn (Hương Khê, Hà Tĩnh). Tại đây, ngày 20 – 9 – 1885, chiếu Cần vương lần thứ hai được phát ra.

Hình 113. *Vua Hàm Nghi (1872 _ 1943)*

Hình 114. *Tôn Thất Thuyết (1835 _ 1913)*

Chiếu Cần vương tố cáo âm mưu xâm lược Việt Nam của thực dân Pháp, sự phản bội của một số quan lại, tính bất hợp pháp của triều đình Đồng Khánh do Pháp mới dựng lên và khích lệ sĩ phu, văn thân và nhân dân cả nước quyết tâm kháng chiến đến cùng.

Chiếu Cần vương đã thổi bùng ngọn lửa yêu nước, vốn đang âm ỉ cháy trong quần chúng nhân dân và nhanh chóng biến thành một phong trào lớn, kéo dài hơn 10 năm, tới cuối thế kỉ XIX mới bị dập tắt.

timdapan.com

? – *Nêu diễn biến cuộc phản công của phái chủ chiến ở Kinh thành Huế (7 – 1885).*
– *Trình bày nội dung cơ bản và ý nghĩa của chiếu Cần vương.*

3. Các giai đoạn phát triển của phong trào Cần vương

Phong trào chống Pháp nổ ra từ giữa năm 1885 kéo dài đến năm 1896, tuy với danh nghĩa Cần vương, nhưng thực chất là một phong trào đấu tranh yêu nước, chống xâm lược của nhân dân ta.

Lãnh đạo các cuộc khởi nghĩa Cần vương là các văn thân, sĩ phu có chung nỗi đau mất nước với quần chúng lao động, tự nguyện đứng về phía nhân dân chống Pháp.

Phong trào chia làm 2 giai đoạn : Giai đoạn 1 – từ giữa năm 1885 đến tháng 11 – 1888 và giai đoạn 2 – từ cuối năm 1888 đến năm 1896.

a) Giai đoạn 1 : từ giữa năm 1885 đến tháng 11 – 1888

Ngay sau khi chiếu Cần vương được phát ra, nhiều văn thân, sĩ phu yêu nước đã sôi nổi hưởng ứng. Họ tập hợp nghĩa binh, xây dựng căn cứ, đấu tranh quyết liệt với thực dân Pháp và tay sai, trên một địa bàn rộng lớn, tập trung ở các tỉnh Bắc Kì và Trung Kì.

Thủ lĩnh của các cuộc khởi nghĩa lớn, ở khu vực Trung Kì có : Mai Xuân Thưởng (Bình Định) ; Lê Trung Đình, Nguyễn Tự Tân (Quảng Ngãi) ; Nguyễn Duy Hiệu, Trần Văn Dự, Phan Thanh Phiến (Quảng Nam) ; Trương Đình Hội, Nguyễn Tự Như (Quảng Trị) ; Lê Trực, Nguyễn Phạm Tuân (Quảng Bình) ; Lê Ninh, Phan Đình Phùng, Cao Thắng (Hà Tĩnh) ; Nguyễn Xuân Ôn (Nghệ An) ; Phạm Bành, Đinh Công Tráng (Thanh Hoá) ; ở Bắc Kì có : Nguyễn Quang Bích, Nguyễn Đức Ngữ (Đốc Ngữ), Hoàng Văn Thuý (Đề Kiều), Đèo Văn Thanh, Cầm Văn Toa, Nguyễn Văn Giáp, Tạ Hiện, Nguyễn Thiện Thuật, Hoàng Đình Kinh...

Đặc điểm nổi bật của phong trào giai đoạn này là trong chừng mực nhất định phong trào còn đặt dưới sự chỉ huy thống nhất của một triều đình kháng chiến, đứng đầu là Hàm Nghi và Tôn Thất Thuyết.

Trước những khó khăn ngày càng lớn, tháng 12 – 1886 Tôn Thất Thuyết đã sang Trung Quốc cầu viện. Cuối năm 1888, do sự chỉ điểm của Trương Quang Ngọc, vua Hàm Nghi rơi vào tay giặc. Nhà vua đã hiên ngang cự tuyệt mọi sự dụ dỗ của Pháp, chấp nhận đi đày ở An-giê-ri, một thuộc địa của Pháp ở Bắc Phi.

b) Giai đoạn 2 : từ cuối năm 1888 đến năm 1896

Sự kiện vua Hàm Nghi bị bắt đã ít nhiều gây tâm lí hoang mang trong một bộ phận sĩ phu, văn thân yêu nước.

timdapan.com

Hình 115. Lược đồ những địa điểm diễn ra các cuộc khởi nghĩa Cần vương

timdapan.com

Trong điều kiện chiến đấu mới, nghĩa quân phải chuyển địa bàn hoạt động từ vùng đồng bằng lên vùng trung du và rừng núi, quy tụ lại thành những cuộc khởi nghĩa lớn, có trình độ tổ chức cao hơn và duy trì cuộc chiến đấu dẻo dai trong nhiều năm cuối thế kỉ XIX.

Tiêu biểu ở giai đoạn này phải kể đến khởi nghĩa Bãi Sậy (Hưng Yên), khởi nghĩa Ba Đình và Hùng Lĩnh (Thanh Hoá), khởi nghĩa Hương Khê (Hà Tĩnh).

Cho dù đã có những bước phát triển mới, phong trào ở giai đoạn này vẫn không khắc phục được tình trạng lẻ tẻ, địa phương, thiếu sự liên kết và chỉ đạo thống nhất. Thêm vào đó, việc thực dân Pháp ổn định được nền thống trị của chúng và triều đình nhà Nguyễn bị biến thành tay sai... đã khiến các cuộc khởi nghĩa lần lượt thất bại.

Cuối năm 1895 – đầu năm 1896, với việc chấm dứt tiếng súng chống Pháp trên núi Vụ Quang trong khởi nghĩa Hương Khê, phong trào Cần vương coi như kết thúc.

? *Tóm lược các giai đoạn phát triển của phong trào Cần vương.*

II – CÁC CUỘC KHỞI NGHĨA LỚN TRONG PHONG TRÀO CẦN VƯƠNG

1. Khởi nghĩa Bãi Sậy (1883 – 1892)

Bãi Sậy là một trong những trung tâm kháng Pháp lớn ở Bắc Kì cuối thế kỉ XIX. Phong trào ở đây hình thành từ năm 1883, kéo dài tới năm 1892 mới chấm dứt.

Trong những năm từ 1883 đến 1885, một vùng địa bàn lau sậy rậm rạp thuộc các huyện Văn Lâm, Văn Giang, Khoái Châu, Yên Mĩ (Hưng Yên) là căn cứ hoạt động của nghĩa quân dưới sự chỉ huy của Đinh Gia Quế. Từ năm 1885, Nguyễn Thiện Thuật được Hàm Nghi giao trọng trách tổ chức cuộc kháng chiến ở vùng châu thổ sông Hồng và trở thành thủ lĩnh tối cao của phong trào.

Nguyễn Thiện Thuật sinh năm 1844, quê ở làng Xuân Dục, Mĩ Hào, Hưng Yên. Ông đỗ Cử nhân năm 1876, sau đó được phong chức Tán tương quân vụ tỉnh Hải Dương. Tháng 8 – 1883, Pháp chiếm Hải Dương, Nguyễn Thiện Thuật đã mộ quân mưu chiếm lại tỉnh lị. Việc không thành, ông kéo quân lên Sơn Tây phối hợp với Hoàng Tá Viêm chống Pháp. Khi triều đình kí Hiệp ước Hácmăng (1883), ông bỏ sang Trung Quốc. Tháng 7 – 1885, được tin Hàm Nghi xuống chiếu Cần vương, ông lập tức trở về, tổ chức phong trào kháng chiến ở Hưng Yên.

timdapan.com

Hình 116. Nguyễn Thiện Thuật (1844 _ 1926)

Dựa vào địa hình các tỉnh đồng bằng, nơi có nhiều tuyến giao thông quan trọng chạy qua, nghĩa quân đã triệt để áp dụng chiến thuật du kích, thường đánh úp đồn trại giặc trên đường Hà Nội – Hải Phòng, Hà Nội – Nam Định, Hà Nội – Bắc Ninh hoặc trên các con sông lớn như sông Thái Bình, sông Hồng, sông Đuống.

Nghĩa quân chia thành từng toán nhỏ, khoảng 20 – 25 người, trà trộn vào dân để hoạt động và tiến hành đánh du kích bằng cách tập kích chớp nhoáng hoặc phục kích chặn đường giao thông tiếp tế và vận tải của địch.

Ngoài căn cứ chính ở Bãi Sậy, nghĩa quân còn xây dựng căn cứ Hai Sông, thuộc vùng núi huyện Kinh Môn (Hải Dương), do Đốc Tít (Nguyễn Đức Hiệu) phụ trách.

Hình 117. Lược đồ địa bàn hoạt động của nghĩa quân Bãi Sậy

timdapan.com

Từ năm 1885 đến cuối năm 1887, nghĩa quân đẩy lui nhiều cuộc càn quét của Pháp ở các vùng Văn Giang, Khoái Châu và vùng căn cứ Hai Sông. Nhiều trận đánh ác liệt đã diễn ra trên địa bàn các tỉnh Hưng Yên, Hải Dương, Bắc Ninh, Thái Bình, Quảng Yên, có trận quân ta tiêu diệt tới 40 tên địch, bắt sống chỉ huy.

Sang năm 1888, địch tập trung lực lượng quyết tiêu diệt nghĩa quân Bãi Sậy bằng cách thiết lập một hệ thống đồn bốt dày đặc để kiểm soát và lùng sục, hòng làm mất chỗ dựa của nghĩa quân. Ngoài ra, chúng còn cho Hoàng Cao Khải cầm đầu lính nguỵ, mở nhiều cuộc tấn công vào Bãi Sậy rồi bao vây chặt căn cứ này.

Đến tháng 7 – 1889, cuộc khởi nghĩa đã suy yếu rõ rệt. Hầu hết những người chỉ huy nghĩa quân đã hi sinh. Nguyễn Thiện Thuật phải lánh sang Trung Quốc và mất ở đó năm 1926.

Cuối tháng 7 – 1889, căn cứ Hai Sông bị quân Pháp tấn công. Trong thế cùng, Đốc Tít phải ra hàng giặc (12 – 8 – 1889), rồi bị Pháp đày sang An-giê-ri. Phong trào ở Hưng Yên và Hải Dương đi vào giai đoạn kết thúc. Tuy vậy, các lực lượng kháng chiến vẫn tiếp tục duy trì hoạt động thêm một thời gian. Đến năm 1892, khi thủ lĩnh cuối cùng của khởi nghĩa Bãi Sậy là Đốc Vinh bị giết hại, phong trào mới tan rã hẳn.

Khởi nghĩa Bãi Sậy là cuộc khởi nghĩa tiêu biểu nhất của nhân dân vùng châu thổ sông Hồng cuối thế kỉ XIX. Cuộc khởi nghĩa đã để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý báu, nhất là kinh nghiệm về phương thức tổ chức hoạt động và tác chiến trên địa hình đồng bằng, đất hẹp, người đông.

Nêu những đặc điểm về tổ chức và hoạt động của nghĩa quân Bãi Sậy.

2. Khởi nghĩa Ba Đình và khởi nghĩa Hùng Lĩnh

a) Khởi nghĩa Ba Đình (1886 _ 1887)

Ba Đình là một căn cứ kháng chiến được xây dựng trên vùng đất thuộc ba làng Mậu Thịnh, Thượng Thọ, Mĩ Khê (Nga Sơn), cách tỉnh lị Thanh Hoá 40 km về phía bắc, án ngữ con đường chạy từ Bắc vào Nam. Đứng đầu căn cứ là Phạm Bành và Đinh Công Tráng.

Phạm Bành đỗ Cử nhân, làm Án sát tỉnh Nghệ An, quê ở làng Tương Xá, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hoá, là một viên quan chủ chiến, đã treo ấn từ quan, về quê vận động nhân dân chống giặc.

Đinh Công Tráng quê ở làng Tràng Xá, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam, là một cựu Chánh tổng. Ông đã từng tham gia đánh Pháp với Hoàng Tá Viêm và phối hợp chiến đấu với Lưu Vĩnh Phúc khi Pháp đánh Bắc Kì lần thứ hai (1882).

timdapan.com

Lợi dụng địa hình, địa vật ở đây tương đối thuận lợi, năm 1886 Phạm Bành và Đinh Công Tráng đã cho xây dựng một pháo đài chống Pháp kiên cố, nằm ngay giữa vùng đồng chiêm trũng nước ngập mênh mông, bùn đất lầy thụt.

Hình 118. Lược đồ căn cứ Ba Đình

Bao bọc xung quanh căn cứ là luỹ tre dày đặc và một hệ thống hào rộng, rồi đến một lớp thành đất cao đến 3 mét, chân rộng từ 8 đến 10 mét, mặt thành có thể đi lại được. Phía trong thành có hệ thống giao thông hào dùng để vận động và tiếp tế khi chiến đấu. Ở những nơi xung yếu đều có công sự vững chắc. Các hầm chiến đấu được đào theo kiểu chữ "chi". Các ngôi đình của 3 làng được biến thành các chốt đóng quân, nối với nhau bằng chiến hào, có thể hỗ trợ cho nhau.

Từ Ba Đình, nghĩa quân có thể toả đi các nơi, kiểm soát các tuyến giao thông quan trọng trong vùng, tổ chức phục kích, tiêu diệt các đoàn xe vận tải của địch đi lại trên con đường Bắc – Nam, đồng thời có thể tiếp tế lương thực, vũ khí từ biển vào bằng thuyền mành.

Ngoài Ba Đình, còn có một số căn cứ hỗ trợ khác ở xung quanh như : căn cứ Phi Lai (Hà Trung) của Cao Điển, căn cứ Quảng Hoá (Vĩnh Lộc) của Trần Xuân Soạn, đáng chú ý nhất là căn cứ Mã Cao (Yên Định) do Hà Văn Mao chỉ huy.

Lực lượng nghĩa quân Ba Đình được tuyển lựa từ các làng xung quanh, với khoảng 300 người. Trong hàng ngũ nghĩa quân, có cả người Mường, người Thái tham gia.

Trang bị vũ khí của nghĩa quân chủ yếu là súng hoả mai, gươm, giáo mác, cung nỏ. Ngoài ra, còn có một số đại bác cỡ nhỏ, đúc bằng gang. Đông đảo nhân dân hỗ trợ cho cuộc chiến đấu ở Ba Đình bằng cách tham gia phục vụ, vận chuyển lương thực, xây đắp công sự, tải thương hay động viên, cổ vũ binh sĩ.

Tháng 12 – 1886, thực dân Pháp tập trung lực lượng đánh vào Ba Đình, nhưng bị đẩy lui, để lại nhiều xác chết và vũ khí. Tuy vậy, chúng vẫn quyết định công phá Ba Đình bằng mọi giá.

timdapan.com

Ngày 6 – 1 – 1887, dưới sự chỉ huy của Đại tá Brít-xô, khoảng 2 500 quân Pháp thuộc nhiều binh chủng khác nhau, có pháo binh yểm trợ, tấn công vào Ba Đình. Hàng trăm lính Pháp đã bị tiêu diệt, những tên còn sống sót hoang mang, dao động.

Brít-xô chuyển sang chiến thuật vây hãm, cắt đường tiếp tế của nghĩa quân, phun dầu đốt cháy các luỹ tre để mở đường tiến, cùng lúc tập trung đại bác bắn dồn dập vào căn cứ, biến Ba Đình thành một biển lửa. Cuối cùng, nghĩa quân phải mở đường máu rút lui lên Mã Cao trong đêm 20 – 1 – 1887.

Sáng 21 – 1 – 1887, quân Pháp chiếm được cứ điểm Ba Đình, chúng điên cuồng đốt phá, rồi bắt triều đình nhà Nguyễn xoá tên ba làng trên bản đồ hành chính.

Nghĩa quân vừa mới rút lên Mã Cao, chưa kịp củng cố lực lượng đã bị Pháp đuổi theo truy kích. Sau 10 ngày giao tranh ác liệt, căn cứ này cũng bị phá vỡ. Nghĩa quân tiếp tục bị đẩy lên miền Tây Thanh Hoá, sau đó sáp nhập vào đội quân của Cầm Bá Thước.

Lúc này, các thủ lĩnh Nguyễn Khế, Hoàng Bật Đạt đã hi sinh ; Phạm Bành, Hà Văn Mao, tự sát ; Trần Xuân Soạn tìm đường sang Trung Quốc. Đinh Công Tráng thoát khỏi tay giặc, dự định gây dựng lại phong trào, nhưng đến mùa hè năm 1887, ông bị Pháp bắt và giết hại. Đến đây, khởi nghĩa Ba Đình kết thúc.

Thất bại của khởi nghĩa Ba Đình do nhiều nguyên nhân, mà trực tiếp là chiến thuật phòng ngự bị động với việc lập chiến tuyến cố thủ tại một vùng đồng chiêm trũng, địa bàn chật hẹp.

? *Dựa vào lược đồ, hãy miêu tả công sự phòng thủ ở căn cứ Ba Đình. So sánh chiến thuật của nghĩa quân Ba Đình với chiến thuật của nghĩa quân Bãi Sậy.*

b) Khởi nghĩa Hùng Lĩnh (1887 _ 1892)

Sau khi căn cứ Ba Đình bị thất thủ, ở Hùng Lĩnh (Vĩnh Lộc – Thanh Hoá) lại hình thành một trung tâm kháng chiến thứ hai, mở rộng từ vùng đồng bằng lên miền rừng núi phía tây, sát biên giới Việt – Lào. Lãnh đạo chính của cuộc khởi nghĩa là Tống Duy Tân và một thủ lĩnh người Thái là Cầm Bá Thước.

Tống Duy Tân người làng Bồng Trung, huyện Vĩnh Lộc (Thanh Hoá), đỗ Tiến sĩ năm 39 tuổi, từng làm Tri huyện, rồi Đốc học Thanh Hoá. Ông từng có nhiều đóng góp cho khởi nghĩa Ba Đình. Những năm 1886 – 1887, ông được phân công cùng với Cao Điển xây dựng căn cứ Phi Lai (Hà Trung).

Đầu năm 1887, Tống Duy Tân ra Bắc, gặp gỡ các sĩ phu yêu nước. Trở lại Thanh Hoá, ông liên lạc với các thủ lĩnh yêu nước còn lại như Cao Điển, Tôn Thất Hàn, Cầm Bá Thước và trở thành người chỉ huy chính của phong trào kháng Pháp ở Thanh Hoá.

timdapan.com

Ngoài căn cứ chính, nghĩa quân còn mở rộng địa bàn hoạt động, phối hợp chiến đấu với Đề Kiều, Đốc Ngữ ở vùng hạ lưu sông Đà và với nghĩa quân Phan Đình Phùng ở vùng rừng núi Nghệ An – Hà Tĩnh. Tổ chức của nghĩa quân khá quy củ. Mỗi huyện có một cơ binh, lấy tên huyện đặt tên cho đơn vị, ví dụ như Nông Thanh cơ (Nông Cống – Thanh Hoá).

Trong vòng 2 năm (1889 – 1890), nghĩa quân đã chiến đấu anh dũng, gây cho Pháp nhiều thiệt hại, nổi tiếng nhất là trận Vân Đồn (Nông Cống) đầu năm 1889 và trận Yên Lãng (Xuân Yên – Thọ Xuân) tháng 3 – 1890.

Thực dân Pháp tập trung lực lượng truy quét, nghĩa quân phải vừa chống đỡ, vừa rút dần lên miền Tây Thanh Hoá. Lực lượng suy yếu dần.

Do có kẻ chỉ điểm, tháng 10 – 1892 Tống Duy Tân bị Pháp bắt, Cao Điển phải trốn ra Bắc. Khởi nghĩa đến đây coi như đã thất bại.

Ở miền Tây Thanh Hoá, Cầm Bá Thước còn tiếp tục duy trì cuộc chiến đấu thêm một thời gian. Đến khi ông bị bắt, phong trào mới hoàn toàn tan rã.

? *Cuộc khởi nghĩa Hùng Lĩnh diễn ra như thế nào ?*

3. Khởi nghĩa Hương Khê (1885 – 1896)

Hương Khê là một huyện miền núi nằm ở phía tây tỉnh Hà Tĩnh, là đại bản doanh của cuộc khởi nghĩa lớn nhất trong phong trào Cần vương. Địa bàn hoạt động của nghĩa quân bao gồm bốn tỉnh : Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình. Lãnh tụ cuộc khởi nghĩa là Phan Đình Phùng.

Phan Đình Phùng sinh năm 1847, quê ở làng Đông Thái (nay thuộc xã Tùng Ảnh), huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh. Năm 1877, ông đỗ Đình nguyên Tiến sĩ, được bổ làm Tri huyện Yên Khánh (Ninh Bình), sau được gọi vào Kinh đô Huế, sung vào Viện Đô sát, giữ chức Ngự sử. Năm 1883, với tính cương trực, ông đã phản đối việc phế truất Dục Đức, đưa Hiệp Hoà lên ngôi của phái chủ chiến trong triều, vì thế đã bị cách chức và thải hồi về quê. Nhưng khi triều đình kháng chiến chạy ra Hà Tĩnh, ông vẫn đến yết kiến Hàm Nghi và Tôn Thất Thuyết (10 – 1885) và được giao trọng trách tổ chức phong trào kháng chiến ở Hà Tĩnh.

Trợ thủ đắc lực cho Phan Đình Phùng là Cao Thắng. Ông sinh năm 1864, trong một gia đình nông dân, quê ở Hàm Lại (Sơn Lễ – Hương Sơn – Hà Tĩnh). Năm 20 tuổi, ông đã từng tham gia cuộc khởi nghĩa của Đội Lựu (Trần Quang Cán), từng bị bắt giam tại nhà lao Hà Tĩnh. Sau khi thoát tù, ông đã tự nguyện đứng dưới cờ của Phan Đình Phùng khởi nghĩa.

timdapan.com

Dựa vào địa thế núi rừng hiểm yếu, nghĩa quân xây dựng lực lượng và cơ sở chiến đấu ở hai huyện Hương Sơn và Hương Khê (Hà Tĩnh).

Khởi nghĩa Hương Khê có thể chia làm 2 giai đoạn chính :

Từ năm 1885 đến năm 1888 là giai đoạn chuẩn bị, xây dựng lực lượng và cơ sở chiến đấu.

Sau một vài trận tập kích địch không có hiệu quả, thấy thực lực còn quá yếu, đầu năm 1887, Phan Đình Phùng giao quyền chỉ huy cho Cao Thắng để ra Bắc liên kết lực lượng. Cao Thắng ở lại lo tuyển lựa, huấn luyện nghĩa quân, sắm sửa khí giới và xây đắp công sự. Ông chú trọng phối hợp với các toán nghĩa quân khác và vận động nhân dân tham gia kháng chiến ; chế tạo thành công súng trường theo mẫu của Pháp. Cao Thắng được coi là ông tổ của ngành quân giới nước ta.

Hình 119. *Lược đồ khởi nghĩa Hương Khê*

Từ năm 1889 đến năm 1896 là thời kì chiến đấu quyết liệt của nghĩa quân.

Cuối tháng 9 – 1889, Phan Đình Phùng từ Bắc trở về Hà Tĩnh, cùng với Cao Thắng trực tiếp lãnh đạo cuộc khởi nghĩa, mở rộng địa bàn hoạt động ra khắp 4 tỉnh : Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình. Lực lượng nghĩa quân được chia thành 15 quân thứ[1], mỗi quân thứ đặt dưới sự chỉ huy của những tướng lĩnh có năng lực

(1) Xây dựng trên cơ sở các đơn vị hành chính huyện hoặc xã và lấy tên nơi đó để gọi.

timdapan.com

Hình 120. *Phan Đình Phùng (1847 _ 1895)*

và uy tín. Đại bản doanh của cuộc khởi nghĩa đặt ở núi Vụ Quang, thuộc huyện Hương Khê, tựa lưng vào dãy Trường Sơn. Từ đây, nghĩa quân có thể theo đường núi vào Quảng Bình, Quảng Trị, ra Nghệ An, Thanh Hoá hay theo đường sông đi xuống các vùng đồng bằng hoặc khi cần thiết có thể lánh sang Lào.

Trong những năm từ 1889 đến 1892, nghĩa quân đánh thắng nhiều trận càn và tấn công một số đồn trại của Pháp.

Sau những trận thua đau, đầu năm 1892 thực dân Pháp mở cuộc càn quét lớn vào khu Ngàn Trươi. Để đối phó với quân Pháp, nghĩa quân bố trí một lực lượng chống trả tại chỗ, còn một lực lượng khác luồn về hoạt động ở vùng sau lưng địch, buộc chúng phải rút quân về. Chính trong thời gian này, nghĩa quân đã táo bạo tập kích vào thị xã Hà Tĩnh, phá nhà lao, giải phóng tù chính trị.

Quân Pháp một mặt tăng cường càn quét, thu hẹp phạm vi hoạt động của nghĩa quân, mặt khác tìm cách cắt đứt liên lạc giữa các quân thứ và giữa nghĩa quân với nhân dân.

Để phá thế bị bao vây và mở rộng địa bàn hoạt động, được Phan Đình Phùng đồng ý, tháng 11 – 1893 Cao Thắng đưa khoảng 1 000 quân mở trận tấn công lớn vào tỉnh lị Nghệ An. Trên đường hành quân, nhiều đồn địch đã bị phá bỏ. Nhưng trong trận tấn công đồn Nu (Thanh Chương), Cao Thắng bị thương nặng, rồi hi sinh. Đây là một tổn thất to lớn của nghĩa quân.

Lợi dụng cơ hội đó, địch tăng thêm binh lực rồi siết chặt vòng vây. Nghĩa quân cố gắng đánh trả những cuộc vây quét. Cuối tháng 3 – 1894, họ lại tập kích vào thị xã Hà Tĩnh, nhưng sau đó phải rút lui, về cố thủ tại núi Quạt và núi Vụ Quang (Hương Khê). Cuối năm 1894, mặc dù bị uy hiếp mạnh, nghĩa quân vẫn giành được thắng lợi lớn trong trận Vụ Quang ngày 17 – 10 – 1894, tiêu hao nhiều sinh lực địch.

Lúc này, Nguyễn Thân được triều đình Huế cử đem gần 3 000 quân bao vây căn cứ Vụ Quang. Trong một trận giao chiến ác liệt, Phan Đình Phùng bị thương nặng. Ông hi sinh ngày 28 – 12 – 1895.

Mười hai ngày sau khi Phan Đình Phùng mất, Nguyễn Thân mới tới được căn

timdapan.com

cứ nghĩa quân. Y đã sai lính đào mộ Phan Đình Phùng, lấy thi hài đốt thành tro, rồi nhồi với thuốc súng bắn xuống sông La. Sang đầu năm 1896, những thủ lĩnh cuối cùng của cuộc khởi nghĩa đã bị Pháp bắt. Đến đây, cuộc khởi nghĩa Hương Khê tan rã. Một số nghĩa quân trốn được sang Thái Lan, sau này trở thành cơ sở của Việt Nam Quang phục hội và phong trào cách mạng Việt Nam những năm đầu thế kỉ XX.

Khởi nghĩa Hương Khê, đỉnh cao nhất của phong trào Cần vương cuối thế kỉ XIX, kéo dài suốt 10 năm, có quy mô rộng lớn, có tổ chức tương đối chặt chẽ, lập được nhiều chiến công và gây cho địch tổn thất nặng nề.

Cuộc khởi nghĩa đã huy động đến mức cao độ sự ủng hộ và tiềm năng to lớn của nhân dân. Về quân sự, nghĩa quân đã biết sử dụng những phương thức tác chiến linh hoạt, chủ động, sáng tạo trong quá trình chuẩn bị lực lượng cũng như khi giao chiến với quân địch.

Khởi nghĩa Hương Khê thất bại do nhiều nguyên nhân, chủ yếu là do bộ phận lãnh đạo nghĩa quân chưa biết liên kết, tập hợp lực lượng, phát triển thành phong trào toàn quốc. Đó cũng chính là những hạn chế của thời đại, của phong trào Cần vương nói chung.

– Trình bày những hoạt động chủ yếu của nghĩa quân Hương Khê qua 2 giai đoạn của cuộc khởi nghĩa.

– Hãy so sánh khởi nghĩa Hương Khê với các cuộc khởi nghĩa Cần vương khác.

III – KHỞI NGHĨA YÊN THẾ VÀ PHONG TRÀO ĐẤU TRANH CỦA ĐỒNG BÀO MIỀN NÚI

Trong những năm cuối thế kỉ XIX, song song với các cuộc khởi nghĩa của phong trào Cần vương còn có các cuộc đấu tranh tự phát của nhân dân các địa phương ở trung du và miền núi, nổi bật nhất là cuộc khởi nghĩa Yên Thế.

1. Khởi nghĩa Yên Thế (1884 _1913)

Yên Thế nằm ở phía tây bắc tỉnh Bắc Giang, có diện tích khoảng 40 – 50 km^2, với đất đồi là chủ yếu. Phía bắc Yên Thế có những cánh rừng rậm rạp. Từ đây có thể đi thông sang Thái Nguyên, Lạng Sơn hay Tam Đảo, xuống Vĩnh Yên, Phúc Yên, Hà Nội.

Tình trạng sa sút về nông nghiệp Việt Nam thời nhà Nguyễn đã khiến cho rất nhiều nông dân vùng đồng bằng Bắc Kì phải bỏ làng mạc đi nơi khác kiếm sống, trong đó có một bộ phận kéo lên Yên Thế. Từ giữa thế kỉ XIX, họ quy tụ thành làng xóm, tổ chức khai hoang và đấu tranh chống các thế lực từ bên ngoài đe doạ.

timdapan.com

Hình 121. *Hoàng Hoa Thám (1858 _ 1913)*

Khi thực dân Pháp mở rộng phạm vi chiếm đóng Bắc Kì, Yên Thế trở thành đối tượng bình định của chúng. Để bảo vệ cuộc sống của mình, nông dân ở đây đã đứng lên tự vệ.

Cuộc khởi nghĩa Yên Thế bùng nổ năm 1884, kéo dài đến năm 1913. Những người lãnh đạo khởi nghĩa gồm phần lớn là nông dân. Người có công và đóng vai trò to lớn hơn cả là Lương Văn Nắm (Đề Nắm) và tiếp đó là Hoàng Hoa Thám (Đề Thám).

Hoàng Hoa Thám tên thật là Trương Văn Thám, quê ở Tiên Lữ (Hưng Yên), lên Sơn Tây kiếm sống, sau lại lên Yên Thế. Lớn lên, ông tham gia toán nghĩa quân của Đề Nắm và nổi tiếng là người trung thực, kiên nghị.

Hoạt động của nghĩa quân Yên Thế có thể chia làm 4 giai đoạn :

Giai đoạn 1 : từ năm 1884 đến năm 1892, nghĩa quân còn hoạt động lẻ tẻ, chưa có sự lãnh đạo và chỉ huy thống nhất. Hàng chục toán nghĩa quân tung hoành khắp khu vực Yên Thế, đẩy lui nhiều trận càn của Pháp. Sau khi Đề Nắm bị giết (4 – 1892), Đề Thám đã đứng ra tổ chức lại phong trào và trở thành thủ lĩnh tối cao của nghĩa quân. Thực dân Pháp cho tay chân mua chuộc, dụ dỗ, tìm cách ám sát Hoàng Hoa Thám, nhưng trước sau chúng đều thất bại.

Giai đoạn 2 : từ năm 1893 đến năm 1897, nghĩa quân mở rộng địa bàn hoạt động ra nhiều vùng thuộc Bắc Giang, Bắc Ninh và xây dựng lại căn cứ Hố Chuối.

Lúc này, thực dân Pháp đã đàn áp xong các cuộc khởi nghĩa Bãi Sậy, Ba Đình và phong trào ở Tây Bắc và hạ lưu sông Đà, chúng tập trung lực lượng đánh lên Yên Thế. Để có điều kiện củng cố lực lượng, Đề Thám lập mưu bắt cóc một số tên thực dân, trong đó có Sét-nay, một chủ thầu khoán kiêm chủ bút tờ báo *Tđơng lai Bắc Kì,* gây xôn xao trong giới địa chủ, tư sản Pháp.

Chính quyền thực dân phải chủ động giảng hoà với Đề Thám, chuộc Sét-nay bằng một khoản tiền lớn đồng thời rút quân khỏi Yên Thế và để cho Đề Thám cai quản 4 tổng Nhã Nam, Mục Sơn, Yên Lễ, Hữu Thượng. Thời gian giảng hoà bắt đầu từ tháng 10 – 1894. Tranh thủ thời gian hoà hoãn, nghĩa quân vừa lo sản xuất, vừa ra sức chuẩn bị lực lượng cho cuộc chiến đấu mới.

timdapan.com

Hình 122. *Lược đồ khởi nghĩa Yên Thế*

Đến tháng 11 – 1895, Pháp tấn công trở lại. Nghĩa quân đã phục kích, tiêu hao nhiều sinh lực của địch, nhưng cũng bị hi sinh, tổn thất nhiều. Họ phải di chuyển khắp bốn tỉnh : Bắc Giang, Bắc Ninh, Thái Nguyên, Vĩnh Yên .

Tháng 12 – 1897, sau 2 năm hành quân liên miên và bị thiệt hại nặng nề, giặc Pháp phải đồng ý theo đề nghị của Đề Thám giảng hoà lần thứ hai. Đề Thám bề ngoài tỏ ra phục tùng, tuân thủ các điều kiện ràng buộc ngặt nghèo do Pháp đưa ra, phải nộp vũ khí và bãi binh, nhưng bên trong vẫn ngầm củng cố lực lượng.

Giai đoạn 3 : từ năm 1898 đến năm 1908, trong một thời gian đình chiến kéo dài, nghĩa quân Yên Thế vẫn giữ vững tinh thần chiến đấu. Tại Phồn Xương, nghĩa quân tổ chức sản xuất, sắm sửa vũ khí, luyện tập quân sự. Nhiều nhà yêu nước từ các nơi trong nước như Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Nguyễn Văn Cẩm (Kì Đồng) đã tìm lên Yên Thế giao tiếp với Đề Thám. Trong thời gian này, thực dân Pháp ráo riết lập đồn bốt, mở đường giao thông, chuẩn bị đánh đòn quyết định để dập tắt cuộc khởi nghĩa.

Giai đoạn 4 : từ năm 1909 đến năm 1913, thực dân Pháp tấn công trở lại, quyết tiêu diệt bằng được nghĩa quân Yên Thế, tạo điều kiện cho việc khai thác vùng trung du và thượng du Bắc Kì. Từ đây, phong trào suy yếu dần, rồi tan rã ít lâu sau đó.

? *Nêu những nét chính về các giai đoạn của cuộc khởi nghĩa Yên Thế.*

timdapan.com

2. Phong trào đấu tranh của đồng bào miền núi và các dân tộc thiểu số

Vùng trung du và miền núi là nơi thực dân Pháp bình định muộn hơn. Phong trào đấu tranh ở đây nổ ra sau vùng đồng bằng, nhưng tồn tại lâu dài, bền bỉ hơn.

Từ giữa thế kỉ XIX, đồng bào Khơ-me, Xtiêng ... đã tham gia chống Pháp trong cuộc khởi nghĩa Trương Định.

Tại vùng Thanh Hoá, những nghĩa quân người Mường do Hà Văn Mao chỉ huy đã có mặt trong cuộc khởi nghĩa Ba Đình. Khi Ba Đình thất thủ, họ rút lên Mã Cao tiếp tục chiến đấu. Từ tháng 4 – 1887, khi Hà Văn Mao bị giết, lực lượng nghĩa quân miền núi Thanh Hoá lại tập hợp xung quanh Cầm Bá Thước (Tù trưởng người Thái), phối hợp chiến đấu với nghĩa quân Hùng Lĩnh của Tống Duy Tân và nghĩa quân Hương Khê.

Tại Tây Nguyên, các tù trưởng người dân tộc thiểu số như N'Trang Gưh, Ama Wah, Ama Kol, Ama Jhao ... đã kêu gọi nhân dân rào làng đánh Pháp. Cuộc đấu tranh kéo dài suốt từ năm 1889 đến năm 1905.

Tại vùng Tây Bắc, các dân tộc Thái, Mường, Mông đã tập hợp xung quanh Nguyễn Quang Bích, Nguyễn Văn Giáp. Họ xây dựng căn cứ ở Phú Thọ và hoạt động mạnh trên vùng hạ lưu sông Đà.

Vào những năm 1884 – 1890, xuất hiện nhiều thủ lĩnh người Thái như Đèo Văn Trì[1], Nông Văn Quang, Cầm Văn Thanh. Những nghĩa quân người dân tộc thiểu số đã chiến đấu dũng cảm trong các đội quân của Đèo Chính Lục, Đặng Phúc Thành, Bàn Văn Siêu, Hà Quốc Trượng... ở Sơn La, Yên Bái, Hà Giang, Tuyên Quang.

Ở vùng Đông Bắc, có các toán quân người Dao, người Hoa, tiêu biểu là toán quân của Lưu Kì. Đến đầu năm 1892, khi Lưu Kì bị giết hại, phong trào ở đây tạm thời lắng xuống.

Phong trào của đồng bào miền núi nổ ra kịp thời, phát triển mạnh mẽ đã góp phần làm chậm quá trình xâm lược và bình định của thực dân Pháp.

? *Phong trào chống Pháp của đồng bào miền núi và các dân tộc thiểu số cuối thế kỉ XIX diễn ra như thế nào ?*

(1) Đèo Văn Trì là Thổ ti vùng Lai Châu, sau ra hàng Pháp.

timdapan.com

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. Nguyên nhân bùng nổ và diễn biến của phong trào Cần vương chống Pháp.
2. Những nguyên nhân nào khiến cho các cuộc khởi nghĩa chống Pháp cuối thế kỉ XIX thất bại ?
3. Hệ thống kiến thức về phong trào đấu tranh vũ trang chống Pháp cuối thế kỉ XIX theo bảng sau đây :

Tên cuộc khởi nghĩa	Thời gian tồn tại	Người lãnh đạo chủ chốt	Địa bàn hoạt động	Những trận đánh tiêu biểu	Nguyên nhân thất bại

PHẦN ĐỌC THÊM

Chiếu Cần vương của Hàm Nghi

Dụ :

... Nước ta gần đây ngẫu nhiên gặp nhiều việc. Trẫm tuổi trẻ nối ngôi, không lúc nào không nghĩ đến tự cường tự trị. Kẻ phái của Tây ngang bức, hiện tình mỗi ngày một quá thêm. Hôm trước chúng tăng thêm binh thuyền đến, buộc theo những điều mình không thể nào làm được ; ta chiếu lệ khoản tiếp, chúng không chịu nhận một thứ gì. Người kinh đô nào sợ nguy ngay trong chốc lát. Kẻ đại thần mưu quốc, chỉ lo nghĩ đến kế yên xã tắc ; trong triều đình, đắn đo về hai điều : cúi đầu tuân mạng, ngồi để mất cơ hội, sao bằng nhìn thấy chỗ âm mưu biến động của địch mà đối phó trước ? Ví bằng việc xảy ra không thể tránh, thì cũng còn có cái việc ngày nay để mưu tốt cái lợi sau này, ấy là do thời thế xui nên vậy. Phàm những người đã cùng dự chia mối lo này, tưởng cũng đã dư biết. Biết thì phải tham gia công việc, nghiến răng dựng tóc, thề giết hết giặc, nào ai không có cái lòng như thế ? lẽ nào không có những người gối gươm, cướp giáo lăn chum ư ?[1]. Vả lại nhân thần đứng ở Triều, chỉ có theo nghĩa mà thôi, nghĩa đã ở đâu là sống chết ở đó... Trẫm đức mỏng, gặp biến cố này không thể hết sức giữ được, để đô thành bị hãm, xa giá phải dời xa, tội ở mình trẫm cả, thật là xấu hổ vô cùng. Nhưng chỉ có luân thường quan hệ với nhau, bách quan khanh sĩ không kể lớn nhỏ, tất không bỏ trẫm : kẻ trí hiến mưu, người dũng hiến sức, giàu có bỏ của ra giúp quân nhu, đồng bào đồng trạch chẳng từ gian hiểm, như thế là phải.

(1) Trong sử Trung Quốc có Lưu Côn (đời Tấn) gối đầu lên ngọn giáo đợi sáng để chém đầu giặc ; Tổ Địch (đời Tấn) qua sông gõ vào mái chèo thề không đánh tan giặc thì không trở lại ; Uất Trì Kinh Đức (đời Đường) mỗi ngày lăn chum hai lần vào sáng và chiều tối để luyện chí khí đánh giặc.

timdapan.com

Cứu nguy chống đổ, mở chỗ truân chiên, giúp nơi kiển bách, đều không tiếc gì tâm lực, ngõ hầu lòng người giúp thuận, chuyển loạn thành trị, chuyển nguy thành an, thu lại bờ cõi. Ấy cái cơ hội này, phúc của tôn xã tức là phúc của thần dân, cùng lo với nhau thì cùng nghĩ với nhau, há chẳng tốt lắm ư ? Bằng cái tâm sợ chết lặng hơn lòng thương vua, nghĩ lo cho nhà hơn là lo cho nước, làm quan thì mượn cớ tránh xa, đi lính thì đào ngũ trốn lẩn, người dân không biết trọng nghĩa cứu cấp việc công, kẻ sĩ cam bỏ chỗ sáng đi vào nơi tối, ví không phải sống thừa ở trên đời, thì áo mũ mà làm ngựa trâu, ai nỡ làm thế ? Thưởng cũng hậu mà phạt cũng nặng. Triều đình sẽ có điển hình hẳn hoi, chớ để sau này phải hối ! Phải nghiêm sợ mà tuân theo ! Khâm thử.

(Theo : Trần Văn Giàu, *Chống xâm lăng* , Sđd, tr. 557 – 558)

Nhận xét của thực dân Pháp về khởi nghĩa Ba Đình :

"Trong chiến dịch thu – đông (1886 – 1887) thì cuộc công hãm Ba Đình là cuộc chiến đấu nghiêm trọng nhất. Cuộc chiến đấu này thu hút nhiều quân nhất và làm cho cấp lãnh đạo lo ngại nhất".

(Theo : Trần Văn Giàu, *Lịch sử Việt Nam từ 1858 – 1898*,
NXB Thành phố Hồ Chí Minh, 2001, tr. 557 – 558)

Kẻ thù thừa nhận ý chí bất khuất của ngồời Việt Nam

"Chúng ta không biết rằng Việt Nam là một dân tộc kiên cường, gắn bó với lịch sử riêng của mình, với những thể chế riêng của mình và thiết tha với nền độc lập của mình. Chúng ta không biết rằng, Việt Nam chưa bao giờ chịu khuất phục trước kẻ xâm lược... Tình trạng của chúng ta là rất đỗi khủng khiếp vì chúng ta phải đương đầu với một dân tộc thống nhất mà ý thức dân tộc của họ không hề bị suy yếu."

(Theo : F. Bernard, *L'Indochine – Erreurs et dangers*
(Đông Dương – Những sai lầm và hiểm hoạ), Pa-ri, 1901, tr. 11)

timdapan.com

Chương II

VIỆT NAM TỪ ĐẦU THẾ KỈ XX ĐẾN HẾT CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT

Bài 37 SỰ CHUYỂN BIẾN VỀ KINH TẾ, XÃ HỘI VÀ TƯ TƯỞNG Ở VIỆT NAM ĐẦU THẾ KỈ XX

Sự chuyển biến về kinh tế, xã hội ở Việt Nam, do cuộc khai thác lần thứ nhất của thực dân Pháp và các trào lưu tư tưởng tư sản từ bên ngoài xâm nhập vào, đã đưa tới sự xuất hiện phong trào yêu nước mang tính chất tư sản diễn ra khá rầm rộ ở nước ta trong khoảng hơn 10 năm đầu thế kí XX. Phong trào này có nhiều nét mới, tiến bộ hơn hẳn so với phong trào yêu nước trước đó.

1. Sự chuyển biến về kinh tế, xã hội Việt Nam trong cuộc khai thác lần thứ nhất của thực dân Pháp (1897 _ 1914)

Sau 40 năm xâm lược và bình định nước ta về quân sự, đến năm 1897 thực dân Pháp bắt tay vào khai thác Việt Nam với quy mô lớn – cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất.

Để phục vụ đắc lực cho công cuộc khai thác, bóc lột kinh tế, cũng như đàn áp quân sự, thực dân Pháp đã xây dựng một hệ thống giao thông đường sắt và đường bộ khá hiện đại ở Việt Nam ; đẩy mạnh khai thác mỏ, mà trước hết là mỏ than, để đưa về nước Pháp, phục vụ cho nền công nghiệp chính quốc hay bán ra thị trường các nước. Chúng tiến hành xây dựng một số nhà máy điện, nước, xi măng, dệt, xay xát gạo... để lợi dụng nguồn lao động dồi dào, rẻ mạt ở nước ta, phục vụ cho nhu cầu tại chỗ của chúng. Ngoài ra, chúng cho xây dựng ở Việt Nam những cơ sở công nghiệp, sản xuất ra các mặt hàng không cạnh tranh được với công nghiệp chính quốc, đưa lại lợi ích cao hơn là từ Pháp chuyển sang.

timdapan.com

Thực dân Pháp còn đẩy mạnh việc cướp ruộng đất để lập đồn điền trồng lúa, chè, cà phê, cao su. Nông dân Việt Nam bị mất ruộng ngày càng nhiều lại phải chịu nhiều loại thuế, khổ cực trăm bề.

Chính sách cai trị, khai thác, bóc lột của thực dân Pháp đã làm cho cơ cấu kinh tế ở Việt Nam bước đầu thay đổi, kéo theo sự phân hoá xã hội ngày càng sâu sắc.

Một bộ phận nhỏ trong giai cấp địa chủ phong kiến trở nên giàu có. Dựa vào thực dân Pháp, họ ra sức chiếm đoạt ruộng đất của làng xã, của nông dân. Tuy vậy, một số địa chủ vừa và nhỏ bị đế quốc chèn ép, ít nhiều có tinh thần chống Pháp.

Nông dân Việt Nam vốn đã thống khổ bởi nạn thuế khoá, địa tô, phu phen, tạp dịch..., lại thêm nạn cướp đất lập đồn điền, lập nhà máy của thực dân Pháp. Bình quân ruộng đất vốn đã thấp nay còn thấp hơn nữa. Ở Bắc Kì, có tới 80% số hộ không có ruộng. Mất đất, người nông dân phải tìm đường ra các thành phố, đến các công trường, hầm mỏ và đồn điền, nhưng chỉ có một số ít kiếm được việc làm.

Nông dân Việt Nam là một lực lượng cách mạng to lớn. Nhưng do thiếu sự lãnh đạo đúng đắn nên họ chưa phát huy đầy đủ sức mạnh của mình.

Một bộ phận nông dân bị phá sản vì đế quốc và địa chủ phong kiến cướp mất ruộng đất, phải bỏ làng xóm ra thành thị, đến nhà máy, đồn điền, hầm mỏ để xin việc làm và trở thành công nhân. Trước Chiến tranh thế giới thứ nhất, ở Việt Nam có khoảng 5 vạn công nhân chuyên nghiệp làm việc trong các cơ sở kinh tế của người Pháp và người Việt. So với dân số cả nước, số lượng công nhân tuy còn ít nhưng lại phân bố đều và rất tập trung trong các cơ sở kinh tế chủ yếu của thực dân Pháp.

Ngay từ đầu thế kỉ XX, đã có một lớp người đứng ra hoạt động công thương nghiệp, kêu gọi mở cửa hiệu buôn bán hoặc lập xưởng sản xuất.

Nhiều hiệu buôn của người Việt ra đời như : Hồng Tân Hưng ở Hà Nội, Triêu Dương thương quán ở Vinh, Nam Đồng Hương ở Sài Gòn. Một số công ti được thành lập như : công ti dệt lụa và chiếu ở Thái Bình, công ti Liên Thành sản xuất nước mắm ở Phan Thiết...

Đó là những lớp người đầu tiên của tầng lớp tư sản dân tộc. Nhưng ngay từ đầu, họ đã bị thực dân Pháp khống chế, chèn ép nên số lượng nhỏ bé, thế lực yếu ớt.

Tầng lớp tiểu tư sản như : những người buôn bán nhỏ, chủ xưởng nhỏ, viên chức trong các công sở, trí thức, học sinh, sinh viên... cũng ngày một đông cùng với sự mở rộng khai thác của thực dân Pháp.

Các sĩ phu Nho học cũng có nhiều chuyển biến về tư tưởng chính trị. Họ không chỉ đọc các kinh sách Nho giáo mà còn đọc những cuốn sách mới của các tác giả ở châu Âu và Trung Quốc, hô hào lập trường học, dạy học theo lối mới, mở các cơ sở sản xuất, kinh doanh.

timdapan.com

? – *Thực dân Pháp tiến hành cuộc khai thác lần thứ nhất trong hoàn cảnh nào ?*

– *Cuộc khai thác ấy tác động đến tình hình kinh tế – xã hội ở Việt Nam đầu thế kỉ XX như thế nào ?*

2. Ảnh hưởng của trào lưu tư tưởng dân chủ tư sản từ bên ngoài vào Việt Nam

Từ những năm cuối cùng của thế kỉ XIX, sang đầu thế kỉ XX, những thông tin về tình hình chính trị thế giới, mà trước hết là từ các nước châu Á như Nhật Bản, Trung Quốc, đã xâm nhập vào Việt Nam.

Phong trào cải cách chính trị – văn hoá ở Trung Quốc, gắn liền với những nhân vật như Lương Khải Siêu, Khang Hữu Vi, tư tưởng của Cách mạng Pháp với những tác phẩm của Ru-xô, Mông-te-xki-ơ được dịch sang tiếng Hán du nhập vào nước ta, Cách mạng Tân Hợi (1911) nổ ra ở Trung Quốc... đã ảnh hưởng đến tư tưởng của các sĩ phu Việt Nam.

Đặc biệt, Nhật Bản sau 30 năm tiến hành cuộc Duy tân Minh Trị đã trở thành một cường quốc tư bản, đánh bại được cả nước Nga Sa hoàng năm 1905. Sĩ phu Việt Nam đã nhận thấy muốn đất nước phát triển thì phải duy tân theo Nhật Bản. Hơn nữa, Nhật Bản lại được coi là nước "đồng chủng, đồng văn" với Việt Nam, có thể dựa vào Nhật để đánh đuổi Pháp.

Sĩ phu Việt Nam đầu thế kỉ XX nhận thấy duy tân đất nước là một yêu cầu hợp với xu thế và là điều kiện để giành độc lập cho dân tộc :

"Phen này cắt tóc đi tu
Tụng kinh độc lập ở chùa duy tân".

(Nguyễn Quyền, *Phen này cắt tóc đi tu*)

Họ hô hào theo tấm gương Nhật Bản :

"Cờ độc lập dựng đầu phất trớc
Nhật Bản kia là nớc đồng văn
Á Đông nổi hiệu duy tân
Nhật Hoàng Minh Trị anh quân ai bì ?...
... Gương Nhật Bản đất Á Đông
Dòng ta, ta phải soi chung kẻo lầm ..."

(Phan Châu Trinh, *Tỉnh quốc hồn ca*)

? – *Tại sao đầu thế kỉ XX, các sĩ phu Việt Nam cho rằng việc cứu nước phải gắn liền với duy tân đất nước ?*

– *Tại sao các sĩ phu Việt Nam lại noi gương Nhật Bản ?*

timdapan.com

3. Phong trào giải phóng dân tộc theo khuynh hướng dân chủ tư sản

Trước những chuyển biến về kinh tế – xã hội Việt Nam và ảnh hưởng của trào lưu tư tưởng tư sản từ bên ngoài dội vào, bộ phận sĩ phu yêu nước đầu thế kỉ XX đã nhận ra rằng công cuộc giải phóng dân tộc phải gắn liền với duy tân và thay đổi chế độ xã hội.

Những người đi tiên phong trong phong trào yêu nước và cách mạng đầu thế kỉ XX là những sĩ phu tiến bộ mà tiêu biểu là Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh.

Họ đã mất niềm tin vào chế độ phong kiến, cho phong kiến là sâu mọt, là kẻ đục khoét dân, là thủ phạm làm cho đất nước bị suy yếu rồi mất độc lập. Họ bắt đầu có ý thức về dân chủ, dân quyền, khái niệm "dân" và "nước" gắn liền với nhau.

Trong *Hải ngoại huyết thư*, Phan Bội Châu đã thể hiện rõ sự thống nhất giữa "dân" và "nước" :

"Nghìn muôn ức triệu người chung góp
Xây dựng nên cơ nghiệp nước nhà
Người dân ta, của dân ta
Dân là dân nước, nước là nước dân".

Những người cầm ngọn cờ dân tộc đầu thế kỉ XX cho rằng, để khôi phục lại độc lập dân tộc, không chỉ hạn chế trong khởi nghĩa vũ trang như phong trào Cần vương mà cần phải kết hợp nhiều biện pháp như : đoàn kết dân tộc, chuẩn bị thực lực, vận động giúp đỡ từ bên ngoài, tiến hành phong trào cải cách sâu rộng, mà điều cốt yếu là phải nâng cao dân trí, chấn hưng dân khí, làm cho người dân ý thức được quyền của mình.

? – *Những tác động từ bên ngoài vào Việt Nam đầu thế kỉ XX là gì ?*
– *Bộ phận sĩ phu yêu nước có những nhận thức gì mới về con đường cứu nước trước những chuyển biến đó ?*

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. Nêu những nét mới về kinh tế, xã hội ở Việt Nam đầu thế kỉ XX.

2. Những tư tưởng chính trị từ Trung Quốc, Nhật Bản đã tác động đến các sĩ phu yêu nước tiến bộ nước ta đầu thế kỉ XX như thế nào ?

timdapan.com

PHẦN ĐỌC THÊM

Khai thác mỏ trong cuộc khai thác lần thứ nhất của thực dân Pháp

Ngành mỏ là ngành được tư bản thực dân Pháp quan tâm vì ngành này nhanh chóng thu được nhiều lợi nhuận. Số giấy phép thăm dò toàn Đông Dương tăng theo từng năm, 1907 : 469 giấy phép, 1908 : 664, 1909 : 859, 1910 : 1251, 1911 : 2370, 1912 : 3070.

Tổng sản lượng than khai thác năm 1912 : 415 000 tấn ; 1913 : 500 000 tấn.

Phần lớn số than này được đem bán cho một số nước ở Viễn Đông như Nhật Bản, Trung Quốc ; một phần đưa sang Pháp ; phần còn lại dùng cho công nghiệp Pháp ở Việt Nam.

Ngoài than, nhiều mỏ kim loại cũng được đẩy mạnh khai thác như : mỏ thiếc Tĩnh Túc (Cao Bằng) ; mỏ kẽm Tràng Đà, Làng Hích, Chợ Đồn, Yên Bình, thuộc các tỉnh Bắc Cạn, Tuyên Quang, Thái Nguyên ; mỏ đồng ở Vạn Sài (Sơn La) ; mỏ sắt ở Thái Nguyên, Thanh Hoá ; mỏ vàng ở Bảo Lạc (Cao Bằng), Bồng Miêu (Quảng Nam)... Trong các mỏ vàng thì mỏ vàng Bồng Miêu là quan trọng hơn cả ; từ năm 1895 đến 1914, mỗi năm sản xuất được khoảng 100 kg vàng.

(Theo : Đinh Xuân Lâm (Chủ biên)
Đại cương Lịch sử Việt Nam, Tập II ,
NXB Giáo dục, H., 2000, tr. 118 – 119)

Bài 38 PHONG TRÀO YÊU NƯỚC VÀ CÁCH MẠNG Ở VIỆT NAM TỪ ĐẦU THẾ KỈ XX ĐẾN CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT (1914)

Trong những điều kiện mới, cuộc vận động giải phóng dân tộc đầu thế kỉ XX diễn ra dưới nhiều hình thức khác nhau, song nhìn chung đều gắn cứu nước với việc duy tân làm cho đất nước phát triển, gắn việc đánh đuổi giặc Pháp với cải biến xã hội.

1. Hoạt động cứu nước của Phan Bội Châu

Phan Bội Châu là sĩ phu nổi tiếng đất Nghệ An và là lãnh tụ tiêu biểu nhất trong phong trào giải phóng dân tộc đầu thế kỉ XX.

Phan Bội Châu (tên cũ là Phan Văn San), hiệu là Sào Nam, sinh ngày 26 – 12 – 1867 trong một gia đình nhà nho nghèo ở huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Ông là người thông minh, năm 16 tuổi đỗ đầu xứ, năm 33 tuổi đã đỗ đầu kì thi Hương ở Nghệ An.

timdapan.com

Phan Bội Châu là "bậc anh hùng, vị thiên sứ, đấng xả thân vì độc lập, được 20 triệu con người trong vòng nô lệ tôn sùng"[1]. Phan Bội Châu gắn liền với cuộc đấu tranh giải phóng của dân tộc Việt Nam 25 năm đầu thế kỉ XX. Ông bị thực dân Pháp bắt ở Thượng Hải ngày 30 – 6 – 1925, bị giam lỏng ở Huế. Ông mất ngày 20 – 10 – 1940.

Hình 123. *Phan Bội Châu (1867 - 1940)*

Phan Bội Châu chủ trương dùng bạo động vũ trang đánh đuổi Pháp. Ông đã cùng các đồng chí của mình chủ trương tổ chức lực lượng ở trong nước và tranh thủ sự viện trợ từ bên ngoài, trước hết là Nhật Bản.

Đầu năm 1904, Phan Bội Châu cùng với Nguyễn Hàm và một số người khác thành lập Hội Duy tân nhằm đánh đuổi thực dân Pháp, giành độc lập, thành lập chính thể quân chủ lập hiến ở Việt Nam. Ông đã sang Nhật Bản cầu viện, tổ chức phong trào Đông du đưa thanh thiếu niên sang học tập ở Nhật Bản để chuẩn bị lực lượng chống Pháp. Phong trào Đông du ban đầu diễn ra thuận lợi, số học sinh lên tới 200 người. Nhưng từ tháng 8 – 1908 trở đi, thực dân Pháp câu kết với Chính phủ Nhật đàn áp phong trào. Tháng 3 – 1909, Phan Bội Châu bị trục xuất khỏi Nhật Bản. Hội Duy tân cũng ngừng hoạt động.

Sau khi Cách mạng Tân Hợi (Trung Quốc) thắng lợi (1911), Phan Bội Châu và các đồng chí của mình thành lập Việt Nam Quang phục hội (6 – 1912) với mục đích : Đánh đuổi giặc Pháp, khôi phục nước Việt Nam, thành lập nước Cộng hoà Dân quốc Việt Nam. Việt Nam Quang phục hội chủ trương đánh đuổi giặc Pháp bằng bạo lực, nên đã thành lập Quang phục quân.

Việt Nam Quang Phục hội đã nhiều lần cử người về nước trừ khử những tên thực dân đầu sỏ và tay sai đắc lực của chúng. Các cuộc bạo động lẻ tẻ đã khuấy động được dư luận trong và ngoài nước. Nhưng thực dân Pháp nhân đó tăng cường khủng bố, nhiều người bị bắt, bị giết. Phan Bội Châu và Cường Để bị kết án tử hình vắng mặt. Chúng còn mặc cả với Long Tế Quang – Tổng đốc tỉnh Quảng Đông trong việc bắt

(1) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Tập 2, Sđd, tr. 70.

timdapan.com

Phan Bội Châu và các yếu nhân của Việt Nam Quang phục hội. Ngày 24 – 12 – 1913, Phan Bội Châu bị bắt và bị giam ở nhà tù Quảng Đông (Trung Quốc). Hoạt động của Việt Nam Quang phục hội nói riêng và cách mạng Việt Nam nói chung gặp khó khăn.

? – *Tại sao Phan Bội Châu và những người sáng lập Hội Duy tân lại chủ trương dựa vào Nhật Bản ?*

– *Qua mục đích Hội Duy tân và Việt Nam Quang phục hội, em hiểu gì về tư tưởng cứu nước của Phan Bội Châu ?*

2. Hoạt động cứu nước của Phan Châu Trinh và phong trào Duy tân ở Trung Kì

Hình 124. *Phan Châu Trinh (1872 _ 1926)*

Phan Châu Trinh là nhà khoa bảng đất Quảng Nam. Ông là người tiêu biểu cho xu hướng canh tân, cứu nước ở Việt Nam đầu thế kỉ XX.

Phan Châu Trinh, hiệu là Tây Hồ, sinh ngày 9 – 9 – 1872 tại làng Tây Lộc, huyện Tiên Phước phủ Tam Kì, tỉnh Quảng Nam.

Phan Châu Trinh đỗ Cử nhân năm 1900, đỗ Phó bảng năm 1901, làm quan trong triều đình Huế. Nhưng cuối năm 1904, ông từ quan về hoạt động cứu nước.

Tháng 4 – 1908, Phan Châu Trinh bị bắt và bị đày đi Côn Đảo. Đầu năm 1911, ông sang Pháp ; tháng 5 – 1925 về nước. Ông mất ở Sài Gòn ngày 24 – 3 – 1926.

Phan Châu Trinh cũng sang Nhật Bản, cùng Phan Bội Châu tham quan các trường học, khảo cứu tình hình giáo dục, chính trị của Nhật Bản. Ông hoan nghênh việc Phan Bội Châu đưa thanh niên ra nước ngoài học tập và phổ biến tài liệu tuyên truyền giáo dục trong nước, nhưng ông phản đối chủ trương bạo động và tư tưởng quân chủ muốn dựa vào ngôi vua của Phan Bội Châu.

Phan Châu Trinh là người giương cao ngọn cờ dân chủ, cải cách xã hội ; chủ trương cứu nước bằng việc nâng cao dân trí, dân quyền. Ông đã vạch trần chế độ vua quan phong kiến thối nát và yêu cầu Pháp phải thay đổi thái độ đối với sĩ dân nước Nam ; sửa đổi chính sách cai trị để giúp nhân dân Việt Nam từng bước tiến lên văn minh. Ông đề cao phương châm "tự lực khai hoá", vận động những người cùng chí hướng thức tỉnh dân chúng, tuyên truyền tư tưởng dân quyền.

timdapan.com

Với phương châm đó, Phan Châu Trinh đã đi khắp tỉnh Quảng Nam và đến các tỉnh Trung Kì để vận động cải cách.

Cuộc vận động duy tân diễn ra với nhiều hình thức phong phú. Nhiều trường học đã ra đời, chương trình học gồm các môn : Toán, Cách trí (Khoa học thường thức), Vệ sinh, Sử – Địa, Thể dục... với nội dung mới. Nhà trường cũng là nơi tuyên truyền mở rộng công, thương nghiệp, đẩy mạnh sản xuất, phê phán bọn quan lại, đả phá phong tục lạc hậu, thực hiện đời sống mới ; nhiều hiệu buôn hàng nội hoá, nhiều công ti làm nghề thủ công được thành lập khắp các tỉnh Trung Kì.

Phong trào Duy tân ngày càng lan rộng trong khi nhân dân Trung Kì đang điêu đứng vì nạn thuế khoá, bắt phu của thực dân Pháp. Cuộc vận động đi sâu vào quần chúng đã làm bùng lên phong trào chống đi phu, đòi giảm sưu thuế. Phong trào này bắt đầu từ tháng 3 – 1908, ở các huyện Đại Lộc, Thăng Bình, Tam Kì, Hoà Vang, Duy Xuyên thuộc tỉnh Quảng Nam, sau đó lan sang các tỉnh Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Thừa Thiên, Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh.

Hình 125. *Những sĩ phu yêu nước bị bắt sau cuộc chống thuế ở Trung Kì*

Chính quyền thực dân thẳng tay đàn áp phong trào, đóng cửa các trường học, giải tán các hội buôn, chém giết những người cầm đầu. Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Lê Văn Huân và hàng trăm người khác bị bắt đày đi Côn Đảo, Lao Bảo.

Phong trào đòi giảm thuế, chống đi phu tan rã dần vào cuối tháng 5 – 1908. Tuy thất bại, phong trào đã thể hiện tinh thần và khả năng cách mạng của nông dân trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, đồng thời cũng bộc lộ hạn chế của họ khi chưa có một giai cấp tiên tiến lãnh đạo.

Năm 1911, chính quyền thực dân đưa Phan Châu Trinh sang Pháp. Suốt những năm ở Pa-ri, ông vẫn theo đường lối cải cách, kêu gọi thực hiện dân quyền, cải thiện dân sinh.

timdapan.com

? – *Tư tưởng cứu nước của Phan Châu Trinh và Phan Bội Châu có điểm gì giống và khác nhau ?*
– *Tại sao phong trào đòi giảm thuế, chống đi phu bùng nổ năm 1908 ở Trung Kì ?*
– *Em có suy nghĩ gì khi quan sát bức ảnh "Những sĩ phu yêu nước bị bắt..." ?*
– *Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến sự tan rã của phong trào đòi giảm thuế, chống đi phu là gì ?*

3. Đông Kinh nghĩa thục

Noi gương Nhật Bản để tự cường là chủ trương của Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh và sĩ phu Việt Nam yêu nước đầu thế kỉ XX. Sự ra đời của Đông Kinh nghĩa thục tháng 3 – 1907 do Lương Văn Can làm Thục trưởng, mô phỏng theo Khánh Ứng nghĩa thục ở Nhật Bản, nằm trong chủ trương chung đó.

Hình 126. *Lương Văn Can (1854 _ 1927)*

Lương Văn Can sinh năm 1854 ở làng Nhị Khê, huyện Thượng Phúc (nay là huyện Thường Tín), tỉnh Hà Tây. Ông đỗ Cử nhân năm 21 tuổi ; được triều đình bổ làm Giáo thụ phủ Hoài Đức nhưng ông từ chối.

Lương Văn Can là một trong những người sáng lập ra Đông Kinh nghĩa thục và được bầu làm Thục trưởng. Khi Đông Kinh nghĩa thục bị đóng cửa, ông bị bắt nhưng rồi được thả vì không đủ chứng cứ. Năm 1913, ông lại bị Pháp bắt, đày đi Cam-pu-chia 10 năm. Năm 1924, Lương Văn Can về nước và mất năm 1927.

Mục đích của Đông Kinh nghĩa thục là : tuyên truyền, giáo dục, nâng cao lòng yêu nước, chí tiến thủ cho quần chúng ; truyền bá những hiểu biết về một nền học thuật mới và nếp sống văn minh tiến bộ, phối hợp hành động với phong trào Đông du của Phan Bội Châu và phong trào Duy tân đang phát triển ; góp phần làm cho đất nước thoát khỏi lạc hậu, thoát khỏi ách thống trị của ngoại bang, trở thành một quốc gia độc lập.

Chương trình học của trường gồm các môn Lịch sử, Địa lí, Cách trí, Vệ sinh, Toán pháp, Kinh tế, Ngoại ngữ, Luân lí, Thể thao. Về các môn học tự nhiên, trường dùng sách giáo khoa của các trường tiểu học Pháp ; các môn khoa học xã hội thì

timdapan.com

nhà trường tự biên soạn để giảng dạy. Nội dung các sách rất chú trọng đề cao truyền thống dựng nước và giữ nước của dân tộc. Ngoài ra, trường còn có một thư viện với nhiều *Tân thơ* nhập từ Trung Quốc, Nhật Bản để học viên và các độc giả khác mượn về đọc.

Nội dung hoạt động của trường rất phong phú. Ngoài chương trình dạy ở trên lớp, về văn hoá – giáo dục, nhà trường chủ trương chống tư tưởng phong kiến lạc hậu, thực hiện cuộc cải cách văn hoá – xã hội. Trước hết là chống cựu học, hủ Nho, chống việc học chữ Hán và khoa cử Hán học. Về kinh tế, Đông Kinh nghĩa thục hô hào lập hội buôn. Nhiều hội buôn, công ti kinh doanh buôn bán ra đời.

Đông Kinh nghĩa thục rất chú trọng đến phương pháp học mới, cho phép học sinh tự do bàn bạc, thảo luận ; giảng sách, đọc báo, bình văn để cho "cái họ học và thi không trái ngược với cái họ phải làm".

Ảnh hưởng của Đông Kinh nghĩa thục ngày càng lớn, số học sinh ngày càng đông (có lúc lên tới 2 000 người). Các cuộc bình thơ, văn đã thu hút nhiều người tham gia.

Một bài văn thời đó đã viết :

Buổi diễn thuyết, ngồi đông nhờ hội
Kì bình văn, khách đến nhờ mồa.

Hoạt động và ảnh hưởng của Đông Kinh nghĩa thục lan ra nhiều địa phương khác. Phân hiệu nghĩa thục đã hình thành ở Hà Đông, Bắc Ninh, Hưng Yên, Hải Dương, Thái Bình, Nghệ An, Hà Tĩnh, Phan Thiết…

Đông Kinh nghĩa thục không chỉ là một trường học mà còn là một tổ chức cách mạng, do các sĩ phu yêu nước tiến bộ tổ chức để hưởng ứng cuộc vận động giải phóng dân tộc theo khuynh hướng dân chủ tư sản đầu thế kỉ XX. Tháng 11 – 1907, thực dân Pháp ra lệnh đóng cửa trường, sách báo của trường bị cấm, một số nhân vật chủ chốt bị bắt.

Tuy chỉ hoạt động được 9 tháng, nhưng Đông Kinh nghĩa thục đã có những đóng góp lớn trong cuộc vận động văn hoá đầu thế kỉ XX.

? *– Đông Kinh nghĩa thục ra đời trong hoàn cảnh nào ? Nội dung và phương pháp dạy học của trường có gì mới ?*

– Ảnh hưởng của Đông Kinh nghĩa thục trong phong trào cách mạng Việt Nam đầu thế kỉ XX như thế nào ?

4. Vụ đầu độc binh lính Pháp tại Hà Nội

Đa số binh lính người Việt trong quân đội Pháp đều xuất thân từ nông dân bị phá sản vì sưu cao, thuế nặng, vì mất mùa, đói kém. Vào quân đội, họ bị phân biệt

timdapan.com

đối xử, khi ra trận thì bị đẩy lên phía trước làm bia đỡ đạn, buộc phải đi đàn áp bà con, tàn phá làng xóm của mình. Vì vậy, các sĩ phu yêu nước có xu hướng bạo động và Hoàng Hoa Thám rất chú ý đến việc tuyên truyền, vận động, giác ngộ binh lính.

Vào cuối năm 1907, cùng với những binh sĩ được giác ngộ, Hoàng Hoa Thám dự định đánh thành Hà Nội. Theo kế hoạch, nghĩa quân Yên Thế sẽ kéo về phục sẵn xung quanh Hà Nội ; bồi bếp bỏ thuốc độc vào thức ăn, đầu độc binh lính Pháp đóng trong thành. Khi có pháo lệnh, binh sĩ người Việt sẽ nổi dậy và từ trong đánh ra ; quân của Hoàng Hoa Thám từ ngoài đánh vào, nhanh chóng chiếm Hà Nội.

Kế hoạch bị thay đổi nhiều lần, đến tối 27 – 6 – 1908 việc đầu độc binh lính Pháp được thực hiện. Hơn 200 sĩ quan và binh lính trúng độc. Khi cuộc khởi nghĩa còn chưa tiến hành thì bị tố giác, thực dân Pháp đã kịp thời ngăn chặn. Sĩ quan và binh lính Pháp được cứu thoát khỏi bị ngộ độc. Binh lính người Việt bị tước hết vũ khí và giam trong trại. Lệnh thiết quân luật được ban bố. Những nơi quan trọng trong thành phố được canh gác nghiêm ngặt. Nhiều đội kị binh đi tuần tiễu, lùng sục trong thành phố và ngoại ô.

Vụ bạo động tuy chưa diễn ra, nhưng đã gây tâm lí hoang mang, lo sợ trong sĩ quan và binh lính Pháp. Chúng đã thẳng tay đàn áp, trả thù những người yêu nước. Ngày 8 – 7 – 1908, chúng xử chém Đội Bình, Đội Cốc, Đội Nhân. Tháng 10 – 1908, chúng kết án và xử tử thêm 13 người khác, kết án tử hình vắng mặt 6 người, tù chung thân một số người và nhiều người khác bị kết án tù có thời hạn, một số sĩ phu trong Đông Kinh nghĩa thục cũng bị buộc tội. Đồng thời, chúng quyết định mở cuộc tấn công lớn lên Yên Thế nhằm thanh toán căn cứ kháng chiến của Hoàng Hoa Thám.

Trước một kẻ thù mạnh thì một vụ đầu độc hay một kế hoạch đánh úp chúng ở Hà Nội không thành của một bộ phận người Việt Nam yêu nước là điều dễ hiểu. Nhưng nó cũng thể hiện ý thức dân tộc và khả năng tham gia vào cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của bộ phận binh lính người Việt Nam trong quân đội Pháp.

? *– Nguyên nhân dẫn đến vụ đầu độc binh lính Pháp ở Hà Nội ngày 27 – 6 – 1908 là gì ?*

– Tại sao sự phối hợp giữa nghĩa quân Yên Thế và binh lính người Việt Nam tiến hành khởi nghĩa ở Hà Nội năm 1908 thất bại ?

timdapan.com

5. Những năm cuối cùng của khởi nghĩa Yên Thế

Cuộc hoà hoãn lần thứ hai (từ tháng 12 – 1897 đến tháng 1 – 1909) diễn ra khi nghĩa quân Yên Thế lâm vào tình thế khó khăn. Hoàng Hoa Thám đã tranh thủ thời gian để củng cố các đồn trại, mở thêm một số vị trí mới ở Bố Hạ, Nhã Nam ; cho thuộc hạ đi mua vũ khí, vật dụng ở vùng biên giới ; chia ruộng đất cho các gia đình nghĩa quân cày cấy ; mộ thêm quân v.v...

Hình 127. *Một số tướng lĩnh của nghĩa quân Yên Thế*

Vào những năm đầu thế kỉ XX, Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh đã lên Yên Thế. Giữa Phan Bội Châu và Hoàng Hoa Thám đã có cam kết khi Trung Kì nổi dậy thì nghĩa quân Yên Thế sẽ hưởng ứng, phối hợp hành động.

Sau vụ đầu độc lính Pháp ở Hà Nội, phát hiện thấy có sự dính líu của Đề Thám, thực dân Pháp ráo riết mở cuộc tấn công quyết định lên Yên Thế. Chúng lập thêm đồn bốt, mở thêm các tuyến đường thọc sâu vào vùng thượng du như đường sắt Hà Nội – Lạng Sơn (hoàn thành năm 1902), nhằm chia cắt lực lượng nghĩa quân, ngăn chặn các con đường tiếp tế vũ khí, vận chuyển lương thực cho nghĩa quân.

Cuối tháng 1 – 1909, Pháp huy động 15 000 quân gồm lính Âu – Phi, khố xanh, khố đỏ với đủ các binh chủng như pháo binh, kị binh, công binh dưới sự chỉ huy

timdapan.com

của tướng Ba-tay tấn công vào đồn Phồn Xương. Nghĩa quân đã thực hiện kế hoạch di chuyển, tránh sức mạnh của đối phương, đánh một số trận và giành được một số thắng lợi như : trận chợ Gồ, Sơn Quả, Rừng Phe (ở Bắc Giang, tháng 2 – 1909), đặc biệt là trận núi Sáng (Lập Thạch, Vĩnh Phúc, ngày 5 – 10 – 1909), tiêu diệt 50 sĩ quan và binh lính Pháp. Thế nhưng, những cuộc chiến đấu liên tiếp, quyết liệt và kéo dài đã làm cho nghĩa quân suy kiệt dần. Đến đầu tháng 11 – 1909, lực lượng nghĩa quân chỉ còn vài chục người, kho tàng bị phá sạch. Nhiều chỉ huy giỏi như Cả Trọng, Cả Huỳnh, Ba Biểu, Cả Tuyển (con trai Nguyễn Thiện Thuật), bà Ba Cẩn... đã hi sinh hoặc sa vào tay giặc. Một số người khác buộc phải ra hàng.

Trước tình thế ấy, Đề Thám quyết định trở lại khu vực Yên Thế, dựa vào dân để tiếp tục chống Pháp. Ngày 10 – 2 – 1913, ông bị bọn tay sai của Pháp giết hại tại một khu rừng cạnh chợ Gồ (Yên Thế). Sự kiện này đánh dấu thất bại hoàn toàn của cuộc khởi nghĩa Yên Thế.

Mặc dù thất bại, khởi nghĩa Yên Thế đã thể hiện tinh thần yêu nước và sức mạnh tiềm tàng của nông dân Việt Nam.

? *– Những điều kiện nào bảo đảm cho cuộc khởi nghĩa Yên Thế kéo dài được 30 năm ?*

– Khởi nghĩa Yên Thế có đặc điểm gì khác so với các cuộc khởi nghĩa cùng thời ?

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. Trình bày các khuynh hướng chủ yếu trong phong trào yêu nước đầu thế kỉ XX.
2. Cuộc vận động giải phóng dân tộc đầu thế kỉ XX có gì mới, khác với phong trào Cần vương chống Pháp cuối thế kỉ XIX ?

PHẦN ĐỌC THÊM

Kêu hồn nước (1907) *(trích)*

Hồn xưa dòng dõi Lạc Long,
Con nhà Nam-Việt, người trong giống vàng.
Chi-na chung một họ hàng,
Xiêm-la, Nhựt-bổn cùng làng Á-đông.

timdapan.com

Trời Nam một dải non sông.
Ngàn năm cơ nghiệp cha ông hãy còn.
Từ khi đá lở sóng cồn,
Nước non trơ đó nào hồn ở đâu ?
.....
Xin hồn đã tỉnh đừng mê,
Tỉnh ra rồi sẽ liệu bề khuyên nhau.
Khuyên nhau lấy chữ *đồng bào*,
Lấy câu *ích quốc*, lấy điều *lợi dân*.
Đường *bảo chủng*, nghĩa *hợp quần*,
Tự cường thể ấy, *duy tân* thế nào ?
Sự học ta lấy làm đầu,
Công thương mọi việc liệu sao tính lần.
Cùng trong một bọn quốc dân,
Gánh giang sơn cũng một phần trên vai...
Than ôi ! Hồn nước ta ôi !
Tỉnh nghe ta gọi mấy lời đồng tâm !

NGUYỄN QUYỀN

(Theo : Đặng Thai Mai, *Văn thơ Cách mạng Việt Nam đầu thế kỉ XX*, NXB Văn học giải phóng, H., 1976, tr. 232, 234)

timdapan.com

Bài 39 VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT (1914 _ 1918)

Ngày 1 – 8 – 1914, Chiến tranh thế giới thứ nhất bùng nổ. Chính phủ Pháp cũng tham gia vào cuộc chiến. Chính sách cai trị thời chiến của Pháp đã tiếp tục làm thay đổi cơ cấu kinh tế, xã hội các nước thuộc địa Pháp, trong đó có Việt Nam.

Trong thời gian này, phong trào yêu nước Việt Nam diễn ra sôi nổi, với nhiều hình thức khác nhau.

I – TÌNH HÌNH KINH TẾ _ XÃ HỘI VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM CHIẾN TRANH

1. Chính sách cai trị thời chiến của Pháp

Trong thời kì diễn ra Chiến tranh thế giới thứ nhất, nhà cầm quyền Pháp ở Việt Nam một mặt củng cố, mở rộng chỗ dựa xã hội, tăng cường mọi hoạt động đề phòng phong trào cách mạng bùng nổ, mặt khác tiến hành bắt lính, vơ vét của cải, phục vụ cho cuộc chiến tranh của chúng.

Thực dân Pháp nới rộng phần nào quyền hạn cho Chính phủ Nam triều, tiến hành một số cải cách, "chấn chỉnh quan trường" nhằm củng cố hệ thống quan lại ở Bắc Kì nhưng quyền hành vẫn tập trung vào tay Thống sứ người Pháp. Về đối ngoại, chính quyền thực dân mở các cuộc thương thuyết với Chính phủ Trung Hoa để phối hợp đàn áp các tổ chức cách mạng Việt Nam hoạt động trên đất Trung Quốc.

Chính sách cai trị của thực dân Pháp trong thời kì chiến tranh nhằm vào việc ổn định tình hình Việt Nam để huy động đến mức cao nhất sức người, sức của phục vụ cho cuộc chiến tranh đế quốc.

? *Chính sách cai trị của Pháp ở Việt Nam trong thời kì Chiến tranh thế giới thứ nhất có gì mới ?*

2. Những biến động về kinh tế

Chiến tranh bùng nổ, Toàn quyền Đông Dương tuyên bố : "Nhiệm vụ của Đông Dương là phải cung cấp tối đa nhân lực, vật lực và tài lực". Nhân dân Việt Nam

timdapan.com

phải đóng nhiều loại thuế, phải mua công trái, "phiếu quốc phòng", góp tiền vào quỹ "chiến tranh", nộp tiền cho chính quyền Đông Dương và các địa phương đặt ra. Trong 4 năm chiến tranh, thực dân Pháp đã thu được hơn 184 triệu phrăng tiền công trái và gần 14 triệu phrăng tiền quyên góp[1], cùng hàng trăm tấn lương thực, lâm sản và hàng vạn tấn kim loại cần thiết cho sản xuất vũ khí để chở về Pháp.

Chính quyền thực dân cố gắng khôi phục, duy trì, mở rộng nhiều cơ sở công nghiệp để bù đắp cho công nghiệp chính quốc. Những mỏ đang khai thác được bỏ thêm vốn, như : mỏ thiếc Tĩnh Túc (Cao Bằng), mỏ kẽm Chợ Đồn (Bắc Cạn), mỏ vàng ở Bồng Miêu (Quảng Nam)... Một số công ti than mới xuất hiện như : Công ti than Tuyên Quang (1915), Đông Triều (1916)... Các ngành phục vụ trực tiếp cho chiến tranh như sản xuất thuốc nổ, sửa chữa vũ khí... được phục hồi. Tất cả đều nhằm đáp ứng cho nhu cầu ngày càng lớn của nền công nghiệp chiến tranh của Pháp.

Do chiến tranh, hàng hoá từ nước Pháp chở sang Đông Dương giảm rõ rệt. Chính quyền thực dân phải duy trì những cơ sở sản xuất có sẵn, mở thêm một số cơ sở mới và phải nới lỏng độc quyền cho các hội buôn, công ti tư bản bản xứ mở mang kinh doanh. Các cơ sở sản xuất, buôn bán, giao thông vận tải của người Việt Nam được củng cố, mở rộng và xuất hiện nhiều cơ sở mới.

Nguyễn Hữu Thu trước chiến tranh chỉ là chủ một hãng xe kéo ở Hải Phòng, trong chiến tranh có tới hàng chục chiếc tàu chạy trên sông, biển, sang Hương Cảng, Xin-ga-po ; Bạch Thái Bưởi có tàu chạy khắp sông và biển ở Bắc và Trung Kì, cạnh tranh với các công ti tư bản của Pháp và Hoa kiều. Các nhà tư sản Trương Văn Bền, Trần Văn Trương, Ngô Khắc Mẫn, Trương Hoà Phát... đã có chân trong các tập đoàn cao su của Pháp. Ở nhiều ngành khác đã xuất hiện những nhà kinh doanh người Việt như xưởng sơn của Nguyễn Sơn Hà ở Hải Phòng, xưởng thuỷ tinh Chương Mĩ ở Hà Đông, công ti xà phòng Quảng Hưng Long ở Hà Nội..., nhiều xưởng thủ công cũng được mọc lên. Ở Nam Kì, tư sản Việt Nam tập trung vào kinh doanh xay xát gạo. Các nhà máy xay có trước chiến tranh, như nhà máy Nguyễn Thanh Liêm, nhà máy Đức Khải, được tăng cường. Năm 1915, một nhà máy xay mới được xây dựng ở Mĩ Tho. Năm 1916, một nhà máy xay bột ở Rạch Giá ra đời.

Nông nghiệp từ chỗ độc canh lúa đã chuyển một phần sang trồng cây công nghiệp phục vụ chiến tranh như thầu dầu, đậu, lạc... Trong những năm chiến tranh, nông nghiệp trồng lúa ở Bắc Kì gặp nhiều khó khăn do hạn hán, lụt lội, vỡ đê...

? – *Chính sách kinh tế của Pháp trước và trong chiến tranh có gì khác nhau ?*
– *Chính sách của Pháp trong chiến tranh đã tác động đến nền kinh tế Việt Nam như thế nào ?*

(1) Trần Văn Giàu – Đinh Xuân Lâm, *Lịch sử cận đại Việt Nam*, Tập III, NXB Giáo dục, H.,1961, tr. 236.

timdapan.com

3. Tình hình phân hoá xã hội

Chính sách cai trị và những biến động về kinh tế ở Việt Nam trong những năm chiến tranh đã đẩy mạnh sự phân hoá xã hội Việt Nam.

Nạn bắt lính mà đối tượng chính là nông dân đã làm cho sức sản xuất ở nông thôn giảm sút ; nạn chiếm đoạt ruộng đất, sưu thuế ngày càng nặng, bão lụt, hạn hán xảy ra liên tiếp, các khoản công trái, "phiếu quốc phòng", "quỹ chiến tranh"... làm cho nông dân ngày càng kiệt quệ, bần cùng.

Giai cấp công nhân tăng lên về số lượng. Các ngành công thương nghiệp của tư sản Pháp và tư sản Việt Nam đều thu nhận công nhân nhiều hơn. Trước chiến tranh, các cơ sở kinh doanh của Bạch Thái Bưởi chỉ có vài trăm, nay đã lên tới hơn 1 000 người.

Chiến tranh thế giới thứ nhất đã tạo cho tư sản Việt Nam phát triển cả về số lượng và thế lực kinh tế ; ở một số ngành đã cạnh tranh được với tư sản Hoa kiều và tư sản Pháp, tiêu biểu là công ti Bạch Thái Bưởi, xưởng chế sơn của Nguyễn Sơn Hà.

Các tầng lớp tiểu tư sản thành thị gồm tiểu chủ, tiểu thương, công chức, học sinh, sinh viên cũng ngày một đông hơn. Trong hoàn cảnh một nước thuộc địa, tuy đời sống có khá hơn chút ít so với đời sống của nhân dân lao động, nhưng nói chung họ cũng bị chèn ép, bạc đãi, luôn luôn bị cái đói, cái rét, nạn thất nghiệp... đe doạ.

Mặc dù tầng lớp tư sản có vai trò nhất định trong kinh tế và tầng lớp tiểu tư sản tăng thêm về số lượng nhưng cả hai tầng lớp này đều chưa trở thành những giai cấp trong thời kì Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 – 1918).

? *Hãy nêu tình hình phân hoá xã hội ở Việt Nam trong thời kì Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 – 1918).*

II – PHONG TRÀO YÊU NƯỚC TRONG NHỮNG NĂM CHIẾN TRANH

1. Hoạt động của Việt Nam Quang phục hội

Sau những hoạt động không thành công trong năm 1913, nhất là từ sau khi Phan Bội Châu bị bắt, Việt Nam Quang phục hội gần như không hoạt động. Khi Chiến tranh thế giới thứ nhất bùng nổ, trước sự thay đổi của tình hình quốc tế và trong nước, Hội đã tổ chức nhiều cuộc bạo động.

timdapan.com

Đỗ Chân Thiết, một hội viên Việt Nam Quang phục hội, đã thành lập chi hội ở Vân Nam mà đa số hội viên là công nhân và viên chức hoả xa trên tuyến đường sắt Hải Phòng – Vân Nam. Họ dự định liên kết với binh lính Việt Nam để đánh thành Hà Nội. Kế hoạch bị lộ, Đỗ Chân Thiết và 58 người khác bị bắt.

Từ cuối năm 1914, Việt Nam Quang phục hội chuyển hướng về hoạt động trong nước. Hội đã tiến hành một số cuộc bạo động như : tấn công binh lính Pháp ở tỉnh lị Phú Thọ, đột kích Lục Nam (Bắc Giang), Bát Xát (Lào Cai), Đồng Văn (Hà Giang) v.v... Ở miền Trung, ngày 28 – 9 – 1915, dưới sự chỉ huy của Trương Bá Kiều (hội viên Việt Nam Quang phục hội) và Hồ Bá Kiện (yếu nhân của Duy tân hội), tù nhân ở Lao Bảo (khoảng 200 người đã tham gia phong trào Đông du, Việt Nam Quang phục hội, phong trào Duy tân và phong trào chống thuế...) đã nổi dậy giết lính canh, cướp vũ khí, phá nhà lao, rồi rút vào rừng chiến đấu. Nhưng do các tù nhân bị giam lâu ngày, sức khoẻ suy kiệt, bị cô lập, cuối cùng cuộc bạo động thất bại. Những người lãnh đạo đều hi sinh trong chiến đấu.

Cuối cùng, Việt Nam Quang Phục hội tan rã sau đợt khủng bố lớn của giặc Pháp và tay sai vào năm 1916.

? *– Lực lượng tham gia và hình thức hoạt động của Việt Nam Quang phục hội trong những năm đầu của Chiến tranh thế giới thứ nhất có gì đáng chú ý ?*

– Tại sao các cuộc bạo động của Việt Nam Quang phục hội đều thất bại ?

2. Cuộc vận động khởi nghĩa của Thái Phiên và Trần Cao Vân (1916)

Lợi dụng sự phản ứng của hàng nghìn binh lính người Việt Nam đang tập trung ở Huế (chuẩn bị xuống tàu sang châu Âu để làm bia đỡ đạn) và của nhân dân Quảng Nam, Quảng Ngãi, Huế..., Trần Cao Vân và Thái Phiên đã ráo riết vận động nhân dân, binh lính và mời vua Duy Tân tham gia khởi nghĩa.

Trần Cao Vân là một sĩ phu yêu nước tiến bộ, quê ở Quảng Nam, đã từng bị tù vì tham gia phong trào chống thuế ở Trung Kì. Năm 1908, hết hạn tù, ông liên hệ với Thái Phiên, một thành viên của Việt Nam Quang phục hội ở địa phương, để chuẩn bị khởi nghĩa.

Hoàng tử Nguyễn Vĩnh San lên ngôi vua năm 1907, lúc mới 8 tuổi, lấy hiệu là Duy Tân. Tuy còn trẻ tuổi nhưng vua Duy Tân là người rất cương nghị và có tinh thần chống Pháp. Vì vậy, Trần Cao Vân và Thái Phiên đã mời ông cùng bàn mưu khởi nghĩa.

timdapan.com

Hình 128. *Vua Duy Tân lúc mới lên ngôi*

Trước khí thế sục sôi hưởng ứng của nhân dân, đặc biệt ở hai tỉnh Quảng Nam và Quảng Ngãi, Thái Phiên và những người chỉ huy quyết định khởi sự ngay.

Theo dự tính, khởi nghĩa sẽ diễn ra vào giữa tháng 5 – 1916, nhưng vì kế hoạch bị lộ nên thực dân Pháp đã ra lệnh giới nghiêm, tước vũ khí và giam binh lính người Việt trong trại, lùng bắt các nhà yêu nước. Theo kế hoạch, dân binh kéo về tỉnh lị Quảng Nam, Quảng Ngãi và Huế để phối hợp hành động, nhưng không thấy có dấu hiệu gì nên phải rút lui.

Thái Phiên và Trần Cao Vân đưa vua Duy Tân ra khỏi kinh thành, định rút về Quảng Nam, Quảng Ngãi, nhưng cả ba đều bị bắt. Khởi nghĩa không thành, Trần Cao Vân, Thái Phiên bị chém đầu, còn vua Duy Tân bị thực dân Pháp đày ra đảo Rê-uy-ni-ông (châu Phi). Ông mất tháng 10 – 1945.

Tại sao Thái Phiên và Trần Cao Vân mời vua Duy Tân tham gia khởi nghĩa ?

3. Khởi nghĩa của binh lính Thái Nguyên (1917)

Thái Nguyên là một tỉnh có tầm quan trọng về chính trị và quân sự đối với miền rừng núi và trung du Bắc Kì, nơi có phong trào chống Pháp diễn ra liên tục. Thực dân Pháp bố trí ở đây một lực lượng quân sự mạnh và những tên chỉ huy khét tiếng tàn ác. Thái Nguyên lại là nơi giam giữ những người yêu nước bị bắt trong phong trào Đông du, Đông Kinh nghĩa thục, khởi nghĩa Yên Thế... Mối quan hệ giữa tù chính trị và binh lính yêu nước làm việc trong nhà tù được thiết lập, kế hoạch nổi dậy được hình thành.

Lãnh đạo cuộc khởi nghĩa là Trịnh Văn Cấn (Đội Cấn) – một binh sĩ yêu nước và Lương Ngọc Quyến – Uỷ viên quân sự của Việt Nam Quang phục hội, đang bị giam ở nhà tù Thái Nguyên.

timdapan.com

Hình 129. *Trịnh Văn Cấn (? _ 1918)*

Cuộc khởi nghĩa nổ ra đêm 30 rạng sáng 31 – 8 – 1917. Nghĩa quân giết tên Giám binh Nô-en, phá nhà lao, thả tù chính trị, lần lượt chiếm toà sứ, toà án, kho vũ khí, kho bạc... làm chủ toàn bộ thị xã, trừ trại lính Pháp. Ngọn cờ "Nam binh phục quốc" bay trên bầu trời tỉnh lị Thái Nguyên. Nghĩa quân phát hịch tuyên bố Thái Nguyên độc lập, đặt quốc hiệu là Đại Hùng, kêu gọi nhân dân tham gia khởi nghĩa. Lực lượng nghĩa quân lên tới 600 người với vũ khí, trang bị tương đối đầy đủ.

Nhận được tin cấp báo Thái Nguyên thất thủ, bọn đầu sỏ Pháp ở Đông Dương và Bắc Kì đã cử tên Tổng chỉ huy quân đội Đông Dương đưa 2 000 quân, có súng lớn, xe thiết giáp yểm trợ lên đàn áp. Cuộc chiến đấu diễn ra ác liệt, liên tục trong nhiều ngày liền. Nhiều tên địch bị giết, bị thương. Nghĩa quân cũng tổn thất lớn, Lương Ngọc Quyến chỉ huy cuộc chiến đấu đã hi sinh. Đội Cấn quyết định rút quân ra khỏi thị xã Thái Nguyên, tiến hành cuộc hành quân gian khổ suốt 6 tháng qua các tỉnh Vĩnh Yên, Phúc Yên, rồi về Thái Nguyên trước sự truy lùng của kẻ thù. Sáng 11 – 1 – 1918, nhận thấy không thể chống cự được nữa, Đội Cấn đã tự sát để giữ tròn khí tiết. Nghĩa quân Thái Nguyên tan rã.

Tiếp nối vụ mưu khởi nghĩa của binh lính ở Hà Nội (1908) và binh lính ở miền Trung (1916), cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên là đòn đánh mạnh vào chính sách "dùng người Việt trị người Việt" của Pháp, thể hiện tinh thần yêu nước của những người nông dân mặc áo lính trong quân đội Pháp.

? – *Vai trò của binh lính người Việt trong phong trào yêu nước thời kì Chiến tranh thế giới thứ nhất thể hiện như thế nào ?*

– *Tại sao phong trào yêu nước của binh lính nhanh chóng bị thất bại ?*

4. Những cuộc khởi nghĩa vũ trang của đồng bào dân tộc thiểu số

Trong những năm Chiến tranh thế giới thứ nhất, phong trào đấu tranh chống thực dân Pháp còn diễn ra ở nhiều vùng rừng núi, với sự tham gia của đồng bào các dân tộc thiểu số. Tiêu biểu là các cuộc khởi nghĩa của người Thái ở Tây Bắc (1914 – 1916),

timdapan.com

của đồng bào Mông ở Lai Châu (1918 – 1922), của binh lính đồn Bình Liêu ở Quảng Ninh (1918), của đồng bào Mnông ở Tây Nguyên (1912 – 1935).

Cuộc khởi nghĩa của đồng bào Thái ở Tây Bắc do Lường Bảo Định, Bạc Cầm Chân, Lường Văn No... lãnh đạo, diễn ra từ đầu tháng 11 – 1914 trên một địa bàn rộng gồm Lai Châu, Sơn La và phần lớn tỉnh Phong-xa-lì. Nghĩa quân đánh chiếm nhiều đồn dọc biên giới Việt – Lào và đã làm chủ được cả vùng Tây Bắc. Pháp phải huy động tới gần 3 000 quân để đối phó. Đến tháng 3 – 1916, cuộc khởi nghĩa mới chấm dứt.

Năm 1918, Giàng Tả Chay lãnh đạo đồng bào Mông vùng Lai Châu khởi nghĩa. Nghĩa quân hoạt động trên một địa bàn rộng 40 000 km^2. Nhiều cuộc đụng độ đã diễn ra ác liệt, có những trận quân địch vừa chết vừa bị thương đến hàng trăm tên. Cuộc khởi nghĩa kéo dài đến năm 1922, khi Giàng Tả Chay bị sát hại, thì chấm dứt.

Ở vùng Đông Bắc, đêm 16 – 11 – 1918, binh lính đồn Bình Liêu nổi dậy, lôi cuốn nhiều đồng bào các dân tộc Hán, Nùng, Dao tham gia chiếm đồn Bình Liêu, Hoành Mô rồi vượt biên giới liên hệ với hội viên Việt Nam Quang phục hội ở hai tỉnh Quảng Đông và Quảng Tây (Trung Quốc) hoạt động trên một địa bàn rộng, từ sông Tiên Yên đến tận biển. Nghĩa quân đã uy hiếp cả vùng mỏ Quảng Yên và các đảo từ Móng Cái đến Hải Phòng. Đến năm 1919, thực dân Pháp mới dập tắt được cuộc khởi nghĩa.

Ở Tây Nguyên, đồng bào các dân tộc thiểu số nhiều lần đứng lên chống Pháp, tiêu biểu nhất là đồng bào Mnông do N'Trang Lơng chỉ huy diễn ra từ năm 1912. Nghĩa quân đã thắng nhiều trận lớn. Từ năm 1916, thực dân Pháp bao vây và triệt đường tiếp tế muối, nhưng cuộc khởi nghĩa vẫn tiếp tục kéo dài tới năm 1935 mới chấm dứt.

? *– Trong phong trào đấu tranh của đồng bào dân tộc thiểu số thời kì Chiến tranh thế giới thứ nhất có những cuộc khởi nghĩa lớn nào ?*

– Ý nghĩa của các cuộc khởi nghĩa đó trong phong trào giải phóng dân tộc .

5. Phong trào hội kín ở Nam Kì

Nam Kì là nơi Pháp áp đặt được bộ máy cai trị sớm nhất, nhưng phong trào yêu nước của nhân dân vẫn tồn tại trong các tổ chức hội kín như Thiên địa hội, Nghĩa hoà hội, Phục hưng hội... Các hội kín thường mượn hình thức tôn giáo, sử dụng bùa chú để dễ tuyên truyền, vận động.

timdapan.com

Trong 4 năm Chiến tranh thế giới thứ nhất, hội kín ở Nam Kì phát triển mạnh, nhất là ở Biên Hoà, Bến Tre, Châu Đốc... Thành phần tham gia đông nhất là nông dân và dân nghèo thành thị. Các hội kín hoạt động độc lập, nhưng tất cả đều suy tôn Phan Xích Long làm hoàng đế.

Hoạt động có tiếng vang lớn trong phong trào hội kín Nam Kì là cuộc đột nhập vào Sài Gòn, mưu phá khám lớn để giải thoát cho Phan Xích Long. Ba giờ sáng 15 – 2 – 1916, khoảng 300 người mặc áo đen, quần trắng, khăn trắng quấn cổ, mang dao, giáo, kiếm và bùa hộ mệnh chia làm nhiều ngả tiến vào Sài Gòn. Cuộc giao chiến giữa quân khởi nghĩa và lính canh khám lớn náo động cả thành phố, một số tên giặc bị giết. Trước sự phản công của quân thù, nghĩa quân tan vỡ. Nhiều hội kín ở các tỉnh nổi dậy hỗ trợ nhưng đều bị đàn áp.

Sau vụ phá khám lớn Sài Gòn, thực dân Pháp thẳng tay đàn áp các hội kín, hàng trăm người bị bắt, gần 40 người bị xử tử. Phong trào tạm lắng xuống.

Phong trào hội kín ở Nam Kì thực chất là phong trào đấu tranh của nông dân, nhưng vì chưa có sự lãnh đạo đúng đắn nên đã nhanh chóng thất bại.

? – *Các hội kín hoạt động nhằm mục đích gì ?*

– *Tại sao các hội kín lại mượn hình thức tôn giáo và sử dụng bùa chú trong tổ chức và hoạt động của mình ?*

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. Hãy cho biết các phong trào yêu nước tiêu biểu trong thời kì Chiến tranh thế giới thứ nhất.
2. Tại sao các phong trào yêu nước cách mạng Việt Nam trước và trong Chiến tranh thế giới thứ nhất đều thất bại ?
3. Lập niên biểu các cuộc đấu tranh trong phong trào yêu nước đầu thế kỉ XX.

PHẦN ĐỌC THÊM

Hịch Thái Nguyên khởi nghĩa

Đại Hùng đế quốc năm thứ nhất, tháng Bảy, ngày 14, Thái Nguyên tỉnh, Quang Phục quận, Đại đô đốc Trịnh, bố cáo cho dân chúng đồng bào được biết :

...

Hôm nay thời cơ đã đến, trong nước thì có những bạn đồng tâm đồng chí cùng ta tuốt gươm chĩa súng, đánh giết quân thù ; bên ngoài thì có những nhà cách mệnh ta bấy

timdapan.com

lâu trú ngụ bên Tàu, bên Nhật, giờ này sắp sửa đem quân nhu khí giới về giúp ta, hợp lực với ta đánh đuổi Pháp tặc.

Ta chiêu tập những anh em có tinh thần tự do độc lập, có nhiệt tâm yêu nước thương nòi, lập thành những đạo binh cứu quốc và hôm nay ta bắt đầu khôi phục lấy tỉnh Thái Nguyên. Lá cờ năm ngôi sao đã kéo lên phấp phới trên kì đài, ta đã tuyên bố Thái Nguyên độc lập.

Cùng là con dân nước Việt Nam, chúng ta phải coi nhau như anh em ruột thịt một nhà. Vậy ai là người thông minh học thức, có thể đến đây vì ta trù mưu hoạch sách, làm những việc ích lợi chung, ai là người có sức khoẻ mạnh thì mau mau đem bắp thịt cánh tay đến giúp đỡ ta trong cuộc chiến đấu.

Anh em ta cố sức phấn khởi phen này, đồng tâm hiệp lực, đả đảo quân thù.

Những ai đứng vào hàng ngũ ta, cùng ta tuốt gươm giết giặc ; ta rất hoan nghênh, ta để cho mỗi người được thi thố tài năng sáng kiến trong cuộc tranh đấu tự do độc lập chung.

Còn những kẻ nào vẫn manh tâm nô lệ, phò tá quân thù thì hãy coi chừng, ta sẽ lấy đầu không tha !

Nay bố cáo.

(Theo bản dịch của Đào Trinh Nhất,
Lương Ngọc Quyến và cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên năm 1917,
NXB Tân Việt, H., 1951)

Bài 40 SỰ KHỞI ĐẦU CỦA MỘT KHUYNH HƯỚNG CỨU NƯỚC MỚI TRONG PHONG TRÀO GIẢI PHÓNG DÂN TỘC VIỆT NAM

Đầu thế kỉ XX, phong trào cách mạng Việt Nam tiếp tục rơi vào tình trạng khủng hoảng về đường lối và giai cấp lãnh đạo. Trong bối cảnh đó, Nguyễn Tất Thành – Nguyễn Ái Quốc đã ra đi tìm đường cứu nước. Những hoạt động của Người trong những năm 1911 – 1918 là sự khởi đầu cho một khuynh hướng cứu nước mới ở Việt Nam.

1. Phong trào công nhân Việt Nam từ đầu đến hết Chiến tranh thế giới thứ nhất

Giai cấp công nhân Việt Nam ra đời trong quá trình khai thác của tư bản Pháp trước Chiến tranh thế giới thứ nhất. Nguồn gốc chủ yếu của giai cấp công nhân là từ nông dân bị phá sản.

timdapan.com

Trước Chiến tranh thế giới thứ nhất, công nhân Việt Nam có khoảng 10 vạn người, trong số đó có khoảng 5 vạn công nhân chuyên nghiệp ở các cơ sở công nghiệp, đồn điền, thương mại. Trong những năm chiến tranh, công nhân Việt Nam phát triển thêm về số lượng.

Công nhân Việt Nam ra đời đã tiếp thu được truyền thống yêu nước, đấu tranh bất khuất của dân tộc ; sống và làm việc trong điều kiện khắc nghiệt, bị tư bản Pháp áp bức bóc lột nặng nề, giá lao động rẻ mạt, đời sống khó khăn nên đã sớm đấu tranh chống lại tư bản Pháp – kẻ thù của giai cấp mình, đồng thời là kẻ thù của dân tộc.

Trước Chiến tranh, ở Việt Nam đã diễn ra 61 cuộc đấu tranh của công nhân[1] với các hình thức : bỏ việc, phá giao kèo, đánh lại bọn cai kí, đưa đơn yêu cầu, tham gia khởi nghĩa, bãi công... Tiêu biểu là cuộc đấu tranh của toàn bộ công nhân viên chức hãng Liên hiệp thương mại Đông Dương ở Hà Nội, tháng 5 – 1909 ; cuộc bãi công của công nhân xưởng sửa chữa tàu Ba Son, năm 1912 ; công nhân mỏ thiếc Tĩnh Túc (Cao Bằng) bỏ việc ra đi tập thể, tháng 7 – 1914.

Trong chiến tranh, các cuộc đấu tranh của công nhân tiếp tục diễn ra. Tháng 2 – 1916, nữ công nhân nhà máy sàng Kế Bào đã nghỉ việc để phản đối bị cúp phạt lương. Năm 1917, công nhân mỏ than Phấn Mễ và Na Lương tham gia khởi nghĩa do Đội Cấn lãnh đạo. Năm 1918, 700 công nhân mỏ than Hà Tu đốt nhà tên Bang Sâm hống hách, thường hay doạ nạt, đánh đập công nhân.

Phong trào công nhân Việt Nam trước và trong thời kì Chiến tranh thế giới thứ nhất là sự tiếp nối của phong trào công nhân từ đầu thế kỉ XX. Tuy còn hoàn toàn mang tính chất tự phát, song đây là phong trào đấu tranh của một lực lượng xã hội mới, đang trưởng thành nhanh chóng ở Việt Nam.

Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, công nhân Việt Nam bắt đầu tiếp nhận chủ nghĩa Mác – Lênin và chuyển dần sang đấu tranh tự giác.

? *Tại sao ngay từ khi ra đời, công nhân Việt Nam đã đấu tranh chống lại tư bản Pháp ?*

2. Hoạt động của Nguyễn Tất Thành từ năm 1911 đến năm 1918

Nguyễn Tất Thành, hồi nhỏ tên là Nguyễn Sinh Cung, năm 1901 đổi là Nguyễn Tất Thành, sinh ra trong một gia đình trí thức yêu nước và lớn lên ở một quê hương giàu truyền thống yêu nước và cách mạng.

Từ rất sớm, Nguyễn Tất Thành đã có chí "đuổi thực dân Pháp, giải phóng đồng bào"[2]. Người rất khâm phục tinh thần yêu nước của Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh

(1) *Một số vấn đề về lịch sử giai cấp công nhân Việt Nam*, NXB Lao động, H., 1974, tr. 202.

(2) Trần Dân Tiên, *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, NXB Chính trị Quốc gia, H., 1994, tr. 12.

timdapan.com

và các nhà yêu nước khác ở đầu thế kỉ XX, nhưng không đi theo con đường của họ vì Người đã nhìn thấy sự bế tắc của các con đường cứu nước đó.

Năm 1906, Nguyễn Tất Thành theo cha vào Huế. Trong thời gian học ở trường Tiểu học Pháp – Việt và trường Quốc học Huế, được tiếp xúc với nền văn minh Pháp, với những khẩu hiệu "Tự do, Bình đẳng, Bác ái", Người rất muốn sang Pháp tìm hiểu xem những gì ẩn náu đằng sau những từ ấy.

Sau khi tham gia cuộc biểu tình chống thuế của nông dân Thừa Thiên – Huế (5 – 1908), Nguyễn Tất Thành bí mật lên đường vào Nam. Trên đường đi, Người đã dừng chân dạy học ở trường Dục Thanh (Phan Thiết) – trường học do một số nhà nho yêu nước lập ra. Đầu năm 1911, Người vào Sài Gòn tìm cơ hội đi ra nước ngoài để "xem xét họ làm như thế nào"[1], rồi trở về giúp đồng bào, giải phóng dân tộc.

Hình 130. *Bến cảng Nhà Rồng đầu thế kỉ XX*

Ngày 5 – 6 – 1911, trên chiếc tàu buôn Pháp mang tên Đô đốc La-tu-sơ Tơ-rê-vin, Nguyễn Tất Thành rời bến cảng Nhà Rồng (Sài Gòn) ra đi tìm đường cứu nước, với quyết tâm "tôi sẽ làm việc, tôi sẽ làm tất cả việc gì để sống và để đi". Tháng 7 – 1911, Người đến cảng Mác-xây, sau đó qua nhiều nước ở châu Phi, châu Mĩ, châu Âu. Đặc biệt, Người đã dừng chân khảo sát khá lâu ở ba nước đế quốc lớn nhất thời đó là Mĩ, Anh và Pháp.

Với những chuyến đi, những cuộc khảo sát đó, lòng yêu nước ở Nguyễn Tất Thành có những chuyển biến mới. Sự đồng cảm với đồng bào mình đã được nâng lên thành sự đồng cảm với nhân dân lao động, với các dân tộc bị áp bức.

Cũng qua đó, sự nhận biết của Người về diện mạo kẻ thù trở nên sâu sắc hơn, không chỉ đối với thực dân Pháp, mà cả chủ nghĩa thực dân, chủ nghĩa đế quốc

(1) Trần Dân Tiên, *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Sđd, tr. 13.

timdapan.com

nói chung. Trên cơ sở đó, Người rút ra một số kết luận cơ bản : ở đâu bọn đế quốc, thực dân cũng tàn bạo, độc ác ; ở đâu người lao động cũng bị bóc lột, áp bức nặng nề, và "dù màu da có khác nhau, trên đời này chỉ có hai giống người : giống người bóc lột và giống người bị bóc lột. Mà cũng chỉ có một mối tình hữu ái là thật mà thôi : tình hữu ái vô sản"(1).

Đầu tháng 12 –1917, Nguyễn Tất Thành rời Luân Đôn (Thủ đô nước Anh) về Pa-ri (Thủ đô của nước Pháp) hoạt động.

Ở Pháp, Nguyễn Tất Thành hăng hái hoạt động trong phong trào yêu nước của Việt kiều và phong trào đấu tranh của công nhân Pháp. Các phong trào đó đang phát triển mạnh dưới ảnh hưởng của Cách mạng tháng Mười Nga. Người nhanh chóng trở thành nhân vật lãnh đạo chủ chốt của tổ chức Hội người Việt Nam yêu nước ở Pa-ri. Người kết bạn với nhiều nhà hoạt động chính trị, xã hội và văn hoá có uy tín của Pháp.

Những nhận thức và hoạt động của Nguyễn Tất Thành tuy mới bước đầu, nhưng rất đúng hướng, là điều kiện cần thiết để sau Chiến tranh thế giới thứ nhất Người đến với chủ nghĩa Lênin, tìm ra con đường cách mạng đúng đắn cho dân tộc Việt Nam.

? *Dùng bản đồ thế giới, trình bày cuộc hành trình tìm đường cứu nước của Nguyễn Tất Thành.*

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. Những hình thức đấu tranh của công nhân Việt Nam từ đầu đến năm 1918 là gì ?
2. Trong hoàn cảnh nào Nguyễn Tất Thành ra đi tìm đường cứu nước ?
3. Quá trình tìm đường cứu nước của Nguyễn Tất Thành có gì khác với những người đi trước ?

PHẦN ĐỌC THÊM

Bến cảng Nhà Rồng những năm đầu thế kỉ XX

Lúc anh Thành đến Sài Gòn, bến cảng ở đây có ba cầu tàu. Nối với thành phố là chiếc "cầu quay", hằng ngày quy định giờ cho ghe thuyền và người đi bộ qua cầu(2). Trước cảng có ngôi nhà lầu của sở đại lí hàng hải của Pháp. Nhà lầu xây theo kiểu Âu – Á hỗn hợp, trên nóc đắp hai con rồng uốn lượn chầu vào hình mặt trăng, nên thời ấy nhân dân quen gọi là "cảng Nhà Rồng". Sau cảng là cánh đồng sình lầy, thông với

(1) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Tập 1, NXB Chính trị Quốc gia, H., 2000, tr. 266.

(2) Cầu được xây dựng từ năm 1903, đến năm 1906 hoàn thành.

timdapan.com

sông Sài Gòn. Các gia đình nghèo ở sáu tỉnh Nam Kì đang tập trung về cảng tìm việc làm thuê kiếm sống.

Xứ Nam Kì đang chìm ngập trong chính sách mở rộng khai thác tài nguyên của thực dân Pháp. Các tàu biển mang cờ hiệu nước ngoài đậu dày trong cảng. Thuyền buồm vào ra tấp nập. Cảng Nhà Rồng đang mở thêm cầu tàu, dựng thêm kho. Các thứ tài nguyên của Nam Kì đang ùn ùn đổ về cảng để chở ra nước ngoài. Trong thành phố, các hiệu buôn, khách sạn, tiệm nhảy, quán trà, quán cà phê... mọc lên ở nhiều nơi. Khắp các nẻo đường những tấm biển, những tờ quảng cáo hàng của hiệu buôn vẽ hình, kẻ chữ đủ kiểu. Cảnh tượng này khác hẳn với thành phố Huế, thị xã Vinh và các thị trấn ở xứ Trung Kì mà anh Thành đã sống và đi qua.

(Ban nghiên cứu lịch sử Đảng Tỉnh uỷ Nghệ Tĩnh,
Những mẩu chuyện về thời niên thiếu của Bác Hồ,
NXB Sự thật, H., 1985, tr. 70)

Bài 41 SƠ KẾT LỊCH SỬ VIỆT NAM (1858 _ 1918)

1. Nước Việt Nam trước nguy cơ xâm lược của tư bản Pháp

Từ thế kỉ XVIII, chế độ phong kiến Việt Nam đã bước vào giai đoạn khủng hoảng trầm trọng. Những mâu thuẫn xã hội nảy sinh, biểu hiện bằng hàng loạt cuộc khởi nghĩa và chiến tranh nông dân bùng phát trên phạm vi cả nước. Nền kinh tế tiểu nông đang cần được phát triển đã vấp phải trở lực lớn là chế độ chiếm hữu và bóc lột phong kiến lỗi thời.

Yêu cầu lịch sử lúc này là thống nhất đất nước, tạo điều kiện cho nền kinh tế hàng hoá và thị trường dân tộc phát triển, giải phóng sức sản xuất và cải thiện đời sống nhân dân.

Đầu thế kỉ XIX, sau khi đánh bại triều Tây Sơn, các vua triều Nguyễn, từ Gia Long, Minh Mạng, Thiệu Trị, đến Tự Đức đã ra sức củng cố chế độ phong kiến tập quyền. Bằng việc thi hành hàng loạt chính sách hẹp hòi, thậm chí đi ngược lại quyền lợi dân tộc, nhà Nguyễn đã đẩy đất nước vào tình trạng suy yếu, đời sống nhân dân khó khăn, quốc phòng yếu kém, tài chính kiệt quệ.

Trong khi đó, các nước tư bản phương Tây đang ráo riết bành trướng thế lực sang phương Đông.

timdapan.com

Sau một thời gian dài "nhòm ngó" nước ta, tư bản Pháp đã tiếp tục tìm cách thâm nhập vào Việt Nam thông qua hoạt động của các giáo sĩ trong Hội truyền giáo nước ngoài của Pháp. Bằng nhiều thủ đoạn, chúng đã thiết lập được những cơ sở chính trị, xã hội đầu tiên trên đất nước ta, dọn đường cho cuộc chiến tranh xâm lược sắp tới.

? *Vì sao thực dân Pháp âm mưu xâm chiếm nước ta ?*

2. Thực dân Pháp nổ súng xâm lược Việt Nam và cuộc kháng chiến của nhân dân ta

Ngay từ cuối thế kỉ XVIII, tư bản Pháp đã chủ trương can thiệp vào nước ta bằng vũ lực. Lợi dụng các điều khoản của Hiệp ước Vécxai (1787), chúng định đem quân sang Việt Nam một cách hợp pháp. Tuy vậy, những diễn biến về chính trị năm 1789 và điều kiện khó khăn về kinh tế tài chính đã không cho phép tư bản Pháp thực hiện ý đồ đen tối trên.

Đến giữa thế kỉ XIX, khi mâu thuẫn Pháp – Anh đã dịu bớt, thực dân Pháp mới có điều kiện tập trung lực lượng, tổ chức cuộc tấn công đánh chiếm Việt Nam. Ngày 1 – 9 – 1858, Liên quân Pháp – Tây Ban Nha nổ súng đánh vào cửa biển Đà Nẵng, mở màn cuộc chiến tranh xâm lược.

Quân và dân ta chống trả quyết liệt. Tuy vậy, do vua quan triều đình Huế thiếu ý chí quyết tâm, lại không có đường lối chỉ đạo đúng đắn, kịp thời, lực lượng lại chênh lệch có lợi cho kẻ thù..., nên các vùng lãnh thổ Việt Nam lần lượt rơi vào tay Pháp. Cuối cùng triều đình Huế đã buộc phải cắt đất cầu hoà, rồi đi từ nhượng bộ này đến nhượng bộ khác. Hiệp ước ngày 6 – 6 – 1884 (Hiệp ước Patơnốt) đánh dấu sự thất bại hoàn toàn của triều đình phong kiến nước ta trước thế lực xâm lăng là tư bản Pháp, kết thúc giai đoạn tồn tại của Nhà nước phong kiến Việt Nam độc lập.

Trái ngược với thái độ yếu đuối của triều đình Huế, ngay từ đầu nhân dân Việt Nam đã đứng dậy. Họ chiến đấu ngoan cường vì nền độc lập, tự do của Tổ quốc, vì cuộc sống bình yên của quê hương. Cuộc chiến tranh nhân dân diễn ra liên tục, đều khắp, với tinh thần dũng cảm vô song... đã khiến thực dân Pháp phải chịu nhiều tổn thất và phải mất 26 năm để tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược một nước Việt Nam nhỏ bé. Sau đó, chúng lại phải mất thêm 11 năm nữa để tiến hành cuộc bình định quân sự, mãi đến cuối thế kỉ XIX mới tạm thời ổn định được nền thống trị trên toàn cõi Việt Nam.

Từ giữa năm 1885, sau khi nhà Nguyễn đầu hàng hoàn toàn, một phong trào yêu nước mới dưới khẩu hiệu "Cần vương" đã được phát động. Thực chất đây là phong

timdapan.com

trào chống xâm lược của nhân dân ta với mục tiêu giải phóng dân tộc dưới ngọn cờ lãnh đạo của các sĩ phu, văn thân yêu nước, theo hệ tư tưởng phong kiến.

Phong trào Cần vương nổ ra đồng thời với phong trào đấu tranh tự vệ ở các địa phương, tiêu biểu nhất là cuộc khởi nghĩa của nông dân Yên Thế, là biểu hiện cụ thể, sinh động về tinh thần quật khởi của nhân dân ta. Mặc dù thất bại do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan khác nhau, trong đó chủ yếu là do thiếu một lực lượng xã hội tiên tiến, có đủ năng lực lãnh đạo, phong trào yêu nước cuối thế kỉ XIX đã đánh một mốc son trong trang sử chống ngoại xâm của dân tộc ta và để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý báu.

Thái độ của nhân dân ta và triều đình Huế trước cuộc xâm lược của thực dân Pháp như thế nào ?

3. Những biến đổi trong đời sống kinh tế – xã hội Việt Nam đầu thế kỉ XX

Từ năm 1897, sau khi đàn áp xong cuộc khởi nghĩa cuối cùng trong phong trào Cần vương là khởi nghĩa Hương Khê và tiến hành giảng hoà với Hoàng Hoa Thám ở Yên Thế, thực dân Pháp bắt tay vào công cuộc khai thác bóc lột quy mô, có hệ thống trên toàn cõi Đông Dương.

Việt Nam dần dần trở thành một nước thuộc địa nửa phong kiến, bị biến thành nơi cung cấp sức người, sức của rẻ mạt cho tư bản Pháp.

Để đảm bảo lợi nhuận tối đa, thực dân Pháp đã tăng thuế cũ, đặt thêm nhiều thứ thuế mới. Chúng cố tình kìm hãm sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam, cột chặt kinh tế nước ta vào nền kinh tế chính quốc.

Tuy nhiên, công cuộc khai thác của thực dân Pháp đã làm nảy sinh những nhân tố mới, ngoài ý muốn của chúng. Ở Việt Nam, đầu thế kỉ XX, đã xuất hiện thành phần kinh tế tư bản chủ nghĩa. Thành thị mọc lên. Nhiều cơ sở công nghiệp ra đời. Cơ cấu xã hội biến động. Một số giai tầng mới xuất hiện ở cả thành thị và nông thôn. Giai cấp công nhân Việt Nam ra đời nhưng còn trong giai đoạn tự phát. Tư sản và tiểu tư sản thành thị xuất hiện cùng với sự nảy sinh các nhân tố mới, song vẫn chưa trở thành giai cấp thực thụ. Mặc dù vậy, các tầng lớp xã hội này, cùng với bộ phận sĩ phu đang trên con đường tư sản hoá, đã đóng một vai trò khá quan trọng trong việc tiếp thu những luồng tư tưởng cách mạng mới, để dấy lên một cuộc vận động yêu nước tiến bộ, mang màu sắc dân chủ tư sản ở nước ta đầu thế kỉ XX.

Những biến đổi lớn trong xã hội Việt Nam đầu thế kỉ XX là gì ?

timdapan.com

4. Phong trào yêu nước và cách mạng

Cuối thế kỉ XIX, ngọn cờ phong kiến đã tỏ ra lỗi thời. Giữa lúc đó, một trào lưu tư tưởng cách mạng bắt đầu thâm nhập mạnh mẽ vào Việt Nam. Đang trong lúc bế tắc, các sĩ phu yêu nước Việt Nam thời đó đã hồ hởi đón nhận những ảnh hưởng của trào lưu tư tưởng dân chủ tư sản (cho dù đã trở nên lạc hậu ở phương Tây, nhưng vẫn là mới mẻ và tiến bộ đối với phương Đông). Họ cổ suý cho "văn minh tân học" và mở cuộc vận động đổi mới trên nhiều lĩnh vực : kinh tế, chính trị, tư tưởng, văn hoá.

Tuy nhiên, do tầm nhìn hạn chế và có những trở lực không thể vượt qua, cuối cùng, cuộc vận động yêu nước của các sĩ phu đầu thế kỉ XX đã bị thất bại. Những cố gắng đáng khâm phục của họ rốt cuộc cũng mới chỉ tạo ra được một cuộc vận động theo khuynh hướng dân chủ tư sản chứ chưa có khả năng làm bùng nổ một cuộc *cách mạng tổ sản* thực sự ở nước ta.

Bên cạnh cuộc vận động yêu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản với các phong trào như Đông du, Đông Kinh nghĩa thục, Duy tân..., trong thập niên đầu thế kỉ XX vẫn tiếp tục bùng nổ phong trào đấu tranh của nông dân, điển hình là khởi nghĩa Yên Thế và các cuộc nổi dậy của đồng bào dân tộc thiểu số.

Đầu thế kỉ XX, phong trào yêu nước chống Pháp tiếp tục rơi vào tình trạng khủng hoảng về đường lối và giai cấp lãnh đạo. Nhiều cuộc đấu tranh, nhất là các cuộc đấu tranh của nông dân và binh lính, bị mất phương hướng, bị đàn áp đẫm máu và thất bại nhanh chóng.

Chính trong bối cảnh lịch sử đó, Nguyễn Tất Thành đã ra đi tìm con đường cứu nước mới cho dân tộc. Những hoạt động của Người trong thời kì này là cơ sở quan trọng để Người xác định con đường cứu nước đúng đắn cho dân tộc Việt Nam.

? *Phong trào yêu nước, cách mạng của nhân dân Việt Nam đầu thế kỉ XX diễn ra như thế nào ?*

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. Từ sự thất bại của các phong trào yêu nước (cuối thế kỉ XIX _ đầu thế kỉ XX) có thể rút ra những bài học gì ?
2. Lập bảng hệ thống các sự kiện tiêu biểu của phong trào yêu nước giải phóng dân tộc từ giữa thế kỉ XIX đến hết Chiến tranh thế giới thứ nhất.
3. Sưu tầm tư liệu lịch sử địa phương về phong trào yêu nước chống Pháp cuối thế kỉ XIX _ đầu thế kỉ XX.

timdapan.com

MỤC LỤC

Phần một
LỊCH SỬ THẾ GIỚI CẬN ĐẠI

Chương I. CÁC CUỘC CÁCH MẠNG TƯ SẢN (TỪ GIỮA THẾ KỈ XVI ĐẾN CUỐI THẾ KỈ XVIII)

Bài 1. Cách mạng Hà Lan giữa thế kỉ XVI 4
Bài 2. Cuộc Cách mạng tư sản Anh giữa thế kỉ XVII 9
Bài 3. Chiến tranh giành độc lập của các thuộc địa Anh ở Bắc Mĩ nửa sau thế kỉ XVIII 15
Bài 4. Cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỉ XVIII 21

Chương II. CÁC NƯỚC ÂU – MĨ (ĐẦU THẾ KỈ XIX – ĐẦU THẾ KỈ XX)

Bài 5. Châu Âu từ chiến tranh Na-pô-lê-ông đến Hội nghị Viên 32
Bài 6. Cách mạng công nghiệp (Nửa sau thế kỉ XVIII – giữa thế kỉ XIX) 37
Bài 7. Hoàn thành cách mạng tư sản ở châu Âu và Mĩ (giữa thế kỉ XIX) 43
Bài 8. Các nước tư bản chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa 52
Bài 9. Các nước tư bản chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa (Tiếp theo) 58

Chương III. PHONG TRÀO CÔNG NHÂN (TỪ ĐẦU THẾ KỈ XIX ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ XX)

Bài 10. Phong trào đấu tranh của công nhân nửa đầu thế kỉ XIX 66
Bài 11. Sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học – Quốc tế thứ nhất 71
Bài 12. Công xã Pa-ri (1871) 76
Bài 13. Phong trào công nhân quốc tế (Cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX). 80
Bài 14. V.I. Lê-nin và phong trào công nhân Nga đầu thế kỉ XX – Cách mạng Nga 1905 – 1907 84

Chương IV. CÁC NƯỚC CHÂU Á (TỪ GIỮA THẾ KỈ XIX ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ XX)

Bài 15. Nhật Bản 88
Bài 16. Ấn Độ 94
Bài 17. Trung Quốc 100
Bài 18. Các nước Đông Nam Á (Cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX) 108

timdapan.com

Chương V. CÁC NƯỚC CHÂU PHI, MĨ LATINH THỜI CẬN ĐẠI

Bài 19. Châu Phi 117

Bài 20. Khu vực Mĩ Latinh 121

Chương VI. CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT (1914 – 1918)

Bài 21. Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 – 1918) 125

Bài đọc thêm. Những thành tựu văn hoá thời cận đại. 132

Bài 22. Ôn tập lịch sử thế giới cận đại 138

Phần hai
LỊCH SỬ THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI
(PHẦN TỪ NĂM 1917 ĐẾN NĂM 1945)

Chương VII. CÁCH MẠNG THÁNG MƯỜI NGA NĂM 1917
VÀ CÔNG CUỘC XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở LIÊN XÔ (1921 – 1941)

Bài 23. Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917
và cuộc đấu tranh bảo vệ cách mạng (1917 – 1921) 142

Bài 24. Liên Xô xây dựng chủ nghĩa xã hội (1921 – 1941) 151

Chương VIII. CÁC NƯỚC TƯ BẢN CHỦ NGHĨA
GIỮA HAI CUỘC CHIẾN TRANH THẾ GIỚI (1918 – 1939)

Bài 25. Khái quát về các nước tư bản chủ nghĩa
giữa hai cuộc chiến tranh thế giới (1918 – 1939) 160

Bài 26. Nước Đức giữa hai cuộc chiến tranh thế giới (1918 – 1939) 166

Bài 27. Nước Mĩ giữa hai cuộc chiến tranh thế giới (1918 – 1939) 173

Bài 28. Nhật Bản giữa hai cuộc chiến tranh thế giới (1918 – 1939) 179

Chương IX. CÁC NƯỚC CHÂU Á GIỮA HAI CUỘC CHIẾN TRANH THẾ GIỚI (1918 – 1939)

Bài 29. Phong trào cách mạng ở Trung Quốc và Ấn Độ (1918 – 1939) 184

Bài 30. Các nước Đông Nam Á giữa hai cuộc chiến tranh thế giới (1918 – 1939) 189

Chương X. CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI (1939 – 1945)

Bài 31. Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 – 1945) 197

Bài 32. Ôn tập lịch sử thế giới hiện đại (Phần từ năm 1917 đến năm 1945) 214

timdapan.com

Phần ba
LỊCH SỬ VIỆT NAM (1858 – 1918)

Chương I. VIỆT NAM TỪ NĂM 1858 ĐẾN CUỐI THẾ KỈ XIX

Bài 33. Việt Nam trước nguy cơ bị Pháp xâm lược 218

Bài 34. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1858 – 1884) 222

Bài 35. Trào lưu cải cách, duy tân ở Việt Nam trong những năm cuối thế kỉ XIX 240

Bài 36. Phong trào chống Pháp của nhân dân Việt Nam trong những năm cuối thế kỉ XIX 244

Chương II. VIỆT NAM TỪ ĐẦU THẾ KỈ XX ĐẾN HẾT CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT

Bài 37. Sự chuyển biến về kinh tế, xã hội và tư tưởng ở Việt Nam đầu thế kỉ XX 263

Bài 38. Phong trào yêu nước và cách mạng ở Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914) 267

Bài 39. Việt Nam trong những năm Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 – 1918) 277

Bài 40. Sự khởi đầu của một khuynh hướng cứu nước mới trong phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam 285

Bài 41. Sơ kết lịch sử Việt Nam (1858 – 1918) 289

timdapan.com